

KHOA LUẬT ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
QUYỀN CON NGƯỜI – QUYỀN CÔNG DÂN (CRIGHTS)

BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY
QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KHU VỰC ASEAN

(Sách tham khảo)

BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KHU VỰC ASEAN

Bản quyền © 2011 Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của cơ quan giữ bản quyền.

Thiết kế bìa: Lê Huy Trọng
Biên tập viên Alpha Books: Nguyễn Minh Triển

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2012

Chủ biên:

NGUYỄN ĐĂNG DUNG – PHẠM HỒNG THÁI

Biên soạn:NGÔ MINH HƯƠNG – LÃ KHÁNH TÙNG – VŨ CÔNG GIAO

Cuốn sách này được xuất bản trong khuôn khổ Chương trình Quản trị Nhà nước và Cải cách hành chính - trụ cột Quản trị Nhà nước, hợp phần 3 - hợp tác giữa Việt Nam và Đan Mạch giai đoạn 2007 – 2011.

This book is developed in the Good Governance and Public Administration Reform Programme - Governance Pillar, component 3 – between Vietnam and Denmark 2007 – 2011.

LỜI GIỚI THIỆU

Ở Đông Nam Á, việc Hiến chương ASEAN được thông qua vào năm 2007 đã đánh dấu một bước tiến mới không chỉ trong tiến trình hội nhập mà còn trong việc bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền của các quốc gia trong khu vực. Tiếp theo Hiến chương, các quốc gia trong khu vực đã nhất trí thành lập Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (2009) và đang xây dựng một văn kiện chung về nhân quyền của ASEAN.

Tính đến nay, Việt Nam đã gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 16 năm. Hội nhập khu vực ASEAN - một ưu tiên của quốc gia - mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội, trong đó có việc chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp cùng với các nước trong khu vực để thúc đẩy, bảo vệ các quyền con người. Để góp phần vào việc đó, trong khuôn khổ Chương trình Quản trị Nhà nước và cải cách hành chính Việt Nam - Đan Mạch (2007 - 2011), Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, cụ thể là Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người - Quyền công dân trực thuộc Khoa tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách *Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong khu vực ASEAN*.

Trong cuốn sách này, nhóm tác giả giới thiệu và phân tích khái quát thực tiễn nhân quyền tại các quốc gia trong khu vực, sự hình thành những chuẩn mực, các cơ chế khu vực bảo vệ và

thúc đẩy nhân quyền, cũng như vai trò của các chủ thể khác nhau ở ASEAN (nhà nước, tổ chức phi chính phủ, cơ sở giáo dục, nghiên cứu...) trong việc bảo vệ nhân quyền. Ngoài ra, để tiện cho việc theo dõi của bạn đọc, cuốn sách có kèm theo phần Phụ lục với một số văn kiện liên quan.

Do giới hạn về nguồn lực và thời gian, cuốn sách chắc chắn vẫn còn những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để tiếp tục chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Xin trân trọng giới thiệu và hy vọng cuốn sách sẽ hữu ích cho nhiều nhóm bạn đọc.

Hà Nội, tháng 11 năm 2011

KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

QUYỀN CON NGƯỜI – QUYỀN CÔNG DÂN

MỘT SỐ CHỮ VIẾT TẮT TRONG SÁCH

UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (<i>United Nations Development Programme</i>)
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (<i>The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization</i>)
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (<i>United Nations Children's Fund</i>)
UNIFEM	Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc (<i>United Nations Development Fund for Women</i>)
ECOSOC	Hội đồng kinh tế - xã hội Liên Hợp Quốc (Economic and Social Council)
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế (<i>International Labour Organization</i>)
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới (<i>World Health Organization</i>)
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (<i>The Association of Southeast Asian Nations</i>)
UNHCR	Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tỵ nạn (<i>Office of the United Nations High Commissioner for Refugees</i>)

OHCHR	Văn phòng Cao Ủy Liên Hợp Quốc về nhân quyền (<i>Office of the High Commissioner for Human Rights</i>)
UPR	Cơ chế đánh giá nhân quyền định kỳ toàn thể (<i>Universal Periodic Review</i>)
UDHR	Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người, 1948 (<i>Universal Declaration of Human Rights</i>)
ICCPR	Công ước Quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (<i>International Covenant on Civil and Political Rights</i>)
ICESCR	Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (<i>International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights</i>)
CRC	Công ước về quyền trẻ em (<i>Convention on the Rights of the Child</i>)
CEDAW	Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (<i>Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women</i>)
ICERD	Công ước Quốc tế về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử về chủng tộc (<i>International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination</i>)
ICRMW	Công ước Quốc tế về bảo vệ các quyền của tất cả người lao động di trú và các thành viên trong gia đình họ (<i>International Convention on the Protection of the Rights of All Migrant Workers and Members of Their Families</i>)

CAT	Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục khác, 1984 (<i>Convention against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment</i>)
ICPPED	Công ước Quốc tế về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị đưa đi mất tích, 2006 (<i>International Convention for the Protection of All Persons from Enforced Disappearance</i>)
ICRPD	Công ước về quyền của những người khuyết tật, 2006 (<i>Convention on the Rights of Persons with Disabilities</i>)

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
MỘT SỐ CHỮ VIẾT TẮT TRONG SÁCH.....	7
Phần I. KHÁI QUÁT VỀ ASEAN.....	17
1.1. Khái quát về địa lý và dân cư khu vực Đông Nam Á.....	17
1.2. Lịch sử ra đời và phát triển của ASEAN	19
1.3. Cơ cấu tổ chức.....	24
1.4. Nội dung chính của Hiến chương ASEAN.....	30
1.5. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN.....	32
1.6. Tiến trình gia nhập và đóng góp của Việt Nam với ASEAN	39
Phần II. BỐI CẢNH VÀ CƠ CHẾ NHÂN QUYỀN KHU VỰC ASEAN.....	47
2.1. Khái quát chung.....	47
2.1.1. Một số vấn đề nhân quyền nổi bật trong khu vực.....	47
2.1.2. Việc tham gia điều ước quốc tế về nhân quyền của các quốc gia	48

2.2. Bối cảnh chính trị, xã hội tại các quốc gia ASEAN có tác động đến nhân quyền	51
2.2.1. Brunei.....	59
2.2.2. Campuchia.....	59
2.2.3. Indonesia	61
2.2.4. Lào	62
2.2.5. Malaysia	62
2.2.6. Myanmar	64
2.2.7. Philippin	65
2.2.8. Singapore.....	67
2.2.9. Thái Lan.....	68
2.3. Hợp tác nhân quyền của ASEAN	70
2.3.1. Quá trình hợp tác nhân quyền từ khi thành lập đến trước khi thông qua Hiến chương ASEAN	70
2.3.2. Quá trình hợp tác nhân quyền từ khi thông qua Hiến chương ASEAN	81
2.3.3. Các cơ quan chính về bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền ở khu vực ASEAN	85
2.3.4. Sự cần thiết, ý nghĩa của việc xây dựng một cơ chế và văn kiện chung về nhân quyền của ASEAN	94
2.3.5. Những thách thức trước mắt đối với các cơ quan bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền của ASEAN	97
2.4. Cơ quan quốc gia về nhân quyền ở một số nước ASEAN.....	99

2.4.1. Khái quát về các cơ quan nhân quyền quốc gia hiện hành ở ASEAN.....	99
2.4.2. So sánh các cơ quan nhân quyền quốc gia hiện hành ở ASEAN.....	106
2.4.3. Hợp tác giữa các Cơ quan nhân quyền quốc gia ở ASEAN.....	108
Phần III. HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG KHU VỰC ASEAN	
3.1. Khái quát	110
3.2. Một số tổ chức, mạng lưới xã hội dân sự hoạt động thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong phạm vi một số nước ASEAN	113
3.2.1. Campuchia	113
3.2.2. Indonesia	117
3.2.3. Malaysia	122
3.2.4. Myanmar	125
3.2.5. Philippin	128
3.2.6. Thái Lan.....	138
3.3. Một số tổ chức, mạng lưới xã hội dân sự hoạt động thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong phạm vi khu vực (tổ chức khu vực) ở ASEAN.....	142

3.3.1. Diễn đàn nhân dân ASEAN (APF)	143
3.3.2. Diễn đàn châu Á về Quyền con người và Phát triển (FORUM - ASIA)	144
3.3.3. Nhóm công tác vì một cơ chế nhân quyền ASEAN (Working Group).....	145
3.3.4. Trung tâm Thông tin Nhân quyền ASEAN (HRRC).....	147
3.3.5. Mạng lưới Tự do báo chí Đông Nam Á (SEAPA)....	149
3.3.6. Mạng lưới NGOs về Cơ quan nhân quyền quốc gia (ANNI)	150
3.3.7. Nhóm công tác đoàn kết nhân dân châu Á vì nhân quyền ASEAN (SAPA - TFAHR).....	151
3.3.8. Mạng lưới ASEAN vì Miến Điện (ALTSEAN - Burma)	152
Phần IV. GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KHU VỰC ASEAN	153
4.1. Khái quát	153
4.2. Hoạt động giáo dục nhân quyền ở một số nước ASEAN	155
4.2.1. Indonesia	155
4.2.2. Philippin	156
4.2.3. Thái Lan	158

4.2.4. Việt Nam	159
4.3. Các hoạt động phối hợp về giáo dục quyền con người trong khu vực.....	161
4.4. Nghiên cứu nhân quyền trong khu vực ASEAN.....	162
4.4.1. Hoạt động nghiên cứu nhân quyền ở một số nước trong khu vực.....	163
4.4.2. Hợp tác nghiên cứu nhân quyền trong khu vực.....	171
Phần V. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN	174
5.1. Hợp tác liên chính phủ.....	174
5.1.1. Khái quát	174
5.1.2. Một số hoạt động hợp tác liên chính phủ về nhân quyền của Việt Nam trong khuôn khổ ASEAN	175
5.2. Hợp tác giữa các tổ chức xã hội dân sự và giới học thuật.....	179
Phụ lục I. MỘT SỐ VĂN KIẾN NHÂN QUYỀN CỦA KHU VỰC ASEAN	181
HIẾN CHƯƠNG CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	182
Phụ lục 1. CÁC CƠ QUAN THEO LĨNH VỰC CẤP BỘ TRƯỞNG ASEAN.....	214

Phụ lục 2. CÁC THỂ CHẾ LIÊN KẾT VỚI ASEAN.....	219
Phụ lục 3. LÁ CỜ CỦA ASEAN.....	224
Phụ lục 4. BIỂU TƯỢNG ASEAN.....	226
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ ASEAN VỀ NHÂN QUYỀN.....	228
TUYÊN BỐ CHA - AM HUA HIN VỀ ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ ASEAN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI.....	239
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ASEAN VỀ THỨC ĐẨY VÀ BẢO VỆ CÁC QUYỀN CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM (ACWC).....	241
TUYÊN BỐ ASEAN VỀ BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI TRÚ (ACWC) (2007).....	254
TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP ỦY BAN ASEAN THỰC HIỆN TUYÊN BỐ ASEAN VỀ BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI TRÚ (ACWC).....	259
TUYÊN BỐ CỦA HỘI NGHỊ CẤP CAO ASEAN LẦN THỨ 17: “HƯỚNG TỚI CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ TÂM NHÌN TỚI HÀNH ĐỘNG”.....	263
TUYÊN BỐ BANGKOK 1993.....	289
Phụ lục II. HIẾN PHÁP VÀ ĐẠO LUẬT QUAN TRỌNG VỀ NHÂN QUYỀN CỦA MỘT SỐ NƯỚC ASEAN.....	297
HIẾN PHÁP CỘNG HÒA INDONESIA, 1945.....	298
HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ PHILIPPINES, 1987.....	304
HIẾN PHÁP THÁI LAN, 2007.....	316
LUẬT VỀ ỦY BAN NHÂN QUYỀN MALAYSIA, 1999.....	319
HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM NĂM 1992.....	333
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	348

Phần I

KHÁI QUÁT VỀ ASEAN

1.1. Khái quát về địa lý và dân cư khu vực Đông Nam Á

Về địa lý, Đông Nam Á bao gồm hai bộ phận: bán đảo Trung - Ấn và quần đảo Mã Lai. Diện tích của khu vực Đông Nam Á khoảng 4,5 triệu ki-lô-mét vuông, phạm vi lãnh thổ bao gồm cả biển và đất liền.¹ Khu vực này nằm trên ngã tư thông thương quốc tế nên rất thuận lợi cho việc giao lưu toàn cầu. Chính nhờ nằm ở vị trí đặc địa, khiến nó chịu ảnh hưởng bởi nhiều luồng văn hóa, tôn giáo và hệ tư tưởng, đồng thời cũng tạo ra một tập hợp dân cư với thành phần chủng tộc, sắc tộc khá phức tạp.

Vào năm 1962, ở Đông Nam Á mới chỉ có khoảng 225 triệu người nhưng đến nay đã lên đến khoảng 600 triệu người. Đây là một trong những khu vực đông dân, tốc độ tăng dân số nhanh và mật độ dân số cao nhất thế giới.

Các tôn giáo phổ biến trong khu vực Đông Nam Á là Phật giáo (đại bộ phận dân cư Thái Lan, Myanmar, Lào và Campuchia, một tỷ lệ lớn dân cư Việt Nam...), Hồi giáo (đại bộ

¹ Lương Ninh, Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Tri thức Đông Nam Á*, NXB Chính trị quốc gia, 2008, tr.15.

phần dân cư Indonesia, Brunei và Malaysia, một tỷ lệ lớn dân cư ở các tỉnh miền Nam Thái Lan và một số khu vực ở Philippin...), Thiên Chúa giáo (phổ biến nhất ở Philippin và có chiếm một tỷ lệ khá cao trong dân cư Việt Nam...). Tại mỗi quốc gia, các tôn giáo lớn đều có sự biến đổi nhất định cho thích hợp với văn hóa bản địa. Vì vậy, cùng một tôn giáo song tại các quốc gia khác nhau sẽ có những điểm khác biệt về giáo lý cũng như việc tu tập, thực hành và mức độ linh hoạt hay nghiêm ngặt trong yêu cầu đối với các tín đồ.

Bảng 1. Dân số và diện tích các nước trong khu vực 2

Stt	Quốc gia	Dân số (triệu người) (2010)	Diện tích (km ²)	Thủ đô
1	Brunei	0,395	5.765	Bandar Seri Begawan
2	Campuchia	14,4	181.035	Phnom Penh
3	Indonesia	237,5	1.910.931	Jakarta
4	Lào	6,4	236.800	Vientiane
5	Malaysia	27,5	329.847	Kuala Lumpur
6	Myanmar	54	676.578	Nay Pyi Taw
7	Philippin	94	298.170	Manila
8	Singapore	5	712	
9	Thái Lan	64	513.120	Bangkok
10	Việt Nam	86	331.688	Hà Nội

² Tổng hợp theo ASEAN Human Rights Resource Centre, *Rule of Law for Human Rights in the Asean Region: A Base-line Study*, 2011.

1.2. Lịch sử ra đời và phát triển của ASEAN ³

ASEAN là tên viết tắt của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (*Association of Southeast Asia Nations*). Đây là một liên minh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các quốc gia trong khu vực Đông Nam châu Á.

Tiền thân của ASEAN là một tổ chức có tên gọi Hiệp hội Đông Nam Á (gọi tắt là ASA) - một liên minh gồm Philippin, Malaysia và Thái Lan được ra đời năm 1961. Từ nền tảng của khối này, ASEAN được chính thức thành lập vào ngày 8/8/1967, khởi đầu với năm nước thành viên là Indonesia, Malaysia, Philippin, Singapore và Thái Lan. Văn kiện thành lập khối có tên là Tuyên bố ASEAN (được ký ở Bangkok, Thái Lan) nên còn được gọi là Tuyên bố Bangkok). Năm vị Bộ trưởng Ngoại giao - Adam Malik của Indonesia, Narciso Ramos của Philippin, Abdul Razak của Malaysia, S. Rajaratnam của Singapore, và Thanat Khoman của Thái Lan - được coi là những cá nhân có công đầu trong việc sáng lập ra tổ chức.

Có nhiều động cơ thúc đẩy sự ra đời của ASEAN, trong đó bao gồm mong muốn hợp tác để đối phó với tình trạng bạo động, bất ổn trong khu vực và cả tham vọng kiềm chế lẫn nhau của các nước sáng lập. Theo nhận định của một tác giả, không giống như Liên minh châu Âu (EU), ASEAN được thiết lập nhằm phục vụ chủ nghĩa quốc gia. ⁴

³ Phần này lấy nguồn từ wikipedia và <http://www.aseansec.org/>

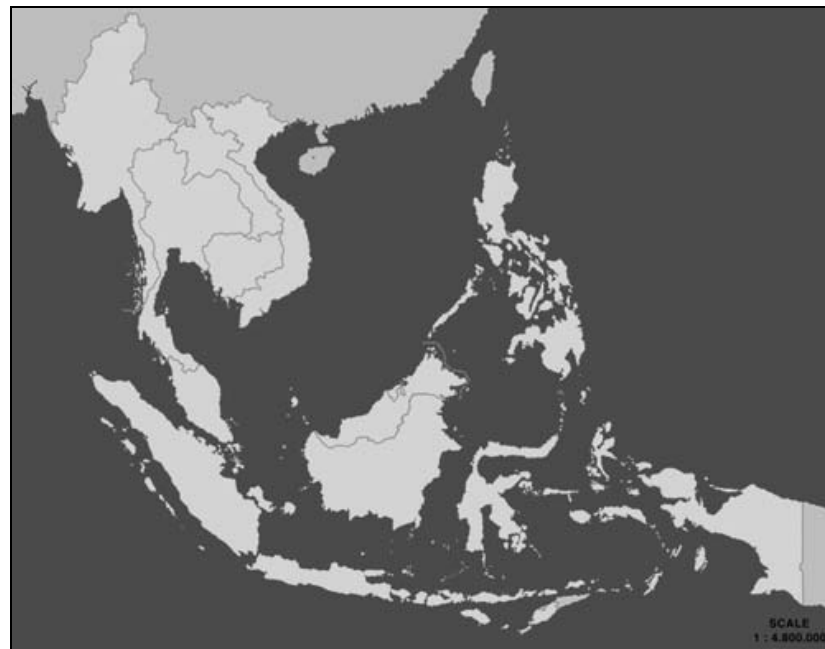
⁴ Muthiah Alagappa (1998), *Asian Security Practice: Material and Ideational Influences*, Stanford University Press (US). ISBN 0-8047-3347-3.

Từ năm quốc gia ban đầu, số lượng thành viên ASEAN tăng dần theo thời gian. Brunei Darussalam trở thành thành viên thứ sáu vào ngày 8/01/1984, chỉ một tuần sau khi giành được độc lập. Ngày 28/7/1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy. Lào và Myanmar gia nhập ASEAN hai năm sau, cùng vào ngày 23/7/1997. Campuchia lẽ ra đã gia nhập ASEAN cùng thời điểm với Lào và Myanmar nhưng bị trì hoãn vì những mâu thuẫn chính trị nội bộ. Mặc dù vậy, nước này sau đó cũng gia nhập khối vào ngày 30/4/1999 sau khi đã ổn định Chính phủ.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, ASEAN gồm 10 quốc gia thành viên, được liệt kê theo thời điểm gia nhập như sau:

1. Nhóm các quốc gia sáng lập (ngày 8/8/1967):
 - Cộng hoà Indonesia
 - Liên bang Malaysia
 - Cộng hoà Philippin
 - Cộng hòa Singapore
 - Vương quốc Thái Lan
2. Nhóm các quốc gia gia nhập sau:
 - Vương quốc Brunei (ngày 8/01/1984)
 - Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (ngày 28/7/1995)
 - Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (ngày 23/7/1997)
 - Liên bang Myanmar (ngày 23/7/1997)
 - Vương quốc Campuchia (ngày 30/4/1999)

Bên cạnh các nước thành viên, ASEAN còn có hai quốc gia với vai trò quan sát viên và ứng cử viên đó là Papua New Guinea (quan sát viên) và Đông Timo (ứng cử viên).



Hình: Bản đồ lãnh thổ các nước ASEAN.⁵

⁵ Nguồn: Trang web của ASEAN (<http://www.aseansec.org/18619.htm>)



Ảnh: Trụ sở Ban thư ký ASEAN tại Jakarta, Indonesia.

Trong thập niên 1990, ASEAN chứng kiến sự gia tăng vượt bậc về số lượng thành viên đồng thời cho thấy một khuynh hướng rất mạnh về hội nhập khu vực. Điều này thể hiện ở việc năm 1990, Malaysia đề nghị thành lập một Diễn đàn Kinh tế Đông Á, bao gồm các thành viên ASEAN và Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Nhật Bản và Hàn Quốc, với mục tiêu cân bằng sự gia tăng ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) cũng như tại khu vực châu Á nói chung. Mặc dù đề xuất này thất bại vì gặp phải sự phản đối mạnh mẽ của Nhật Bản và Hoa Kỳ, nhưng các quốc gia thành viên ASEAN vẫn tiếp tục nỗ lực để hội nhập khu vực sâu hơn. Năm 1992, kế hoạch Biểu thuế ưu đãi chung (CEPT) được ký kết, xác định một thời gian biểu cho việc từng bước huỷ bỏ những khoản thuế xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên nhằm tăng cường

lợi thế cạnh tranh của khu vực trên thị trường thế giới, từ đó hướng tới việc thành lập Khu vực Tự do Thương mại ASEAN. Sau cuộc Khủng hoảng tài chính Đông Á năm 1997, đề nghị của Malaysia lại được đưa ra tại Chiang Mai (gọi là Sáng kiến Chiang Mai) kêu gọi sự hội nhập tốt hơn nữa giữa những nền kinh tế của các nước ASEAN và ba nước phát triển ở Đông Á là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (gọi là ASEAN +3). Sau đó, ASEAN đưa ra sáng kiến tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á với phạm vi hội nhập rộng lớn hơn, bao gồm tất cả các nước trong ASEAN Cộng Ba với Ấn Độ, Australia và New Zealand. Nhóm mới này hoạt động như một tiền đề cho ý tưởng thành lập một Cộng đồng Đông Á theo mô hình của Cộng đồng châu Âu. Mục tiêu gần của ASEAN là kết thúc việc ký kết thoả thuận tự do thương mại của khối với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và New Zealand vào năm 2013, cùng với việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015.

Bên cạnh việc hợp tác, hội nhập về kinh tế, các quốc gia ASEAN cũng có những hoạt động hợp tác nhằm vào việc giữ gìn hoà bình, ổn định và một số vấn đề khác của khu vực. Điển hình là việc ngày 15/12/1995, Hiệp ước Đông Nam Á Không Vũ khí Hạt nhân đã được ký kết, với mục tiêu biến Đông Nam Á trở thành Vùng Không Vũ khí Hạt nhân. Hiệp ước này có hiệu lực kể từ ngày 21/6/2001. Năm 2002, các nước ASEAN ký kết Thoả thuận về Ô nhiễm Khói bụi Xuyên biên giới ASEAN với nỗ lực nhằm kiểm soát ô nhiễm khói bụi ở Đông Nam Á. Năm 2005, các nước trong khối thành lập Mạng lưới ASEAN về củng cố đời sống hoang dã. Năm 2007, ASEAN ký Tuyên bố Cebu về An ninh Năng lượng Đông Á với các đối tác Australia, Trung Quốc,

Ấn Độ, Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc, đồng thời ký kết thỏa thuận Đối tác châu Á - Thái Bình Dương về Phát triển Sạch và Khí hậu nhằm đối phó với những hiệu ứng có thể xảy ra từ sự biến đổi khí hậu. Trong lĩnh vực chính trị, các nước ASEAN ký Hiệp ước Bali II năm 2003, trong đó mọi thành viên bày tỏ mong muốn quyền thực thi các quá trình dân chủ để thúc đẩy hoà bình và ổn định trong khu vực. Năm 2006, ASEAN được trao vị thế quan sát viên của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, đổi lại, tổ chức này trao vị thế "đối tác đối thoại" cho Liên Hợp Quốc. Đặc biệt, tháng 11/2007 các thành viên ASEAN đã ký Hiến chương ASEAN, một thỏa thuận mang tính bước ngoặt biến ASEAN thành một thực thể chính thức của luật pháp quốc tế. Trong Hiến chương này, lần đầu tiên các nước trong khối đề cập đến việc thành lập một cơ quan nhân quyền và xây dựng một văn kiện nhân quyền chung của khu vực.

1.3. Cơ cấu tổ chức

Bộ máy hoạt động của ASEAN bao gồm các cơ quan và thiết chế sau:

1. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (*ASEAN Summit*): Đây là cơ quan quyền lực cao nhất của Hiệp hội, trước đây họp chính thức mỗi năm một lần, tuy nhiên, kể từ tháng 12 năm 2008 khi Hiến chương ASEAN bắt đầu có hiệu lực, Hội nghị này được tổ chức hai năm một lần.
2. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (*ASEAN Ministerial Meeting - AMM*): Theo Tuyên bố Bangkok năm 1967, AMM là hội nghị hàng năm của các Bộ trưởng

Ngoại giao ASEAN có trách nhiệm đề ra và phối hợp các hoạt động của ASEAN, có thể họp không chính thức khi cần thiết.

3. Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (*ASEAN Economic Ministers - AEM*): AEM họp chính thức hàng năm và có thể họp không chính thức khi cần thiết. Trong AEM có Hội đồng AFTA được thành lập theo quyết định của Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ tư tại Singapore.
4. Hội nghị Bộ trưởng các ngành: Hội nghị Bộ trưởng của một ngành trong hợp tác kinh tế ASEAN sẽ được tổ chức khi cần thiết để thảo luận sự hợp tác trong ngành cụ thể đó. Hiện có Hội nghị Bộ trưởng Năng lượng, Hội nghị Bộ trưởng Nông nghiệp, Lâm nghiệp. Các Hội nghị Bộ trưởng ngành có trách nhiệm báo cáo lên AEM.
5. Các Hội nghị Bộ trưởng khác: Hội nghị Bộ trưởng của các lĩnh vực hợp tác ASEAN khác như Y tế, Môi trường, Lao động, Phúc lợi xã hội, Giáo dục, Khoa học và Công nghệ, Thông tin, Tư pháp có thể được tổ chức khi cần thiết để điều hành những chương trình hợp tác trong các lĩnh vực này.
6. Hội nghị Liên Bộ trưởng (*Join Ministerial Meeting - JMM*): JMM được tổ chức khi cần thiết để thúc đẩy sự hợp tác giữa các ngành và trao đổi ý kiến về hoạt động của ASEAN. JMM bao gồm các Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Kinh tế ASEAN.
7. Tổng thư ký ASEAN: Tổng thư ký ASEAN được những người đứng đầu Chính phủ ASEAN bổ nhiệm theo khuyến

ng nghị của Hội nghị AMM với nhiệm kỳ ba năm và có thể gia hạn thêm nhưng không quá hai nhiệm kỳ. Tổng thư ký ASEAN có quyền khởi xướng, khuyến nghị và phối hợp các hoạt động của ASEAN, giúp nâng cao hiệu quả các hoạt động và hợp tác của ASEAN. Tổng thư ký ASEAN được tham dự những cuộc họp các cấp của ASEAN, chủ tọa các cuộc họp của ASC thay cho Chủ tịch ASC trừ phiên họp đầu tiên và cuối cùng. Hiện nay, Tổng thư ký là ông Surin Pitsuwan, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan.

8. Ủy ban Thường trực ASEAN (*ASEAN Standing Committee - ASC*): ASC bao gồm Chủ tịch là Bộ trưởng Ngoại giao của nước đăng cai Hội nghị AMM sắp tới, Tổng thư ký ASEAN và Tổng giám đốc của các Ban thư ký ASEAN quốc gia. ASC thực hiện công việc của AMM trong thời gian giữa hai kỳ họp và báo cáo trực tiếp cho AMM.
9. Cuộc họp các quan chức cao cấp (*Senior Officials Meeting - SOM*): SOM chính thức được coi là một bộ phận của cơ cấu trong ASEAN ở Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ ba tại Manila năm 1987. SOM chịu trách nhiệm về hợp tác chính trị ASEAN và họp khi cần thiết; báo cáo trực tiếp cho AMM.
10. Cuộc họp các quan chức kinh tế cao cấp (*Senior Economic Officials Meeting - SEOM*): SEOM cũng đã được thể chế hoá chính thức thành một bộ phận của cơ cấu ASEAN tại Hội nghị Cấp cao Manila 1987. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ tư (1992), năm Ủy ban kinh tế ASEAN đã bị giải tán và SEOM được giao nhiệm vụ theo dõi tất cả

các hoạt động trong hợp tác kinh tế ASEAN. SEOM họp thường kỳ và báo cáo trực tiếp cho AEM.

11. Cuộc họp các quan chức cao cấp khác: Ngoài ra còn có những cuộc họp các quan chức cao cấp về Môi trường, Ma túy... cũng như các Ủy ban chuyên ngành khác của ASEAN như phát triển xã hội, khoa học và công nghệ, các vấn đề công chức, văn hoá và thông tin... Các cuộc họp này báo cáo cho ASC và Hội nghị các Bộ trưởng liên quan.
12. Cuộc họp tư vấn chung (*Joint Consultative Meeting - JCM*): Cơ chế họp JCM bao gồm Tổng thư ký ASEAN, SOM, SEOM, các Tổng giám đốc ASEAN. JCM được triệu tập khi cần thiết dưới sự chủ tọa của Tổng thư ký ASEAN nhằm thúc đẩy sự phối hợp giữa các quan chức liên ngành. Sau đó, Tổng thư ký ASEAN thông báo kết quả trực tiếp cho AMM và AEM.
13. Các cuộc họp của ASEAN với những bên đối thoại: ASEAN có 11 bên đối thoại, bao gồm Australia, Canada, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, UNDP, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ. ASEAN cũng đối thoại theo từng lĩnh vực với Pakistan. Trước khi có cuộc họp với các bên đối thoại, ASEAN tổ chức cuộc họp trù bị để phối hợp có lập trường chung. Cuộc họp này do quan chức cao cấp của nước điều phối (*co - ordinating country*) chủ trì và báo cáo cho ASC.

Ngoài các thiết chế trên, để tổ chức mọi hoạt động của khối còn có những bộ phận sau đây:

1. Ban thư ký ASEAN quốc gia: Mỗi nước thành viên ASEAN đều có Ban thư ký quốc gia đặt trong bộ máy của Bộ Ngoại giao nhằm tổ chức, thực hiện và theo dõi các hoạt động liên quan đến ASEAN của nước mình. Ban thư ký quốc gia do một quan chức cấp Vụ trưởng phụ trách.
2. Ủy ban ASEAN ở các nước thứ ba: Nhằm mục đích tăng cường trao đổi và thúc đẩy mối quan hệ giữa ASEAN với các bên đối thoại và những tổ chức quốc tế, ASEAN thành lập Ủy ban tại các nước đối thoại. Ủy ban này gồm những người đứng đầu cơ quan ngoại giao của các nước ASEAN tại nước sở tại. Hiện có 10 Ủy ban ASEAN tại: Bon (Đức), Brussel (Bi), Canberra (Úc), Geneva (Thụy Sĩ), London (Anh), Ottawa (Canada), Paris (Pháp), Seoul (Hàn Quốc), Washington, D.C., (Hoa Kỳ), Wellington (New Zealand).
3. Ban thư ký ASEAN: Ban thư ký ASEAN được thành lập theo Hiệp định ký tại Hội nghị Cấp cao lần thứ hai ở Bali năm 1976, có chức năng tăng cường phối hợp thực hiện các chính sách, chương trình cũng như hoạt động giữa những bộ phận khác nhau trong ASEAN và phục vụ các hội nghị của ASEAN.

Bảng 2: Các Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN từ trước tới nay

	Thời gian	Nước tổ chức	Địa điểm
1	23-24/2/1976	Indonesia	Bali
2	4-5/8/1977	Malaysia	Kuala Lumpur
3	14-15/12/1987	Philippin	Manila

	Thời gian	Nước tổ chức	Địa điểm
4	27-29/01/1992	Singapore	Singapore
5	14-15/12/1995	Thái Lan	Bangkok
6	15-16/12/1998	Việt Nam	Hà Nội
7	5-6/11/2001	Brunei	Bandar Seri Begawan
8	4-5/11/2002	Campuchia	Phnom Penh
9	7-8/10/2003	Indonesia	Bali
10	29-30/11/2004	Lào	Vientiane
11	12-14/12/2005	Malaysia	Kuala Lumpur
12	11-14/01/2007 ⁶	Philippin ⁷	Cebu
13	18-22/11/2007	Singapore	Singapore
14	27/2-01/3/2009 10-11/4/2009	Thái Lan	Cha Am, Hua Hin Pattaya
15	23/10/2009	Thái Lan	Cha Am, Hua Hin
16	08-09/4/2010	Việt Nam	Hà Nội
17	28-30/10/2010	Việt Nam	Hà Nội
18	19-20/11/2011	Indonesia	Manado

Ngoài các Hội nghị Thượng đỉnh chính thức kể trên, tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ năm ở Bangkok, các lãnh đạo ASEAN đã quyết định gặp gỡ "không chính thức" với nhau trong mỗi

⁶ Hội nghị Thượng đỉnh này gồm hai phần. Phần đầu được dời từ 12 - 17 tháng 12 năm 2008 vì cuộc khủng hoảng chính trị Thái Lan năm 2008. Phần thứ hai bị huỷ bỏ ngày 11 tháng 4 vì những người biểu tình tràn vào nơi tổ chức hội nghị.

⁷ Được Myanmar đăng cai tổ chức song phải rút lại do áp lực mạnh từ phía Hoa Kỳ và EU.

hội nghị chính thức. Kể từ đó đến nay, đã có các Hội nghị Thượng đỉnh không chính thức sau đây được tổ chức:

Bảng 3: Các Hội nghị Thượng đỉnh không chính thức ASEAN

	Thời gian	Nước tổ chức	Địa điểm
1	30/11/1996	Indonesia	Jakarta
2	14 - 16/12/1997	Malaysia	Kuala Lumpur
3	27 - 28/11/1999	Philippin	Manila
4	22 - 25/11/2000	Singapore	Singapore

1.4. Nội dung chính của Hiến chương ASEAN

Hiến chương ASEAN là một văn kiện pháp lý quan trọng nhất của ASEAN, gồm Lời nói đầu và 13 Chương được cụ thể hóa thành 55 Điều, với các nội dung lần lượt là: Mục đích - Nguyên tắc hoạt động; Tư cách pháp nhân; Quy chế thành viên; Cơ cấu tổ chức; Các thể chế liên quan tới ASEAN; Các ưu đãi miễn trừ; Ra quyết định; Giải quyết tranh chấp; Tài chính - Ngân sách; Các vấn đề hành chính, thủ tục; Biểu trưng và Biểu tượng; Quan hệ đối ngoại và Các điều khoản chung.

Một số điểm đáng chú ý trong Hiến chương:

Về Mục đích - Nguyên tắc (Chương I): Khẳng định lại các mục đích và nguyên tắc cơ bản của ASEAN, nhất là mục đích hòa bình, an ninh, ổn định và hợp tác khu vực, cũng như nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; đồng thời bổ sung một số mục đích và nguyên tắc mới cho phù hợp với tình hình, trong đó có những mục tiêu

về liên kết ASEAN, thu hẹp khoảng cách phát triển, hướng về nhân dân và vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực; nguyên tắc về việc các nước không tham gia và không cho phép bất kỳ quốc gia / đối tượng nào được sử dụng lãnh thổ của một nước thành viên để chống lại một nước thành viên khác.

Về tính chất (Chương II): ASEAN là một tổ chức hợp tác khu vực liên chính phủ và có tư cách pháp nhân.

Về cơ cấu tổ chức (Chương IV): Bộ máy chính bao gồm Hội nghị Thượng đỉnh (là cơ quan quyết định chính sách cao nhất, họp hai năm một lần); bốn Hội đồng cấp Bộ trưởng, trong đó ba Hội đồng về từng trụ cột của Cộng đồng ASEAN (Chính trị - An ninh, Kinh tế, Văn hoá - Xã hội) và một Hội đồng Điều phối chung (gồm các Ngoại trưởng); các Hội nghị Bộ trưởng chuyên ngành; Ủy ban các Đại diện Thường trực của các nước tại ASEAN (CPR), thường trú tại Jakarta, Indonesia; Ban thư ký ASEAN và Tổng thư ký ASEAN; Ban thư ký ASEAN Quốc gia. Ngoài ra, ASEAN cũng sẽ lập Cơ quan nhân quyền ASEAN và quy định cơ quan này sẽ phải hoạt động phù hợp với Điều khoản tham chiếu (TOR) do các Ngoại trưởng quyết định sau, trong đó xác định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc của cơ quan này.

Về cách thức ra quyết định (Chương VII): Nguyên tắc chủ đạo là đồng thuận. Khi không đạt đồng thuận, Hội nghị Thượng đỉnh sẽ quyết định về cách thức ra quyết định phù hợp. Về thực thi các quyết định trong lĩnh vực kinh tế, có thể áp dụng công thức linh hoạt ASEAN - X, theo đó cho phép các nước có điều kiện thực hiện việc mở cửa kinh tế - thị trường trước, nhưng phải trên cơ sở có đồng thuận về việc áp dụng phương thức đó.

Giải quyết tranh chấp, bất đồng (Chương VIII): Thực hiện nguyên tắc giải quyết hòa bình, thông qua thương lượng các tranh chấp, bất đồng giữa những nước thành viên và dựa trên các thỏa thuận đã có của ASEAN. Trường hợp bất đồng không giải quyết được hoặc có vi phạm nghiêm trọng Hiến chương, vấn đề sẽ được trình lên Hội nghị Thượng đỉnh quyết định.

Qui định về ký, phê chuẩn, hiệu lực và thực hiện (Chương XIII): Hiến Chương ASEAN sẽ do những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ nhân danh nhà nước các quốc gia thành viên ký. Văn bản này sẽ phải được phê chuẩn và có hiệu lực sau 30 ngày khi tất cả các quốc gia thành viên ASEAN phê chuẩn. Hiến chương sẽ được xem xét, bổ sung, sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tế năm năm một lần.

1.5. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN

Tháng 12/1997, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN và sau khi Hiệp hội đã bao gồm đầy đủ 10 quốc gia Đông Nam Á, lãnh đạo các nước ASEAN đã thông qua văn kiện quan trọng Tầm nhìn ASEAN 2020 với mục tiêu tổng quát là đưa Hiệp hội trở thành “một nhóm hài hoà các dân tộc Đông Nam Á, gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau”. Để triển khai Tầm nhìn 2020, Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ sáu (*Hà Nội, tháng 12/1998*) đã thông qua Chương trình Hành động Hà Nội (HPA) cho giai đoạn 1999 - 2004, trong đó đề ra các biện pháp/ hoạt động cụ thể để thúc đẩy hợp tác ASEAN trên các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội và quan hệ đối ngoại. Do chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997 - 1998 nên hợp tác

ASEAN nói chung và việc thực hiện các dự án trong khuôn khổ HPA nói riêng giai đoạn này chủ yếu tập trung vào khôi phục và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực, cũng như khắc phục những hậu quả về mặt xã hội của cuộc khủng hoảng đối với các nước thành viên.

Tháng 10/2003, lãnh đạo các nước ASEAN đã ký Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II (hay còn gọi là Tuyên bố Bali II), nhất trí đề ra mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 với ba trụ cột chính: Cộng đồng An ninh ASEAN (ASC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC); đồng thời khẳng định ASEAN sẽ tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định và hợp tác cùng có lợi ở khu vực. Để triển khai và kế tục Chương trình Hành động Hà Nội (HPA), ASEAN đã đề ra Chương trình Hành động Vientina (VAP) cho giai đoạn 2004 - 2010 và các Kế hoạch hành động để xây dựng ba trụ cột Cộng đồng về chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội, trong đó có hợp phần quan trọng là thực hiện Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) nhằm giúp thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN với kế hoạch hành động và các dự án cụ thể.

Để kịp thích ứng với những chuyển biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực cũng như trên cơ sở những thành tựu của ASEAN trong 40 năm qua, nhất là kết quả thực hiện Chương trình Hành động Vientina. Tháng 1/2007, lãnh đạo các nước ASEAN đã quyết tâm đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN, nhất trí mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 thay vì năm 2020 như thỏa thuận. Theo đó, ASEAN đã khẩn trương

xúc tiến xây dựng các Kế hoạch tổng thể (*Blueprints*) để xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC), trong đó đề ra mục tiêu và thời hạn hoàn thành đối với từng biện pháp/hoạt động cụ thể. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 13 (tháng 11/2007), lãnh đạo các nước đã ký Hiến chương ASEAN nhằm tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế để gia tăng liên kết khu vực, trước mắt là hỗ trợ mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Hiến chương đã chính thức có hiệu lực từ ngày 15/12/2008.

Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 14 (tháng 2/2009) đã thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN kèm theo ba Kế hoạch tổng thể xây dựng ba trụ cột Cộng đồng ASEAN và Kế hoạch công tác về IAI giai đoạn hai (2008 - 2015), đây là một văn kiện quan trọng như một chương trình hành động tổng thể đề ra khuôn khổ và các bước triển khai cụ thể giúp ASEAN tiếp tục đẩy mạnh nỗ lực thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, kế tục Chương trình Hành động Vientina.

Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng Hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên chính phủ, liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN; nhưng không phải là một tổ chức siêu quốc gia và không khép kín mà vẫn mở rộng hợp tác với bên ngoài. Cộng đồng ASEAN sẽ được hình thành dựa trên ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội. Quan hệ đối ngoại của ASEAN cũng như mục tiêu thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN (nhất là IAI) được lồng ghép vào nội dung của từng trụ cột Cộng đồng ASEAN.

Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) nhằm mục tiêu tạo dựng một môi trường hòa bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á, thông qua việc nâng hợp tác chính trị - an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với sự tham gia và đóng góp xây dựng của các đối tác bên ngoài, nhưng không nhằm tạo ra một khối phòng thủ chung. Kế hoạch hành động xây dựng APSC (được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10, tháng 11/2004) đã khẳng định lại các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội và đề ra sáu lĩnh vực (thành tố) hợp tác chính gồm: (i) Hợp tác chính trị; (ii) Xây dựng và chia sẻ chuẩn mực ứng xử; (iii) Ngăn ngừa xung đột; (iv) Giải quyết xung đột; (v) Kiến tạo hòa bình sau xung đột; và (vi) Cơ chế thực hiện. Kèm theo đó là danh mục 75 hoạt động cụ thể để xây dựng APSC. Tuy nhiên, Kế hoạch hành động về APSC cũng như Chương trình Hành động Vientina không quy định mục tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện đối với các hoạt động thuộc sáu thành tố nói trên. Kế hoạch tổng thể về APSC mà ASEAN đang soạn thảo sẽ tập trung vào khía cạnh này, cụ thể hóa các hoạt động hợp tác về chính trị - an ninh.

Trên cơ sở tiếp nối Kế hoạch hành động về APSC và Chương trình Hành động Vientina (hợp phần ASC) và phù hợp với quyết tâm rút ngắn xây dựng Cộng đồng ASEAN, ASEAN đã thông qua Kế hoạch tổng thể về APSC, nằm trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào 2015 được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 14 (tháng 2/2009). Các nội dung hợp tác trong Kế hoạch tổng thể cơ bản dựa trên các nội dung đã nêu trong Kế hoạch hành động ASC, bổ sung thêm mục hợp tác với bên ngoài và được sắp xếp lại, hướng tới xây dựng Cộng

đồng Chính trị - An ninh với ba đặc trưng chính: Một Cộng đồng hoạt động theo luật lệ với các giá trị, chuẩn mực chung; một Khu vực gắn kết, hoà bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện; một Khu vực năng động, rộng mở với bên ngoài trong một thế giới ngày càng gắn kết và tùy thuộc lẫn nhau.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) nhằm mục tiêu tạo ra một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; từ đó nâng cao tính cạnh tranh và thúc đẩy sự thịnh vượng chung cho cả khu vực; tạo sự hấp dẫn với đầu tư - kinh doanh từ bên ngoài. Trên cơ sở kết quả thực hiện VAP (phần về AEC) nhất là việc đã cơ bản hoàn thành Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), ASEAN đã nhất trí thông qua Kế hoạch tổng thể về AEC với những đặc điểm và nội dung sau:

Đến năm 2015, ASEAN sẽ trở thành : (i) Một thị trường duy nhất và một cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề ; (ii) Một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao; (iii) Một khu vực phát triển kinh tế đồng đều, nhất là thực hiện có hiệu quả Sáng kiến liên kết ASEAN (IAI); (iv) Một khu vực ASEAN hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, ASEAN nhất trí đề ra Cơ chế thực hiện và Lộ trình chiến lược thực hiện Kế hoạch tổng thể. ASEAN cũng nhất trí xác định 12 lĩnh vực ưu tiên đẩy nhanh liên kết với lộ trình hoàn thành đến năm 2010, đó là: Hàng nông sản; ô tô, điện tử; nghề cá; các sản phẩm từ cao su, dệt may, gỗ; vận tải hàng không; thương mại

điện tử ASEAN; chăm sóc sức khỏe; du lịch và Logistics. Để đẩy mạnh các nỗ lực hình thành Cộng đồng Kinh tế (AEC), ASEAN đã thông qua Kế hoạch tổng thể xây dựng trụ cột này, coi đó là một bộ phận trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 14 (tháng 2/2009), với các quy định chi tiết về định nghĩa, quy mô, cơ chế và lộ trình thực hiện AEC.

Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC) với mục tiêu là phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ASEAN, sẽ tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến bình đẳng và công bằng xã hội, bản sắc văn hóa, môi trường, tác động của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ. Chương trình Hành động Vientiane và Kế hoạch hành động về ASCC đã xác định bốn lĩnh vực hợp tác (thành tố) chính, bao gồm : (i) Tạo dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc; (ii) Giải quyết những tác động xã hội của hội nhập kinh tế; (iii) Phát triển môi trường bền vững; (iv) Nâng cao nhận thức và bản sắc ASEAN. Nhiều biện pháp/ hoạt động cụ thể đã được đề ra trong từng lĩnh vực hợp tác này. Theo đó, hợp tác ASEAN đã và đang được đẩy mạnh trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: Văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, môi trường, y tế, phòng chống ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, HIV/AIDS, bệnh dịch... Khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện Kế hoạch hành động về ASCC là thiếu nguồn lực. Đây là vấn đề ASEAN đang phải tập trung xử lý trong thời gian tới. Quá trình xây dựng Kế hoạch tổng thể về ASCC cũng phải tính đến việc huy động nguồn lực.

Tương tự như các trụ cột Cộng đồng Chính trị - An ninh và Kinh tế, Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hóa - xã

hội (ASCC), một bộ phận của Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN đang được ASEAN đẩy mạnh triển khai, tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên như: Phát triển nguồn nhân lực, phúc lợi và bảo trợ xã hội, quyền và công bằng xã hội, đảm bảo môi trường bền vững, xây dựng bản sắc ASEAN... Hội đồng Cộng đồng Văn hóa xã hội sẽ nhóm họp lần đầu tiên trong tháng 8/2009 để điều phối việc triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể này cũng như tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tham gia trụ cột ASCC.

Xem xét các nhân tố tác động đến triển vọng của ASEAN trong 10 - 15 năm tới, có thể dự báo khả năng hiện thực nhất là ASEAN sẽ chuyển hóa dần từ Hiệp hội khá lỏng lẻo thành một tổ chức hợp tác liên chính phủ có mức độ ràng buộc pháp lý cao hơn và liên kết sâu rộng hơn, nhưng sẽ không trở thành một tổ chức siêu quốc gia. Nói cách khác, trong thập kỷ tới, ASEAN có tiềm năng sẽ trở thành một thực thể chính trị - kinh tế gắn kết hơn, một cộng đồng “thống nhất trong đa dạng”, tiếp tục là một tổ chức hợp tác khu vực mở và có vai trò quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương. Ở đây, liên kết ASEAN trong thời gian tới có khả năng sẽ sâu rộng hơn, nhưng mức độ liên kết sẽ không đồng đều trong ba lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội. Điều này chủ yếu là do sự đa dạng khá lớn giữa các nước thành viên, nhất là về khoảng cách phát triển, chế độ chính trị - xã hội cũng như những tính toán chiến lược và lợi ích quốc gia.

1.6. Tiến trình gia nhập và đóng góp của Việt Nam với ASEAN⁸

Năm 1992 đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam. Vào năm đó, sau khi tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Việt Nam trở thành Quan sát viên, tham dự các Hội nghị Bộ trưởng ASEAN (AMM) hàng năm. Trong thời gian này, Việt Nam cũng bắt đầu tham gia các hoạt động của một số Ủy ban hợp tác chuyên ngành ASEAN.

Tháng 7/1994, Việt Nam được mời tham dự cuộc họp đầu tiên của Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) và trở thành một trong những thành viên sáng lập của Diễn đàn này. Ngày 28/7/1995, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 (AMM 28) tại Brunei Darussalam, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và trở thành thành viên thứ bảy của tổ chức. Kể từ đó đến nay, Việt Nam đã nhanh chóng hội nhập, tham gia sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực hợp tác của ASEAN và có những đóng góp tích cực trong việc duy trì đoàn kết nội khối, tăng cường hợp tác giữa những nước thành viên cũng như giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài, góp phần không nhỏ vào sự phát triển và thành công của ASEAN ngày hôm nay.

Đóng góp đầu tiên đáng ghi nhận của Việt Nam trong ASEAN là vai trò tích cực của Việt Nam trong việc thúc đẩy kết nạp các nước Lào, Myanmar và Campuchia vào ASEAN, qua đó hoàn tất ý tưởng về một ASEAN bao gồm toàn bộ 10 quốc gia ở Đông Nam Á, đưa ASEAN trở thành tổ chức đại diện cho toàn khu vực, chấm dứt thời kỳ chia rẽ giữa các nhóm nước, mở ra giai đoạn

⁸ Phần này lấy nguồn từ cổng thông tin điện tử của Chính phủ Việt Nam.

hợp tác hữu nghị cùng phát triển ở khu vực. Sự kiện mang dấu ấn đậm nét của Việt Nam trong ASEAN là việc tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ sáu tại Hà Nội (12/1998) - chỉ ba năm sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của ASEAN và trong bối cảnh khu vực đang trong cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính nghiêm trọng, được các nước thành viên ASEAN và dư luận quốc tế nói chung đánh giá cao. Với việc thông qua Chương trình Hành động Hà Nội, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ sáu đã góp phần quan trọng tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh hợp tác, khôi phục hình ảnh ASEAN, đặc biệt định hướng cho sự phát triển và hợp tác của Hiệp Hội trong những năm kế tiếp để thực hiện Tầm nhìn 2020.

Tiếp theo đó, từ tháng 7/2000 - 7/2001, Việt Nam đã hoàn thành tốt vai trò Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC) khóa 34 và ARF, tổ chức và chủ trì thành công Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 34 (AMM 34), Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ tám (ARF 8), Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và các nước Đông Bắc Á (ASEAN +3), Các Hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao giữa ASEAN với các nước đối thoại (PMC +10) và với từng nước Đối thoại (PMC +1) và Hội nghị sông Hằng - sông Mekong vào cuối tháng 7/2001. Trong năm Việt Nam giữ chức Chủ tịch, ASEAN và ARF đã đạt được những kết quả quan trọng, tiếp tục phát triển đúng hướng, phù hợp với lợi ích của từng nước ASEAN và khu vực. Trong thời gian này, với vai trò chủ trì và điều phối của Việt Nam, ASEAN đã phê chuẩn Nghị định thư thứ hai của Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác, thông qua Quy chế của Hội đồng Tối cao TAC và tổ chức cuộc họp đầu tiên của Hội đồng trong dịp AMM 34.

Cũng trong thời gian này, lần đầu tiên ASEAN đã tiến hành tham khảo trực tiếp với năm cường quốc hạt nhân trong khuôn khổ Hiệp định SEANWFZ. ASEAN cũng đạt nhiều tiến triển trong việc xây dựng Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông với Trung Quốc, tạo tiền đề cho việc ra Tuyên bố về cách ứng xử của các bên liên quan ở Biển Đông sau này.

Trong năm Việt Nam giữ chức Chủ tịch ARF, tiến trình ARF tiếp tục tiến triển với việc thông qua một số tài liệu quan trọng như Tài liệu qui định về chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch ARF, Tài liệu về qui chế đăng ký chuyên gia ARF và Tài liệu về khái niệm, nguyên tắc của ngoại giao phòng ngừa. Các lĩnh vực hợp tác trong ASEAN đã được tăng cường qua việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình Hành động Hà Nội, thông qua Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách phát triển, triển khai Sáng kiến liên kết ASEAN (IAI) nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển, hỗ trợ thành viên mới hội nhập khu vực. Nhiều quyết định quan trọng và thiết thực đối với Hiệp hội cũng đã được triển khai trong thời gian Việt Nam đảm đương chức Chủ tịch như lập đường dây nóng ở các cấp lãnh đạo ASEAN, cải tiến hình thức, lề lối làm việc để ASEAN hoạt động thực chất và hiệu quả hơn. Quan hệ của ASEAN với các nước đối thoại được tăng cường, ASEAN tiếp tục giữ được thế chủ động và vai trò trong các mối quan hệ này và đã thiết lập quan hệ chính thức với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, Phong trào không liên kết, OAU, OAS, ECO, GCC, Nhóm Rio, SAARC... Quan hệ với EU đã có tiến triển đáng kể, hợp tác giữa các nước sông Hằng và sông Mekong đã được khởi động, tiến trình ASEAN +3 đã tiến thêm một bước với việc thành lập Nhóm nghiên cứu Đông Á...

Sau khi tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ sáu và hoàn thành tốt cương vị Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN khóa 34, Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò đã được nâng cao trong ASEAN và trên cơ sở những thành tựu, kinh nghiệm tích lũy được trong vai trò chủ trì, điều phối các hoạt động của ASEAN đã chủ động hơn trong việc tham gia hợp tác ASEAN, hướng hoạt động của ASEAN vào những nội dung hợp tác thiết thực, vừa đảm bảo lợi ích của Việt Nam, vừa thể hiện quan tâm chung của ASEAN và các nước đối thoại. Nhằm duy trì môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực, Việt Nam đã cùng với các nước ASEAN khác ký với Trung Quốc Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (2002). Sau khi ký kết, Việt Nam đã chủ động đưa ra các biện pháp cụ thể để thực hiện Tuyên bố này, theo hướng triển khai hợp tác dần từng bước, trước hết trong những lĩnh vực khả thi, ít nhạy cảm. Các Bộ/ ngành của Việt Nam đã từng bước chủ động và tham gia tích cực, hiệu quả hơn trong tất cả các lĩnh vực hợp tác chuyên ngành của ASEAN, từ hợp tác kinh tế đến khoa học - công nghệ, môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa - thông tin... Việt Nam đã tổ chức thành công một loạt hội nghị quan trọng của ASEAN trong lĩnh vực hợp tác kinh tế - chuyên ngành như Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 33 (Hà Nội, 8/2001) và nhiều hội nghị quan trọng cấp Bộ trưởng hoặc quan chức cao cấp về hợp tác kinh tế ASEAN; Tuần lễ khoa học và công nghệ ASEAN (1998), Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN (1998) và Diễn đàn Môi trường ASEAN (1999), Hội nghị Bộ trưởng Thông tin ASEAN (2000), Cuộc họp Ủy ban Văn hóa - Thông tin ASEAN (2002), Hội nghị Bộ trưởng Lao

động ASEAN (2002, 2004), Tuần văn hóa ASEAN lần II tại Hạ Long (2004), Hội thi tay nghề ASEAN (2004), Hội nghị ASEANAPOL (1999), Hội nghị các quan chức cao cấp về tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC - 2003), Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về chống Tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC - 2005), Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp ASEAN (2008), Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN (2008)... Quốc hội Việt Nam cũng tích cực tham gia các hoạt động của Liên minh Nghị viện ASEAN (AIPA), trước đây là AIPO. Việt Nam đã chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng AIPO lần thứ 23 (AIPO 23) năm 2002 và mới đây nhất là Đại hội đồng AIPA tại Hà Nội tháng 4/2010. Ngoài ra, Việt Nam cũng tham gia vào hàng trăm chương trình, dự án hợp tác trên các lĩnh vực khác nhau trong ASEAN, đồng thời chủ động đề xuất, chủ trì nhiều dự án hợp tác đa phương của khu vực.

Bước sang thế kỷ XXI, khi ASEAN có những bước chuyển mạnh mẽ nhằm tăng cường liên kết khu vực, tận dụng những cơ hội mới đang mở ra cũng như ứng phó hiệu quả hơn với các thách thức mới, Việt Nam đã đóng vai trò tích cực cùng các nước ASEAN xây dựng và thông qua Tuyên bố hòa hợp ASEAN II tại Bali, Indonesia (10/2003), đề ra những định hướng chiến lược cho sự phát triển của ASEAN, hướng tới xây dựng một Cộng đồng ASEAN năng động, tự cường và gắn kết vào năm 2020 (sau này ASEAN quyết định là vào năm 2015) với ba trụ cột chính là Cộng đồng An ninh ASEAN (ASC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC - ý tưởng về việc hình thành cộng đồng này là theo sáng kiến của Việt Nam); và các Kế hoạch hành động nhằm triển khai

thực hiện Tuyên bố hòa hợp ASEAN II (11/2004 tại Vientiane), bao gồm: Kế hoạch hành động của ASC, Kế hoạch hành động của ASCC, Hiệp định khung ASEAN về 11 lĩnh vực ưu tiên hội nhập và Chương trình Hành động Vientiane.

Trong quá trình soạn thảo và đi đến ký kết Hiến chương ASEAN, văn kiện quan trọng tạo khung pháp lý và khuôn khổ thể chế hỗ trợ ASEAN thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng, Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia ngay từ đầu vào quá trình hình thành ý tưởng, sau đó là soạn thảo, ký kết, phê chuẩn cũng như triển khai đưa Hiến chương vào thực tế cuộc sống. Đặc biệt trong quá trình đàm phán xây dựng Hiến chương, Việt Nam đã có nhiều đóng góp quan trọng mang tính cân bằng, xây dựng đồng thời thể hiện vai trò là một thành viên năng động, trách nhiệm góp phần điều hòa những khác biệt, cùng các nước ASEAN đi đến được một văn bản dự thảo Hiến chương có giá trị, đáp ứng được yêu cầu chung. Việt Nam cũng thể hiện rõ vai trò là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững các nguyên tắc cơ bản, định hướng phát triển đúng của ASEAN, duy trì và tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Hiệp hội. Sự tham gia tích cực của Việt Nam trong quá trình soạn thảo Hiến chương đã góp phần không nhỏ vào việc hoàn tất văn bản này, ký kết với những nội dung cơ bản và toàn diện, đúc kết và hệ thống hóa những mục tiêu, nguyên tắc cơ bản, thỏa thuận đã có của ASEAN cũng như cập nhật một số nội dung cho phù hợp với tình hình. Hiến chương cũng đã thể hiện khá cân bằng, dung hòa quan điểm và lợi ích của cơ bản của các nước thành viên, phản ánh sự "thống nhất trong đa dạng" của ASEAN.

Sau khi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cùng các nhà lãnh đạo ASEAN ký thông qua Hiến chương (Hội nghị cấp cao ASEAN 13, Singapore, tháng 11/2007), Việt Nam là một trong những nước sớm phê chuẩn Hiến chương (Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết ký phê chuẩn Hiến chương ngày 06/03/2008) và tích cực tham gia những hoạt động chung của ASEAN trong việc tiến hành các công tác triển khai đưa Hiến chương vào cuộc sống, nhất là xây dựng Quy chế hoạt động cho các cơ quan mới của ASEAN; tham gia tích cực các hoạt động của Nhóm đặc trách (HLP) và soạn thảo Quy chế hoạt động của Cơ quan nhân quyền ASEAN và Nhóm chuyên gia pháp lý (HLEG) về triển khai Hiến chương ASEAN.

Hòa cùng với nỗ lực chung của ASEAN đẩy nhanh tiến trình liên kết khu vực và xây dựng Cộng đồng, Việt Nam tiếp tục tham gia hiệu quả và có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng cũng như triển khai Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN gồm các Kế hoạch tổng thể xây dựng ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN và Kế hoạch công tác về Sáng kiến liên kết ASEAN (IAI) giai đoạn hai (2009 - 2015), được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 14 (tháng 2/2009).

Bên cạnh việc tăng cường thúc đẩy hợp tác và liên kết nội khối, Việt Nam đã tích cực tham gia thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN với các nước đối tác bên ngoài trên nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời góp phần đề cao và giữ vững vai trò chủ đạo của ASEAN tại các tiến trình hợp tác khu vực. Với tư cách là nước điều phối quan hệ đối thoại giữa ASEAN với nhiều đối tác quan trọng như Nhật Bản, Nga, Mỹ, Australia, Canada và hiện tại là Trung Quốc, Việt Nam đã phát huy vai trò là cầu nối tích

cực tăng cường quan hệ giữa ASEAN với các đối tác này, kể cả việc góp phần tháo gỡ một số vướng mắc, giúp nâng tầm quan hệ giữa hai bên, được cả ASEAN và các nước Đối thoại đánh giá cao. Đồng thời, Việt Nam cũng có những đóng góp tích cực nhằm giữ vững vai trò chủ đạo của ASEAN tại các tiến trình hợp tác khu vực do ASEAN khởi xướng như ASEAN +1, ASEAN +3, EAS, Cấp cao Đông Á..., qua đó góp phần thúc đẩy và đề cao vai trò, vị thế quốc tế của Hiệp hội.

Phần II

BỐI CẢNH VÀ CƠ CHẾ NHÂN QUYỀN KHU VỰC ASEAN

2.1. Khái quát chung

2.1.1. Một số vấn đề nhân quyền nổi bật trong khu vực

Như đã nêu ở Phần I, các quốc gia trong khu vực rất đa dạng về văn hóa, tôn giáo và có hệ thống chính trị khác biệt. Về điều kiện kinh tế, một số nước trong khu vực (Singapore, Malaysia, Brunei) có mức sống cao hơn hẳn so với các nước khác. Các quốc gia gia nhập ASEAN muộn (nhóm bốn nước Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar) nhìn chung chậm hòa nhập cả về kinh tế, xã hội, cũng như chậm tiếp nhận các giá trị pháp quyền, quản trị tốt và minh bạch.

Mặc dù có những khác biệt kể trên, tất cả các quốc gia ASEAN đều đang phải đối mặt với nhiều thách thức về quyền con người, ví dụ như bạo lực gia đình, bạo lực và kỳ thị đối với phụ nữ, lao động trẻ em, buôn bán người, lao động di trú, việc trấn áp các lực lượng đòi ly khai, xung đột giữa các nhóm tôn giáo...

Bên cạnh các vấn đề nhân quyền tồn tại trong từng quốc gia, có những vấn đề đồng thời liên quan đến nhiều quốc gia, cần sự phối hợp khu vực mới có thể giải quyết được, cụ thể như:

- Người lao động di trú: từ Việt Nam, Indonesia, Philippin sang làm việc tại Malaysia, Singapore hoặc từ Myanmar, Lào, Việt Nam sang làm việc tại Thái Lan.
- Buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.
- Người Myanmar tị nạn chạy sang Thái Lan, Indonesia, Malaysia và các quốc gia khác...

2.1.2. Việc tham gia điều ước quốc tế về nhân quyền của các quốc gia

Từ khi Liên Hợp Quốc được thành lập (1945) đến khi Chiến tranh lạnh kết thúc, nhìn chung mối quan tâm đến những chuẩn mực nhân quyền quốc tế tại các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á không cao, tuy vẫn có những điểm sáng. Ví dụ, Philippin và Việt Nam là những quốc gia sớm tham gia vào Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR - 1966) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR - 1966), cả hai nước tham gia những công ước này ngay từ đầu thập kỷ 1980.⁹ Phải đến đầu những năm 1990, sau khi có những biến động chính trị, xã hội tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là sau Hội nghị Thế giới về Nhân quyền do Liên Hợp Quốc tổ chức vào năm 1993 (tại Vienna, Áo), mối quan tâm và việc gia nhập các công ước nhân quyền quốc tế mới gia tăng trong khu vực. Lần lượt các nước ASEAN khác theo gương Việt Nam và Philippin tham gia hai điều ước cơ bản

⁹ Ngoài hai công ước này, Việt Nam còn tham gia một số công ước khác trong cùng giai đoạn, bao gồm Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng, Công ước về không áp dụng thời hiệu tố tụng với những tội phạm chiến tranh và tội phạm chống nhân loại...

về nhân quyền năm 1966 và các điều ước khác. Cụ thể, Campuchia sau khi thiết lập hòa bình đã tham gia nhiều công ước nhân quyền trong năm 1992. Singapore, Malaysia, Myanmar và Thái Lan cũng tham gia nhiều công ước cơ bản về quyền con người trong những năm đầu của thập kỷ này. Mặc dù vậy, Tuyên bố Bangkok năm 1993 do các quốc gia châu Á, bao gồm các quốc gia thành viên ASEAN thông qua để chuẩn bị cho Hội nghị nhân quyền thế giới lần thứ hai ở Vienna tổ chức cùng năm đó (xem toàn văn ở Phụ lục cuốn sách này), lại quá nhấn mạnh các đặc tính lịch sử, văn hóa và tôn giáo của khu vực và quốc gia. Tuy vẫn thừa nhận tính phổ quát (toàn cầu) của nhân quyền, Tuyên bố này rõ ràng chịu ảnh hưởng của các luận điểm gây nhiều tranh cãi về “các giá trị châu Á” (*Asian Values*) về nhân quyền.

Đến nay, mức độ tham gia các công ước quốc tế về nhân quyền của ASEAN không đồng đều. Hai văn bản được quan tâm nhất là Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Công ước về quyền trẻ em (CRC) đã được cả 10 quốc gia phê chuẩn hoặc gia nhập. Các nước Campuchia, Indonesia, Thái Lan đã tham gia tất cả sáu công ước cơ bản về nhân quyền. Việt Nam cũng đang trong tiến trình gia nhập CAT, do vậy sẽ tiến cùng nhịp với ba nước này.¹⁰ Trong khu vực, các nước Singapore, Brunei, Malaysia và Myanmar là những nước tham gia ít điều ước quốc tế về nhân quyền nhất, cho đến nay các nước này mới gia nhập CRC và CEDAW.

¹⁰ Ở đây chúng tôi chỉ xem xét sáu công ước cơ bản về nhân quyền theo xác định của Cao ủy Liên Hợp Quốc về nhân quyền (xem Bảng 2). Ngoài sáu điều ước này, Việt Nam còn tham gia một số điều ước khác.

Các quốc gia trong khu vực cũng tỏ ra rất dè dặt với những công ước mới về nhân quyền, kể cả các công ước liên quan đến quyền của những nhóm xã hội lớn trong khu vực. Công ước về bảo vệ quyền của người lao động di trú và gia đình của họ (ICRMW) (hiện có 37 quốc gia trên thế giới là thành viên), mới có Philippin trong khối ASEAN gia nhập. Indonesia và Campuchia đã ký nhưng chưa phê chuẩn Công ước này.

Bảng 4. Sự tham gia của các quốc gia ASEAN vào các công ước nhân quyền quan trọng

Các quốc gia	ICCPR	ICESCR	CEDAW	ICERD	CAT	CRC
Brunei			X			X
Campuchia	X	X	X	X	X	X
Indonesia	X	X	X	X	X	X
Lào		X	X	X		X
Malaysia			X			X
Myanmar			X			X
Philippin	X	X	X	X	X	X
Singapore			X			X
Thái Lan	X	X	X	X	X	X
Việt Nam	X	X	X	X		X
Tổng số thành viên ASEAN	5	6	10	6	4	10

(Nguồn: Tổng hợp từ trang web của Văn phòng Cao ủy nhân quyền Liên Hợp Quốc)

Chú thích các chữ viết tắt:

- ICERD: Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc.
- ICCPR: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.
- ICESCR: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.
- CEDAW: Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.
- CAT: Công ước về chống tra tấn và đối xử hoặc trừng phạt một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm.
- CRC: Công ước về quyền trẻ em.

2.2. Bối cảnh chính trị, xã hội tại các quốc gia ASEAN có tác động đến nhân quyền¹¹

Các quốc gia thành viên ASEAN không chỉ có nhiều khác biệt về văn hóa, xã hội, tôn giáo mà còn về thể chế chính trị, hệ thống pháp luật. Chế độ chính trị tại các quốc gia này rất đa dạng về hình thức. Cụ thể, ngoài Việt Nam và Lào theo thể chế chính trị XHCN, trong số tám nước còn lại đi theo con đường phát triển TBCN, có bốn nước theo hình thức chính thể quân chủ lập hiến (Brunei, Campuchia, Malaysia, Thái Lan); một nước (Singapore) có hình thức chính thể cộng hòa đại nghị theo mô hình của nước Anh. Riêng Myanmar, theo Hiến pháp năm

¹¹ Phần này tham khảo từ *Thể chế chính trị và tổ chức bộ máy nhà nước các nước ASEAN*, Phong Lan tổng thuật, tạp chí *Nghiên cứu Lý luận*, tháng 5/2002

1947 là chính thể cộng hòa dân chủ đại nghị, nhưng từ sau các cuộc đảo chính quân sự (năm 1962, 1974 và 1988), thể chế chính trị của Myanmar trở thành độc tài quân sự (tuy nhiên hiện nay đang chuyển đổi).

Mặc dù khác biệt về thể chế chính trị, các nước ASEAN (trừ Thái Lan) có đặc điểm chung là đều từng phải trải qua chế độ thuộc địa và quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc. Đặc điểm này chi phối mạnh mẽ quan điểm và định hướng về dân chủ, nhân quyền trong khu vực. Không phải ngẫu nhiên mà những đại diện tiêu biểu nhất cho lý luận về “các giá trị nhân quyền châu Á” đều từng là các lãnh đạo chính trị ASEAN (cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu của Singapore, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Ali Alatas của Indonesia).

Thêm vào đó, ngay ở các nước ASEAN chọn con đường phát triển theo TBCN cũng phải trải qua nhiều biến động, xung đột rất gay gắt. Điều này khiến cho nền chính trị ở nhiều nước ASEAN, tuy chịu ảnh hưởng và mô phỏng mô hình dân chủ tư sản phương Tây, song không hoàn toàn tương đồng, không tạo ra nền tảng cho việc thực thi các thể chế dân chủ tư sản, mà chỉ là bức tranh sao chép vụng mô hình dân chủ tư sản phương Tây. Điển hình là chế độ cộng hòa tổng thống của Philippin (thời Marcos), Indonesia (thời Suharto) với sự thống trị độc tài, quân phiệt và nạn tham nhũng nặng nề của giới chóp bu cầm quyền (thời kỳ cầm quyền của Marcos ở Philippin đã duy trì lệnh thiết quân luật hơn mười năm trời trên toàn quốc, kể từ ngày 21/9/1972; còn ở Indonesia, thiết quân luật cũng được áp dụng suốt 32 năm của cái gọi là “trật tự mới” dưới thời cầm quyền của Suharto...). Riêng ở Thái Lan, trong 66 năm (từ sau

Cách mạng tư sản năm 1932 - 1998), nước này đã trải qua 33 cuộc đảo chính, bình quân cứ hai năm lại có một cuộc đảo chính thay đổi Chính phủ. Cũng trong thời kỳ này, đã có một số cuộc nổi dậy đòi dân chủ, trong đó có những lần bị đàn áp đẫm máu như năm 1973, khi quân đội sử dụng cả máy bay trực thăng và xe tăng để bắn vào các đoàn biểu tình của sinh viên...

Sau những biến động chính trị - xã hội sâu sắc bởi sự thao túng của giới quân sự ở Indonesia, Philippin, Myanmar, Thái Lan đã để lại hậu quả nặng nề về nhiều mặt tại các quốc gia này. Trong những năm gần đây, khuynh hướng dân chủ hóa đời sống chính trị của đất nước và dân sự hóa bộ máy nhà nước đã dẫn thẳng thế ở một loạt các nước ASEAN. Ví dụ, vào năm 1986, cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân đã lật đổ Marcos - vị “tổng thống có một bàn tay sắt” - cầm đầu chế độ độc tài kéo dài 21 năm do ông ta tạo ra ở Philippin. Vào năm 1998, Tổng thống Suharto phải ra đi sau 32 năm cầm quyền ở Indonesia, còn ở Thái Lan, sau cuộc nổi dậy của sinh viên vào năm 1973, chính quyền quân sự phải dần dần nhường lại quyền lực cho các chính quyền dân sự. Cùng với tiến trình này, các giá trị dân chủ, nhân quyền bắt đầu được đề cao và thực hiện ở các nước đó.

Mặc dù vậy, do tính chất phức tạp, đa dạng về sắc tộc, tôn giáo cũng như sự phân hóa ngay trong nội bộ giai cấp tư sản của các nước ASEAN và ảnh hưởng của nền dân chủ phương Tây, nên các quốc gia ASEAN (trừ Lào) đều có rất nhiều đảng phái chính trị (ví dụ: Indonesia có gần 100 đảng chính trị, Thái Lan có hàng trăm đảng phái khác nhau...). Nhưng thực tế cho thấy, ở những nước này chỉ có một hoặc liên minh một số đảng nhất định cầm

quyền. Ví dụ: Đảng Nhân dân hành động (PAP) là đảng duy nhất cầm quyền ở Singapore liên tục từ năm 1959 đến nay; ở Malaysia, Đảng Dân tộc Mã Lai thống nhất (UMNO) cầm quyền suốt 40 năm qua... Đây là điều kiện bảo đảm ổn định về chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ở những quốc gia này trong những năm qua, nhất là Singapore. Tuy nhiên, chính những yếu tố này cũng tác động nhất định đến các vấn đề dân chủ, nhân quyền ở một số nước sẽ được đề cập dưới đây.

Một yếu tố nữa là về tổ chức bộ máy nhà nước các quốc gia ASEAN. Ở đây, có thể nêu hai đặc điểm chính: *Thứ nhất*, do ảnh hưởng nguyên mẫu nhà nước của các nước thực dân từng đô hộ trước kia, nên bộ máy nhà nước các quốc gia ASEAN (trừ Brunei, Lào, Myanmar và Việt Nam) về cơ bản theo nguyên tắc tam quyền phân lập. Tùy theo hình thức chính thể của các nước mà nội dung, tính chất và mức độ của nguyên tắc phân quyền được thể hiện khác nhau, thông qua các thiết chế của bộ máy nhà nước. Ví dụ, Philippin vốn là thuộc địa kiểu mới của Mỹ nên “sao chép” mô hình cộng hòa tổng thống của nước Mỹ; nguyên tắc phân quyền của cộng hòa đại nghị Singapore là theo chế độ đại nghị của nước Anh, có sự cách tân phần nào chế định nguyên thủ quốc gia bằng việc bầu cử trực tiếp Tổng thống... *Thứ hai*, thiết chế của bộ máy nhà nước các quốc gia ASEAN cũng có một số đặc điểm khác với các quốc gia tư bản phương Tây, mặc dù về cơ bản là sao chép. Chẳng hạn, về cơ quan đại diện quyền lực nhà nước cao nhất (Nghị viện hay Quốc hội) thì trừ Lào, Việt Nam và Singapore theo chế độ Quốc hội nhất viện, còn đa số các nước như Campuchia, Indonesia, Malaysia, Philippin, Thái Lan, Myanmar Quốc hội có hai viện, nhưng tên

gọi, thẩm quyền của các viện này không hoàn toàn giống nhau (riêng Brunei hiện nay không có Quốc hội hoặc Nghị viện). Trong tổng số đại biểu Quốc hội của một số nước ASEAN có những đại biểu không qua con đường bầu cử mà do được bổ nhiệm hoặc chỉ định. Ví dụ, Nghị viện Malaysia có 40 Thượng Nghị sĩ do Quốc vương chỉ định; Quốc hội Indonesia có 38 đại biểu do quân đội cử, còn 425 đại biểu do dân bầu. Nhiệm kỳ Quốc hội của các nước ASEAN thường là năm năm; riêng Philippin, Hạ Nghị viện có nhiệm kỳ ba năm, Thượng Nghị viện nhiệm kỳ tới sáu năm, nhưng cứ ba năm có một nửa số Thượng Nghị sĩ (12/24) được bầu lại.

Mặc dù không có tác động lớn đến vấn đề dân chủ, nhân quyền như Nghị viện và Hệ thống Tư pháp, song chế độ nguyên thủ quốc gia cũng có những tác động nhất định đến các vấn đề này. Ở các quốc gia ASEAN, có những nước theo chính thể cộng hòa tổng thống (Philippin, Indonesia) song trong một thời kỳ dài bị chi phối bởi của chủ nghĩa tư bản gia đình (hay còn gọi là chủ nghĩa tư bản thân tín - *Crony Capitalism*). Trong bối cảnh đó, Tổng thống là trung tâm quyền lực, xung quanh là những người thân trong gia đình, cũng như những thân hữu là các quan chức địa phương, cảnh sát, quân đội và các nhà kinh doanh... Dựa vào mối quan hệ này, Tổng thống duy trì địa vị của mình, ngược lại, tầng lớp thân thuộc của Tổng thống cũng lại dựa vào quyền lực của Tổng thống để tồn tại, tham nhũng, kiếm lời bất chính. Trong trường hợp có sự phản kháng của nhân dân, Tổng thống và các thế lực thân tín sẵn sàng dùng bạo lực để trấn áp, gây ra những vụ việc vi phạm nhân quyền rộng khắp. Ví dụ, thời kỳ Tổng thống Marcos cầm quyền từ 1967 -

1983, hàng trăm nhân vật nhờ sự bảo trợ của Tổng thống trở nên giàu có, ngay cả cận vệ của Marcos là Tướng Ver cũng được cất nhắc lên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, trở thành nhà tỉ phú ở Philippin. Hoặc ở Indonesia thời kỳ Suharto, Tổng thống đã sử dụng quyền lực tối cao của mình để ban phát cho con cháu và các thuộc hạ thân tín nắm giữ nhiều tổ hợp công nghiệp, chi phối và kiểm soát các ngành kinh tế then chốt của đất nước như: Khai thác dầu mỏ, khí đốt, xe hơi, máy bay, ngân hàng, kinh doanh bất động sản... Tài sản của Suharto và sáu người con trước khi bị lật đổ được ước tính khoảng 50 tỷ USD, trong khi Indonesia nợ nước ngoài khoảng 140 tỷ USD, nợ trong nước khoảng 60 tỷ USD...

Ở những nước theo hình thức chính thể quân chủ lập hiến (Thái Lan, Malaysia, Campuchia), khác với hoàng gia nhiều nước trên thế giới chỉ “trị vì nhưng không cai trị”, Vua hay Quốc vương của các nước này trên thực tế vẫn là “trung tâm quyền lực”. Ví dụ, Quốc vương Brunei kiêm cả Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng kiêm cả Bộ trưởng Tài chính (từ năm 1998). Tuy không giữ cương vị nhà nước trên thực tế, song vai trò và quyền lực của Vua cũng như Hoàng gia Thái Lan là rất lớn, vượt rất nhiều so với quy định của Hiến pháp. Có rất nhiều ví dụ cho việc đó, gần đây nhất là trong cuộc khủng hoảng chính trị xảy ra ở nước này vào tháng 5/1992 và cuối năm 1997, các phe phái đều phải “nghe theo lời khuyên của Vua”. Việc nối ngôi ở các quốc gia này cũng đa dạng, đôi khi không theo nguyên tắc “cha truyền con nối” như các nước khác trên thế giới mà có thể do bầu theo nhiệm kỳ (Malaysia), hoặc do Hội đồng Hoàng gia cử chọn Quốc vương (Campuchia);

hoặc “vĩnh hằng” theo quy định của Hiến pháp (Khoản 1, Điều 313, Hiến pháp 1997 của Thái Lan).

Về Cơ quan Hành pháp tại các nước ASEAN, dù theo hình thức chính thể nào thì ở các nước ASEAN, Hành pháp vẫn là trung tâm của quyền lực Nhà nước. Hành pháp có thể do Tổng thống đứng đầu (Indonesia, Philippin), có thể do Thủ tướng đứng đầu (Thái Lan, Malaysia, Campuchia, Lào, Việt Nam). Tính ổn định của nhánh Hành pháp giữa các nước trong khu vực có sự khác nhau. Thực tiễn những năm gần đây cho thấy, mô hình Hành pháp của chế độ cộng hòa đại nghị hay quân chủ đại nghị (Malaysia, Singapore) có khả năng ổn định và phát triển đất nước hơn, tránh được sự đối đầu giữa Hành pháp với Lập pháp như tại Indonesia, Philippin. Mặc dù vậy, nhánh Hành pháp ở nhiều nước ASEAN thường bị cho là lạm dụng quyền lực và trong một số trường hợp gây ra những vi phạm nhân quyền trên diện rộng. Ví dụ, trong thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Thaksin, Chính phủ Thái Lan bị tố cáo là đã bắt giữ tùy tiện và tra tấn dẫn đến cái chết của hàng ngàn người buôn bán và sử dụng chất ma túy (trong một chiến dịch trấn áp ma túy trên quy mô lớn do Chính phủ tiến hành vào đầu thập kỷ 2000).

Về Cơ quan Tư pháp các quốc gia ASEAN, Tòa án các nước ASEAN tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tư pháp độc lập khi xét xử, áp dụng chế độ thẩm phán chuyên nghiệp và bổ nhiệm Thẩm phán theo nhiệm kỳ dài. Hầu hết các nước ASEAN (trừ Lào và Việt Nam), Tòa án tổ chức theo nguyên tắc thẩm quyền xét xử, không theo đơn vị hành chính - lãnh thổ tương ứng với cấp chính quyền địa phương. Một số nước (Malaysia),

Tòa án tối cao có thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp theo mô hình Tòa án tối cao của Nhật Bản, Mỹ... Ở những nước mà đạo Hồi được coi là quốc giáo (Malaysia, Indonesia, Brunei), ngoài Tòa án Tư pháp thông thường còn có Tòa án Tôn giáo xét xử theo Luật Hồi giáo.

Mặc dù được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tư pháp độc lập, song tính độc lập thực sự của tòa án ở nhiều nước ASEAN vẫn là một dấu hỏi, và điều này cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền.

Chính quyền địa phương của các nước ASEAN cơ bản được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc kết hợp giữa tập quyền và tản quyền, giữa tập trung với phi tập trung và tự quản. Xuất phát từ đặc điểm địa lý, sắc tộc và diện tích rộng với hơn chục nghìn hòn đảo..., nên Nhà nước Indonesia tổ chức chính quyền trung ương theo nguyên tắc tập trung cao độ trong mối quan hệ với chính quyền các địa phương. Tuy nhiên, cũng trong bối cảnh đa dạng và rộng lớn tương tự, Philippin lại áp dụng một chế độ phân quyền khá rộng rãi. Ở đây, tập quyền hay phân quyền đều có thể tác động đến dân chủ, nhân quyền theo nghĩa tích cực hoặc tiêu cực. Tập quyền có vẻ như không dân chủ bằng phân quyền, tuy nhiên, đôi khi phân quyền lại làm tăng những vi phạm nhân quyền. Cụ thể, nếu phân quyền giao quá nhiều quyền hạn cho các chính trị gia địa phương có xu hướng độc tài, chuyên chế mà thiếu sự kiểm soát chặt chẽ sẽ dẫn tới gia tăng sự lạm quyền và đàn áp.

Dưới đây đề cập cụ thể hơn đến bối cảnh đặc thù của từng nước ASEAN:

2.2.1. Brunei

Brunei hiện tiếp tục là một quốc gia quân chủ, Quốc vương (Sultan) Brunei là nguyên thủ quốc gia, đồng thời là người đứng đầu Cơ quan Hành pháp. Cho dù Hiến pháp 1959 có quy định về Hội đồng Lập pháp gồm 20 thành viên, cơ quan này chỉ có chức năng tư vấn cho Quốc vương. Đến nay, Brunei vẫn bị đặt trong tình trạng khẩn cấp được áp dụng từ năm 1962 khi quân đội Anh dập tắt cuộc nổi dậy. Brunei chính thức độc lập từ ngày 1/1/1984.

Dù là một quốc gia giàu có, do đặt dưới chế độ quân chủ, quyền lực tập trung gần như tuyệt đối vào tay một cá nhân, các quyền cơ bản của người dân Brunei vẫn phải chịu nhiều hạn chế. Việc tiếp tục duy trì tình trạng khẩn cấp là một cản trở lớn đối với các quyền tự do cá nhân. Các mối quan tâm khác về nhân quyền ở quốc gia này là: thiếu khuôn khổ thể chế, pháp lý bảo đảm các quyền chính trị, quyền tự do ngôn luận; các hạn chế quyền cá nhân bởi Luật Lãng mạ hoàng gia, Luật Báo chí, Luật Phi báng, Luật An ninh quốc gia; việc áp dụng hình phạt thể chất đối với các tội phạm về di cư; phụ nữ chịu bất bình đẳng liên quan đến thừa kế, ly hôn; những người không phải Hồi giáo bị kỳ thị, kể cả trong quy định của Hiến pháp và pháp luật...¹²

2.2.2. Campuchia

Với sự hỗ trợ của quân tình nguyện Việt Nam, Campuchia thoát khỏi chế độ Khmer Đỏ - chế độ đã tước đi sinh mạng của

¹² ASEAN Human Rights Resource Centre, *Rule of Law for Human Rights in the Asean Region: A Base-line Study*, 2011, tr.35

khoảng 1,5 triệu người - vào năm 1979. Cuộc bầu cử năm 1993 dưới sự bảo trợ của Liên Hợp quốc và bản Hiến pháp mới (1993) đã tái lập chế độ quân chủ lập hiến tại quốc gia này.

Cùng với sự hồi sinh của đất nước, xã hội dân sự Campuchia có điều kiện thuận lợi để phát triển. Ngày càng xuất hiện nhiều tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế hoạt động thúc đẩy nhân quyền tại Campuchia. Mặc dù, nền dân chủ đã được xác lập với hệ thống đa đảng, chính trường quốc gia cơ bản vẫn chịu sự chi phối từ Đảng Căm quyền của Thủ tướng Hunsen. Gần đây, Tòa án xét xử các tội phạm Khmer Đỏ do Liên Hợp Quốc hỗ trợ thành lập được mở ra sau thời gian nhiều năm chuẩn bị đã thu hút sự quan tâm của dư luận trong nước cũng như quốc tế.



Ảnh (AP): Một nạn nhân của chế độ Khmer Đỏ còn sống, cùng với nhân viên tòa án, chỉ vào bức ảnh của mình tại Bảo tàng diệt chủng Tuol Sleng (S-21) ở Phnompenh ngày 31/5/2011. Mom Kimsen, người từng bị giam cùng với 300 dân làng tại nhà tù năm 1977, kêu gọi Tòa tuyên án chung thân đối với các lãnh đạo của chế độ.

Vấn đề nhân quyền tại Campuchia thường được các tổ chức nhân quyền quốc tế nhắc đến đó là: Các quy định pháp luật về quyền tự do hội họp, lập hội, việc bảo vệ quyền của người dân liên quan đến đất đai, bảo vệ tài nguyên môi trường, kỳ thị người di cư...

2.2.3. Indonesia

Tại Indonesia, chế độ độc tài của Suharto sụp đổ vào năm 1998 như là kết quả của cuộc khủng hoảng tài chính trước đó một năm, cũng như do nỗ lực tranh đấu của các lực lượng dân chủ mà tiên phong là phong trào sinh viên. Sau chuyển đổi dân chủ, Hiến pháp 1945 của Indonesia đã được sửa đổi vào các năm 1999, 2000, 2001. Theo Hiến pháp sửa đổi hiện hành, Indonesia chuyển sang mô hình cộng hòa tổng thống. Trong khu vực Đông Nam Á, Indonesia dường như đang đi đầu trong các nỗ lực thúc đẩy dân chủ, pháp quyền và tôn trọng nhân quyền.

Là một quốc gia gồm hàng ngàn hòn đảo, lại nằm trong vành đai núi lửa, Indonesia liên tục phải gánh chịu nhiều trận thiên tai như sóng thần, động đất. Viện trợ nhân đạo cứu trợ các nạn nhân của thiên tai là mối quan tâm lớn của quốc gia cũng như của cộng đồng khu vực và quốc tế. Các tổ chức xã hội dân sự Indonesia đã có đóng góp đáng kể vào các hoạt động này cũng như nhiều hoạt động bảo vệ nhân quyền khác. Nhìn chung, chính quyền của Tổng thống Susilo Bambang Yudoyono hiện nay tỏ ra tôn trọng xã hội dân sự và các quyền tự do của người dân. Mặc dù vậy, vẫn còn một số vấn đề nhân quyền mà Indonesia hiện đang phải đối mặt và giải quyết cho đến gần

đây, đó là: Đối xử tàn bạo với phong trào đòi ly khai tại Tây Papua Aceh, tự do báo chí (nhiều nhà báo viết về tham nhũng bị sát hại, truy bức)...

2.2.4. Lào

Sau khi giành độc lập vào năm 1954, chế độ quân chủ lập hiến được xác lập tại Lào với việc duy trì một chế độ trung lập. Năm 1975, Lào chuyển sang chế độ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa sau khi lực lượng Pathet Lào chiến thắng. Trong một thời gian dài, nền kinh tế quốc gia theo mô hình tập trung và lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài. Cho đến gần đây, Lào tiến hành cải cách kinh tế nhưng vẫn tiếp tục duy trì mô hình hệ thống chính trị kiểu xã hội chủ nghĩa.

Những thách thức về quyền con người tại Lào thường được các tổ chức nhân quyền nhắc đến đó là: bảo vệ quyền của người thiểu số (đặc biệt là người H'Mông), quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp...

2.2.5. Malaysia

Malaysia là một đất nước đa sắc tộc và tôn giáo nhưng một vài thập kỷ gần đây vẫn duy trì sự tập trung quyền lực vào nhóm sắc tộc chiếm đa số (người Mã Lai). Cho đến năm 1986, sự chia rẽ ngay trong nội bộ Đảng Dân tộc Mã Lai thống nhất đã mở ra cơ hội cho những đảng khác đưa ra vấn đề đa sắc tộc và không phân biệt chủng tộc trong các diễn đàn chính trị của Malaysia. Năm 1991, Malaysia cho ra đời bản quyết sách “Tầm nhìn 2010”, phản đối chủ nghĩa dân tộc của nhóm đa số, nhờ vậy môi trường chính trị trở nên tự do hơn. Song nhìn chung, quá

trình tiến triển dân chủ ở Malaysia tương đối chậm và không ổn định. Đơn cử, năm 1999, việc Phó Thủ tướng Anwar Bin Ibrahim - người khởi xướng trào lưu tự do hóa - bị bắt đã gây nhiều quan tâm trong dư luận trong nước và quốc tế. Tháng 8 năm 2008, ông này chính thức quay trở lại chính trường và trở thành thủ lĩnh của Đảng Đối lập, đưa ra cam kết ủng hộ cho chính sách tự do hóa, độc lập tư pháp và tự do ngôn luận.

Hiến pháp Malaysia có ghi nhận các quyền cơ bản của con người nhưng cũng đặt ra những điều khoản hạn chế quyền (ví dụ Điều 149 nêu ra những hạn chế về quyền trong trường hợp khẩn cấp). Điều 10 Hiến pháp đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp và tự do lập hội. Tuy nhiên, quyền tự do ngôn luận thường bị giới hạn thông qua việc kiểm duyệt báo chí và xuất bản. Luật Xuất bản và Báo chí 1984 quy định việc Chính phủ cấp và đánh giá giấy phép hành nghề của nhà báo hàng năm. Kiểm duyệt hay cấm xuất bản được thực hiện vì lý do bảo vệ lợi ích và đạo đức công. Luật Truyền thông đa phương tiện năm 1998 cũng thiết lập nhiều hạn chế đối với truyền tải thông tin trên mạng. Một số tờ báo điện tử như *Malaysiakini* và *Malaysia Chronicle* từng bị khởi tố, điều tra, nhiều blogger cũng bị giám sát chặt chẽ hoặc bị ép gỡ bài. Chính phủ thiết lập một đơn vị đặc biệt giám sát sử dụng Internet, đặc biệt là các bài viết về vấn đề sắc tộc và thống nhất dân tộc. Malaysia đã thành lập Ủy ban Nhân quyền quốc gia (SUHAKAM) vào năm 1999, nhưng việc thành lập này tương đối gấp rút, thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng cũng như tham vấn với các thành phần xã hội, nên có nhiều hạn chế về tính độc lập, quyền hạn và tính chính đáng của Ủy ban.

2.2.6. Myanmar

Từ sau cuộc đảo chính của quân đội vào năm 1962, Ne Win thiết lập nên chế độ “xã hội chủ nghĩa” với sự lãnh đạo của Hội đồng Cách mạng tại Myanmar. Từ đầu năm 1988, khởi phát phong trào của sinh viên và nhân dân đòi dân chủ và thay đổi chế độ. Đỉnh cao của phong trào là ngày 8 tháng 8 (nên còn được gọi là cuộc nổi dậy 8888), trước tình thế đó, chế độ đã thẳng tay bắt bớ và sát hại hàng ngàn người. Hiến pháp 1974 bị vô hiệu hóa do thiết quân luật bởi Hội đồng Văn hóa pháp luật và trật tự quốc gia (SLORC). Chính quyền quyết định đổi tên quốc gia (tiếng Anh) từ *Burma* thành *Myanmar* và hứa hẹn một số cải cách kinh tế, chuẩn bị bầu cử nhằm xoa dịu bất bình của người dân.

Trong cuộc bầu cử tháng 5 năm 1990, Liên đoàn quốc gia dân chủ (NLD) đã giành thắng lợi lớn trước Đảng Dân tộc Thống nhất (của lực lượng cầm quyền) và khoảng một chục đảng phái khác. Tuy vậy, phe quân nhân không cho phép Quốc hội mới nhóm họp và bắt giữ các lãnh đạo của NLD, trong đó có bà Aung San Suu Kyi. Trong một thời gian dài, chế độ quân phiệt bất chấp dư luận quốc tế tiếp tục giam cầm những người đấu tranh đòi dân chủ, thẳng tay trấn áp các lực lượng thiểu số đòi ly khai.

Tháng 9 năm 2007, cuộc biểu tình lớn của các nhà sư diễn ra tại Myanmar thu hút sự quan tâm lớn của cộng đồng quốc tế. Tháng 5 năm 2008, bản Hiến pháp mới được thông qua, với cuộc trưng cầu dân ý, như một bước tiến trên “lộ trình dân chủ” được Hội đồng Hòa bình và Phát triển quốc gia (SPDC, thay thế

cho SLORC vào năm 1997) đưa ra vào năm 2003. Căn cứ vào bản hiến pháp mới này, cuộc tổng tuyển cử đã được tổ chức vào ngày 7 tháng 11 năm 2010. Tuy nhiên, NLD đã tuyên bố tẩy chay cuộc bầu cử này với lý do không công bằng và tự do. Tuy vậy, trong năm 2011, phần nào do áp lực của cộng đồng quốc tế và chuyển biến chính trị trong nước, chính quyền Myanmar có thêm một số cải cách theo hướng mở rộng dân chủ, NLD cũng đã quyết định quay trở lại hoạt động chính trị công khai và đưa người ra tranh cử Quốc hội. Tiến trình dân chủ hóa ở Myanmar có những diễn biến tích cực và nhanh chóng trong thời gian gần đây, mở ra viễn cảnh tốt đẹp hơn về cuộc sống nói chung và việc bảo vệ thúc đẩy quyền con người nói riêng ở nước này. Tiến trình đó cũng hứa hẹn đưa Myanmar thoát khỏi thế bị cô lập trên trường quốc tế và khu vực, cũng như thế phụ thuộc Trung Quốc trong mấy thập kỷ gần đây.

2.2.7. Philippin

Sau khi chế độ độc tài của Ferdinand Marcos bị phong trào nhân dân (EDSA) lật đổ vào năm 1986, Hiến pháp 1973 được thay thế bởi Hiến pháp dân chủ 1987. Hiến pháp 1987 ghi nhận lại các nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp cũ (năm 1935) kiểu Mỹ với một số sửa đổi quan trọng. Hiến pháp này bao gồm danh mục các quyền tự do cơ bản (chương III), cũng như các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và thiết lập ra cơ quan quốc gia về quyền con người (chương VIII). Tiếp theo chính quyền của Tổng thống Corazon C. Aquino là chính quyền của Fidel V. Ramos, với sự lớn mạnh của báo chí tự do, các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự. Xã hội dân sự đã tham gia tích cực

việc tái thiết đất nước, các chương trình xã hội và giảm nghèo. Sau ba năm cầm quyền, Tổng thống Joseph Estrada bị kết tội là tham nhũng vào năm 2001 và phải ra khỏi chính trường. Phó Tổng thống, bà Gloria M. Arroyo lên cầm quyền vào năm 2001. Sau khi thắng cử trong cuộc bầu cử Tổng thống, Benigno Aquino tuyên thệ nhậm chức vào tháng 6 năm 2010 và trở thành tổng thống thứ 15.

Mặc dù vậy, đến nay Philippin vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức do xung đột và sự vi phạm nhân quyền do các lực lượng vũ trang ly khai (như Quân đội nhân dân mới (NPA), Mặt trận dân tộc giải phóng Moro (MNLF), Mặt trận giải phóng Islamic Moro (MILF)...) gây ra. Việc sử dụng vũ lực tràn lan của tất cả các bên trong xung đột, bao gồm quân đội và lực lượng an ninh của Chính phủ, cùng với tình trạng cát cứ, tham nhũng rộng khắp của các thế lực chính trị địa phương là một mối đe dọa lớn cho an ninh, hòa bình và ổn định của đất nước. Đợt cử năm 2009, vụ thảm sát Ampatuan (tại Maguindanao, gây ra cái chết của 58 người trong đó có nhiều nhà báo, luật sư...) làm chấn động dư luận khu vực và thế giới. Philippin trở thành một trong những quốc gia nguy hiểm nhất cho các nhà báo hoạt động. Vấn đề tước đoạt tính mạng một cách tùy tiện là mối quan tâm lớn về nhân quyền tại quốc gia này. Thể chế chính trị Philippin - với đặc trưng là đa đảng nhưng thực chất bị chi phối, lũng đoạn bởi giới tư bản và những đại gia đình có thế lực - cũng đặt ra những dấu hỏi với sự phát triển nói chung và việc thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền nói riêng ở đất nước này.



Ảnh: “Cách mạng nhân dân” Manila, Philippin, 1986. Khá nhiều phong trào kiểu này đã diễn ra trong mấy thập kỷ qua nhưng vẫn chưa đưa được Philippin ra khỏi nạn tham nhũng và vi phạm nhân quyền.

2.2.8. Singapore

Mặc dù có nền kinh tế phát triển cao nhưng ở Singapore không được đánh giá cao, thậm chí bị dư luận quốc tế nhiều lần chỉ trích về những giới hạn và vi phạm nhân quyền.¹³ Có nhiều yếu tố lý giải cho việc Singapore không tích cực trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền. *Thứ nhất*, Singapore thường cùng với Malaysia và Trung Quốc tích cực ủng hộ quan điểm về “giá trị châu Á” trên các diễn đàn quốc tế và khu vực về quyền con người, phản đối những cải cách chính trị và mở rộng dân chủ “kiểu phương Tây”. *Thứ hai*, Singapore là một nước nhỏ nhưng có nguồn lực kinh tế và tài chính dồi dào, điều này đã làm cho

¹³ Xem: *Human Rights in Asia. A reassessment of the Asian Values Debate*, Leena Avonius and Damien Kingsburry (ed.) Asian Values - Singapore Exceptionalism. Pp.121-140.

chính quyền tin tưởng vào “chủ nghĩa ngoại lệ” (*exceptionalism*). Tư tưởng “ngoại lệ” này làm cho Singapore trở thành độc nhất, không giống ai, cũng không cần tuân thủ các ràng buộc theo tiêu chuẩn quốc tế.

Cho đến gần đây, Singapore vẫn chưa tham gia vào nhiều điều ước cơ bản của Luật nhân quyền quốc tế (xem Bảng 2). Một số vấn đề về nhân quyền nảy sinh ở Singapore bao gồm: Hạn chế quyền tự do ngôn luận thông qua việc kiểm duyệt báo chí, khởi kiện ra tòa, ngăn cấm hoặc đóng cửa các cơ sở báo chí, xuất bản; áp dụng các hình phạt thân thể; duy trì và thi hành án tử hình một cách khắc nghiệt, đặc biệt với tội phạm ma túy¹⁴...

2.2.9. Thái Lan

Cho dù xã hội Thái Lan đề cao những giá trị đạo đức Phật giáo với tư tưởng hòa bình và nhân ái, chính trường nước này lại thường xuyên biến động với hơn 20 chính phủ và 17 bản hiến pháp từ năm 1932 đến nay. Năm 1997, Hiến pháp mới của Thái Lan được ban hành sau một tiến trình chuẩn bị với sự tham vấn rộng rãi và dân chủ. Bản Hiến pháp, còn được gọi là “Hiến pháp nhân dân” đã đánh dấu một bước tiến quan trọng của dân chủ và các quyền con người. Trên cơ sở Hiến pháp này, Thái Lan thực hiện nhiều cải tổ chính trị để buộc Chính phủ

¹⁴ Singapore là nước áp dụng hình phạt tử hình nhiều nhất trong khu vực ASEAN, với tỷ lệ hành quyết trên đầu người thuộc loại cao nhất thế giới. Theo một báo cáo của tổ chức Amnesty International, có hơn 400 người bị treo cổ tại Singapore trong khoảng 30 năm qua. Cũng theo tổ chức này, năm 2010, Singapore đã treo cổ bảy tử tù, chủ yếu liên quan đến các tội buôn bán ma túy, giết người và đa số là người nước ngoài.

phải chịu trách nhiệm giải trình nhiều hơn trước công chúng, tạo lập nhiều thể chế mới như Tòa án Hành chính, Ombusman, Cơ quan nhân quyền quốc gia.

Sau cuộc đảo chính không đổ máu vào năm 2006, một bản Hiến pháp mới (2007) lại được ban hành. Bản hiến pháp này vẫn giữ các điều khoản về những quyền cơ bản trong hiến pháp cũ, đồng thời bổ sung nhiều quyền khác như quyền được giáo dục miễn phí, quyền của cộng đồng, quyền biểu tình hòa bình, bình đẳng về giới tính, quyền tự do thông tin, quyền của người tiêu dùng... Hiến pháp mới đặc biệt trao nhiều quyền hơn cho Ủy ban nhân quyền quốc gia để có thể xử lý các vụ việc vi phạm về nhân quyền, kể cả quyền điều tra và chuyển các kết quả điều tra sang cho tòa án thụ lý. Việc bổ nhiệm các thành viên của cơ quan này cũng được quy định rõ hơn (Mục 256 - 257, Phần 2 của Hiến pháp).

Tiếp theo cuộc khủng hoảng chính trị 2005 - 2006, Thái Lan lại lâm vào cuộc khủng hoảng khác, kéo dài trong suốt các năm từ 2008 - 2010 giữa một bên là Liên minh dân chủ nhân dân (PAD, còn gọi là phe Áo vàng) với Đảng Nhân dân Hành động, rồi giữa Đảng Dân chủ của Thủ tướng Abhisit Vejjajiva với Mặt trận Dân chủ Thống nhất chống độc tài (UDD, còn gọi là phe Áo đỏ, ủng hộ cựu Thủ tướng Thaksin Sinawatra). Sau cuộc bầu cử Hạ viện vào tháng 7 năm 2011, Yingluck Sinawatra trở thành nữ Thủ tướng đầu tiên của Thái Lan, tuy nhiên, vị tân Thủ tướng này đang gặp rất nhiều khó khăn khi phải lãnh đạo Chính phủ đối phó với nạn lụt nghiêm trọng nhất trong lịch sử cận đại Thái Lan trong năm 2011.

Các vấn đề nhân quyền của Thái Lan thường được nhắc tới gần đây là: Vi phạm nhân quyền trong cuộc chiến chống ma túy, hệ thống nhà tù xuống cấp, sử dụng vũ lực tùy tiện và vi phạm quyền của người Hồi giáo ở miền Nam...

Tóm lại, bối cảnh văn hóa, xã hội và chính trị của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á có sự khác biệt tương đối lớn và có nhiều chuyển biến nhanh chóng trong hai thập kỷ vừa qua. Về mặt kinh tế, trừ Thái Lan, các quốc gia trong khối ở lục địa có mức độ phát triển thấp hơn các quốc gia quần đảo. Tại tất cả các quốc gia, đều tồn tại nhiều vấn đề liên quan đến quyền và tự do cơ bản của cá nhân. Tuy vậy, trong xu hướng hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, các quốc gia đang tiếp tục nỗ lực cải cách trong nhiều lĩnh vực, bao gồm lĩnh vực nhân quyền, để đáp ứng những đòi hỏi mới của thời đại.

2.3. Hợp tác nhân quyền của ASEAN

2.3.1. Quá trình hợp tác nhân quyền từ khi thành lập đến trước khi thông qua Hiến chương ASEAN¹⁵

Như đã đề cập ở Phần I, sau khi ra đời vào tháng 8 năm 1967, ASEAN đã tăng từ 6 lên 10 nước thành viên, đồng thời liên tục mở rộng sự hội nhập khu vực và quốc tế.

Mặc dù vậy, nếu như tốc độ hội nhập về kinh tế, xã hội diễn ra rất nhanh, bắt đầu ngay từ giai đoạn đầu, thì quá trình hợp

¹⁵ Nguồn tham khảo của phần này từ Đề tài nghiên cứu cấp bộ, *Xây dựng văn kiện nhân quyền chung của ASEAN – Các nguyên tắc chỉ đạo và đề xuất dự thảo*, Học viện Quan hệ Quốc tế, 2010.

tác trong lĩnh vực nhân quyền của ASEAN diễn ra muộn hơn, với những bước đi thận trọng. Điều này chủ yếu là bởi ASEAN được thành lập trong bối cảnh phức tạp về chính trị trong khu vực, các quốc gia thành viên rất đa dạng về thể chế. Ở khu vực này, trong và sau thời kỳ Chiến tranh lạnh, những nghi kỵ giữa các nước trong khối có lúc rất gay gắt và hiện nay chưa phải hoàn toàn đã xóa bỏ hết. Vì lẽ đó, mục tiêu chủ yếu của ASEAN thời kỳ đầu và trong giai đoạn hiện nay vẫn là thúc đẩy quan hệ thương mại, còn về chính trị thì nhấn mạnh việc xây dựng khu vực Đông Nam Á ổn định, đoàn kết chống lại sự can thiệp của bên ngoài.¹⁶ Trên thực tế, đây là vai trò xuyên suốt của ASEAN,¹⁷ mặc dù nhiều học giả cho rằng lúc mới ra đời năm 1967, mục đích của năm nước thành viên sáng lập là Indonesia, Malaysia, Philippin, Thái Lan, Singapore là muốn thông qua tổ chức này để ngăn cản sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản ở trong khu vực.

Trong một thời kỳ dài, ở khu vực ASEAN, nhân quyền được xem là vấn đề hoàn toàn thuộc thẩm quyền riêng biệt của mỗi quốc gia, không chịu sự điều chỉnh của luật pháp quốc tế cũng như đánh giá từ bên ngoài.¹⁸ Điều này phản ánh lo ngại và quan điểm tránh để vấn đề nhân quyền trở thành nguy cơ gây bất ổn

¹⁶ Xem *Tuyên bố Bangkok 1967*. Xem thêm Megan R. Williams, "ASEAN: Do Progress and Effectiveness require a judiciary?", *Suffolk Transnational Law Review* (Summer 2007).

¹⁷ Xem Vũ Dương Ninh, "Việt Nam - ASEAN: *Mối quan hệ hợp tác đa phương*," trong *Việt Nam - ASEAN: Quan hệ Đa phương và Song phương*, Vũ Dương Ninh (chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.14.

¹⁸ Rhona K.M Smith, *International Human Rights* (Oxford: Oxford University Press, 2003), tr.7.

trong khu vực và mở đường cho can thiệp từ bên ngoài khối. Mặc dù vậy, đến cuối thập kỷ 1990, các quốc gia đã dần thay đổi quan điểm theo hướng thừa nhận tính phổ quát của nhân quyền và tự nguyện tham gia, thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ, thúc đẩy nhân quyền. Kết quả là các nước trong khối dần dần thực hiện hợp tác nhân quyền, bắt đầu từ những vấn đề như ngăn chặn nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em, bảo đảm quyền của người lao động di trú, chống khủng bố, cứu trợ thảm họa thiên nhiên... Phần dưới đây đề cập đến một số lĩnh vực nổi bật trong hợp tác về nhân quyền của các nước ASEAN trước khi thông qua Hiến chương của khối vào tháng 2/2007.

2.3.1.1. Hợp tác về quyền của phụ nữ

Các nỗ lực bảo đảm quyền phụ nữ trong khu vực ASEAN thực sự khởi đầu từ Hội nghị Các nhà Lãnh đạo Phụ nữ ASEAN tổ chức vào năm 1975. Từ kết quả của Hội nghị này, Tiểu ban về Phụ nữ của ASEAN (*ASEAN Sub - Committee on Women - ASW*) được thành lập vào năm 1976 (đổi tên thành Chương trình Phụ nữ của ASEAN - *ASEAN Women's Programme - AWP*, năm 1981). Sau đó, để thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác trong các vấn đề về quyền của phụ nữ, AWP đã được cơ cấu lại và chuyển thành Ủy ban ASEAN về Phụ nữ (*ASEAN Committee on Women - ACW*) vào năm 2002. Ủy ban này phối hợp và giám sát hoạt động hợp tác trong các vấn đề về phụ nữ của ASEAN. Ủy ban họp thường xuyên mỗi năm, trong đó các nước thành viên ASEAN luân phiên đảm nhiệm vai trò Chủ tịch của ACW.

ACW giám sát và hỗ trợ quá trình các nước thành viên ASEAN thực hiện hai văn kiện sau của khu vực:

- Tuyên bố về Sự tiến bộ của Phụ nữ trong ASEAN, được Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN thông qua năm 1988. Tuyên bố kêu gọi thúc đẩy và đảm bảo sự tham gia hiệu quả và bình đẳng của phụ nữ trong mọi lĩnh vực và ở các cấp độ khác nhau trong đời sống chính trị, kinh tế, và văn hóa của xã hội trên phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.
- Tuyên bố về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ trong Khu vực ASEAN, được Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN thông qua năm 2004.

Bên cạnh đó, ACW còn xúc tiến những hoạt động phối hợp với các tổ chức quốc tế và khu vực để thúc đẩy quyền phụ nữ, trong đó bao gồm Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Quỹ Phụ nữ Liên Hợp Quốc (UNIFEM), Liên đoàn các tổ chức Phụ nữ ASEAN (ACWO), Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA)... Ủy ban đã tổ chức nhiều hội thảo khu vực, khóa tập huấn và các cuộc tham vấn trong đó tập hợp những quan chức nhà nước, thành viên của các tổ chức xã hội và những nhà chuyên môn trong ASEAN để chia sẻ kinh nghiệm, quan điểm và xây dựng hiểu biết chung trong các vấn đề về quyền của phụ nữ. Một ví dụ tiêu biểu là Hội nghị cấp cao ASEAN về vấn đề lồng ghép giới được tổ chức vào tháng 11 năm 2006 dưới sự chuẩn bị và chủ trì của ACW.

Như đã đề cập ở phần trên, tất cả các nước ASEAN đã tham gia Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Bên cạnh CEDAW, trong khuôn khổ chung của ASEAN, các quyết tâm và nỗ lực trong bảo đảm quyền của phụ nữ còn được thể hiện qua các văn kiện như:

- Chương trình làm việc vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới (2005 - 2010).
- Chương trình làm việc thực hiện Tuyên bố về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ trong Khu vực ASEAN.
- Tuyên bố 2004 của ASEAN về chống Buôn bán người, đặc biệt là Phụ nữ và Trẻ em.
- Tuyên bố chung của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN về các Thực tiễn tốt trong hoạt động báo cáo thực hiện CEDAW và kế hoạch tiếp theo (Vientina, tháng 1/2008).

ASEAN cũng đã tổ chức thực hiện và xuất bản nhiều báo cáo nghiên cứu về tình hình phụ nữ trong khu vực nhằm tăng cường nhận thức về thực trạng và quyền lợi của phụ nữ, cụ thể như:

- Chuyên đề về Phụ nữ trong sự phát triển (1996).
- Báo cáo số 1 của khu vực về sự tiến bộ của phụ nữ (1997).
- Báo cáo số 2 của khu vực về sự tiến bộ của phụ nữ (2002).
- Báo cáo số 3 của khu vực về sự tiến bộ của phụ nữ (2007).

Chương trình hành động Vientina (được đưa ra tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10) nhấn mạnh việc thúc đẩy quyền của phụ nữ và trẻ em, đồng thời đề cập đến việc thành lập một Ủy ban ASEAN về thúc đẩy, bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em. Tại Hội nghị Bàn tròn do ASEAN tổ chức vào tháng 4/2008 tại Ban thư ký của ASEAN ở Jakarta, Indonesia, cán bộ chủ chốt của các cơ quan, ban ngành liên quan ở các nước ASEAN cùng lãnh đạo của ACW và một số cơ quan khác của ASEAN đã thảo luận về cơ cấu, quy chế hoạt động, chức năng nhiệm vụ

của Ủy ban này và khẳng định việc thành lập Ủy ban sẽ được tiến hành độc lập và riêng biệt với việc thành lập Cơ quan nhân quyền ASEAN được nêu trong Hiến chương ASEAN.¹⁹

2.3.1.2. Hợp tác về quyền của trẻ em

Tất cả 10 nước ASEAN đều là thành viên của Công ước về Quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc (CRC). Tương tự như với CEDAW, việc tham gia và thực hiện CRC là quyết định và công việc riêng của từng nước, không thuộc khuôn khổ hợp tác của khu vực. Mặc dù vậy, điều này cho thấy các nước ASEAN có quan điểm thống nhất về các quyền trẻ em và về việc thực hiện CRC. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc xác định và tổ chức thực hiện những hoạt động phối hợp vì quyền trẻ em trong ASEAN. Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực này được nêu rõ trong các văn kiện sau:

- Chương trình Hành động ASEAN vì Trẻ em, được các Bộ trưởng ASEAN thông qua vào tháng 12/1993 nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực vì sự sống còn, phát triển của trẻ em. Chương trình cũng vạch rõ yêu cầu giải quyết các vấn đề lạm dụng trẻ em như lao động trẻ em, trẻ em đường phố, trẻ em bị bỏ rơi và buôn bán trẻ em...
- Chương trình Hành động Hà Nội, do các nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu chính phủ các nước ASEAN thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ sáu của ASEAN vào

¹⁹ Thảo luận Bàn tròn, *ASEAN tiếp tục với Ủy ban về Thúc đẩy và Bảo vệ các quyền của Phụ nữ và Trẻ em*, xem tại <http://www.aseanhrmech.org/news/asean-to-proceed-with-commission.html>

tháng 12/1998, trong đó nhấn mạnh việc thực hiện Chương trình Hành động ASEAN vì Trẻ em và tăng cường phối hợp giữa các nước ASEAN trong việc chống buôn bán và bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.

- Tuyên bố về các Cam kết vì Trẻ em trong ASEAN, được thông qua vào tháng 8/2001. Tuyên bố khẳng định quyết tâm bảo vệ, tôn trọng và thừa nhận quyền của tất cả trẻ em phù hợp với tập quán và truyền thống của mỗi cộng đồng, thúc đẩy sự tôn trọng quyền trẻ em thông qua chia sẻ thông tin giữa các nước ASEAN, có tính đến khác biệt về tôn giáo, văn hóa và các giá trị xã hội ở những nước khác nhau.²⁰

Đặc biệt, hoạt động chống buôn bán phụ nữ và trẻ em được ASEAN rất chú trọng. Có ba cơ quan của ASEAN cùng đảm trách các sáng kiến và hoạt động này, bao gồm: (i) Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm Xuyên quốc gia (*the ASEAN Ministerial Meeting on Transnational Crime - AMMTC*). Thiết chế này được thành lập vào năm 1997, họp hai năm một lần để rà soát công tác chống tội phạm xuyên quốc gia của các cơ quan khác nhau trong ASEAN, đồng thời xác định phương hướng và tiến độ cho hợp tác khu vực trong lĩnh vực này. Đi cùng với thiết chế này là Hội nghị các Quan chức Cấp cao về Tội phạm xuyên quốc gia giúp việc cho AMMTC, họp mỗi năm một lần; (ii) Hội nghị các lãnh đạo lực lượng cảnh sát quốc gia của ASEAN (*ASEAN Chiefs of National Police - ASEANAPOL*).

²⁰ Xem Tuyên bố về các Cam kết vì Trẻ em trong ASEAN, tại <http://www.aseansec.org/579.htm>

ASEANAPOL họp hàng năm nhằm tiến hành các hoạt động hợp tác để ngăn chặn và củng cố chống lại tội phạm xuyên quốc gia. Cơ quan này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác giữa các lực lượng cảnh sát trong khu vực thông qua trao đổi thông tin, tổ chức các chuyến thăm, thiết lập các liên kết đào tạo, nghiên cứu và tổ chức các hội nghị, hội thảo; (iii) Ủy ban ASEAN về Phụ nữ cũng đóng góp vai trò hỗ trợ của mình như đã phân tích ở phần trên về Hợp tác bảo đảm quyền phụ nữ.

Các văn kiện của ASEAN phản ánh nỗ lực phòng chống buôn bán trẻ em và phụ nữ bao gồm:²¹

- Tuyên bố ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia, do AMMTC thông qua tháng 12/1999. Tuyên bố nhấn mạnh quyết tâm của ASEAN trong việc đưa ra một chiến lược toàn diện chống tội phạm xuyên quốc gia thông qua phối hợp khu vực và hợp tác quốc tế chặt chẽ hơn.
- Tuyên bố Hà Nội và Chương trình Hành động Hà Nội năm 1998, trong đó các nước ASEAN cam kết tăng cường các nỗ lực riêng rẽ và tập thể để giải quyết tội phạm xuyên quốc gia, bao gồm tội buôn bán người.
- Chương trình hành động ASEAN về chống Tội phạm xuyên quốc gia được AMMTC thông qua vào tháng 6/1999, trong đó thiết lập các cơ chế và vạch ra những kế hoạch hoạt động để chống tội phạm xuyên quốc gia, bao gồm tội buôn bán phụ nữ và trẻ em.

²¹ Xem thêm tại <http://www.aseansec.org/>

- Tuyên bố của ASEAN về chống Buôn bán người, đặc biệt là Phụ nữ và Trẻ em, được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10 tháng 11/2004, trong đó vạch rõ các biện pháp chống dạng tội phạm này.
- Chương trình Hành động Vientina (đã nêu ở phần trên).

2.3.1.3. Hợp tác về quyền của người lao động di trú

Theo thống kê, hiện có hơn 50 triệu lao động di trú trong khu vực ASEAN (chỉ tính riêng những người có giấy tờ lao động hợp pháp - *documented migrant workers*).²² Khoảng cách địa lý gần, chi phí đi lại thấp, việc chuyển thu nhập về nước khá dễ dàng cộng thêm sự chênh lệch về phát triển kinh tế tại khu vực đã khiến cho làn sóng người lao động di trú giữa các nước trong khu vực ASEAN ngày càng mạnh. Do đặc thù làm việc tại môi trường nước ngoài, nhóm đối tượng này cần được quan tâm thích đáng để đảm bảo các quyền con người của họ được tôn trọng.

Sự kiện đánh dấu bước khởi đầu hợp tác khu vực về quyền của người lao động di trú diễn ra tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN tháng 11/2004, trong đó các Bộ trưởng ASEAN đã ký Chương trình Hành động Vientina. Đây là một kế hoạch sáu năm, trong đó mục tiêu thúc đẩy nhân quyền bao gồm cả việc “xây dựng một văn kiện về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú.”²³

²² *Xã hội dân sự - Công đoàn: Tài liệu thể hiện quan điểm về Văn kiện ASEAN về sự bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú*, xem tại <http://www.aseanmigrant.org/articles.php?more=66&print=Yes>

²³ *Chương trình Hành động Vientina*, xem tại <http://www.aseansec.org/VAP-10th%20ASEAN%20Summit.pdf>

Đến tháng 1/2007, các nước ASEAN đã ký Tuyên bố Cebu về Bảo vệ và Thúc đẩy Quyền của lao động di trú tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12, khẳng định nỗ lực đảm bảo điều kiện làm việc tốt, chống mọi hình thức lạm dụng và đảm bảo được trả lương cho người lao động di trú. Tuyên bố này cũng nêu ra nghĩa vụ cụ thể của các nước gửi và nước tiếp nhận lao động di trú với việc bảo vệ quyền của nhóm này, kèm theo những cam kết thực thi của các quốc gia có liên quan trong ASEAN.

Vào tháng 8 cùng năm, các nước ASEAN đã thành lập Ủy ban ASEAN thực hiện Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và Thúc đẩy Quyền của lao động di trú (*ASEAN Committee on the Implementation of the Declaration on the Protection and Promotion of the Rights of Migrant Workers - ACMW*).²⁴ Đây là một cơ quan đầu mối phối hợp việc thực hiện các cam kết trong Tuyên bố kể trên. Cơ quan này cũng thúc đẩy sự phát triển của một văn kiện ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú thông qua việc hỗ trợ trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong khu vực ASEAN và những hoạt động hợp tác song phương, khu vực khác trong các vấn đề liên quan đến người lao động di trú. Trong khuôn khổ đó, Ủy ban đã tổ chức nhiều hoạt động, bao gồm Hội thảo về Phạm vi và các Quyền của lao động di trú tại Manila, Philippin tháng 3/2009 nhằm đạt được hiểu biết chung về các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quyền của người lao động di trú và thảo luận về việc xây dựng một văn kiện chung của ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền

²⁴ Tuyên bố về Thành lập Ủy ban của ASEAN thực hiện Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và Thúc đẩy Quyền của Lao động di trú, xem tại <http://www.aseansec.org/20768.htm>

của lao động di trú. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, cam kết của ASEAN về quyền của người lao động di trú mới chỉ thể hiện dưới dạng một Tuyên bố không ràng buộc về mặt pháp lý.

Bên cạnh sự phối hợp chung, hợp tác nhân quyền giữa các nước ASEAN còn được thực hiện thông qua những thỏa thuận song phương hoặc giữa một số quốc gia thành viên. Cụ thể, hiện có bốn quốc gia ASEAN là Indonesia, Malaysia, Philippin và Thái Lan đã thành lập các cơ quan nhân quyền chuyên trách. Vào tháng 6/2007, bốn cơ quan nhân quyền quốc gia này đã ký Tuyên bố Hợp tác, theo đó họ nhất trí phối hợp trong năm lĩnh vực quan tâm chung đó là: ²⁵ Chống khủng bố trong khi vẫn đảm bảo tôn trọng nhân quyền; Chống buôn bán người; Bảo vệ nhân quyền của người nhập cư và lao động nhập cư; Thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và quyền phát triển; Giáo dục về quyền con người. Bốn cơ quan này cũng hợp tác để thúc đẩy sự thành lập Cơ quan nhân quyền ASEAN và khuyến khích các chính phủ ASEAN thiết lập những thể chế quốc gia nhân quyền chuyên trách.

Ngoài ra, các nước ASEAN cũng đang hợp tác với nhiều tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ quốc tế nhằm thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong khu vực, trong đó có như UNIFEM (Quỹ Phụ nữ của Liên Hợp Quốc), Nhóm Công tác của Liên Hợp Quốc về Buôn bán người, UNICEF (Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc), Nhóm làm việc vì một Cơ chế Nhân quyền ASEAN,

²⁵ Tuyên bố Hợp tác, xem tại <http://www.asiapacificforum.net/about/annual-meetings/12th-australia-2007/downloads/regional-cooperation-between-nhris/Declaration%20of%20Cooperation.pdf>

Diễn đàn nhân quyền ASEAN (FORUM - ASIA)... Các tổ chức này đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ dự án, chương trình, hội thảo, tập huấn để tăng cường trao đổi thông tin, nhận thức của cán bộ nhà nước, nhà nghiên cứu và công chúng trong ASEAN về các quyền của cá nhân, đặc biệt của phụ nữ, trẻ em và người lao động di trú, cũng như thúc đẩy tiến trình xây dựng cơ chế nhân quyền của khu vực ASEAN.

2.3.2. Quá trình hợp tác nhân quyền từ khi thông qua Hiến chương ASEAN ²⁶

Như đã đề cập ở trên, Hiến chương ASEAN được ký kết vào tháng 2/2007 đã chính thức xác nhận vị thế pháp nhân như một tổ chức quốc tế của ASEAN, với thể chế được thiết kế chặt chẽ hơn, tạo đà cho hội nhập toàn diện về an ninh, chính trị, kinh tế và xã hội của các nước trong khu vực. Riêng đối với lĩnh vực nhân quyền, Hiến chương thể hiện một bước đột phá trong hợp tác ASEAN với việc đặt ra các mục tiêu, nguyên tắc cơ bản về nhân quyền và đưa ra cam kết đầu tiên về việc thiết lập một Cơ quan nhân quyền ASEAN.

Cụ thể, Điều 1(7) Hiến chương ASEAN nêu rõ, một trong các mục tiêu của ASEAN là "...thúc đẩy và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người". Hiến chương cũng khẳng định: "ASEAN và những quốc gia thành viên phải hành động phù hợp với các nguyên tắc sau: ...(h) tuân thủ pháp quyền, quản trị tốt, các

²⁶ Nguồn tham khảo của phần này từ Đề tài nghiên cứu cấp bộ, *Xây dựng văn kiện nhân quyền chung của ASEAN - Các nguyên tắc chỉ đạo và đề xuất dự thảo*, Học viện Quan hệ Quốc tế, 2010.

nguyên tắc dân chủ và chính phủ hợp hiến; (i) tôn trọng các tự do cơ bản và thúc đẩy bảo vệ nhân quyền, thúc đẩy công lý xã hội.”²⁷ Ngoài ra, Hiến chương cũng nêu rõ, ASEAN ủng hộ Hiến chương Liên Hợp Quốc và các điều ước về luật nhân quyền, nhân đạo quốc tế mà các nước ASEAN tham gia, trên cơ sở tôn trọng các nền văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo khác nhau của nhân dân ASEAN, trong khi nhấn mạnh các giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng. Như vậy, lần đầu tiên, hợp tác nhân quyền trở thành mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của ASEAN, được ghi nhận trong văn bản pháp lý có giá trị cao nhất của ASEAN.

Mặc dù vậy, hoạt động hợp tác về nhân quyền trong khuôn khổ ASEAN vẫn phải chịu sự điều chỉnh của các cơ chế truyền thống của khu vực. Về vấn đề này, Hiến chương nêu rõ một số mục đích và nguyên tắc quan trọng khác như tôn trọng chủ quyền quốc gia, sự bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ, bản sắc dân tộc của các nước ASEAN; không can thiệp vào công việc nội bộ; tôn trọng quyền của các nước ASEAN được phát triển không chịu sự can thiệp hay ép buộc từ bên ngoài. Ngoài ra, Hiến chương còn nhấn mạnh phương thức quyết định dựa trên đồng thuận. Cụ thể, *Lời mở đầu* của Hiến chương nêu: “Thống nhất với mong muốn chung và ý chí tập thể được sống trong một khu vực hòa bình, an ninh và ổn định lâu dài, phát triển kinh tế bền vững, tiến bộ xã hội và thịnh vượng chung; và để thúc đẩy các lợi ích, lý tưởng, khát vọng thiết yếu của chúng ta. Tôn trọng tầm quan trọng cơ bản của tình hữu nghị, hợp tác, các nguyên

²⁷ Điều 2(2)(h) và (i), Hiến chương ASEAN.

tắc chủ quyền, bình đẳng, không can thiệp vào công việc nội bộ, đồng thuận và thống nhất trong đa dạng”. Tư tưởng này cũng được khẳng định tại Điều 1(1) và Điều 2(2,a, e và f).

Liên quan đến cam kết thành lập Cơ quan nhân quyền ASEAN, Điều 14 của Hiến chương nêu rõ: “1) Phù hợp với các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền và tự do cơ bản, ASEAN sẽ thành lập một cơ quan nhân quyền ASEAN. 2) Cơ quan nhân quyền ASEAN này sẽ hoạt động theo Quy chế hoạt động do Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN quyết định”.

Hiến chương ASEAN bắt đầu có hiệu lực từ tháng 12/2008. Để thực hiện những cam kết chung về nhân quyền theo Hiến chương, các nước ASEAN đã tích cực soạn thảo Quy chế hoạt động của Cơ quan nhân quyền ASEAN và vào tháng 7/2009, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 42 tại Phuket, Thái Lan đã thông qua Quy chế hoạt động này.²⁸ Sau đó, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (*ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights - AICHR*) đã được thành lập tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN tháng 10/2010.

²⁸ Một bước tiến tiếp theo trong hợp tác nhân quyền khu vực, xem tại <http://www.aseansec.org/PR-Another-Step-Forward-for-Regional-HR-Cooperation.pdf>



Ảnh: Thủ tướng Thái Lan Abhisit Vejjajiva chính thức công bố sự ra đời của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) vào ngày 23/10/2009 tại buổi lễ được tổ chức tại Hua Hin, Thái Lan. Tiến sỹ Sriprapha Petcharamesree (đại diện của Thái Lan tại AICHR) đang đón nhận quyết định từ Thủ tướng Abhisit.

Có thể thấy, sau khi Hiến chương ASEAN được ký kết, hợp tác trong lĩnh vực về nhân quyền giữa các nước trong khu vực đã có một khung pháp lý rõ ràng hơn, đồng thời có những cam kết mạnh mẽ và cụ thể hơn. Sự ra đời và hoạt động của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền thể hiện rõ điều đó. Dựa trên các mục tiêu và nguyên tắc trong Quy chế hoạt động, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau, trong đó có một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết, đó là xây dựng một Tuyên bố Nhân quyền ASEAN nhằm thiết lập khuôn khổ cho hợp tác nhân quyền giữa các nước trong khu vực. Tuyên bố này sẽ được coi là kim chỉ nam và nền tảng cho việc xây dựng các công ước, văn kiện khác về nhân quyền ASEAN trong thời kỳ tới.

2.3.3. Các cơ quan chính về bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền ở khu vực ASEAN

Đến thời điểm hiện nay, đã có ba cơ chế bảo vệ nhân quyền được hình thành trong khu vực ASEAN, đó là Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR), Ủy ban thực hiện Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú (ACMW) và Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC). Dưới đây sẽ đề cập khái quát về các cơ quan này:

2.3.3.1. Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR)

AICHR được thành lập theo Điều 14 Hiến chương ASEAN. Ủy ban đã nhóm họp phiên đầu tiên từ ngày 28/3 đến ngày 1/4/2010 tại Jakarta, Indonesia.

Địa vị pháp lý

Khác với các cơ chế nhân quyền ở các khu vực khác, AICHR chỉ là một cơ quan tư vấn liên chính phủ (theo Điều 4 Quy chế). Tuy nhiên, Quy chế để mở cho việc kiểm điểm lại quy định này sau năm năm kể từ khi Ủy ban đi vào hoạt động. Việc kiểm điểm này sẽ được thực hiện bởi Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN, với mục đích hướng đến việc tăng cường hiệu quả thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong khu vực (Điều 9.6).

Mục đích và các nguyên tắc hoạt động

Điều 1: Quy chế của AICHR xác định sáu mục đích của cơ quan này, bao gồm:

- Thúc đẩy và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của nhân dân các nước ASEAN.

- Bảo vệ quyền của người dân ASEAN được sống trong hòa bình, tôn trọng và thịnh vượng.
- Góp phần hiện thực hóa các mục tiêu của ASEAN như đã nêu trong Hiến chương ASEAN nhằm thúc đẩy ổn định và hòa hợp trong khu vực, tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN cũng như bảo đảm hạnh phúc, sinh kế, phúc lợi và sự tham gia của người dân ASEAN vào quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN.
- Thúc đẩy nhân quyền trên cơ sở bối cảnh khu vực, ghi nhớ tính đặc thù của từng nước và của khu vực, tôn trọng sự khác biệt về lịch sử, văn hóa và tôn giáo, có tính đến sự cân bằng giữa quyền lợi và trách nhiệm.
- Tăng cường hợp tác khu vực với mong muốn hỗ trợ cho nỗ lực của các quốc gia và quốc tế trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.
- Duy trì các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế được quy định trong Tuyên bố chung về nhân quyền, Tuyên bố về Chương trình Hành động Vientiane, các văn kiện quốc tế về nhân quyền mà những nước thành viên ASEAN tham gia.

AICHR tuân theo năm nhóm nguyên tắc hoạt động nêu tại Điều 2 của Quy chế, cụ thể như sau:

- Tôn trọng các nguyên tắc của ASEAN như đã nêu trong Điều 2 Hiến chương ASEAN, đặc biệt là: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các nước thành viên ASEAN; không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước thành viên

- ASEAN; tôn trọng quyền của mỗi nước thành viên bảo vệ đất nước mình tránh khỏi sự can thiệp, lật đổ hay áp đặt từ bên ngoài; tuân thủ luật pháp, sự quản lý tốt, các nguyên tắc dân chủ và chính phủ hợp hiến; tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, và thúc đẩy công bằng xã hội; tôn trọng Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bao gồm luật nhân đạo quốc tế được các nước thành viên ASEAN tán thành; và tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo giữa các nước ASEAN, đồng thời nhấn mạnh các giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng.
- Tôn trọng các nguyên tắc về nhân quyền quốc tế, bao gồm tính toàn thể, không tách rời nhau, phụ thuộc lẫn nhau và tính tương quan của tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, cũng như không thiên vị, khách quan, không chọn lọc, không phân biệt và tránh tình trạng tiêu chuẩn kép và chính trị hóa.
 - Nhận thức được trách nhiệm chính trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản thuộc về mỗi nước thành viên.
 - Theo đuổi cách tiếp cận và hợp tác xây dựng, không đối đầu nhằm tăng cường thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.
 - Áp dụng cách tiếp cận tiệm tiến giúp phát triển các tiêu chuẩn và chuẩn mực nhân quyền trong ASEAN.

Chức năng và nhiệm vụ

AICHR có các chức năng và nhiệm vụ trong nhiều lĩnh vực thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, cụ thể như: Xây dựng chiến

lược, tăng cường nhận thức, thu thập thông tin, triển khai nghiên cứu, khuyến khích các nước thành viên ASEAN xem xét gia nhập và thông qua các văn kiện nhân quyền quốc tế; thúc đẩy việc thực hiện đầy đủ các văn kiện ASEAN liên quan đến nhân quyền... Ngoài ra, AICHR có nhiệm vụ “thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào khác mà Hội nghị Bộ trưởng ASEAN có thể giao phó” (Điều 4 Quy chế).

Cơ cấu tổ chức

AICHR bao gồm đại diện của tất cả các nước thành viên ASEAN. Mỗi nước thành viên bổ nhiệm một đại diện, người này sẽ chịu trách nhiệm trước chính phủ cử đại diện. Quy chế không nêu những tiêu chí cụ thể của người đại diện mà chỉ khuyến nghị các nước thành viên khi bổ nhiệm đại diện vào AICHR cần có sự xem xét hợp lý dựa trên cơ sở bình đẳng giới, khả năng và mức độ tham gia trong lĩnh vực nhân quyền. Mặt khác, những nước thành viên cần tham khảo các chủ thể liên quan trong việc bổ nhiệm đại diện tới AICHR.

Nhiệm kỳ của mỗi đại diện là ba năm và có thể được tái bổ nhiệm, song chỉ được thêm một nhiệm kỳ. Chính phủ bổ nhiệm có thể quyết định thay thế đại diện của mình theo ý muốn. Các đại diện có trách nhiệm tuân thủ Hiến chương ASEAN, Quy chế của AICHR và tham dự các cuộc họp của cơ quan này. Chủ tịch AICHR sẽ là đại diện của nước thành viên giữ chức Chủ tịch ASEAN.

Phương thức hoạt động

Điều 6 Quy chế quy định các phương thức hoạt động, cụ thể như việc ra quyết định, các cuộc họp, thực hiện báo cáo và công

bố thông tin... Khi ra quyết định, AICHR sẽ căn cứ trên cơ sở tham vấn và đồng thuận tuân thủ Điều 20 Hiến chương ASEAN. AICHR sẽ họp hai lần mỗi năm, mỗi cuộc họp kéo dài không quá năm ngày. Các cuộc họp thường niên của AICHR sẽ được tổ chức luân phiên tại Ban thư ký ASEAN và nước thành viên giữ chức Chủ tịch ASEAN. AICHR phải trình báo cáo thường niên và các báo cáo khác tới Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN. AICHR sẽ định kỳ công khai công việc và những hoạt động của mình thông qua các phương tiện thông tin công cộng thích hợp.

Về quan hệ với các cơ quan nhân quyền khác trong khuôn khổ ASEAN, Quy chế khẳng định AICHR là một thể chế nhân quyền bao quát, chịu trách nhiệm tổng thể về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong ASEAN. Theo đó, AICHR sẽ làm việc với tất cả các cơ quan chuyên trách khác của ASEAN về nhân quyền để quyết định phương thức liên kết cuối cùng của họ với AICHR. Để đạt được điều này, AICHR sẽ tham vấn, phối hợp và cộng tác chặt chẽ với các cơ quan nói trên để tăng cường tính hỗ trợ, gắn kết trong quá trình thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.

Ngân sách hàng năm sẽ được đóng góp trên cơ sở chia đều cho các nước thành viên ASEAN. AICHR cũng có thể nhận các nguồn hỗ trợ từ bất cứ nước thành viên ASEAN nào cho những chương trình riêng ngoài ngân sách trong kế hoạch làm việc. AICHR cũng sẽ thành lập một quỹ ủng hộ bao gồm khoản đóng góp tự nguyện từ các nước thành viên ASEAN và nhiều nguồn khác.

Những cuộc họp đầu tiên của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR)

Cuộc họp lần 1: 28/3 - 1/4/2010, tại Jakarta, Indonesia:

- Thảo luận về phương thức bảo đảm hiệu quả hoạt động của AICHR
- Thảo luận về việc hình thành Các Quy tắc về thủ tục (*Rules of Procedure*).
- Chuẩn bị soạn thảo Kế hoạch hoạt động năm năm.
- Tham vấn và ký thỏa thuận hợp tác với các cơ quan liên quan của ASEAN, bao gồm Ủy ban Đại diện thường trực ASEAN (CPR), Cuộc họp viên chức cao cấp về các vấn đề xã hội và phát triển (SOMSVD) và Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW)...

Cuộc họp lần 2: 28/6 - 2/7/2010, tại Đà Nẵng, Việt Nam

- **AICHR** không ra thông cáo báo chí về kết quả của cuộc họp này.

Cuộc họp lần 3: 20 - 24/9/2010, tại Kuala Lumpur, Malaysia

- Thảo luận về việc thực thi Chương trình hành động ưu tiên giai đoạn 2010 - 2011 đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN lần thứ 43 (Hà Nội, tháng 7/2010)
- Thảo luận về ngân sách cho giai đoạn 2012 - 2015 của Kế hoạch hoạt động năm năm.
- Thảo luận về việc soạn thảo Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN.
- Gặp gỡ, trao đổi về định hướng hợp tác với Nhóm công tác vì cơ chế nhân quyền ASEAN.
- Trước cuộc họp này, khoảng 50 tổ chức xã hội dân sự trong khu vực đã có cuộc họp và đệ trình một kiến nghị đến AICHR liên quan đến Các Quy tắc về thủ tục (ROP), Tuyên ngôn Nhân quyền và Kế hoạch hoạt động của AICHR.

Cuộc họp lần 4: 10 - 13/2/2011, tại Solo, Indonesia

- Thảo luận và thông qua Các Hướng dẫn hoạt động (*Guidelines of Operations*) của AICHR.
- Thảo luận về Quy chế hoạt động cho Nhóm soạn thảo (*Drafting Group*) Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN,
- Tổ chức đối thoại với Chủ tịch Ủy ban Đại diện Thường trực ASEAN (CPR), hai bên thống nhất sẽ thúc đẩy hợp tác đặc biệt trong lĩnh vực nhân quyền với các đối tác đối thoại ASEAN.

Cuộc họp lần 5: 25 - 29/4/2011, tại Jakarta, Indonesia

- Thảo luận và thông qua Quy chế hoạt động cho Nhóm soạn thảo Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN cùng Thủ tục Hoạt động của AICHR.
- Thảo luận về ngân sách và phương thức tổ chức nghiên cứu về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và nhân quyền tại ASEAN.
- Thảo luận và đi đến thống nhất những điểm căn bản của Kế hoạch hoạt động năm năm 2012 - 2015 và phương thức tổ chức nghiên cứu chủ đề lao động di trú.
- Thảo luận việc chuẩn bị xuất bản một cuốn sách nhỏ giới thiệu về AICHR.

Cuộc họp lần 6: 28/6 - 2/7/2011, tại Vientiana, Lào

- Thảo luận về vai trò của Ban thư ký ASEAN đối với công việc của Ủy ban, đưa ra các ưu tiên cho kế hoạch năm năm 2011 - 2015 trước khi đệ trình lên Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 44 để thông qua trong tháng 7/2011.
- Thảo luận về việc xây dựng Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN.
- Xem xét Quy chế hoạt động (TOR) cho nghiên cứu chuyên đề về Di trú và về Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.



Ảnh: Các đại biểu tại cuộc họp lần thứ sáu của AICHR (Vientina, Lào).²⁹

2.3.3.2. Ủy ban thực hiện Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú (ACMW)

Nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động di trú, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 12 đã thông qua Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú (ACMW) vào ngày 30/1/2007 tại Cebu, Philippin. Để thực thi Tuyên bố này, ngày 30/7/2007, tại Manila, Philippin, ASEAN đã thông qua Tuyên bố thành lập Ủy ban thực hiện Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú (ACMW).

Mục tiêu của Ủy ban hướng đến là bảo đảm thực hiện hiệu quả các cam kết đưa ra trong Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú (ACMW) và hỗ trợ việc xây dựng một văn kiện ASEAN về quyền của người lao

động di trú. Ủy ban bao gồm đại diện của các quốc gia thành viên và một đại diện của Ban thư ký ASEAN. Ủy ban do đại diện của quốc gia đang giữ chức Chủ tịch luân phiên của ASEAN đứng đầu.

2.3.3.3. Ủy ban thúc đẩy, bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC)

Tại cuộc họp cấp cao ASEAN lần thứ 10 (tháng 10/2004), các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua Chương trình Hành động Vientina 2004 - 2010, trong đó có việc thành lập Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ, trẻ em ASEAN (ACWC) (tại Điểm 1.1.4.7 của Chương trình). Tại cuộc họp Cấp cao ASEAN lần thứ 14 (tháng 2/2009), Tuyên bố Cha - am Hua Hin về lộ trình xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đã được thông qua, trong đó có việc thiết lập Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ, trẻ em như một biện pháp quan trọng để bảo đảm sự phát triển công bằng cho hai nhóm đối tượng này. Quy chế hoạt động của Ủy ban đã được thông qua tại Hội nghị cấp cao lần thứ 15 tại Bangkok, Thái Lan tháng 10 năm 2009.

Quy chế của Ủy ban nêu rõ các mục đích, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và chức năng của Ủy ban. Giống như AICHR, Ủy ban thúc đẩy, bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN cũng chỉ là một cơ quan tham vấn. Tuy nhiên, khác với AICHR, Ủy ban sẽ bao gồm hai đại diện từ mỗi quốc gia thành viên - một đại diện về quyền phụ nữ và một đại diện về quyền trẻ em (Điều 6 Quy chế). Như vậy, Ủy ban bao gồm 20 thành viên tới từ 10 nước trong khu vực với nhiệm kỳ ba năm và có thể được tái cử thêm một nhiệm kỳ.

²⁹ Ảnh tại: <http://www.vientianemai.net/teen/khao/1/3520>

Ngày 7/4/2010, ACWC ra mắt tại Hà Nội. Phát biểu trong tuyên bố ra mắt ACWC, Bộ trưởng Bộ Lao động và Thương binh xã hội Việt Nam, Nguyễn Thị Kim Ngân, cho rằng sự ra đời của Ủy ban đánh dấu một bước tiến trong việc đảm bảo phát triển công bằng cho phụ nữ và trẻ em ở khu vực.

2.3.4. Sự cần thiết, ý nghĩa của việc xây dựng một cơ chế và văn kiện chung về nhân quyền của ASEAN³⁰

Hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người dù trên phạm vi toàn cầu hay khu vực đều đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực của tất cả các quốc gia, thông qua nhiều biện pháp kể cả chính trị lẫn pháp lý. Xét về công cụ pháp lý, việc xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, văn kiện chung về nhân quyền đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở một khu vực nhất định. Điều này đã được chứng minh qua sự thành công các cơ chế và văn kiện nhân quyền của châu Âu, châu Mỹ và gần đây là châu Phi.

Khu vực ASEAN đang trong quá trình thể chế hóa được đánh dấu bằng cột mốc quan trọng là việc thông qua Hiến chương ASEAN, trong đó chứa đựng các quy định về những nguyên tắc thiết yếu nhằm bảo vệ quyền con người cùng với nội dung cốt lõi nhất là việc xây dựng cơ quan nhân quyền ASEAN. Sự kiện Ủy ban liên chính phủ về nhân quyền của ASEAN được thành lập đã mở ra một bước phát triển mới cho việc hoàn thiện cơ

³⁰ Nguồn tham khảo của phần này từ Đề tài nghiên cứu cấp bộ, *Xây dựng văn kiện nhân quyền chung của ASEAN – Các nguyên tắc chỉ đạo và đề xuất dự thảo*, Học viện Quan hệ Quốc tế, 2010.

chế bảo vệ quyền con người trong khu vực. Tuy nhiên, một cơ chế nhân quyền khu vực hoàn thiện phải có đầy đủ cả cơ quan thực thi và những văn kiện nhân quyền để cụ thể hóa các quyền sao cho phù hợp với đặc thù của khu vực đó. Các văn kiện này sẽ được xem là cơ sở cho sự hợp tác giữa những quốc gia trong lĩnh vực nhân quyền, đồng thời là cơ sở cho hoạt động của các cơ quan nhân quyền trong khu vực. Ý nghĩa của việc xây dựng cơ chế và văn kiện chung về nhân quyền đối với ASEAN thể hiện trên những khía cạnh cụ thể sau đây:

2.3.4.1. Tạo nền tảng cho việc đẩy mạnh hợp tác nhân quyền trong khu vực

Hợp tác trong khuôn khổ các nước ASEAN những năm qua đã có bước phát triển lớn trên nhiều lĩnh vực. Việc Hiến chương ASEAN ra đời và có hiệu lực đã nâng trình độ hợp tác trong khu vực lên tầm cao mới với mục tiêu xây dựng một Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Để thực hiện tốt mục tiêu đề ra của Hiến chương ASEAN, qua đó thúc đẩy hiệu quả hợp tác trong khu vực, thì việc hoàn thiện hệ thống pháp lý ASEAN mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng, cần phải coi là một hoạt động ưu tiên thực hiện. Ở đây, việc xây dựng văn kiện nhân quyền sẽ có ý nghĩa góp phần hoàn thiện hệ thống pháp lý nhằm xây dựng một khuôn khổ pháp luật đầy đủ tạo cơ sở cho sự hợp tác, đồng thời cụ thể hoá và triển khai một cách hiệu quả Hiến chương ASEAN.

Văn kiện nhân quyền sẽ thể hiện cam kết chung của những quốc gia ASEAN trong việc cụ thể hoá các quyền con người tại một văn bản riêng của khu vực. Do đó, dù phạm vi nội dung và mức độ hiệu lực đến đâu thì văn bản này cũng có ý nghĩa đem

lại lợi ích to lớn cho sự hợp tác nhân quyền trong khu vực trong tương lai. Ý nghĩa này càng quan trọng khi đây là văn kiện chung đầu tiên về nhân quyền của các nước ASEAN, tạo cơ sở để sau này các quốc gia trong khu vực tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn kiện nhân quyền bằng việc cho ra đời các điều ước có hiệu lực ràng buộc pháp lý với nội dung toàn diện hơn.

Trong thực tế, hợp tác quốc tế về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, các văn kiện dù ở dưới dạng nào đều ghi nhận cam kết quyết tâm và quyết tâm chung về bảo vệ cũng như thúc đẩy quyền con người và đều thiết lập những chuẩn mực chung chi phối hành động và ứng xử cho các quốc gia. Các chuẩn mực chung được thống nhất này sẽ tạo sự đồng thuận và điều kiện cho các quốc gia phấn đấu và hợp tác với nhau trong việc bảo vệ, thúc đẩy nhân quyền. Đây cũng sẽ là động lực để các nước nỗ lực thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế về bảo vệ, thúc đẩy quyền con người trên phạm vi quốc tế và trong nước.

2.3.4.2. Tăng cường hiểu biết và nhận thức chung về nhân quyền trong khu vực và nâng cao uy tín của ASEAN

Một ý nghĩa khác của việc xây dựng văn kiện chung về nhân quyền đó là tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia ASEAN trong lĩnh vực này. Để có thể soạn thảo một văn kiện chứa đựng các giá trị nhân quyền của khu vực, xây dựng những chuẩn mực ứng xử chung trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người mà tất cả các quốc gia đều công nhận có tính đến những giá trị và bản sắc riêng của từng quốc gia, các nước thành viên ASEAN cần phải trải qua quá trình đàm phán, bàn bạc và trao đổi ý kiến cũng như chia sẻ thông tin lẫn nhau. Thông qua quá trình này,

các quốc gia trong khối sẽ hiểu rõ và chia sẻ với nhau về quan điểm, thực tiễn, thành tựu, hạn chế và những thuận lợi, khó khăn của nhau trong lĩnh vực này, từ đó góp phần củng cố sự tin tưởng lẫn nhau và sự hợp tác giữa các quốc gia trong những vấn đề về nhân quyền.

Trên bình diện quốc tế, việc thông qua văn kiện nhân quyền sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với việc nâng cao uy tín của ASEAN. Văn kiện nhân quyền được xây dựng sẽ thể hiện thành quả của hợp tác nhân quyền khu vực trước cộng đồng quốc tế, nhất là khi bản Hiến chương ASEAN đã được thông qua và những nội dung về nhân quyền được quy định trong Hiến chương đã được cộng đồng quốc tế rất quan tâm và đánh giá cao. Do vậy, việc xây dựng một văn kiện nhân quyền để hoàn thiện hơn cơ chế bảo vệ nhân quyền trong khu vực cũng như để cụ thể hóa các nguyên tắc và quy định về bảo vệ quyền con người trong Hiến chương ASEAN sẽ có ý nghĩa quốc tế rất lớn với tất cả các nước trong Hiệp hội.

2.3.5. Những thách thức trước mắt đối với các cơ quan bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền của ASEAN

Mặc dù đã được thành lập và đi vào hoạt động, Ủy ban nhân quyền liên chính phủ ASEAN (AICHR) và các cơ quan bảo vệ quyền con người khác trong khu vực đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động, trong đó tiêu biểu là:

Thứ nhất, các nước thành viên trong ASEAN khác biệt lớn về hệ thống chính trị, về mức độ tự do và dân chủ. So với các quốc gia khác, một số quốc gia có mức độ cởi mở thấp hơn, hòa nhập chậm hơn cả về kinh tế lẫn chính trị, tính minh bạch và pháp

quyền. Việc làm cho các quốc gia này hòa nhập với khu vực đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực từ các quốc gia khác và từ cộng đồng quốc tế nói chung.

Thứ hai, dù nhiều quốc gia trong ASEAN đã tham gia vào các công ước quốc tế về quyền con người, mức độ cam kết thực hiện nhìn chung còn thấp. Tại nhiều nước còn có khuynh hướng ủng hộ thuyết “tương đối” (hay “tính đặc thù”) về quyền con người. Những quan điểm này từng được thể hiện trong Tuyên bố Bangkok (1993), khi văn kiện này có đoạn nêu rằng: “Tuy quyền con người là phổ quát, nhưng chúng phải được xem trong bối cảnh đặc thù của khu vực và quốc gia với các hoàn cảnh lịch sử, văn hóa và tôn giáo khác nhau trong một quá trình xây dựng chuẩn mực quốc tế năng động”.

Thứ ba, cách hiểu cứng nhắc về nguyên tắc “không can thiệp vào công việc nội bộ” sẽ tiếp tục gây cản trở cho việc các cơ chế chung đưa ra những khuyến nghị có thể làm mất lòng một quốc gia nào đó, việc mở rộng thẩm quyền của các cơ quan này cũng sẽ cần thêm nhiều thời gian và nỗ lực của người dân trong khu vực cũng như các tổ chức quốc tế.

Thứ tư, xã hội dân sự tại các quốc gia có mức độ trưởng thành tương đối thấp. ASEAN chưa hình thành truyền thống đối thoại giữa xã hội dân sự với các nhà nước. Gần đây, lãnh đạo các nước ASEAN mới tạo ra một số kênh đối thoại với các tổ chức nhân dân và xã hội dân sự. Tuy nhiên, việc đối thoại này cho đến gần đây nhìn chung vẫn chỉ là hình thức, mang tính đối phó hơn là lắng nghe một cách thực tâm. Việc xã hội dân sự tiếp cận các cơ quan nhà nước trong khu vực vẫn gặp nhiều khó khăn, các kiến

nghị đề xuất của người dân vì vậy chưa có cơ hội để tác động, ảnh hưởng đến các chính sách chung của ASEAN và chính sách riêng của mỗi nước thành viên về quyền con người.

2.4. Cơ quan quốc gia về nhân quyền ở một số nước ASEAN

2.4.1. Khái quát về các cơ quan nhân quyền quốc gia hiện hành ở ASEAN

Như đã đề cập ở các phần trên, tính đến nay, trong khu vực ASEAN mới có bốn nước thành lập cơ quan quốc gia chuyên trách về quyền con người, đó là Indonesia, Malaysia, Philippin và Thái Lan. Trong số này, cơ quan quốc gia về nhân quyền của Philippin được thành lập sớm nhất, vào năm 1986. Trong thực tế, quy trình và thời gian thiết lập thể chế quốc gia về nhân quyền ở các nước ASEAN là khác nhau. Thái Lan phải mất hàng chục năm trong khi Malaysia thì chỉ mất hai đến ba năm. Điều này là bởi Các nguyên tắc Paris của Liên Hợp Quốc về các cơ quan nhân quyền quốc gia đã không đưa ra một quy trình bắt buộc trong vấn đề này. Các quốc gia có thể thiết lập, thay đổi, củng cố chức năng và hoạt động của các cơ quan nhân quyền quốc gia theo nhu cầu phát triển của từng thời kỳ và phản ánh thông qua các thay đổi, hay sửa đổi của hiến pháp và luật pháp quốc gia.

Dưới đây, chúng tôi xin đề cập cụ thể về những cơ quan nhân quyền quốc gia hiện hành ở các nước ASEAN:

2.4.1.1. Indonesia: Komnas HAM

Ủy ban Nhân quyền quốc gia Indonesia (*Komisi Nasional Hak Asasi Manusia Indonesia* - gọi tắt là Komnas HAM)

được thành lập vào ngày 7/7/1993, theo Sắc lệnh số 50 của Tổng thống về Ủy ban Nhân quyền quốc gia Indonesia. Địa vị pháp lý của Komnas HAM được củng cố bởi Luật số 39 năm 1999 về nhân quyền. Theo Khoản 7 Điều 1 Luật số 39/1999, Komnas HAM là một “cơ quan độc lập, có địa vị ngang bằng với các cơ quan nhà nước khác và có chức năng thực thi các nghiên cứu, khảo sát, giáo dục, giám sát và giải quyết tranh chấp về nhân quyền”.

Theo Luật số 39/1999, Komnas HAM có địa vị pháp lý tương đối mạnh, với những chức năng và nhiệm vụ như sau: a) Thúc đẩy các điều kiện thực thi quyền con người phù hợp với Hiến pháp 1945 của Indonesia, Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền; b) Thúc đẩy việc bảo vệ các quyền con người cho mọi người dân Indonesia để giúp họ tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngoài ra Luật số 39/1999 cũng trao cho Komnas HAM quyền triệu tập đương sự (*sub - poena*) để giải quyết các vụ vi phạm nhân quyền.

Komnas HAM được tăng thêm quyền lực theo Luật số 26 năm 2000 về Tòa án Nhân quyền. Luật này chỉ định Komnas HAM làm cơ quan duy nhất có thẩm quyền điều tra các vụ vi phạm nhân quyền hàng loạt, bao gồm cả diệt chủng và tội ác chống nhân loại.³¹

³¹ Xem thêm tại Trang tin điện tử của Ủy ban Nhân quyền quốc gia Indonesia (Komisi Nasional Hak Asasi Manusia Indonesia - Komnas HAM): <http://www.komnasham.go.id>

2.4.1.2. Malaysia: SUHAKAM

Ủy ban Nhân quyền của Malaysia (SUHAKAM) được thành lập bởi Quốc hội theo Luật về Ủy ban Nhân quyền Malaysia 1999 (Luật số 597). SUHAKAM tổ chức lễ ra mắt và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 24/4/2000.



Ảnh: Lễ trao Giải thưởng nhân quyền năm 2011 do SUHAKAM tổ chức. Bên cạnh những cá nhân được giải, các tổ chức được trao giải gồm kênh truyền hình NTV7, tổ chức phi chính phủ SUARAM, Trường Liêm chính thuộc Bộ quản lý nhà tù Malaysia (Giải đặc biệt)...³²

Sáng kiến thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia Malaysia được khởi đầu với việc Malaysia tham gia tích cực với tư cách thành viên của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc (UNCHR) giai đoạn 1993 - 1995, thời điểm mà Hội đồng Kinh tế - Xã hội bầu chọn quốc gia làm thành viên Ủy ban. Năm 1995, trưởng

³² Ảnh: <http://www.suhakam.org.my/home>

đoàn Malaysia, ngài Tan Sri Dato' Musa bin Hitam, được bầu làm Chủ tịch khóa 52 của UNCHR. Malaysia tiếp tục được tái cử vào UNCHR nhiệm kỳ hai giai đoạn 1996 - 1998 và nhiệm kỳ thứ ba giai đoạn 2001 - 2003. Bên cạnh đó, mối quan tâm của cộng đồng quốc tế về nhân quyền ngày càng gia tăng sau Hội nghị Nhân quyền thế giới ở Vienna năm 1993 cũng tác động đến Malaysia. Trong xu hướng đó, cùng với nhiều quốc gia khác trong khu vực, Malaysia đã thừa nhận tính phổ quát và không thể tách rời của nhân quyền, đồng thời nhận thức được vai trò quan trọng của việc thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia. Hơn nữa, việc hai quốc gia láng giềng là Indonesia và Philippin đã thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia và Thái Lan khi đó đang trong tiến trình thành lập cũng khiến cho Malaysia quyết tâm hơn trong việc thành lập SUHAKAM.

Tháng 7 năm 1999, Chính phủ Malaysia đệ trình dự thảo thành lập Ủy ban Nhân quyền ra trước Quốc hội. Dự thảo này được xây dựng phù hợp với Các Nguyên tắc Paris 1992 và trên cơ sở tham khảo các cơ chế nhân quyền quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngày 3/4/2000, Chính phủ thông báo việc bổ nhiệm Chủ tịch đầu tiên của SUHAKAM, ngài Tan Sri Dato' Musa bin Hitam, và 12 thành viên khác của Ủy ban cho nhiệm kỳ hai năm. Việc bổ nhiệm được thực thi bởi Quốc vương Yang DiPertuan Agong theo kiến nghị của Thủ tướng. Mặc dù Luật về Ủy ban Nhân quyền Malaysia cho phép bổ nhiệm số thành viên lên đến 20 người, nhưng trong giai đoạn đầu chỉ có 13 thành viên. Để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ một cách hiệu quả, nhiều nhóm công tác được Ủy ban thành lập, tập trung vào các lĩnh vực như

giáo dục, cải cách pháp luật, các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, giải quyết khiếu nại...

2.4.1.3. Philippin

Điều XIII Hiến pháp Philippin năm 1986 có quy định về Ủy ban Nhân quyền quốc gia. Theo Mục 17 Điều này, Ủy ban sẽ gồm một Chủ tịch và bốn thành viên là công dân sinh ra tại Philippin và đa số họ phải là thành viên của đoàn luật sư. Nhiệm kỳ công tác, bằng cấp và việc miễn nhiệm các thành viên của Ủy ban được pháp luật quy định cụ thể.

Theo Mục 18 Điều XIII của Hiến pháp, Ủy ban Nhân quyền Philippin có các quyền hạn và chức năng sau đây:

(1) Điều tra, tự mình khởi động hoặc theo khiếu nại bởi bất kỳ chủ thể nào, tất cả các hình thức vi phạm nhân quyền liên quan đến những quyền về dân sự và chính trị.

1. Thông qua các hướng dẫn hoạt động và quy tắc thủ tục của mình và chế tài đối với những vi phạm chung phù hợp với các Quy tắc của Tòa án.
2. Đưa ra những biện pháp pháp lý phù hợp để bảo vệ các quyền con người của tất cả mọi người trong lãnh thổ Philippin cũng như người Philippin ở nước ngoài, đồng thời đưa ra các biện pháp phòng chống và những dịch vụ trợ giúp pháp lý cho các đối tượng thiệt thòi mà nhân quyền bị vi phạm hoặc cần được bảo vệ.
3. Thực thi quyền thanh tra các nhà tù, trại giam, hoặc các cơ sở giam giữ.

4. Thành lập một chương trình liên tục nghiên cứu, giáo dục, thông tin để nâng cao sự tôn trọng quyền con người.
5. Khuyến nghị Quốc hội đưa ra các biện pháp hiệu quả để thúc đẩy quyền con người và cung cấp bồi thường cho nạn nhân của hành vi vi phạm các quyền con người, hoặc gia đình họ.
6. Giám sát sự tuân thủ của Chính phủ Philippin về các nghĩa vụ theo điều ước quốc tế về quyền con người.
7. Quyết định miễn tố cho bất kỳ người nào có lời khai hoặc sở hữu các tài liệu hoặc chứng cứ khác cần thiết hoặc thuận tiện để xác định sự thật trong bất kỳ điều tra được tiến hành hoặc thuộc thẩm quyền Ủy ban.
8. Yêu cầu sự trợ giúp của bất kỳ Bộ, ban, văn phòng, hoặc cơ quan nào khi thực hiện chức năng của mình.
9. Bổ nhiệm các cán bộ, viên chức của mình theo quy định của pháp luật.
10. Thực hiện những nhiệm vụ và các chức năng được pháp luật quy định.

2.4.1.4. Thái Lan

Hiến pháp Thái Lan năm 2007 quy định về Ủy ban Nhân quyền Quốc gia tại các Mục 256 và 257, Phần 2, Chương 11. Mục 256 Hiến pháp quy định về tổ chức của Ủy ban, trong đó bao gồm Chủ tịch và sáu thành viên khác được bổ nhiệm bởi Nhà vua với sự cố vấn của Thượng viện, từ những người có kiến thức và kinh nghiệm trong việc bảo vệ các quyền và tự do của người

dân, có sự quan tâm đến sự tham gia của đại diện các tổ chức tư nhân trong lĩnh vực quyền con người. Thành viên Ủy ban Nhân quyền Quốc gia có nhiệm kỳ sáu năm kể từ ngày được bổ nhiệm bởi Nhà vua và chỉ làm việc một nhiệm kỳ.

Mục 257 Hiến pháp quy định quyền hạn của Ủy ban Nhân quyền Quốc gia, bao gồm:

1. Giám sát và báo cáo về những hành động, sự bỏ mặc dẫn đến vi phạm các quyền con người hoặc không phù hợp với nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế mà Thái Lan là thành viên, và những biện pháp đền bù thích hợp bởi cá nhân hoặc cơ quan có liên quan. Trong những vụ việc mà không có sự hợp tác của các cơ quan có liên quan, Ủy ban sẽ báo cáo đến Quốc hội để thực hiện các bước tiếp theo.
2. Chuyển các vụ việc, cùng với quan điểm của mình, đến Tòa án Hiến pháp khi thấy đồng tình với khiếu nại của một nguyên đơn về bất kỳ điều khoản luật nào ảnh hưởng đến nhân quyền và xin phán quyết về tính hợp hiến của điều khoản luật đó, phù hợp với Luật Tổ chức và Tố tụng của Tòa án Hiến pháp.
3. Chuyển các vụ việc, cùng với quan điểm của mình, đến Tòa án Hành chính khi thấy đồng tình với khiếu nại của một nguyên đơn về một quyết định hoặc hành vi hành chính nào đó ảnh hưởng đến nhân quyền và xin phán quyết về tính hợp hiến hoặc tính phù hợp với luật của quyết định đó, phù hợp với Luật Tổ chức Tòa án Hành chính và Tố tụng Tòa án Hành chính.
4. Khởi kiện tại Tòa án Tư pháp đại diện cho người bị vi phạm khi người bị vi phạm có quyền yêu cầu và thấy phù

hợp để tìm một giải pháp cho vi phạm nhân quyền đối với công chúng nói chung, theo như luật định.

5. Đề xuất các chính sách và khuyến nghị đến Quốc hội hoặc Chính phủ về việc sửa đổi luật và pháp lệnh nhằm thúc đẩy, bảo vệ các quyền con người.
6. Thúc đẩy hợp tác và điều phối giữa các cơ quan chính quyền, tổ chức tư nhân và những tổ chức khác trong lĩnh vực liên quan đến quyền con người.
7. Soạn thảo một báo cáo hàng năm để đánh giá tình hình trong lĩnh vực quyền con người trong nước và nộp cho Quốc hội.
8. Có những hoạt động liên quan đến bảo vệ và thúc đẩy các quyền và nghĩa vụ khác theo luật định.

Ủy ban Nhân quyền Quốc gia Thái Lan có quyền yêu cầu cung cấp tài liệu hoặc chứng cứ từ bất kỳ người nào, triệu tập bất kỳ ai đến để trình bày thông tin và có các quyền khác để thực thi nhiệm vụ theo luật định.

2.4.2. So sánh các cơ quan nhân quyền quốc gia hiện hành ở ASEAN

Các cơ quan nhân quyền quốc gia hiện hành ở ASEAN có những điểm giống, khác nhau như sau:

2.4.2.1. Điều được thành lập theo hiến pháp và pháp luật

Bốn nước trong ASEAN đều dựa vào khuôn khổ hiến pháp và xây dựng nội luật riêng, quy định quyền hạn trách nhiệm của thể chế quốc gia. Tuy nhiên, nhìn chung, khuôn khổ pháp luật về cơ quan nhân quyền quốc gia của các nước này vẫn còn nhiều hạn chế về chức năng báo cáo, trách nhiệm giải trình,

chức năng đưa ra các khuyến nghị sửa đổi có thể dẫn đến xử phạt nếu không sửa đổi của thể chế nhân quyền quốc gia.

2.4.2.2. Điều có chức năng bán tư pháp (có quyền tài phán, giải quyết khiếu kiện)

Các Cơ quan nhân quyền quốc gia hiện hành ở ASEAN đều có thể đưa các vụ việc sang Cơ quan Tư pháp của nhà nước để xử lý. Đặc biệt, ở Indonesia quyền hạn của Cơ quan nhân quyền quốc gia còn cho phép can thiệp hay hỗ trợ các quá trình thụ lý ở tòa liên quan đến những vụ việc về nhân quyền khi được Tòa án cho phép (Điều 89 (3) luật về Cơ quan nhân quyền quốc gia). Tuy nhiên, ở Thái Lan, cơ quan nhân quyền quốc gia không được phép đề xuất các biện pháp chính sửa khi đã có phán quyết của Tòa án (Điều 22 Luật về Cơ quan nhân quyền quốc gia). Ở tất cả các nước liên quan, nếu các khuyến nghị của Cơ quan nhân quyền quốc gia không được các chủ thể liên quan thực hiện thì sẽ có các hình thức xử lý, tuy nhiên, chỉ có hai nước là Thái Lan và Indonesia Cơ quan nhân quyền quốc gia có quyền trực tiếp xử lý khiếu nại và điều tra vi phạm. Việc xử lý cụ thể như sau:

1. Thái Lan: Có thể xử phạt (phạt tiền hoặc bỏ tù) nếu từ chối không hiện diện hoặc cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc. Thêm vào đó, Ủy ban nhân quyền quốc gia có quyền gửi báo cáo đề xuất việc bồi thường cho cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý việc bồi thường (Điều 28 của Luật Cơ quan nhân quyền quốc gia).
2. Indonesia: Có quyền khuyến nghị hay đề nghị Tòa án xử phạt nếu từ chối không hiện diện hoặc cung cấp thông tin tài liệu về vụ việc.

3. Philippin (Điều 3 Hiến pháp 1987): Có quyền yêu cầu Tòa án xử lý các vi phạm theo quy định và thủ tục của tòa, có quyền đi thăm các cơ sở giam giữ, yêu cầu thả những người vô tội và khuyến nghị bồi thường thông qua Tòa án. Tuy nhiên, ngoài cách thức pháp lý, xử lý các khiếu kiện cũng được thực hiện theo hướng hòa giải và thỏa thuận.

2.4.2.3. Về mối liên hệ với các tổ chức xã hội dân sự

Các Cơ quan nhân quyền quốc gia rất cần giữ mối liên hệ và huy động sự tham gia của xã hội dân sự vào hoạt động của mình. Mặc dù những Cơ quan nhân quyền quốc gia của các nước ASEAN đều có mối liên hệ với các tổ chức xã hội dân sự, song chỉ có ở Thái Lan và Indonesia những cơ quan này mới có thể huy động các tổ chức xã hội dân sự vào các hoạt động thường xuyên của mình.

2.4.3. Hợp tác giữa các Cơ quan nhân quyền quốc gia ở ASEAN

Vào tháng 6/2007, bốn Cơ quan nhân quyền quốc gia nói trên ở ASEAN đã ký Tuyên bố Hợp tác, theo đó họ nhất trí phối hợp trong năm lĩnh vực quan tâm chung: Chống khủng bố trong khi vẫn đảm bảo tôn trọng nhân quyền; Chống buôn bán người; Bảo vệ nhân quyền của người nhập cư và lao động nhập cư; Thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và quyền phát triển; Giáo dục về quyền con người.³³ Bốn cơ quan này cũng hợp tác để thúc đẩy các chính phủ ASEAN thiết lập những

³³ Xem *Tuyên bố Hợp tác* tại <http://www.asiapacificforum.net/about/annual-meetings/12th-australia-2007/downloads/regional-cooperation-between-nhris/Declaration%20of%20Cooperation.pdf>

thể chế quốc gia nhân quyền chuyên trách. Sự hợp tác của các cơ quan này hình thành *Diễn đàn của các cơ quan nhân quyền quốc gia khu vực Đông Nam Á* (Southeast Asian National Human Rights Institution Forum (SEANF))³⁴

Ngoài việc hợp tác với nhau, các Cơ quan nhân quyền quốc gia của ASEAN còn tham gia các mối quan hệ hợp tác ngoài khối, trong đó tiêu biểu là *Diễn đàn châu Á Thái - Bình Dương của các cơ quan nhân quyền quốc gia* (gọi tắt là APFNHRIs).³⁵ Được thành lập vào năm 1996, mục tiêu ban đầu của mạng lưới này (theo Tuyên bố Larrakia) là tăng cường hợp tác khu vực; giúp các thành phần xã hội trong trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và củng cố tính độc lập, năng lực, hiệu quả, vai trò của các Cơ quan nhân quyền quốc gia trong công tác của họ theo các chuẩn mực của tuyên bố Paris, cũng như nhằm tăng cường quan hệ giữa các Cơ quan nhân quyền quốc gia và NGOs. Ngoài các thành viên là những Cơ quan nhân quyền quốc gia đã được thành lập, việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực quyền con người thông qua diễn đàn, hội thảo... cũng được thực hiện giữa các cơ quan không phải là thành viên, các tổ chức xã hội dân sự khác và các quan chức chính phủ. Mô hình hoạt động như hiệp hội liên quốc gia này đã được cho là một mô hình thành công của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

³⁴ <http://www.aseannhriforum.org>

³⁵ Xem thêm: www.asiapacificforum.net

Phần III

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG KHU VỰC ASEAN

3.1. Khái quát

Cùng với xu hướng phát triển của xã hội dân sự trên phạm vi toàn cầu và vai trò gia tăng của các tổ chức, mạng lưới phi chính phủ tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, song phương và đa phương, các tổ chức xã hội trong khu vực ASEAN cũng đã có những bước tiến triển đáng kể trên nhiều mặt và ngày càng có vai trò tích cực hơn trong đối thoại với các chính quyền ở phạm vi trong nước, cũng như ở tầm ASEAN. Điều 13 Hiến chương ASEAN đã ghi nhận sự tham gia của xã hội dân sự vào tiến trình hội nhập và phát triển: “Thúc đẩy một cộng đồng ASEAN dựa vào nhân dân, trong đó khuyến khích sự tham gia của mọi thành phần trong xã hội để có thể hưởng lợi từ quá trình hội nhập và xây dựng cộng đồng ASEAN”.

Tuy nhiên, theo nhiều chuyên gia, trong các điều khoản khác của Hiến chương và trong thực tế, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế liên quan đến sự tham gia của xã hội dân sự trong việc ra quyết định của ASEAN. Cụ thể, tất cả các cơ quan của ASEAN, bao gồm Hội đồng điều phối, Hội đồng cộng đồng, Hội đồng Bộ

trưởng và các Ủy ban, đều do quốc gia thành viên chỉ đạo. Từ việc này, các chuyên gia đưa ra nhận định rằng nội dung bản Hiến chương thiếu hẳn tính chất lấy nhân dân ASEAN làm trung tâm. Thêm vào đó, không có đại diện của khu vực xã hội dân sự trong thành phần của các Cơ quan nhân quyền ở ASEAN. Thậm chí một số quốc gia vẫn chưa thực sự công nhận vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong những diễn đàn chính thức.³⁶ Việc xây dựng điều khoản tham chiếu (*Terms of Reference*) ở ACWC cho phép sự tham gia của khối xã hội dân sự và thành viên của các nhóm làm việc hứa hẹn dẫn đến một quá trình minh bạch hơn, nhưng không phải quốc gia ASEAN nào cũng cho phép các NGO của nước mình tham gia.

Các NGO ở tầm khu vực và từng quốc gia trong khu vực cần phải được hợp tác chặt chẽ với những cơ quan nhân quyền quốc gia, vì việc hợp tác và liên kết với các tổ chức xã hội dân sự là một trong những nhiệm vụ của cơ quan nhân quyền quốc gia. Trong thực tế, nhiều hoạt động hợp tác như vậy đã được tổ chức, cụ thể như Diễn đàn của các Cơ quan nhân quyền quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APFNHRI) và Nhóm các tổ chức NGO châu Á - Thái Bình Dương (APHR - FT) đã ghi nhận sự tham gia và tầm quan trọng của các tổ chức xã hội dân sự trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

Những hạn chế kể trên một phần bắt nguồn từ thực tế là phong trào xã hội dân sự hầu như mới được khởi xướng từ một vài thập kỷ gần đây ở các nước ASEAN. Một số nước có phong

³⁶ *Human rights in Asia - Pacific Region*. Hitoshi Násu and Ben Saul. (ed) Routledge Research In Human Rights Law. 2011 Challenges for ASEAN Human Rights Mechanism

trào mạnh hơn như Philippin, Thái Lan, Indonesia và Malaysia (xét về cả số lượng và hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự). Với ASEAN, các tổ chức xã hội dân sự là những chủ thể rất cần thiết để hướng tới sự minh bạch và bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người.

Quá trình hoạt động và sự tham gia của các NGO trong ASEAN rất đáng kể và có nhiều tác động, ví dụ các NGO thông qua diễn đàn khu vực đã khuyến khích những Cơ quan nhân quyền quốc gia trong việc vận động các nước tham gia công ước quốc tế về quyền con người, vận động các nhà tài trợ đa phương, song phương công nhận những tác động không có lợi cho quyền con người trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế khu vực 1997. Các tổ chức NGO cũng kêu gọi tăng cường vai trò tài phán của các Cơ quan nhân quyền quốc gia và các cơ quan này phải tích cực trong việc xử lý những khiếu nại khiếu kiện, cũng như thực hiện các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cho công chúng hiểu được thế nào là vi phạm hay không vi phạm quyền con người. Các tổ chức khu vực khối xã hội dân sự có thể có các hình thức liên quốc gia, hay tổ chức của khu vực với các thành viên là những tổ chức của các nước thành viên, hay hoạt động độc lập ở diện khu vực. Nhiều mạng lưới trong khu vực ASEAN đang hình thành. Dù hình thức mạng lưới khu vực là tương đối mới, các mạng lưới này đã có những thành tựu nhất định và được các chính phủ ghi nhận.

Quan điểm của các tổ chức xã hội dân sự trong khu vực Đông Nam Á, khác với các chính trị gia hay nhà cầm quyền, thường có khuynh hướng đề cao các giá trị, nguyên tắc phổ quát nêu trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hợp Quốc.

3.2. Một số tổ chức, mạng lưới xã hội dân sự hoạt động thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong phạm vi một số nước ASEAN

Không gian xã hội dân sự cho các NGO tại những quốc gia trong khu vực tương đối khác biệt, phụ thuộc chủ yếu vào mức độ cởi mở của chính quyền. Tại một số quốc gia, các tổ chức xã hội dân sự, trong đó có các NGO tập trung vào lĩnh vực bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền có điều kiện phát triển thuận lợi từ ba thập niên qua (ví dụ như Philippin, Thái Lan), trong khi tại một số quốc gia khác chỉ khoảng một thập niên gần đây các tổ chức này mới có điều kiện phát triển thuận lợi hơn (ví dụ như Indonesia, Malaysia, Campuchia, Việt Nam). Ở một số quốc gia khác, dù đã xuất hiện các NGO thúc đẩy phát triển, bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, các NGO bảo vệ các quyền chính trị, dân sự hầu như chưa xuất hiện.

3.2.1. Campuchia

Mặc dù thời gian hòa bình sau nội chiến tại Campuchia chưa dài, Nhà nước đã có chính sách tương đối cởi mở đối với xã hội dân sự. Các tổ chức xã hội dân sự ở Campuchia phát triển nhanh chóng và bước đầu đã có những đóng góp đáng kể vào việc khắc phục hậu quả của chế độ diệt chủng và thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Trong số các tổ chức xã hội dân sự đang hoạt động trên lĩnh vực nhân quyền ở Campuchia, các tổ chức dưới đây có thể coi là tiêu biểu:

3.2.1.1. Liên đoàn thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền Campuchia (LICADHO)

Liên đoàn thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền Campuchia (*Cambodian League for the Promotion and Defense of Human Rights*, tên tiếng Pháp: *La Ligue Cambodgienne pour la Promotion et la Defense des Droits de l'Homme* - viết tắt là LICADHO) là một tổ chức phi chính phủ hàng đầu tại Campuchia trong lĩnh vực nhân quyền, được thành lập vào năm 1992. LICADHO hiện có 13 văn phòng ở 13 tỉnh thành trên khắp cả nước.

Đứng đầu LICADHO là nữ bác sỹ Kek Galabru (Pung Chhiv Kek), một công dân sống ở nước ngoài, người từng dàn xếp cuộc gặp giữa Thủ tướng Hun Sen và Quốc vương Norodom Sihanouk. Các cuộc đàm phán đó đã dẫn đến việc ký kết Hiệp định Hòa bình Paris năm 1991, theo đó Liên Hợp Quốc cử một phái đoàn đến Campuchia giám sát các cuộc bầu cử và hỗ trợ dàn xếp tranh chấp kéo dài. Trong bối cảnh đó, bác sỹ Galabru và nhiều người Campuchia sống ở nước ngoài đã về nước để tìm cách giảm bớt khổ đau mà đồng bào phải gánh chịu sau chiến tranh. Từ đó, Liên đoàn thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền Campuchia (LICADHO) được hình thành vào năm 1992. LICADHO là một trong số các tổ chức nhân quyền đầu tiên được thiết lập tại quốc gia này nhờ sự hiện diện của phái đoàn Liên Hợp Quốc. Một tổ chức nhân quyền độc lập như vậy khó có thể được thiết lập trong giai đoạn trước đó.

LICADHO khởi đầu bằng việc tổ chức các chiến dịch giáo dục cử tri về bầu cử cho những cuộc bầu cử diễn ra vào năm

1993 và giám sát việc bầu cử. Sau đó, tổ chức này tham gia vào các hoạt động giám sát vi phạm nhân quyền, đào tạo về nhân quyền, cung cấp chăm sóc y tế cho các tù nhân và nạn nhân của vi phạm nhân quyền. Năm 1994, tổ chức mở rộng với việc thiết lập thêm các văn phòng về quyền phụ nữ và quyền trẻ em.

Hiện nay, LICADHO đang tập trung vào một số chương trình giám sát và bảo vệ nhân quyền (giám sát các vi phạm của Nhà nước, đại diện pháp lý, giám sát nhà tù) bên cạnh việc hỗ trợ y tế, công tác xã hội... LICADHO còn thực hiện việc vận động chính sách, đưa ra các nghiên cứu và đã trở thành một kênh thông tin quan trọng về nhân quyền tại Campuchia.

Các văn phòng của LICADHO cũng cung cấp trợ giúp trong nhiều chương trình về nhân quyền. Nhiều luật sư đã được cử đi đại diện cho các khách hàng là những nạn nhân của vi phạm nhân quyền. Tổ chức này còn chăm sóc sức khỏe, cung cấp lương thực, nơi tạm trú cho các nạn nhân của vi phạm nhân quyền. LICADHO gần đây đặc biệt coi trọng việc kết nối với các cộng đồng và những nhóm tự lực tại các địa phương trong việc thu thập (chụp ảnh, quay phim...) và truyền tải các tin tức về những vi phạm nhân quyền tại các địa phương của Campuchia.³⁷



Ảnh: Logo của tổ chức LICADHO

³⁷ Trang tin điện tử của LICADHO : <http://www.licadho-cambodia.org>

3.2.1.2. Ủy ban hành động vì nhân quyền Campuchia (CHRAC)

Ủy ban hành động vì nhân quyền Campuchia (*Cambodian Human Rights Action Committee - CHRAC*) là một liên minh được thành lập năm 1994 bởi một nhóm các tổ chức và hiệp hội nhằm hợp tác trong nỗ lực bảo vệ nhân quyền. Hiện nay, CHRAC bao gồm 21 tổ chức và hiệp hội độc lập hoạt động trên lĩnh vực nhân quyền của Campuchia, bao gồm các tổ chức ADHOC, LICADHO...³⁸

3.2.1.3. Trung tâm nhân quyền Campuchia (CCHR)

Trung tâm nhân quyền Campuchia (*Cambodian Centre for Human Rights - CCHR*) được thành lập năm 2002 bởi nhà hoạt động nhân quyền Kem Sokha. Năm 2005, Kem Sokha và một số nhà hoạt động khác bị bắt giam do cáo buộc về nội dung của biểu ngữ sử dụng trong lễ kỷ niệm Ngày nhân quyền. Tuy vậy, nhờ áp lực của quốc tế và chiến dịch vận động cho quyền tự do ngôn luận của Giám đốc về vận động của CCHR khi đó là Ou Virak, chính quyền đã trả tự do cho Kem Sokha. Năm 2007, Kem Sokha ngưng hoạt động tại CCHR để chuyển sang hoạt động chính trị, Ou Virak thay thế vị trí Chủ tịch CCHR.

Từ khi thành lập, CCHR tập trung vào việc tăng cường năng lực cho các cộng đồng và là NGO đầu tiên thiết kế những “diễn đàn công chúng” tại nhiều địa phương ở Campuchia. Các diễn đàn này được phát thanh trên chương trình Tiếng nói Dân chủ (*Voice of Democracy*), một chương trình radio được CCHR thiết

lập vào năm 2003, và sáu kênh phát thanh độc lập khác. Đến tháng 6/2007, Trung tâm Truyền thông độc lập Campuchia được thành lập nhằm vận hành Tiếng nói Dân chủ như một đài phát thanh độc lập. Các diễn đàn hiện nay cũng được quay phim và phát trên Youtube. Gần đây, CCHR triển khai nhiều dự án như Dự án Thương mại và nhân quyền, Dự án Những người bảo vệ nhân quyền, Dự án Theo dõi các phiên tòa, Dự án Cổng thông tin điện tử về nhân quyền (Sithi.org)...³⁹

3.2.1.4. Hiệp hội nhân quyền và phát triển Campuchia (ADHOC)

Hiệp hội nhân quyền và phát triển Campuchia (*Cambodian Human Rights and Development Association - ADHOC*) là một tổ chức được thành lập năm 1991 với mục tiêu ban đầu là điều tra các vi phạm nhân quyền tại Campuchia. Văn phòng của tổ chức lúc đầu đặt trong một ngôi chùa tại Phnom Penh.

3.2.2. Indonesia

Không gian cho các tổ chức xã hội dân sự tại Indonesia được mở rộng từ sau năm 1998 khi chế độ của Suharto sụp đổ. Hiện nay, các tổ chức phi chính phủ tại quốc gia này hoạt động rất tích cực thúc đẩy và bảo vệ quyền, tự do của người dân trong nước cũng như tham gia vào các mạng lưới trong khu vực. Những tổ chức nhân quyền chính ở Indonesia hiện nay có thể nêu dưới đây:

³⁸ Trang tin điện tử của CHRAC: <http://www.chrac.org>.

³⁹ Trang tin điện tử: <http://www.cchrcambodia.org/>

3.2.2.1. Nhóm công tác nhân quyền - Liên minh NGOs vận động nhân quyền quốc tế Indonesia (HRWG)

Liên minh NGOs vận động nhân quyền quốc tế Indonesia (*The Indonesia's NGOs Coalition for International Human Rights Advocacy - HRWG*) được thiết lập bởi nhiều NGOs hoạt động về các vấn đề khác nhau có nguyện vọng cùng chia sẻ mối quan tâm về quyền con người, với mong muốn tối đa hóa hiệu quả hoạt động vận động và tạo nhiều áp lực hơn lên chính quyền Indonesia đối với việc thực thi nghĩa vụ quốc tế và tôn trọng các quyền hiến định. Mạng lưới này đặt trụ sở tại thủ đô Jakarta đã tổ chức nhiều hình thức hoạt động đa dạng nhằm tăng cường năng lực cho các NGO, vận động chính sách, phát triển liên minh với các cá nhân, tổ chức bảo vệ nhân quyền ở cấp địa phương, quốc gia, cũng như ở phạm vi khu vực và quốc tế... Rafendi Djamin, điều phối viên của mạng lưới gồm hơn 40 tổ chức này từ năm 2003, gần đây được chính quyền bổ nhiệm làm người đại diện của Indonesia tại Ủy ban Nhân quyền liên chính phủ ASEAN. Điều này phần nào thể hiện sự coi trọng các NGO của chính quyền Indonesia, đặc biệt khi so sánh với các quốc gia ASEAN khác hầu hết đều bổ nhiệm một quan chức chính quyền đại diện cho quốc gia mình tại cơ quan nhân quyền khu vực.⁴⁰

3.2.2.2. Ủy ban vì những người mất tích và nạn nhân của bạo lực (KontraS)

Ủy ban vì những người mất tích và nạn nhân của bạo lực (*The Commission for "the Disappeared" and Victims of*

Violence - KontraS) ra đời trong bối cảnh chế độ độc tài của Suharto trấn áp các lực lượng chính trị đối lập, các chính đảng, các tổ chức cộng đồng. Các NGO và những phong trào sinh viên phải chịu truy bức, bắt bớ, giam cầm và điều tra tàn bạo. Một số hoạt động trấn áp thông qua bộ máy công quyền một cách "chính thức", một số khác được thực hiện kín và tùy tiện đặc biệt dồn dập trước cuộc tổng tuyển cử năm 1997. Đoán trước được khuynh hướng bạo lực có thể xảy ra do liên quan đến các cuộc bầu cử, một số NGOs đã lập nên KIP - HAM (Ủy ban độc lập giám sát các vi phạm nhân quyền) đặt trụ sở tại Jakarta Pusat.

Trong những năm sắp sụp đổ, chế độ Suharto ngày càng bất chấp các thủ đoạn để duy trì quyền lực. Các vụ mất tích cưỡng bức xảy ra ngày càng nhiều. Cộng với những căng thẳng do khủng hoảng kinh tế, bạo lực ngày càng tràn lan trong xã hội, Nhà nước sử dụng các nhân viên an ninh và quân đội thực hiện việc bắt giam và bắt cóc nhiều nhà hoạt động sinh viên như Andi Arief, Waluyo Jati, Nezar Patria, Herman Hendrawan, Bimo Petrus, Mugiyanto, Wiji Thukul, Suyat... Cùng lúc, phong trào dân chủ bày tỏ phản đối sự trấn áp này từ chính quyền. Với sự quan tâm sâu sắc đến số lượng nạn nhân của bạo lực do Nhà nước bảo trợ, các nhà hoạt động từ các NGO và các tổ chức sinh viên như Quỹ hỗ trợ pháp lý Indonesia (YLBHI), Viện nghiên cứu chính sách và vận động (Elsam), Liên minh nhà báo độc lập (AJI - Alliance of Independent Journalists), Ủy ban độc lập giám sát bầu cử (KIPP), PIPHAM, Phong trào sinh viên Hồi giáo Indonesia (PMII) và CPSM đã quyết định lập một lực lượng để xác định

⁴⁰ Trang tin của tổ chức tại: <http://www.hrwg.org/en/link>.

những kẻ phải chịu trách nhiệm về bạo lực và mất tích. Nỗ lực này được ủng hộ bởi nhiều nhân vật có ảnh hưởng.

Tháng 3/1998, KIP - HAM đổi tên thành KontraS (Ủy ban vì những người mất tích và nạn nhân của bạo lực). Do có một liên minh hùng hậu đứng đằng sau, KontraS trở thành một tổ chức hàng đầu đối diện với chính quyền độc tài Suharto. Trong thời kỳ này, KontraS phải sử dụng những chiến thuật khéo léo để có thể duy trì các hoạt động của mình. Sau khi chế độ Suharto sụp đổ, các chế độ kế tiếp vẫn tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng lớn bởi quân đội, tham nhũng tràn lan và nhiều xung đột sắc tộc. KontraS đã liên kết hoạt động với nhiều nhóm, đặc biệt là phong trào sinh viên. Từ năm 2004, tổ chức KontraS tại các địa phương liên kết lại thành Liên đoàn KontraS. Các thành viên của Liên đoàn hiện nay là: KontraS, KontraS Papua, KontraS Sumatera Utara, KontraS Sulawesi và Ad - hoc KontraS Đông Timor.

Ở cấp quốc gia, hiện nay KontraS là thành viên của Nhóm hành động vì nhân quyền (*Human Rights Working Group - HRWG*) và Diễn đàn NGOs quốc tế về Phát triển Indonesia (*International NGOs Forum on Indonesian Development - INFID*). Ở cấp khu vực, KontraS là thành viên của Liên đoàn châu Á chống mất tích cưỡng bức (*Asian Federation Against Involuntary Disappearances - AFAD*), Diễn đàn nhân quyền và phát triển châu Á (*Asian Forum for Human Rights and Development*), Mạng lưới chống hình phạt tử hình châu Á (*Anti - Death Penalty Asia Network - ADPAN*), Diễn đàn đoàn kết nhân dân châu Á (*Solidarity of Asian People Advocacy - SAPA Forum*) và mạng lưới NGOs châu Á về cơ quan nhân quyền

quốc gia (ANNI). Từ năm 2008, KontraS là đối tác chiến lược của Amnesty International tại Indonesia.⁴¹

3.2.2.3. Quỹ hỗ trợ pháp lý Indonesia (YLBHI)

Quỹ hỗ trợ pháp lý Indonesia (*The Legal Aid Foundation - LBH*) được thiết lập theo một sáng kiến tại Đại hội lần thứ ba của Hiệp hội Luật gia Indonesia (*Indonesian Advocates Association - Peradin*) từ năm 1969. Sáng kiến được Hội đồng lãnh đạo thông qua vào năm 1970. Sau mười năm hoạt động, địa vị pháp lý của LBH được mở rộng khi được nâng cấp thành Quỹ Trợ giúp pháp lý Indonesia (*Indonesian Legal Aid Foundation - YLBHI*) vào năm 1980. Khởi đầu, Quỹ được lập ra nhằm cung cấp hỗ trợ tư pháp cho các nhóm người bị thiệt thòi như người nghèo, những người bị thu hồi nơi ở, các cộng đồng bị gạt ra ngoài lề, các nạn nhân của vi phạm nhân quyền... Dưới chế độ độc tài Suharto, LBH thay đổi mục tiêu nhằm đến việc chống lại chế độ Trật Tự Mới của Suharto và trở thành một trong những trung tâm của phong trào dân chủ. LBH tập trung vào việc thực thi các nguyên tắc dân chủ, nhân quyền và công lý chống lại sự bất công của cấu trúc hệ thống Trật Tự Mới. LBH đã quyết định ủng hộ những người công nhân, sinh viên, dân nghèo đô thị, ngư dân và một số nhóm khác trong tiến trình dân chủ hóa. Từ những kinh nghiệm này, LBH phát triển khái niệm “trợ giúp pháp lý cấu trúc” (BHS) nhằm thúc đẩy việc thiết lập một hệ thống pháp luật thông qua việc ban hành các luật dựa vào nhu cầu và ước vọng của người dân hơn là lợi ích của cơ quan công quyền hay áp lực của thị trường. Giai đoạn

⁴¹ Trang tin điện tử của KontraS: <http://www.kontras.org/eng/index.php>

sau, LBH đổi thành YLBHI, tổ chức hiện nay có 14 chi nhánh tại khắp Indonesia, từ Banda Aceh đến Papua. YLBHI bảo vệ các quyền con người thông qua thúc đẩy pháp quyền.⁴²

3.2.2.4. Liên minh các phóng viên độc lập Indonesia (AJI)

Liên minh các phóng viên độc lập Indonesia (*The Alliance of Independent Journalists Indonesia - AJI*) là một tổ chức thúc đẩy tự do báo chí tại Indonesia. AJI được thành lập vào năm 1994 bởi Satrio Arismunandar, Ahmad Taufik và Goenawan Mohamad (người sáng lập và chủ biên tạp chí *Tempo*), nhằm phản ứng lại lệnh cấm của chế độ Suharto đối với ba tạp chí: *Tempo*, *Editor* và *Detik*. AJI hiện là thành viên của Liên minh phóng viên quốc tế (*International Federation of Journalists - IFJ*), Liên minh Báo chí Đông Nam Á (*Southeast Asian Press Alliance - SEAPA*) và Diễn đàn châu Á về nhân quyền và phát triển (FORUM - ASIA).⁴³

3.2.3. Malaysia

Nhìn chung, xã hội dân sự tại Malaysia vẫn còn gặp những khó khăn nhất định về mặt thể chế.

3.2.3.1. Tiếng nói của nhân dân Malaysia (SUARAM)

SUARAM hay *Suara Rakyat Malaysia* (tiếng Mã Lai: Tiếng nói của nhân dân Malaysia) được thành lập vào năm 1987 sau Chiến dịch Lalang bắt bớ hơn 100 lãnh đạo đối lập, lãnh đạo

⁴² Trang tin điện tử của YLBHI: <http://www.ylbhi.or.id/index.php?cx=7>

⁴³ Trang tin điện tử của AJI: <http://www.ajiindonesia.org/index.php?fa=home.main&lang=en>

công đoàn, các nhà hoạt động mà không qua xét xử theo Luật An ninh Nội địa (*Internal Security Act - ISA*). Năm 1989, các nhóm ủng hộ những người bị bắt giam, thân nhân, các luật sư và một số nhóm khác quyết định thành lập SUARAM với mục tiêu ban đầu là vận động nhằm bãi bỏ ISA và giam giữ không xét xử. Về sau, SUARAM mở rộng phạm vi hoạt động sang nhiều lĩnh vực quyền con người khác.

SUARAM hiện là một trong những tổ chức nhân quyền hàng đầu tại Malaysia, thường liên kết với các tổ chức khác như ALIRAN, HAKAM trong những nỗ lực vận động bãi bỏ ISA và cải cách bầu cử. Từ năm 1998, Ban thư ký của tổ chức xuất bản báo cáo hàng năm về các quyền chính trị và dân sự tại Malaysia.

SUARAM tham gia soạn thảo Hiến chương Nhân quyền Malaysia (*Malaysia Charter of Human Rights*), cho ra đời Sổ tay cho các gia đình những người bị giam theo ISA và trở thành thành viên sáng lập tổ chức Diễn đàn châu Á vì Phát triển và quyền con người (FORUM ASIA) trong năm 1991. Các năm tiếp theo SUARAM dần mở rộng sang các lĩnh vực: Bảo vệ người bản địa (thành lập Ủy ban hỗ trợ người bản địa), giáo dục, đào tạo về quyền con người, bảo vệ quyền về môi trường (tham gia liên minh hơn 40 NGOs trong “Chiến dịch chống lại việc xây đập Bakun”), tổ chức các hội thảo về phát triển công bằng... Một số chiến dịch vận động lớn mà SUARAM triển khai là: Chống lại ISA và giam giữ không xét xử; quyền tiếp cận công lý; cải cách ngành cảnh sát; tự do ngôn luận, lập hội và hội họp... Giám đốc điều hành của SUARAM là Yap Swee Seng.⁴⁴

⁴⁴ Trang tin điện tử của SUARAM - Suara Rakyat Malaysia: <http://www.suaram.net>. Phân biệt với Ủy ban nhân quyền Malaysia

3.2.3.2. Phong trào Mã Lai thức tỉnh dân tộc (Aliran)

Phong trào Mã Lai thức tỉnh dân tộc (*Malay for National Consciousness Movement - Aliran Kesedaran Negara*) là một phong trào cải cách hướng đến mục tiêu công lý, tự do và đoàn kết. Aliran ra đời năm 1977, là nhóm nhân quyền sớm nhất tại Malaysia. Aliran có địa vị tham vấn tại Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên Hợp Quốc từ năm 1987. Aliran được hình thành tại Penang bởi bảy nhà hoạt động từ các nhóm dân tộc khác nhau. Đến nay, Aliran là một phong trào cải cách với các thành viên từ mọi miền khác nhau của đất nước.

Từ khi thành lập, Aliran đã có nhiều nỗ lực nâng cao nhận thức của công chúng về các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội căn bản, cũng như vận động cải cách trong mọi lĩnh vực của đời sống. Thông qua *Nguyệt san Aliran (Aliran Monthly)*, một tạp chí tin tức tiếng Anh hàng đầu tại Malaysia là một kênh thông tin hữu ích cho bạn đọc về nhiều mặt của Malaysia. Xuất bản nguyệt san này là một trong các hoạt động chính của Aliran. Tổ chức cũng đưa các thông cáo báo chí, đưa ra những phân tích và nêu các quan điểm về vấn đề nhân quyền trong nước và quốc tế.

Trước đây, các phong xã hội tại Malaysia thường chỉ giới hạn trong một cộng đồng tôn giáo hoặc xã hội nhất định, Aliran có chính sách mở và rất đa dạng về hình thức hoạt động, chương trình, chiến dịch... Với quan niệm rằng sứ mạng chủ yếu của mình là một người giáo dục cho xã hội, Aliran không tham gia các hoạt động tranh cử vào những vị trí chính quyền.

Aliran tham gia nhiều phong trào, mạng lưới như Phong trào bãi bỏ Luật An ninh Quốc gia (*Abolish ISA Movement - AIM*), Hiến chương 2000 (*Charter 2000: A Malaysian Citizens' Media Initiative*), Liên minh chống tư nhân hóa chăm sóc y tế (*Coalition Against Health Care Privatisation*), Liên minh chống tư hữu hóa nước (*Coalition Against Water Privatisation*), Mạng lưới các dân tộc bị đàn áp (*Oppressed People's Network - JERIT*)...

Về điều hành, cơ quan có thẩm quyền tối cao của Aliran là Đại hội AGM vào tháng 11 hàng năm (*Annual general meeting - AGM*). AGM đưa ra các định hướng lớn để Ủy ban chấp hành thực hiện. Ủy ban chấp hành được Đại hội hàng năm bầu ra, gồm 15 thành viên (Chủ tịch, Tổng thư ký, Trợ lý Tổng thư ký, Người phụ trách tài chính và 11 thành viên khác). Các vị trí có thể được tái cử.

3.2.3.3. Hội nhân quyền quốc gia (Hakam)

Hội nhân quyền quốc gia (*National Human Rights Society*) (Tiếng Mã Lai: *Persatuan Kebangsaan Hak Asasi Manusia*), tiếng địa phương được nhắc đến là Hakam. Hakam được coi là một trong những NGOs về nhân quyền tích cực nhất tại Malaysia.

3.2.4. Myanmar

Bối cảnh Myanmar tương đối khó khăn cho những tổ chức xã hội dân sự. Rất nhiều NGOs của Myanmar đặt trụ sở tại các nước trong khu vực, đặc biệt là tại Thái Lan. Bên cạnh các tổ chức chính trị đặt mục tiêu đấu tranh vì dân chủ như Liên đoàn dân chủ quốc gia (*National League for Democracy - NLD*),

Chính quyền liên minh dân tộc của Liên bang Miến Điện (*National Coalition Government of the Union of Burma - NCGUB*) (tự nhận mình là chính quyền lưu vong, có một bộ phận tập hợp tư liệu về nhân quyền - HRDU)... có một số tổ chức phi chính phủ có thể kể đến là:

3.2.4.1. Liên đoàn Phụ nữ Miến Điện (WLB)

Liên đoàn Phụ nữ Miến Điện (*Women's League of Burma - WLB*) được thành lập vào tháng 12 năm 1999. Ra đời trong bối cảnh người phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ các dân tộc thiểu số phải chịu rất nhiều khổ đau và mất mát, nhiều loại vi phạm nhân quyền như lao động cưỡng bức, tra tấn, thu hồi đất và tài sản bởi chế độ quân phiệt. Đặc biệt sau cuộc trấn áp phong trào dân chủ năm 1988, chế độ quân phiệt bị tố cáo là tiếp tục gây ra nhiều vi phạm nhân quyền một cách hệ thống khiến cho nhiều ngàn người phải chạy khỏi quốc gia sang các nước láng giềng như Bangladesh, Ấn Độ và Thái Lan. WLB tin tưởng vào sự đóng góp của phụ nữ trong đấu tranh để mang lại nhân quyền và dân chủ cho mọi công dân Myanmar, sự đóng góp của họ vào tiến trình hòa giải dân tộc và xây dựng hòa bình là cần thiết. Với những mục tiêu đó, Diễn đàn các tổ chức phụ nữ Miến Điện lần thứ hai (*the Second Forum of Women's Organizations of Burma*) được tổ chức tại Chiang Mai (Thái Lan) từ ngày 7 - 9/10/1999. Phụ nữ tham dự diễn đàn đã chia sẻ quan điểm về các phương hướng có thể cùng nhau làm việc để thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả các công việc quốc gia. Nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào cuộc tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền, tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc trong tiến

trình phát triển và hòa giải dân tộc, Liên đoàn Phụ nữ Miến Điện (Myanmar) (WLB) đã được thành lập.

Hiện nay, WLB bao gồm 11 tổ chức thành viên. Trong số này có Liên đoàn Phụ nữ Miến Điện (*Burmese Women's Union - BWU*), Tổ chức phụ nữ Karen (*Karen Women's Organization - KWO*), Tổ chức nhân quyền của phụ nữ Kuki (*Kuki Women's Human Rights Organization - KWHRO*), Tổ chức phụ nữ Lahu (*Lahu Women's Organization - LWO*), Mạng lưới phụ nữ hành động Shan (*Shan Women's Action Network - SWAN*), Hiệp hội nữ quyền và an sinh Miến Điện (*Women's Rights and Welfare Association of Burma - WRWAB*)...⁴⁵

3.2.4.2. Hiệp hội hỗ trợ các tù nhân chính trị (AAPP)

Tình hình của các tù nhân chính trị là một mối quan tâm lớn của cộng đồng quốc tế đối với Myanmar. Từ sau phong trào dân chủ 1988 và đặc biệt sau cuộc nổi dậy vào năm 2007 của các nhà sư, chính quyền đã bắt giam và kết án nhiều nhà hoạt động nhân quyền. Trong bối cảnh đó, Hiệp hội hỗ trợ các tù nhân chính trị (*Assistance Association Political Prisoners - AAPP*) ra đời vào tháng 3 năm 2000 bởi các cựu tù chính trị.

AAPP đang nỗ lực cùng một số tổ chức khác, cụ thể như tổ chức Trả tự do cho các tù nhân chính trị Miến Điện (*Free Burma's Political Prisoners Now - FBPPN*) vận động bảo vệ những quyền căn bản của những người tù chính trị...⁴⁶

⁴⁵ Trang tin điện tử của WLB: <http://womenofburma.org>.

⁴⁶ Trang tin điện tử của AAPP: <http://www.aappb.org>.

3.2.4.2. Viện giáo dục Nhân quyền Miến Điện (HREIB)

Viện giáo dục Nhân quyền Miến Điện (*Human Rights Education Institute of Burma - HREIB*) có trụ sở tại Chiang Mai, Thái Lan. Tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo, vận động, thực thi những chương trình nâng cao nhận thức cho lãnh đạo tổ chức và các cộng đồng. HREIB hướng đến một xã hội công bằng, dân chủ nơi mà người dân có nhận thức toàn diện về quyền con người, được tôn trọng phẩm giá và thực hiện các giải pháp dựa trên quyền (*rights-based solutions*) đối với những vấn đề xã hội. HREIB được đăng ký như là một quỹ hoạt động với văn phòng tại Thái Lan.⁴⁷

3.2.5. Philippin

Philippin có môi trường rất thuận lợi cho sự phát triển của xã hội dân sự. Đặc biệt, từ sau năm 1986, các tổ chức phi chính phủ càng có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Nhiều người đã nhận xét rằng NGOs tại Philippin có sự trưởng thành sớm và mạnh nhất trong khu vực Đông Nam Á. Những NGOs tiêu biểu đang hoạt động trên lĩnh vực nhân quyền ở nước này bao gồm:

3.2.5.1. Tổ chức hành động vì những người bị giam giữ Philippin (TFDP)

Tổ chức hành động vì những người bị giam giữ Philippin (*Task Force Detainees of the Philippin - TFDP*) được thành lập sớm và có phạm vi hoạt động rộng tại quốc gia này. TFDP được

hình thành dưới chế độ độc tài Marcos. Từ cuối thập niên 1960, cuộc tranh đấu của người dân Philippin chống lại trật tự chính trị, kinh tế và xã hội bất công ngày càng dâng cao. Tổng thống Marcos sử dụng các chính sách khủng bố để trấn áp và tuyên bố thiết quân luật vào năm 1972. Việc tra tấn, bắt bớ tùy tiện, mất tích cưỡng bức xảy ra một cách phổ biến nhằm vào các lãnh đạo phong trào công nhân, nông dân, sinh viên. Marcos tiêu diệt các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhiều lĩnh vực của xã hội bị tê liệt, các quyền tự do ngôn luận, mọi sự chỉ trích chính quyền đều bị bóp nghẹt. Tại quốc gia có 90% dân số là người Thiên chúa giáo, ảnh hưởng của cộng đồng này là rất lớn. Dưới chế độ Marcos, đa số chức sắc trong giáo hội giữ im lặng hoặc đồng lõa với chính quyền. Tuy vậy, một số linh mục và nữ tu, những người có liên lạc trực tiếp và hỗ trợ người nghèo và những người bị đàn áp đã dũng cảm lên tiếng. Họ hỗ trợ các nạn nhân bị đàn áp chính trị bằng nhiều phương cách, họ chấp nhận rủi ro và nhiều khi chính mình trở thành nạn nhân của sự tàn bạo của chế độ.

Vào năm 1974, Hội chức sắc tôn giáo chính yếu Philippin (*Association of Major Religious Superiors of the Philippin - AMRSP*) đã thiết lập Tổ chức hành động vì những người bị giam giữ (*Task Force Detainees of the Philippin - TFDP*) nhằm hỗ trợ cho các tù nhân chính trị trong bối cảnh hầu hết các hiệp hội bị cấm đoán. AMRSP đã tiến hành một khảo sát cho thấy sự hiện diện của tù chính trị tại mọi khắp nơi trong nước. Các tù nhân chính trị, đa số chịu tra tấn thường có gia đình bị đặt dưới sự giám sát và nhiều khi bị yêu cầu nộp thêm tiền để thân nhân được đối xử tốt hoặc trả tự do.

⁴⁷ Trang tin điện tử của HREIB: <http://hreib.com>. Xem thêm: Báo cáo hoạt động của HREIB năm 2010: reports.html

TFDP ủng hộ về tinh thần cho các tù nhân chính trị, hỗ trợ những nhu cầu vật chất, lập hồ sơ vụ việc cũng như nỗ lực bảo đảm quyền được xét xử công bằng và giúp họ nhanh chóng được trả tự do. Trong nhiều trường hợp các tù nhân chính trị thực hiện việc tuyệt thực đòi trả tự do hoặc đòi cải thiện điều kiện nhà tù và TFDP luôn sẵn sàng giúp đỡ họ. Các nữ tu sỹ thường đến thăm những người bị giam giữ trong trại giam hay nhà tù. Bên cạnh sự hỗ trợ của AMRSP, TFDP có nguồn lực mạnh mẽ từ những người tình nguyện, các thành viên, thân hữu theo nhiều phương thức để thực hiện các công việc hữu ích cho những người tù chính trị. Mặc dù TFDP khởi đầu từ cộng đồng Công giáo, nhiều người theo Tin Lành, Do Thái và những người không tín ngưỡng cũng tham gia tổ chức và cùng hoạt động vì những người tù.

Tổ chức với định hướng ban đầu là hoạt động vì những người tù chính trị tại Manila dần có thêm nhiều hoạt động vì các nạn nhân của những vi phạm về quyền dân sự và chính trị khác tại nhiều địa phương trong nước, qua đó, TFDP trở thành một tổ chức nhân quyền tập hợp dữ liệu về các vi phạm nhân quyền, hỗ trợ nạn nhân về nhu cầu pháp lý và nhu cầu vật chất cũng như vận động chống lại vi phạm nhân quyền, chống lại các chính sách và cơ cấu gây ra những vi phạm đó.

TFDP cũng tiến hành hoạt động giáo dục nhân quyền để tăng cường năng lực cho người dân, đặc biệt trong việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền cá nhân. Tổ chức này cũng xuất bản các ấn phẩm, trong số đó có *TFDP Update*, *Lusong* và *Pumipiglas*, nhằm báo động về thực trạng nhân quyền. Tạp chí *Komiks* cũng được phát hành từ năm 1989, sử dụng nhiều hình minh họa để nói về nhân quyền bằng ngôn ngữ của đại chúng.

TFDP đã giúp thiết lập nhiều tổ chức nhân quyền khác như: Gia đình nạn nhân mất tích cưỡng bức (*Families of Involuntary Disappearance - FIND*), SELDA (một tổ chức của cựu tù chính trị), KAPATID (một tổ chức của các gia đình tù chính trị), và Tổ chức Những người mẹ và thân nhân chống độc tài và đàn áp (*Mothers and Relatives Against Tyranny and Oppression - MARTYR*). Về sau, trong thời kỳ Corazon Aquino, TFDP đã dành nhiều nguồn lực để hình thành nên một liên minh bảo vệ nhân quyền trong nước - Liên minh những người vận động nhân quyền Philippin (*Philippin Alliance of Human Rights Advocates - PAHRA*) - nhằm hiện thực hóa hiệu quả hơn các quyền và phẩm giá của con người.⁴⁸

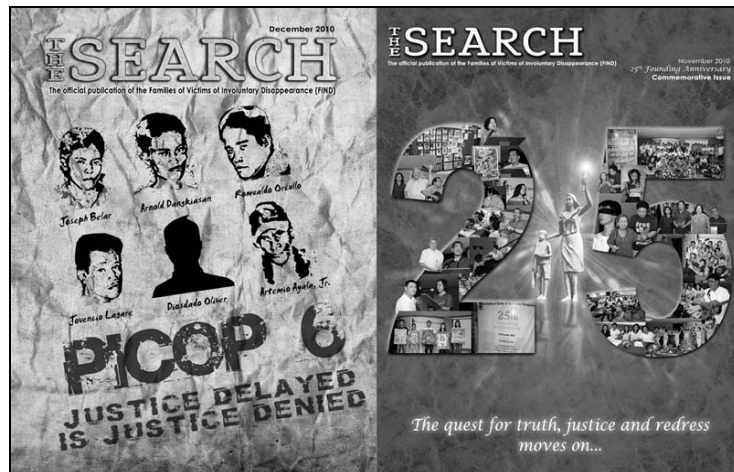
3.2.5.2. Tổ chức gia đình các nạn nhân mất tích cưỡng bức (FIND)

Tổ chức gia đình các nạn nhân mất tích cưỡng bức (*Families of Victims of Involuntary Disappearance - FIND*) được thành lập vào tháng 11 năm 1985, giữa thời kỳ gia tăng biểu tình, chống đối lại chế độ độc tài của Marcos. FIND liên kết các gia đình, thân nhân, bạn hữu và đồng nghiệp của những người mất tích, những người vốn thường có các hoạt động bảo vệ nhân quyền. Đến nay, FIND vẫn tiếp tục quyết tâm tranh đấu nhằm xóa bỏ hoàn toàn nạn mất tích trong nước cũng như trên phạm vi quốc tế.

FIND tin rằng hiện tượng mất tích cưỡng bức có nguồn gốc từ các mặt tiêu cực của xã hội và chừng nào chúng chưa bị xóa

⁴⁸ Trang tin điện tử của TFDP: <http://www.tfdp.net>

bỏ thì những vi phạm từ phía chính quyền tiếp tục tồn tại. Hệ thống tham nhũng và độc tài nuôi dưỡng nghèo đói, lạc hậu và các vi phạm nhân quyền. FIND nỗ lực tìm kiếm những người bị mất tích và tranh đấu vì công bằng thông qua việc tăng cường năng lực cho các thành viên của mình, kết nối cùng các nhóm địa phương và quốc tế có cùng mục tiêu với tinh thần tin cậy và tôn trọng lẫn nhau.



Hình 3: Trang bìa của tạp chí SEARCH (Tìm kiếm) số tháng 11 - 12/2010 do FIND xuất bản.⁴⁹

FIND hướng đến mục tiêu liên kết mọi gia đình, thân nhân và bạn hữu của những người đã mất tích cũng như những người trở về sau một thời gian bị bắt để tham gia vào cuộc tranh đấu cho công bằng và dân chủ như là tiền đề cho việc xóa bỏ nạn mất tích cưỡng bức. FIND thực hiện việc tập hợp thông tin, tư

liệu về các vụ việc mất tích cưỡng bức và tìm kiếm người mất tích, thực hiện các chiến dịch vận động, giáo dục nhằm xóa bỏ mất tích cưỡng bức, một trong những hình thức vi phạm nhân quyền tàn bạo nhất và là một tội ác chống nhân loại, đòi hỏi những kẻ vi phạm phải chịu trách nhiệm.

3.2.5.3. Liên minh những người vận động nhân quyền Philippin (PAHRA)

Liên minh những người vận động nhân quyền Philippin (*The Philippin Alliance of Human Rights Advocates - PAHRA*) được thành lập vào ngày 9/8/1986 tại một đại hội với hơn một trăm tổ chức từ khắp đất nước về tham dự. Nó được thành lập như một tổ chức gồm các cá nhân, thể chế và tổ chức hoạt động thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền.

Trong số các thành viên của PAHRA có nhiều cá nhân và tổ chức đã từng đi đầu trong cuộc tranh đấu chống lại chế độ độc tài của cựu Tổng thống Ferdinand Marcos. Việc thiết lập PAHRA củng cố phong trào nhân quyền trong nước và là sự thừa nhận vai trò của các tổ chức nhân quyền trong cuộc tranh đấu chống độc tài. Sự ra đời của liên minh cũng phản ánh nhu cầu hợp tác giữa các nhóm nhân quyền trong nước. Từ khi thành lập, PAHRA luôn đi đầu trong cuộc tranh đấu vì nhân quyền. Đến nay, nó không chỉ là tổ chức hàng đầu mà còn là tiếng nói hàng đầu vận động cho nhân quyền tại Philippin. Qua sáng kiến của PAHRA, Tuyên ngôn Nhân quyền Philippin (*Philippin Declaration of Human and People's Rights*) đã được thông qua vào tháng 12 năm 1993 tại Hội nghị Thượng đỉnh về nhân quyền do PAHRA khởi xướng. PAHRA là đại diện duy

⁴⁹ Trang tin điện tử: <http://www.find.org.ph/about-us>

nhất của xã hội dân sự tại Ủy ban Nhân quyền của Tổng thống (*Government's Presidential Human Rights Committee - PHRC*), là một thành viên của Liên đoàn quốc tế nhân quyền (*International Federation of Human Rights Leagues - FIDH*) và nhiều tổ chức khác như Diễn đàn châu Á vì nhân quyền và phát triển (FORUM - ASIA), Mạng lưới châu Á vì bầu cử tự do (ANFREL)...

Từ khi thành lập năm 1986, PAHRA dần trở thành một trung tâm vận động và cam kết thúc đẩy và bảo vệ, hiện thực hóa các quyền con người như đã được nêu trong các văn kiện luật nhân quyền và luật nhân đạo quốc tế. PAHRA tiến hành nhiều chiến dịch vận động cho các quyền dân sự và chính trị (thúc đẩy những lực lượng dân chủ, duy trì sự lãnh đạo của dân sự đối với quân sự, bồi thường cho mọi nạn nhân của vi phạm nhân quyền...), cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa...⁵⁰

3.2.5.4. Trung tâm thông tin nhân quyền Philippin (*PhilRights*)

Trung tâm thông tin nhân quyền Philippin (*Philippin Human Rights Information Center - PhilRights*) là tổ chức tập trung vào hoạt động nghiên cứu và thông tin, một thành viên của PAHRA. PhilRights thực hiện các công việc cung cấp thông tin, lưu trữ, nghiên cứu và phân tích.

PhilRights hướng đến việc bảo vệ quyền của người dân Philippin, trực tiếp và gián tiếp, thông qua việc tăng cường

⁵⁰ Trang tin điện tử của PAHRA tại <http://philippinehumanrights.org/about-us.html>

nhận thức, hiểu biết về PAHRA và các vấn đề cơ chế nhân quyền; tham gia vào phong trào để có thể vận động nhiều nhóm giai tầng xã hội tham gia vào việc thúc đẩy nhân quyền, cung cấp các thông tin và các phương tiện truyền tải, lan tỏa thông tin; giám sát việc thực thi những nghĩa vụ của nhà nước; củng cố hợp tác với các mạng lưới quốc gia và quốc tế nhằm chia sẻ thông tin; tăng cường năng lực cho người dân thông qua hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu và thông tin... PhilRights xuất bản tạp chí *In Focus* và *Human Rights Forum* (năm 2004) nhằm cung cấp thông tin và phân tích các vấn đề nhân quyền trong nước cũng như quốc tế.⁵¹

3.2.5.5. Trung tâm Tự do và Trách nhiệm Truyền thông (*CMFR*)

Trung tâm Tự do và Trách nhiệm Truyền thông (*Center for Media Freedom and Responsibility - CMFR*) là một tổ chức phi chính phủ tập trung thúc đẩy tự do báo chí, đồng thời thiết lập một khuôn khổ trách nhiệm cho hoạt động báo chí. Trung tâm cân bằng cả hai yếu tố Tự do và Trách nhiệm trong hoạt động báo chí. Các chương trình của trung tâm nhằm bảo vệ báo chí cũng như thúc đẩy các giá trị đạo đức nghề nghiệp báo chí.

CMFR được hình thành nhằm đáp ứng một trong những nhu cầu căn bản của xã hội Philippin sau khi chế độ Marcos bị lật đổ vào năm 1986, đó là kêu gọi sự chú ý của chính quyền cũng như công chúng đối với quyền năng của truyền thông và vai trò của tự do báo chí trong việc thúc đẩy nền dân chủ Philippin. Tự do

⁵¹ Trang tin điện tử PhilRights tại <http://philrights.org/>

báo chí không chỉ liên quan đến những người làm việc trong lĩnh vực truyền thông, mà cả cộng đồng truyền thông phục vụ - các công chức, viên chức chính quyền, khu vực tư nhân, các nhóm xã hội dân sự, bạn đọc, thính giả và những người xem truyền hình - những người tiếp nhận thông tin và là một phần của chu kỳ truyền thông đại chúng. Tuy nhiên, tự do báo chí, cũng giống như mọi quyền tự do khác, có giới hạn của nó, bởi lẽ nó có khả năng bị người ta lợi dụng.

Trong bối cảnh đó, CMFR được thành lập vào năm 1989 như một tổ chức phi lợi nhuận liên quan đến nhiều giai tầng trong xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển của báo chí và truyền thông như một trụ cột của xã hội dân chủ. Các chương trình thúc đẩy tự do báo chí, thúc đẩy trách nhiệm báo chí, khuyến khích hoạt động báo chí chất lượng cao và hiệu quả.

Hiện nay, CMFR đang tiếp tục triển khai chương trình Giám sát Truyền thông. Qua việc phân tích nội dung, CMFR đánh giá các phương tiện truyền thông đưa tin về các vấn đề, sự kiện cơ bản như bầu cử và tham nhũng, CMFR đưa ra các khuyến nghị để truyền thông được tốt hơn. CMFR xuất bản các nghiên cứu và tạp chí. Bên cạnh Tạp chí *Báo chí Philippin (Philippin Journalism Review - PJR)* dành cho các sinh viên, giảng viên báo chí, *Báo cáo về Báo chí Philippin (PJR Reports)* được xuất bản hàng tháng dành cho những người hành nghề báo, đáp ứng nhu cầu giáo dục thường xuyên cho các nhà báo. Được gửi đến 500 ký giả trên toàn quốc, *PJR Reports* còn là một diễn đàn thảo luận về nhiều khía cạnh và vấn đề của truyền thông Philippin và là một nguồn hữu ích cho sinh viên báo chí tại các trường đại học.

Hàng năm, CMFR tổ chức giải thưởng Báo chí tốt Jaime V. Ongpin (*Jaime V. Ongpin Awards for Excellence in Journalism - JVOAEJ*) nhằm thúc đẩy báo chí điều tra và phân tích sâu. Giải thưởng này được khởi động từ cuộc Hội thảo về báo chí điều tra lần thứ nhất được tổ chức vào năm 1995 nhằm mở rộng sự quan tâm và ủng hộ của công chúng cho sự tiến triển của điều tra báo chí. Cuộc hội thảo đã mời các phóng viên, giảng viên từ nhiều trường đến trao đổi với nhóm chuyên gia hướng tới các bài viết đề cập đến các quan điểm về nghề báo.

CMFR giám sát các mối đe dọa, sự tấn công tự do báo chí tại Philippin. Tổ chức này duy trì một cơ sở dữ liệu về các phóng viên bị giết khi đang hành nghề, đào tạo một mạng lưới các phóng viên chuyên viết về những vụ tấn công báo chí. Các ký giả cập nhật những vụ việc phóng viên bị giết mà chưa được giải quyết và đưa ra kiến nghị khi cần thiết. CMFR còn là nguồn thẩm định thông tin và cung cấp tin cho các nhóm quốc tế. CMFR cung cấp thông tin về tình hình tự do báo chí tại Philippin cho Liên minh tự do báo chí Đông Nam Á (*Southeast Asian Press Alliance - SEAPA*), Tổ chức trao đổi tự do ngôn luận quốc tế (*International Freedom of Expression eXchange - IFEX*), Ký giả không biên giới (*Reporters Without Borders - RSF*) và Ủy ban bảo vệ ký giả (*Committee to Protect Journalists - CPJ*).

Hàng năm, CMFR tổ chức xuất bản báo cáo “Báo chí châu Á” (*Journalism Asia*) về tình hình báo chí và các vấn đề liên quan đến truyền thông tại châu Á. Những người đóng góp cho tạp chí là các phóng viên ở khu vực thường tập trung lại trong một hội thảo định kỳ nhằm thảo luận về các vấn đề nhất định do tạp chí lựa chọn. Bên cạnh việc xuất bản sách và tạp chí về các chủ đề

liên quan đến truyền thông (quan hệ truyền thông với chính quyền, truyền thông và tiếp cận thông tin, vấn đề giới...), CMFR biên soạn nhiều cuốn sổ tay cho nhà báo (Sổ tay truyền thông: Làm tin về tòa án, Sổ tay truyền thông: Làm tin về bầu cử, Báo chí và phân tích chính sách...) và tổ chức nhiều hội thảo (với các chủ đề như tiếp cận thông tin, tham nhũng trong lĩnh vực truyền thông, truyền thông và xã hội dân sự...). CMFR là thành viên sáng lập của Quỹ Tự do cho phóng viên Philippin (*Freedom Fund for Filipino Journalists - FFFJ*) và tổ chức SEAPA, đồng thời là một thành viên của tổ chức IFEX.⁵²

3.2.6. Thái Lan

Các tổ chức xã hội dân sự Thái Lan trong mấy thập kỷ gần đây phát triển tương đối mạnh và rộng khắp nhiều lĩnh vực. Gần đây, vào dịp Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc xem xét Báo cáo kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) của Thái Lan, 20 tổ chức xã hội dân sự đã cùng ký một báo cáo chung nêu quan điểm của mình về tình hình nhân quyền trong nước.⁵³ Giống

⁵² Trang tin điện tử của CMFR: www.cmfr-phil.org.

⁵³ Một số tổ chức là: Thai Committee for Refugees (TCR), Asylum Access Thailand (AAT), Association of the Physically Handicapped of Thailand (APHT), Foundation for AIDS Rights, Thai NGOs Coalition on AIDS (TNCA), Foundation for Human Rights on Sexual Orientation and Gender Identity (FORSOGI), People's Information Center (PIC), Foundation for the better lives of Children (FBLC), The Center for the Protection of Children's Rights Foundation (CPCR), Duang Prateep Foundation (DPF), People's Empowerment Foundation (PEF)...Xem toàn văn báo cáo tại địa chỉ: http://www.peoplesempowerment.org/sites/peoplesempowerment.org/files/field_files/PEF_UPR_ENGLISH.pdf

như tại các quốc gia khác trong khu vực, các NGO quốc tế đang có khuynh hướng “địa phương hóa”, chuyển vai trò lãnh đạo tổ chức, chuyển địa vị pháp lý qua cho người Thái. Dưới đây là một số NGOs tiêu biểu trên lĩnh vực nhân quyền ở Thái Lan:

3.2.6.1. Quỹ Trao quyền nhân dân (PEF)

Quỹ Trao quyền nhân dân (*People's Empowerment Foundation - PEF*) là một tổ chức phi chính phủ được thành lập năm 2006 hướng đến đáp ứng các nhu cầu của các mạng lưới xã hội dân sự tại Thái Lan. PEF có vai trò như ban thư ký cho một liên minh các tổ chức dựa vào cộng đồng (*community - based organizations - CBOs*), đồng thời duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức và mạng lưới đối tác trong nước cũng như khu vực.

Tổ chức này hướng đến các mục tiêu như tăng cường năng lực tổ chức của các mạng lưới xã hội dân sự và CBOs tại Thái Lan, hỗ trợ sự kết nối giữa nhiều tổ chức và mạng lưới cộng đồng nhằm thúc đẩy một phong trào xã hội bảo vệ nhân quyền, an ninh con người, hòa bình và dân chủ tại Thái Lan.⁵⁴

3.2.6.2. Quỹ Duang Prateep (DPF)

Quỹ Duang Prateep (*Duang Prateep Foundation*) được thành lập bởi Prateep Ungsongtham, một người phụ nữ nhân ái đã trải qua nhiều khó khăn thời tuổi trẻ sống tại các khu ổ chuột. Quỹ hướng đến việc hỗ trợ trẻ em và những gia đình khó khăn sống tại các khu dân cư nghèo đô thị.

⁵⁴ Trang tin điện tử của PEF: <http://www.peoplesempowerment.org/>

Khi thành lập vào năm 1978, DPF mới chỉ có năm nhân viên. Đến nay quỹ đã có hơn 100 nhân viên, khoảng 20 tình nguyện viên làm việc toàn thời gian và nhiều tình nguyện viên làm việc bán thời gian. Quỹ đã trở thành một trung tâm hỗ trợ cho cộng đồng dân nghèo tại các khu ổ chuột. Những nhân viên của quỹ thường xuyên liên lạc và trao đổi thông tin với các cộng đồng dân cư nghèo, đặc biệt là dân cư khu Klong Toey. Điều này giúp cho việc nắm bắt nhu cầu của người dân được thường xuyên và chặt chẽ.

Quỹ ngày càng mở rộng các hoạt động về vùng nông thôn Thái Lan. Nhân viên của Quỹ nhận thấy rằng vấn đề nghèo đói ở đô thị và nông thôn có quan hệ chặt chẽ. Ngoài những chương trình tài trợ cho trẻ em và các trường học tại nhiều địa phương. Quỹ còn có các Dự án phòng chống AIDS và nhóm Nữ thanh niên DPF làm việc tại nhiều địa phương ở nông thôn Thái Lan.⁵⁵

3.2.6.3. Ủy ban vì người tị nạn Thái Lan (TCR)

Ủy ban vì người tị nạn Thái Lan (*Thai Committee for Refugees - TCR*) được thành lập trên cơ sở văn phòng tại Thái Lan của Ủy ban Hoa Kỳ vì người nhập cư và người tị nạn (*U.S. Committee for Refugees and Immigrants - USCRI*) năm 2005. USCRI Thái Lan hoạt động thúc đẩy việc bảo vệ quyền của người tị nạn và hướng đến việc chấm dứt tình trạng người tị nạn bị cấm trại tại Thái. Sau một số chiến dịch tương đối thành công, USCRI nhận thấy có thể tách ra thiết lập TCR như một tổ chức của Thái.

⁵⁵ Trang tin điện tử của DPF: <http://www.dpf.or.th/eng>

Tổ chức hiện đang tập trung thúc đẩy mối quan tâm hỗ trợ cho người tị nạn dưới sự lãnh đạo bởi Veerawit Tianchainan, người trước đây là Giám đốc của USCRI Thái Lan.⁵⁶

3.2.6.4. Trung tâm bảo vệ quyền trẻ em (CPCR)

Trung tâm bảo vệ quyền trẻ em (*Center for Protection of Children's Rights Foundation - CPCR*) được thành lập vào năm 1981. Ban đầu, Trung tâm chỉ tập trung hỗ trợ các trẻ em bị bỏ rơi, lạm dụng hoặc bị bóc lột lao động, phạm vi hoạt động của nó dần mở rộng từ sau năm 1985. Trung tâm hiện có các hoạt động chống lại bóc lột tình dục trẻ em, hỗ trợ các nạn nhân đã bị bóc lột hoặc bị buộc làm nô lệ tình dục và một số lĩnh vực khác liên quan đến lạm dụng, bỏ rơi trẻ em.

CPCR bảo vệ, hỗ trợ trẻ em thông qua việc trợ giúp pháp lý, hỗ trợ về các quan hệ xã hội. Tổ chức hiện có ba nhà cư trú cho trẻ em và nạn nhân thoát khỏi bị buôn bán. CPCR cung cấp học bổng, đào tạo nghề cho các thanh thiếu niên có nguy cơ trở thành nạn nhân của buôn bán hoặc bị bóc lột. Để đáp ứng các nhu cầu khác nhau của trẻ em, CPCR được chia thành bốn nhóm: Nhóm phòng ngừa, Nhóm bảo vệ, Nhóm đánh giá và Nhóm quản lý nhà tạm trú.

⁵⁶ Xem thêm về lịch sử hình thành của Ủy ban vì người tị nạn Thái Lan (TCR): http://www.uscridrefugees.org/2010Website/3_Our%20Work/3_2_1_2_Thailand/USCRI_Thailand_Timeline.pdf



Ảnh: Thành viên một mạng lưới nhân dân đại diện các cộng đồng sống ven sông Mekong tập hợp trước đại sứ quán Lào tại Bangkok để phản đối việc xây dựng đập Xayaburi. Cũng trong tháng 4/2011, mạng lưới này đã đề nghị đại diện Thái Lan tại AICHR lên tiếng phản đối việc xây dựng đập (Ảnh T. Kemgumnerd).⁵⁷

3.3. Một số tổ chức, mạng lưới xã hội dân sự hoạt động thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong phạm vi khu vực (tổ chức khu vực) ở ASEAN

Trong khu vực ASEAN đang dần hình thành nhiều tổ chức và mạng lưới quy tụ các tổ chức đang hoạt động bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền quốc gia ở nhiều nước khác nhau. Các mạng lưới này không chỉ là diễn đàn chia sẻ thông tin giữa những thành viên mà còn góp phần tăng cường hiệu quả trong việc vận động,

⁵⁷ Ảnh tại: <http://www.bangkokpost.com/print/232499/>

thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người trong toàn khu vực. Một số tổ chức và mạng lưới khu vực tiêu biểu như:

3.3.1. Diễn đàn nhân dân ASEAN (APF)

Diễn đàn nhân dân ASEAN (*ASEAN Peoples' Forum*) là một diễn đàn đối thoại giữa người dân, các tổ chức xã hội dân sự trong khu vực. Diễn đàn thường được tổ chức tại cùng địa điểm, trước khi Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN diễn ra. Các tổ chức xã hội dân sự và phong trào xã hội từ các quốc gia trong khu vực được mời tham gia diễn đàn để thảo luận những vấn đề mà người dân trong khu vực đang đối diện và cùng hoạch định phương hướng tiến đến một ASEAN lấy con người làm trung tâm.

Kể từ cuộc họp lần thứ nhất (ACSC 1) năm 2005 diễn ra tại Syah Alam, Malaysia, Diễn đàn nhân dân ASEAN ngày càng đi vào các vấn đề thực chất. Trong các cuộc gặp (tại Thái Lan năm 2009, Việt Nam năm 2010), diễn đàn thường ra tuyên cáo chung nêu quan điểm về các vấn đề cùng quan tâm. Tháng 5 năm 2011, hơn 1.300 đại biểu từ các tổ chức xã hội dân sự trong khu vực đã tham gia Hội nghị xã hội dân sự ASEAN (ACSC). Diễn đàn nhân dân ASEAN (APF) lần thứ bảy tại Jakarta, Indonesia. Hội nghị đã thảo luận các vấn đề mà người dân Đông Nam Á đang phải đối diện và đưa ra những đề xuất (ngưng xây đập Xayaburi...) gửi đến Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 18.⁵⁸ Việc hình thành một văn kiện thể chế hóa mối quan hệ giữa xã hội dân sự với các nhà nước trong khu vực và ASEAN - Bản thảo Hướng dẫn về sự tham gia của Xã hội dân

⁵⁸ Trang tin: <http://www.aseancivilsociety.net/en/acscapf2011>

sự với ASEAN (*Guidelines on Civil Society engagement with ASEAN*) - cũng đã được tiếp tục thảo luận.

3.3.2. Diễn đàn châu Á về Quyền con người và Phát triển (FORUM - ASIA)

Diễn đàn châu Á về Quyền con người và Phát triển (FORUM - ASIA) là một tổ chức khu vực liên kết các thành viên là những tổ chức phi chính phủ độc lập, hoạt động vì mục đích phi lợi nhuận, phi bạo lực, chia sẻ mục tiêu chung là thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.⁵⁹ Diễn đàn được thành lập năm 1991 tại Manila, từ năm 1994 có trụ sở chính tại Bangkok, Thái Lan và hiện có 46 tổ chức thành viên từ 17 quốc gia (trong đó có Bangladesh, Myanmar, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Malaysia, Mông Cổ, Nepal, Pakistan, Philippines, Singapore, Hàn Quốc, Sri Lanka, Taiwan, Timor Leste, Thái Lan...). FORUM - ASIA xuất bản một số ấn phẩm, trong số đó có tạp chí ra hàng quý *Người bảo vệ nhân quyền châu Á* (*Asian Human Rights Defender*).

FORUM - ASIA xác định sứ mệnh của mình là “trao quyền cho người dân thông qua việc vận động vì công bằng xã hội, phát triển con người bền vững, dân chủ, bình đẳng giới, hòa bình và an ninh con người thông qua hợp tác, phối hợp giữa các tổ chức nhân quyền trong khu vực.”⁶⁰ Nhiều tổ chức, cá nhân quan tâm đến nhân quyền đã đánh giá FORUM - ASIA là tổ chức bảo vệ nhân quyền hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á.

⁵⁹ Trang tin điện tử của FORUM-ASIA: <http://www.forum-asia.org>

⁶⁰ Như trên.

Năm 1995, FORUM - ASIA xuất bản một báo cáo với chủ đề “Indonesia: 50 năm sau độc lập - Sự ổn định và thống nhất dựa trên văn hóa của sự sợ hãi” về tình hình nhân quyền tại Indonesia kể từ khi giành được độc lập từ chế độ thực dân Hà Lan. Đây là lần đầu tiên có báo cáo nhân quyền về một quốc gia châu Á được thực hiện và xuất bản bởi một tổ chức khu vực ở châu Á.

FORUM - ASIA cộng tác tương đối chặt chẽ với nhiều tổ chức, mạng lưới thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trên thế giới. Từ năm 2004, tổ chức có tư cách tham vấn tại Hội đồng Kinh tế Xã hội Liên Hợp Quốc. Tổ chức cũng tham gia vào Ủy ban điều phối của Liên minh Tòa án hình sự quốc tế. FORUM - ASIA thường cùng với các tổ chức nhân quyền (như Amnesty International, Cairo Institute...) ra những thông cáo báo chí nêu quan điểm chung liên quan đến các trường hợp vi phạm nhân quyền và tình trạng nhân quyền.

3.3.3. Nhóm công tác vì một cơ chế nhân quyền ASEAN (Working Group)

Nhóm công tác vì một cơ chế nhân quyền ASEAN (*Working Group for an ASEAN Human Rights Mechanism*) có mục tiêu chính là hình thành một Ủy ban nhân quyền hiệu quả cho ASEAN. Nhóm công tác cấp khu vực là một liên minh nhóm tại các quốc gia ASEAN, gồm đại diện các cơ quan công quyền, các Ủy ban nhân quyền, giới học giả và cả các tổ chức phi chính phủ. Nhóm công tác vận dụng cách tiếp cận xây dựng và tham vấn trong việc tiếp cận các chính quyền và những chủ thể khác trong khu vực.

Nhóm công tác đã từng đề xuất một số lựa chọn cơ chế nhân quyền cho khu vực ASEAN. Cơ chế đó có thể là: một tuyên ngôn về các nguyên tắc; thành lập một Ủy ban liên chính phủ có thẩm quyền giám sát, thúc đẩy và khuyến nghị, có thể có thẩm quyền nhận những khiếu nại từ các nhà nước và các cá nhân; thành lập những Ủy ban nhân quyền tại các quốc gia, sau đó các Ủy ban phối hợp với nhau; thành lập một tòa án có thẩm quyền đưa ra những phán quyết mang tính bắt buộc... Trong số các phương án này, Nhóm công tác đã khuyến nghị mạnh mẽ việc thiết lập một Ủy ban liên chính phủ. Thực tế là vào năm 2009, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) đã ra mắt tại Cha - am Hua Hin, Thái Lan.

Nhóm công tác được thành lập năm 1995, bởi Ủy ban Nhân quyền của tổ chức LAWASIA (mạng lưới các luật gia trong khu vực), tại cuộc họp ở Manila Philippin, nhằm thúc đẩy việc thành lập một Cơ quan nhân quyền liên chính phủ. Nhóm công tác dẫn được sự thừa nhận của các quan chức, bao gồm các Ngoại trưởng ASEAN. Năm 2000, Nhóm công tác đệ trình Dự thảo Thỏa thuận thiết lập Ủy ban Nhân quyền ASEAN (*Agreement for the Establishment of the ASEAN Human Rights Commission*) đến các quan chức cao cấp ASEAN. Nhóm công tác bắt đầu có cuộc họp với các quan chức cao cấp và được các Ngoại trưởng “đánh giá cao” trong Biên bản ghi nhớ. Những năm tiếp theo, Nhóm Công tác tổ chức nhiều hội thảo tại các quốc gia trong khu vực về việc hình thành cơ chế nhân quyền ASEAN (tại Manila (2002, 2007), Bangkok (2003, 2009), Jakarta (2004), Kuala Lumpur (2006) và Singapore (2008)).

Các cuộc hội thảo này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức cũng như tiếp nhận các ý kiến đóng góp từ những quốc gia trong khu vực về ý tưởng xây dựng một cơ chế nhân quyền chung. Gần đây, Nhóm công tác đã có cuộc gặp với AICHR tại cuộc họp thứ ba của Ủy ban (Kuala Lumpur, tháng 9/2010) và tại cuộc họp thứ ba của Ủy ban (Vientina, Lào, tháng 7 năm 2011).

Trong thời gian qua, Nhóm công tác thường kết hợp với các quốc gia thành viên thực hiện một số hoạt động tương thích với chương trình của AICHR như: Hội thảo về Xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về nhân quyền tại ASEAN (12 - 13/11/2010, Manila), Chương trình thông tin cho các trợ lý của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (20 - 27/11/2010, Strasbourg và Berlin), Hội thảo về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong khuôn khổ nhân quyền ASEAN (30/11 đến 1/12/2010, Singapore), làm phim tư liệu nâng cao nhận thức về vấn đề nhân quyền tại ASEAN... Nhóm công tác cũng đã đề xuất tiếp tục triển khai các hoạt động chung với AICHR như tổ chức các hội thảo, tham vấn về Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN, Xây dựng Chương trình đào tạo về nhân quyền...⁶¹

3.3.4. Trung tâm Thông tin Nhân quyền ASEAN (HRRC)

Trung tâm Thông tin Nhân quyền ASEAN (*Human Rights Resource Centre - HRRC*) được thành lập nhằm hỗ trợ cho Ủy ban liên chính phủ về nhân quyền ASEAN (AICHR) thông qua các hoạt động nâng cao nhận thức, nghiên cứu, tăng cường

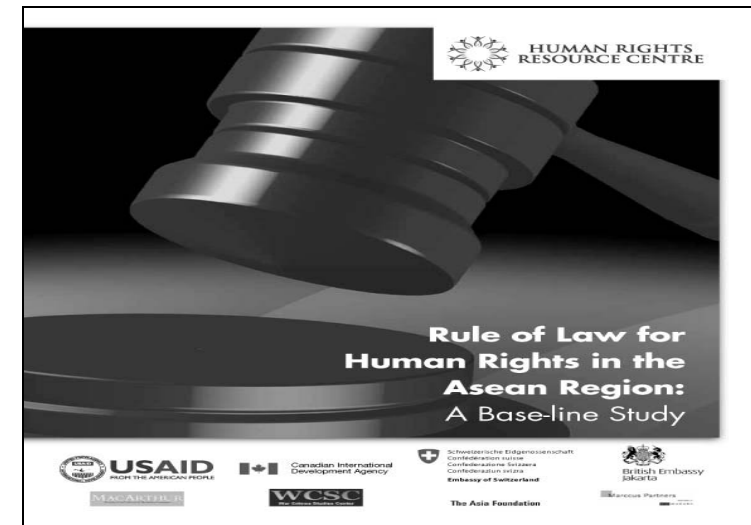
⁶¹ Trang tin điện tử: <http://www.aseanhrmech.org/>

năng lực và đào tạo về nhân quyền, pháp quyền và các lĩnh vực liên quan trong khu vực ASEAN. HRRC bao gồm mạng lưới liên kết chủ yếu là các học giả, các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy nhân quyền tại nhiều trường đại học trong khu vực và có văn phòng chính tại Đại học Indonesia ở Jakarta. Trung tâm tập hợp các chuyên gia từ giới học thuật và xã hội dân sự để xây dựng các báo cáo, nghiên cứu và đào tạo liên quan đến các lĩnh vực nhân quyền (pháp quyền, độc lập tư pháp, phụ nữ và trẻ em, người bản địa, người lao động di trú...).

Việc điều hành công việc hàng ngày của HRRC hiện được thực hiện bởi Giám đốc Marzuki Darusman. Trung tâm đặt dưới sự giám sát của Ban quản trị gồm các thành viên Marzuki Darusman, Asmara Nababan và Harkristuti Harkrisnowo đến từ Indonesia, Theary Seng từ Campuchia, Param Cumaraswamy từ Malaysia, Carolina Hernandez từ Philippin, Ong Keng Yong và Kevin Tan từ Singapore, Kavi Chongkittavorn từ Thái Lan. Hiện có sáu cơ quan là đối tác của HRRC: Đại học quốc gia Singapore, Đại học Indonesia, Đại học Malaya, Đại học Panasastra Campuchia, Đại học Quản trị Singapore và Đại học Philippin. Các dự án nghiên cứu sẽ liên kết chuyên gia từ các thành viên và những chuyên gia bên ngoài.

HRRC đã hoàn tất nghiên cứu cơ sở đầu tiên *Pháp quyền trong khu vực ASEAN: Một nghiên cứu căn bản (Rule of Law in the ASEAN Region: A Baseline Study)*. Cuốn sách này, tiếng Anh và tiếng Bahasa Indonesia, hiện có tại trang tin điện tử của HRRC.⁶²

⁶² Trang tin điện tử của HRRC: <http://hrrca.org>.



Hình 4: Bìa ấn phẩm *Rule of Law in the ASEAN Region: A Baseline Study* của HRRC.

3.3.5. Mạng lưới Tự do báo chí Đông Nam Á (SEAPA)

Mạng lưới Tự do báo chí Đông Nam Á (*Southeast Asian Press Alliance - SEAPA*) hiện nay là tổ chức khu vực duy nhất tập trung vào việc bảo vệ, thúc đẩy tự do báo chí và tự do ngôn luận trong khu vực. Được thành lập như một tổ chức phi chính phủ vào năm 1998, liên minh hoạt động nhằm thống nhất các ký giả và tổ chức báo chí độc lập trong khu vực thành một lực lượng hỗ trợ, bảo vệ lẫn nhau và vận động vì quyền tự do biểu đạt. SEAPA xác định sứ mệnh của mình là thúc đẩy và nuôi dưỡng một môi trường tự do ngôn luận tại Đông Nam Á; khuyến khích sự tham gia của người dân vào việc thúc đẩy và bảo vệ tự do báo chí; củng cố môi trường cho một nền báo chí tự do, trách nhiệm và độc lập; tăng cường năng lực cho các tổ

chức và cá nhân làm nghề báo, thúc đẩy tiếp cận thông tin và quản trị tốt.⁶³

Ban quản trị của SEAPA bao gồm đại diện của các thành viên sáng lập, bao gồm: Hội nhà báo Thái Lan, Viện nghiên cứu tự do thông tin (Indonesia), Liên minh nhà báo độc lập (Indonesia), Trung tâm Tự do và Trách nhiệm Truyền thông (Philippin), Trung tâm Báo chí điều tra Philippin. SEAPA được đăng ký như một NGO khu vực tại Manila. Bên cạnh văn phòng tại Manila, Ban thư ký của tổ chức làm việc tại Bangkok. SEAPA cũng là một thành viên của tổ chức IFEX.

Các hình thức hoạt động của SEAPA tương đối phong phú, tổ chức thực hiện việc theo dõi quyền tự do báo chí, ngôn luận tại các quốc gia trong khu vực, ra những thông cáo báo chí lên tiếng về các vi phạm, tổ chức các hội thảo, khóa học nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường năng lực cho các ký giả, thực hiện nghiên cứu, ra báo cáo hàng năm...

3.3.6. Mạng lưới NGOs về Cơ quan nhân quyền quốc gia (ANNI)

Mạng lưới NGOs về cơ quan nhân quyền quốc gia (*The Asian NGOs Network on National Human Rights Institutions - ANNI*) là một mạng lưới của các tổ chức phi chính phủ và những người bảo vệ quyền con người quan tâm đến các cơ quan nhân quyền quốc gia của châu Á. Được thành lập từ năm 2006 tại diễn đàn Tham vấn Khu vực đầu tiên về Hợp tác giữa Cơ quan nhân quyền quốc gia và NGOs tại Bangkok (Thái

Lan) do Diễn đàn châu Á về Quyền con người và Phát triển (FORUM - ASIA) tổ chức.

ANNI có thành viên là một số tổ chức NGOs lớn và nhiều nguồn lực trong khu vực như FORUM - ASIA (trụ sở tại Bangkok), People's Watch (trụ sở tại Ấn Độ), SUARAM (trụ sở tại Malaysia) và Imparsial (trụ sở tại Indonesia). Hiện nay, FORUM - ASIA là Thư ký Thường trực được các tổ chức thành viên ủy quyền của ANNI. Mục tiêu hoạt động của ANNI là thiết lập và phát triển các cơ quan nhân quyền quốc gia theo hướng độc lập, có trách nhiệm, hiệu quả và minh bạch theo tiêu chuẩn của Nguyên tắc Paris. Định kỳ hàng năm, ANNI báo cáo về hoạt động của các cơ quan nhân quyền quốc gia ở châu Á. ANNI cũng có thể gửi các khuyến nghị cho AICHR về hoạt động của AICHR. ANNI cũng làm việc chặt chẽ với Tiểu ban về công nhận vị thế của Cơ quan nhân quyền quốc gia (*ICC - Sub-committee on Accreditation*). Ví dụ, trong trường hợp của Malaysia, ANNI cũng đưa ra các thông tin và lý do cho Tiểu ban yêu cầu đánh giá lại tình trạng của Cơ quan nhân quyền quốc gia của Malaysia (SUHAKAM) và kết quả là Chính phủ Malaysia đã phải chỉnh sửa điều luật để SUHAKAM có đủ tiêu chuẩn như Nguyên tắc Paris.

3.3.7. Nhóm công tác đoàn kết nhân dân châu Á vì nhân quyền ASEAN (SAPA - TFAHR)

Nhóm công tác đoàn kết nhân dân châu Á vì nhân quyền ASEAN (*Solidarity for Asian Peoples Advocacy Task Force on ASEAN Human Rights - SAPA TFAHR*) là một nhóm xã hội dân sự của khu vực ASEAN được thành lập trong Hội nghị Tham

⁶³ Trang tin điện tử của SEAPA: <http://www.seapabkk.org>

vấn khu vực lần thứ nhất về chủ đề ASEAN và Quyền con người tại Kuala Lumpur (26 - 28/ 8/ 2007). Đây là một mạng lưới gồm 70 tổ chức trong khu vực với mục tiêu vận động những quốc gia thành viên có trách nhiệm hơn với các nghĩa vụ quốc tế và quốc gia về quyền con người. Mạng lưới này cũng vận động việc xây dựng các cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của khu vực được độc lập, có năng lực hiệu quả hơn.

3.3.8. Mạng lưới ASEAN vì Miến Điện (ALTSEAN - Burma)

Mạng lưới ASEAN vì Miến Điện (*Alternative ASEAN Network on Burma - ALTSEAN - Burma*) bao gồm các tổ chức và cá nhân tại các quốc gia ASEAN hoạt động ủng hộ phong trào dân chủ và nhân quyền tại Myanmar (Miến Điện). Mạng lưới bao gồm các tổ chức phi chính phủ thúc đẩy công bằng xã hội và nhân quyền, các đảng chính trị, các ký giả, nhà báo và các nhà hoạt động sinh viên. Mạng lưới được hình thành sau Cuộc họp ASEAN về Miến Điện (*Alternative ASEAN Meeting on Burma*) tổ chức tại Đại học Chulalongkorn, Bangkok vào tháng 10 năm 1996. Thông qua các hoạt động hợp tác, điều phối, Mạng lưới hướng đến một đất nước Myanmar dân chủ, tự do mà mọi người đều được hưởng các quyền theo Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên Hợp Quốc.

Phần IV

GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KHU VỰC ASEAN

4.1. Khái quát

Giáo dục và nghiên cứu quyền con người có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của công chúng, công chức nhà nước và các chủ thể khác về các chuẩn mực pháp luật quốc tế, khu vực, quốc gia, về các cơ chế bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền, về những hạn chế của luật pháp, cơ chế hoặc thực tiễn thực thi các quyền cá nhân. Kiến thức, kỹ năng về nhân quyền là tiền đề giúp các công dân có ý thức và khả năng tự bảo vệ quyền của mình cũng như những người xung quanh tham gia với nhà nước trong những hoạt động thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.

Theo Liên Hợp Quốc, mục đích cuối cùng của hoạt động giáo dục về quyền con người, dù được tiến hành ở bất cứ đâu, do bất cứ chủ thể nào, cũng nhằm để xây dựng *một nền văn hóa quyền con người (human rights culture)*. Cụ thể, giáo dục quyền con người cần hướng vào các mục tiêu:

- (i) *Tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người;*

- (ii) *Phát triển đầy đủ nhân phẩm và ý thức về nhân phẩm của con người;*
- (iii) *Thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung, bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các quốc gia, các nhóm dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ;*
- (iv) *Tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia một cách hiệu quả vào các hoạt động của xã hội,*
- (v) *Hỗ trợ các hoạt động của Liên Hợp Quốc về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.⁶⁴*

Trên quy mô thế giới, Liên Hợp Quốc đã xác định Thập kỷ về Giáo dục Nhân quyền (1995 - 2004) và các Chương trình để thúc đẩy hoạt động giáo dục quyền con người. Nhiều quốc gia và tổ chức khu vực đã căn cứ vào các chương trình, kế hoạch của Liên Hợp Quốc để thúc đẩy giáo dục nhân quyền trong nước.

Trong khu vực ASEAN, các quốc gia cũng đã quan tâm đến các hoạt động giáo dục và nghiên cứu quyền con người ở những mức độ khác nhau. Các quốc gia thực hiện những hoạt động này tương đối sớm là Philippin, Indonesia và Thái Lan. Nhìn chung, các quốc gia đều đã đưa những nội dung về quyền con người, đặc biệt là các quyền trẻ em, vào chương trình học bậc phổ thông và đại học. Chương trình giáo dục nhân quyền có thể hướng đến mọi đối tượng trẻ em hoặc hướng đến một nhóm cụ thể (thiếu số, khuyết tật...). Không chỉ giáo dục trong nhà

trường (giáo dục chính quy), hoạt động giáo dục quyền con người còn được thực hiện bởi nhiều chủ thể khác trong xã hội (các phương tiện truyền thông, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tôn giáo...) (giáo dục phi chính quy). Tại các nước có cơ quan nhân quyền quốc gia, các cơ quan này cũng có vai trò tích cực trong việc thúc đẩy giáo dục quyền con người.

Liên quan đến hoạt động nghiên cứu, bên cạnh các cơ sở nghiên cứu của nhà nước hoặc độc lập, nhiều trung tâm nghiên cứu quyền con người đã được thành lập trong những trường đại học tại các quốc gia. Không chỉ dừng lại ở từng quốc gia, các nước trong khối ASEAN ngày càng có nhiều hoạt động chung để thúc đẩy giáo dục và nghiên cứu quyền con người trong khu vực.

4.2. Hoạt động giáo dục nhân quyền ở một số nước ASEAN

4.2.1. Indonesia

Năm 1998, Indonesia thông qua Kế hoạch hành động quốc gia về nhân quyền cho giai đoạn 1998 - 2003. Kế hoạch này được kế tiếp bởi Sắc lệnh Tổng thống số 61/2003 và số 40/2004. Kế hoạch hành động quốc gia nhằm tới việc tôn trọng, bảo vệ tốt hơn các quyền con người, hướng dẫn cho những chủ thể khác nhau trong xã hội phối hợp các hoạt động để đạt được những mục đích cụ thể trong từng năm. Kế hoạch bao gồm các hoạt động giáo dục quyền con người. Căn cứ vào kế hoạch quốc gia, các địa phương sẽ soạn thảo kế hoạch riêng cho mình. Như vậy, tại Indonesia có kế hoạch hành động toàn quốc, kế hoạch của các tỉnh và

⁶⁴ Xem Nghị quyết A/52/469 ngày 20/10/1997 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, đoạn 11, tại <http://www.unhcr.ch/huridocda>.

hàng trăm kế hoạch hành động của các huyện về quyền con người.⁶⁵

Trong hệ thống giáo dục chính quy, giáo dục nhân quyền từ lâu đã được đưa vào môn Giáo dục Công dân (*Civic Education*) ở Indonesia. Vào những năm 1970, môn học này được thay thế bằng môn Giáo dục Đạo đức (*Pancasila*). Các nội dung liên quan đến nhân quyền trong môn học này bao gồm: Lòng nhân ái, ái quốc, lòng dũng cảm, công bằng, đoàn kết, sự tôn trọng, các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, tự do... Gần đây, sau tiến trình chuyển đổi dân chủ, môn học Pancasila được đổi thành môn Giáo dục Công dân (*Citizenship Education*). Indonesia áp dụng việc lồng ghép các nội dung giáo dục quyền con người vào môn học Giáo dục Công dân và một số môn học khác.

Ngoài hoạt động giáo dục nhân quyền chính thức trong chương trình giáo dục quốc gia, các tổ chức phi chính phủ Indonesia cũng có rất nhiều sáng kiến trong việc phổ biến các kiến thức về nhân quyền trong cộng đồng.

4.2.2. Philippin

Ở Philippin, giáo dục quyền con người được quan tâm hơn hẳn các quốc gia khác trong khu vực. Giáo dục quyền con người đã được thể chế hóa rộng rãi và được thực hiện một cách hệ thống trong các khu vực chính quy (nhà trường, cảnh sát, quân đội, hệ thống công vụ) và không chính quy (cộng đồng, khu vực tư và các nhóm dễ bị tổn thương).

⁶⁵ HURIGHTS OSAKA và OHRSD - Mahidol University, Human Rights Education in the School Systems in Southeast Asia: Cambodia, Indonesia, Lao PDR and Thailand, 2009, tr.55

Ủy ban Nhân quyền Philippin (CHRP) có chức năng “thiết lập các chương trình nghiên cứu, giáo dục và thông tin để thúc đẩy việc tôn trọng các quyền con người” theo quy định tại Hiến pháp (1986). Từ năm 1988, Ủy ban đã đưa ra Kế hoạch hành động ngắn hạn về giáo dục nhân quyền. Kế hoạch này, được bổ sung năm 1990, đề ra các mục tiêu cụ thể nhằm áp dụng những chương trình giáo dục và đào tạo cho mọi nhóm trong xã hội Philippin, xây dựng các chương trình, giáo trình, tài liệu hướng dẫn, các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy nhân quyền, xây dựng cơ sở thông tin lưu trữ hệ thống phục vụ việc thúc đẩy nhân quyền dưới những hình thức dễ tiếp cận đối với công chúng... Các mục tiêu này hướng đến những nhóm cụ thể như: Công chức của chính Ủy ban, quân đội, cảnh sát và các lực lượng thực thi pháp luật khác, công chức chính quyền, các giới học thuật, công nhân, các tổ chức phi chính phủ... Năm 1995, UNESCO đã trao Giải thưởng về Giáo dục Nhân quyền cho Ủy ban Nhân quyền Philippin vì những thành tựu mà Ủy ban đã đạt được, đặc biệt trong việc thể chế hóa công tác giáo dục nhân quyền cho quân đội và công an.

Năm 1997, với nỗ lực của Ủy ban Nhân quyền Philippin, Hiệp hội các nhà giáo dục nhân quyền Philippin (HREAP) và một số tổ chức phi chính phủ, Tổng thống Fidel V. Ramos đã ký ban hành lệnh về việc thông qua Kế hoạch Thập kỷ Giáo dục nhân quyền Philippin 1998 - 2007. Kế hoạch này đề ra các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể cần đạt được vào cuối thập kỷ, trong đó có các mục tiêu cụ thể như: Thể chế hóa giáo dục nhân quyền, thiết lập được hệ thống trung tâm giáo dục nhân quyền cấp vùng và cấp tỉnh, lồng ghép giáo dục nhân quyền vào các kế

hoạch phát triển của quốc gia và của các địa phương, thiết lập các trung tâm thông tin, thiết lập mạng lưới những người giáo dục nhân quyền... Đến nay, tại Philippin, hầu hết các tỉnh và rất nhiều khu vực hành chính địa phương đều có những trung tâm giáo dục quyền con người.

Sau nhiều năm chuẩn bị, từ năm học 2004 - 2005, các cuốn giáo trình mới “Giảng dạy nhân quyền cho Tiểu học”, “Giáo dục nhân quyền cho các trường phổ thông” và “Sổ tay về Giáo dục nhân quyền” đã được đưa vào áp dụng trong hệ thống nhà trường.⁶⁶

Ngoài hệ thống nhà trường, có rất nhiều tổ chức phi chính phủ ở Philippin đang triển khai các hoạt động giáo dục nhân quyền. Nhiều hội thảo, hội nghị, chiến dịch được tổ chức nhằm thúc đẩy giáo dục nhân quyền. Nhiều mạng lưới, diễn đàn được thành lập như Hiệp hội *các nhà giáo dục nhân quyền Philippin* (HREAP), Diễn đàn Thanh niên về Hòa bình và Nhân quyền...

4.2.3. Thái Lan

Tại Thái Lan, trong giáo dục phổ thông, các nội dung quyền con người được lồng ghép vào nhiều môn học. Ở bậc đại học, các vấn đề nhân quyền chủ yếu được giảng dạy tại các trường luật, trong môn Luật quốc tế. Hiện tại, Đại học Mahidol có chương trình sau đại học về quyền con người, điều hành bởi Chương trình Nghiên cứu quyền con người và phát triển xã hội

⁶⁶ HURIGHTS OSAKA và OHRSD - Mahidol University, *Human Rights Education in the School Systems in Southeast Asia: Cambodia, Indonesia, Lao PDR and Thailand*, 2009, tr.21

(*Program of Human Rights Studies and Social Development - OHRSD*) (trước thuộc Khoa Sau đại học, hiện đã tách ra thành một đơn vị riêng). OHRSD tuyển sinh khóa thạc sỹ chuyên ngành quyền con người đầu tiên vào năm 1999 (chương trình quốc tế bằng tiếng Anh). Đến năm 2006, chương trình quốc tế về đào tạo tiến sỹ về nhân quyền bắt đầu được triển khai.⁶⁷ Ngoài các chương trình quốc tế, OHRSD còn tổ chức một số chương trình đào tạo về nhân quyền cho sinh viên, học viên bản địa. OHRSD hiện được đánh giá là cơ sở đào tạo hàng đầu về nhân quyền của khu vực ASEAN.

Năm 2001, Chương trình Giáo dục căn bản được thông qua bởi Chính phủ Thái Lan với tám lĩnh vực cho bậc học phổ thông gồm: 1) Tiếng Thái; 2) Toán; 3) Xã hội, Tôn giáo và Văn hóa; 5) Sức khỏe và thể chất; 6) các môn nghệ thuật; 7) Kỹ thuật và Nghề nghiệp; và 8) Ngoại ngữ. Trong các môn học này, nội dung quyền con người được đưa nhiều nhất vào nhóm môn xã hội, tôn giáo và văn hóa.

4.2.4. Việt Nam

Tại Việt Nam, trong chương trình giáo dục phổ thông, một số nguyên tắc và tiêu chuẩn cụ thể của luật quốc tế về quyền con người đã được lồng ghép vào các môn học Đạo đức (ở cấp I) và Giáo dục Công dân (ở cấp II và III). Ở bậc đại học, quyền con người chủ yếu được giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật học.

⁶⁷ Tổng quan tình hình giáo dục sau đại học về quyền con người trên thế giới, Nguyễn Hồng Anh trong “*Giáo dục quyền con người – những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Võ Khánh Vinh (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, 2010, tr.352

Sinh viên Việt Nam trong một thời gian dài chỉ nghiên cứu các nội dung về quyền con người lồng ghép trong chương trình của một số ngành luật có liên quan, mà chủ yếu là Luật quốc tế, Luật hiến pháp Việt Nam, Luật hiến pháp nước ngoài... Viện Nghiên cứu quyền con người (thuộc Học viện Chính trị Hành chính quốc gia HCM) là đơn vị đầu tiên thực hiện việc giảng dạy quyền con người song chỉ hạn chế cho học viên là các cán bộ nhà nước. Từ tháng 1 năm 2008, Khoa Luật thuộc Đại học quốc gia Hà Nội bắt đầu được đưa vào giảng dạy hai môn học “Lý luận về nhân quyền” và “Bảo vệ quyền con người bằng hệ thống tư pháp hình sự” cho sinh viên năm thứ tư chuyên ngành Lý luận - Hiến pháp và chuyên ngành Tư pháp hình sự với thời lượng là 2 tín chỉ/ môn. Đây là những chương trình giáo dục nhân quyền đầu tiên tại các trường đại học ở Việt Nam (ngoài hệ thống Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh). Năm học 2009, Bộ môn Luật quốc tế của Khoa đưa thêm môn “Luật quốc tế về quyền con người” vào giảng dạy. Tại Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh và một số cơ sở đào tạo khác cũng đã bước đầu đưa môn học về quyền con người vào chương trình. Về giáo dục sau đại học, Khoa Luật thuộc Đại học quốc gia Hà Nội đi tiên phong trong việc tổ chức khóa thạc sỹ về luật quyền con người tại Việt Nam vào tháng 11 năm 2011. Hiện tại, một số cơ sở giáo dục khác, bao gồm Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia và Viện nghiên cứu Quyền con người thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh cũng đang xây dựng và dự kiến sớm thực hiện chương trình đào tạo thạc sỹ về nhân quyền.

4.3. Các hoạt động phối hợp về giáo dục quyền con người trong khu vực

Trong thời gian qua, đã có nhiều nỗ lực để thúc đẩy hợp tác giáo dục quyền con người ở ASEAN, trong đó có các hoạt động biên soạn chương trình, giáo trình giảng dạy quyền con người trong khu vực.

Từ năm 2001, tại Hội thảo chuyên đề việc biên soạn giáo án về quyền con người đã được tổ chức tại Manila, Philippin, trong đó các đại biểu tham dự đã soạn ra được một số giáo án. Tiếp sau đó, một nhóm biên tập bao gồm nhiều nhà giáo dục từ sáu quốc gia trong khu vực đã cùng ngồi lại nhằm biên tập, tuyển chọn và hoàn thiện các giáo án để chuẩn bị xuất bản. Giáo trình này có thể sử dụng tại các nước Đông Nam Á với những nội dung về quyền con người liên quan đến các quốc gia này. Trong năm 2003, tập giáo án này được xuất bản với tiêu đề *Human Rights* và trở thành một giáo án mẫu (không thay thế cho những giáo án được giảng dạy) tại các trường trong khu vực. Năm 2005, giáo án mẫu này đã được dịch và xuất bản bằng nhiều ngôn ngữ của các nước trong khu vực, trong đó có tiếng Việt (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2005). Dựa trên giáo trình chung này, một số cuộc tập huấn đã được tổ chức để khuyến khích, hỗ trợ đại biểu là những nhà giáo dục đến từ các quốc gia áp dụng giáo án vào thực tiễn giảng dạy.⁶⁸

Bên cạnh giáo dục chính quy trong nhà trường, các tổ chức xã hội dân sự, mạng lưới phi chính phủ cũng có nhiều hoạt

⁶⁸ HURIGHTS OSAKA và OHRSD - Mahidol University, *Human Rights Education in the School Systems in Southeast Asia: Cambodia, Indonesia, Lao PDR and Thailand*, 2009, tr. 180 - 181

động tập huấn, đào tạo về quyền của các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người bản địa...

4.4. Nghiên cứu nhân quyền trong khu vực ASEAN

Nghiên cứu về quyền con người ở ASEAN chủ yếu được thực hiện bởi các học giả đang làm việc những trung tâm nghiên cứu thuộc các trường đại học và viện nghiên cứu (độc lập hoặc của nhà nước). Nhìn chung, hầu hết các cơ sở nghiên cứu về nhân quyền trong khu vực mới được thành lập gần đây, đặc biệt là trong vòng 15 năm qua. Mặc dù vậy, hoạt động nghiên cứu tiến triển rất nhanh với nhiều sản phẩm là các đề tài, sách và báo cáo chuyên đề... góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng và phổ biến các tri thức về nhân quyền trong khu vực. Một khuynh hướng xuất hiện gần đây là ngày càng có nhiều nghiên cứu chung được thực hiện bởi các chuyên gia tại nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Ở một số nước ASEAN trong thời gian trước đây, hoạt động nghiên cứu nhân quyền chủ yếu được thực hiện bởi các tổ chức phi chính phủ. Chẳng hạn, tại Campuchia, nghiên cứu nhân quyền được thực hiện bởi các tổ chức được thành lập tương đối sớm như Viện Dân chủ Khmer (Khmer Institute of Democracy - 1992), Trung tâm tư liệu Campuchia (DC - Cam, Viện nghiên cứu độc lập ra đời năm 1995 với nhiệm vụ tập hợp dữ liệu về các vi phạm dưới chế độ Khmer Đỏ)... Từ năm 2000 trở lại đây, việc nghiên cứu quyền con người ngày càng được thực hiện nhiều hơn bởi các viện nghiên cứu của nhà nước và của nhiều cơ quan nghiên cứu thuộc các trường đại học.

4.4.1. Hoạt động nghiên cứu nhân quyền ở một số nước trong khu vực

Dưới đây khái quát tình hình nghiên cứu nhân quyền ở một số nước trong khu vực:

4.4.1.1. Indonesia

Có thể khẳng định rằng, trong thập niên vừa qua ở khu vực ASEAN, hoạt động nghiên cứu nhân quyền nở rộ nhất tại Indonesia. Tại các trường đại học của Indonesia, hiện có khoảng 30 trung tâm nghiên cứu về quyền con người, hầu hết được thành lập sau cuộc chuyển đổi dân chủ năm 1998. Trước năm 1998, chỉ có một số trung tâm thuộc các trường đại học lớn như Trung tâm nghiên cứu nhân quyền thuộc Đại học Surabaya (PUSHAM UBAYA) được thành lập năm 1995. Trung tâm này đã xây dựng được cơ sở dữ liệu thông tin về nhân quyền sớm nhất ở Indonesia và với sự hỗ trợ của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA) và Cơ quan phát triển quốc tế Thụy Điển (SIDA) thông qua chương trình hợp tác với Trung tâm nghiên cứu và giáo dục nhân quyền của Đại học Ottawa (Canada) và Viện Raoul Wallenberg (Thụy Điển).

Việc Chính phủ Indonesia thông qua Kế hoạch hành động về nhân quyền là để thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động bảo vệ nhân quyền ở nước này. Riêng trong các năm 1999 và 2000 đã có hơn 10 trung tâm nghiên cứu nhân quyền được thành lập tại các trường đại học, chẳng hạn như các trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Đại học Hồi giáo Riau (PUSHAM UIR), Đại học Padang (PUSHAM UNP)... được thành lập năm 1999, các trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Đại học

Hasanuddin, Đại học Indonesia (Sentra HAM UI), Đại học Syiah Kuala (PUSHAM UNSYIAH), Đại học Tanjungpura University (PP - HAM UNTAN), Đại học Airlangga (PUSHAM UNAIR)... được thành lập vào năm 2000. Giai đoạn sau đó, nhiều trường đại học khác tiếp tục thành lập các trung tâm nghiên cứu như Trung tâm nghiên cứu nhân quyền thuộc Đại học Muhammadiyah Kendari (PUSHAM UMK) được thành lập năm 2004⁶⁹... Các trung tâm này thường tập hợp nhiều chuyên gia tại các khoa chuyên môn khác nhau trong trường đại học. Một số trung tâm tập trung nghiên cứu quyền của một nhóm nhất định (phụ nữ, người di trú, người thiểu số về sắc tộc, tôn giáo...) hoặc một lĩnh vực quyền nhất định (ví dụ, mối quan hệ giữa nhân quyền và chủ nghĩa khủng bố là đối tượng nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu nhân quyền và chủ nghĩa khủng bố của Đại học Sriwijaya (PK -HAM & Terorisme FH UNSRI - thành lập năm 2001).

Bên cạnh các cơ quan nghiên cứu thuộc trường đại học, còn có nhiều cơ quan nghiên cứu độc lập cũng tiến hành nghiên cứu về nhân quyền, ví dụ như Viện nghiên cứu và vận động chính sách (ELSAM) được thành lập năm 1983, Trung tâm Habibie (*The Habibie Center*) thành lập năm 1999, Cơ quan giám sát nhân quyền Indonesia (*The Indonesian Human Rights Monitor - Imparsial*) thành lập năm 2002... Các cơ quan nghiên cứu độc lập này cũng có nhiều nghiên cứu, xuất bản phẩm về nhiều chủ đề như: Bảo đảm các quyền con người, thực thi dân chủ, dân

⁶⁹ Xem thêm: <http://hurights.pbworks.com/w/page/11947505/Indonesia-Centers>

chủ hóa... Trung tâm Habibie còn xuất bản các tạp chí tiếng Indonesia và tiếng Anh.

4.4.1.2. Philippin

Mặc dù các tổ chức phi chính phủ rất phát triển ở Philippin và hoạt động thông tin, dữ liệu của các tổ chức này cũng rất sôi động, phong phú, nhưng các trung tâm nghiên cứu mang tính học thuật về nhân quyền tại Philippin lại không nhiều. Các tổ chức phi chính phủ thường tập trung nghiên cứu, tập hợp dữ liệu về một số vấn đề nhân quyền nhất định. Các trung tâm nghiên cứu nhân quyền quan trọng ở nước này có thể kể đến như Trung tâm Phụ nữ tham gia chính trị châu Á - Thái Bình Dương (CAPWIP), Trung tâm Công đoàn và Nhân quyền (CTUHR), Viện Phụ nữ và giới (WAGI), Trung tâm Giáo dục hòa bình, giới và nhân quyền...⁷⁰

Số lượng trung tâm nghiên cứu nhân quyền trực thuộc các trường đại học cũng tương đối ít tại Philippin. Được thành lập sớm nhất trong số này là Trung tâm Nhân quyền Ateneo (*Ateneo Human Rights Center - AHRC*) thuộc Đại học Ateneo de Manila, được thành lập năm 1986. Bên cạnh một số hoạt động đào tạo và vận động nhân quyền, Trung tâm này tập trung nghiên cứu quyền trẻ em, quyền của người bản địa, phụ nữ và lao động di trú... Một số ấn phẩm mà Trung tâm đã xuất bản như: Bảo vệ người lao động Philippin (1995), Nhân quyền trong luật hiến pháp (1997), Công ước về quyền trẻ em và hệ thống

⁷⁰ Xem thêm: <http://hurights.pbworks.com/w/page/11947522/Philippines-Centers>.

luật Philippin (1997), Nữ giúp việc gia đình Philippin (1998), Khuôn khổ pháp lý bảo vệ người lao động di trú châu Á (1998)...⁷¹

Một cơ sở nghiên cứu tương đối lớn khác là Viện Nhân quyền (*Institute of Human Rights - IHR*) thuộc Đại học Philippin (*University of the Philippines - UP*, Manila) được thành lập năm 1989. Viện là một bộ phận của Trường Luật thuộc Đại học Philippin, một đơn vị không chỉ thực thi việc giảng dạy luật mà còn cung cấp các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu về pháp lý cho người dân. Bên cạnh Viện nhân quyền, Trường Luật còn có một số viện khác là Viện Cải cách chính quyền và pháp luật, Viện quản lý Tư pháp và Viện Nghiên cứu luật quốc tế. Viện Nhân quyền triển khai nhiều nghiên cứu trong các lĩnh vực khác nhau về nhân quyền, về chính sách liên quan đến thúc đẩy nhân quyền... Viện xuất bản Tạp chí *Chương trình nghị sự Nhân quyền (Human Rights Agenda)* từ năm 1996, *Tạp chí Hòa bình và nhân quyền Philippin* từ năm 1997. Một số nghiên cứu của Viện đã được xuất bản là “Pháp luật Philippin về nhân quyền”, “Phục hồi công lý và biện pháp thay thế cho hình phạt tử hình”, “Các quyền của nông dân như là nhân quyền”, “Các quyền của người tị nạn và người xin tị nạn: Trường hợp Philippin”.⁷²

4.4.1.3. Thái Lan

Tại Thái Lan, tương tự như Philippin, mặc dù số tổ chức phi chính phủ hoạt động về nhân quyền tương đối nhiều,

⁷¹ Xem thêm: www.ahrc.org.ph/.

⁷² Xem thêm: <http://law.upd.edu.ph/>.

song chỉ có ít trung tâm nghiên cứu quyền con người tại các trường đại học.

Trong số những trung tâm nghiên cứu nhân quyền chính tại các trường đại học của Thái Lan hiện nay, Trung tâm Nghiên cứu Nhân quyền và phát triển xã hội (*Center for Human Rights Studies and Social Development - CHRSD*) tại Đại học Mahidol là một đơn vị tiên phong không chỉ của Thái Lan mà cả trong khu vực. CHRSD được thiết lập năm 1998⁷³, không chỉ thực hiện những chương trình nghiên cứu mà còn các chương trình đào tạo sau đại học (thạc sỹ và tiến sỹ) về quyền con người, tổ chức các khóa đào tạo sinh viên, những người hoạt động nhân quyền, thành viên xã hội dân sự và công chức chính quyền. Từ năm 2002, Trung tâm CHRSD hợp tác với Viện Luật nhân quyền và nhân đạo Raoul Wallenberg (RWI) (Thụy Điển) thực hiện Chương trình nâng cao về nhân quyền Đông Nam Á (SEHR), khóa đào tạo hai tuần tại Bangkok, cho tham dự viên đến từ các nước trong khu vực. CHRSD hỗ trợ các nghiên cứu với định hướng nâng cao nhận thức về nhân quyền cho mọi cá nhân trong xã hội. Các nghiên cứu không chỉ hữu ích, nâng cao kiến thức về mặt học thuật mà còn cung cấp nhiều ứng dụng thực tế cho các hoạt động nhân quyền trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều ấn phẩm đã được trung tâm xuất bản, trong đó có những công trình là kết quả nghiên cứu của học viên. Có thể kể đến các nghiên cứu tiêu biểu như “Truyền thông và nhân quyền” (Mike Hayes chủ biên), “Phân tích đối xử của Hoa Kỳ đối với các tù nhân tại Căn cứ hải quân Guantanamo trong bối

⁷³ Xem thêm: <http://humanrights-mu.org/index.php/about/background>.

cảnh luật quốc tế” (Maria Therese Godskesen), Chuyển vốn và người lao động di trú: Lao động thời vụ trong nền kinh tế biên giới Thái Lan - Myanmar” (Dennis Arnold), “Quản trị tốt và cải cách pháp luật tại Indonesia” (R.Herlambang Perdana Wiratraman), “Ảnh hưởng của TRIPS đối với chính sách thuốc HIV/AIDS của Thái Lan: quan tâm về nhân quyền trong bối cảnh thương mại toàn cầu (Mukdawan Sakboon)...

Một số trường đại học ở Thái Lan đã thành lập các trung tâm nghiên cứu một lĩnh vực nhất định, chẳng hạn như Trung tâm Nghiên cứu Nhập cư châu Á (ARCM) thuộc Đại học Chulalongkorn (thành lập năm 1987). Trung tâm này được xây dựng dựa trên cơ sở của Trung tâm thông tin tị nạn Đông Dương (*Indochinese Refugee Information Center - IRIC*), một đơn vị thuộc Viện Nghiên cứu châu Á thuộc Đại học Chulalongkorn, được thành lập từ năm 1987 để nghiên cứu về vấn đề người tị nạn từ Campuchia, Lào và Việt Nam, sau này là từ Myanmar đến tị nạn tại Thái Lan. Năm 1995, IRIC được đổi tên thành Trung tâm Nghiên cứu Nhập cư châu Á (ARCM). Trung tâm đã thực hiện hàng chục công trình nghiên cứu về các vấn đề di trú, chuyển dịch lao động. Một số nghiên cứu được Trung tâm xuất bản như: “Trẻ em bị kẹt trong các xung đột: Ảnh hưởng của xung đột vũ trang đối với trẻ em trong khu vực Đông Nam Á”, “Chính sách lao động di trú, giải quyết các vấn đề ngắn hạn và dài hạn”, “Chuyển dịch và vấn đề HIV/AIDS tại khu vực Vùng sông Mekong”, “Người lao động di trú Thái Lan tại Đông và Đông Nam Á”...⁷⁴

⁷⁴ Xem thêm trang tin điện tử: ww.arcmlas.chula.ac.th.

4.4.1.4. Việt Nam

Hoạt động nghiên cứu quyền con người được quan tâm tương đối muộn ở Việt Nam. Sau Hội nghị Vienna 1993 về nhân quyền, mối quan tâm đến lĩnh vực này mới được gia tăng. Giới nghiên cứu có thêm nhiều nghiên cứu về các chuẩn mực quốc tế, các vấn đề về sự tương thích và một số trung tâm nghiên cứu đã được thành lập.

Năm 1994, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người (VIHR) được thành lập tại Học viện Chính trị Hồ Chí Minh. Sau này, Trung tâm được nâng lên thành Viện Nghiên cứu quyền con người. Gần đây, vào năm 2007, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và quyền công dân (CRIGHTS) được thành lập tại Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội. Một năm sau đó, Trung tâm Nghiên cứu Pháp luật về quyền con người và quyền công dân được thành lập tại Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh. Tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam (VASS), trong những năm qua quan tâm nghiên cứu về quyền con người đã có những chuyển biến đáng kể. Trong một số viện nghiên cứu thuộc Viện này - Viện Nghiên cứu con người và Viện Nhà nước và pháp luật - đã thành lập Phòng Nghiên cứu quyền con người.

Một số hoạt động liên quan đến nghiên cứu và giáo dục quyền con người ở Việt Nam gần đây

2006:

- 1 - 2/12/2006: Hội thảo “Giáo dục về quyền con người ở Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và hội nhập quốc tế” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức.

2007:

- 07/12/2007: Hội thảo “Nội dung quyền con người trong đào tạo luật” do Đại học Luật Hà Nội tổ chức.

2008:

- 4/8/2008: Hội thảo “Kết nối nghiên cứu về nhân quyền” do Bộ Ngoại giao Việt Nam tổ chức.
- 24/10/2008: Hội thảo “Quyền con người: lý luận, pháp luật và thực tiễn” do Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.
- 25 và 26/12/2008: Hội thảo “Quyền con người: Tiếp cận nghiên cứu đa ngành và liên ngành khoa học xã hội” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức.

2009:

- 27 và 28/03/2009: Hội thảo “Quyền con người: tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức.
- 9 và 10/10/2009: Hội thảo “Giáo dục quyền con người: những vấn đề lý luận và thực tiễn” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức.

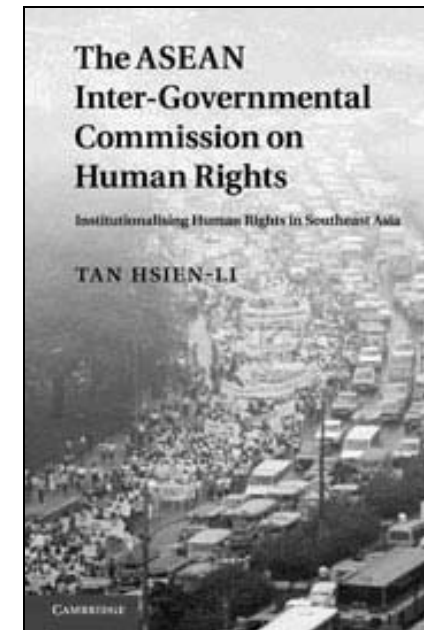
2010:

- 16 và 17/3/2010: Hội thảo “Tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Chương trình Pháp quyền châu Á của Konrad Adenauer Stiftung tổ chức.
- 7/9/2010: Lễ công bố Chương trình đào tạo thí điểm Thạc sỹ Lý luận và pháp luật về quyền con người do Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

2011:

- 2 và 3/3/2011: Tọa đàm “Kinh nghiệm trong giáo dục quyền con người” do Viện Nghiên cứu quyền con người - Học viện CTHCQG HCM, Đại sứ quán Áo và EU tổ chức.

- 5 và 6/5/2011: Hội thảo về phương pháp giảng dạy và nội dung chương trình thạc sỹ về quyền con người do Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.
- 22/7/2011: “Hội nghị mạng lưới quốc gia về giáo dục quyền con người” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức.
- 01-2/8/2011: Cuộc họp Mạng lưới Nghiên cứu nhân quyền Đông Nam Á (Southeast Asian Human Rights Studies Network - SEAHRN) tại Hà Nội do Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì.



Ảnh: Một trong những cuốn sách chuyên khảo đầu tiên về Ủy ban liên chính phủ về quyền con người ASEAN (AICHR) của tác giả Tan Hsien-Li, NXB Cambridge, 2011.

4.4.2. Hợp tác nghiên cứu nhân quyền trong khu vực

Năm 2009, Mạng lưới Nghiên cứu Nhân quyền ASEAN (Southeast Asian Human Rights Studies Network - SEAHRN)

được hình thành với 14 tổ chức nghiên cứu và giáo dục từ sáu quốc gia trong khu vực. Mạng lưới có mục tiêu hướng đến việc mở rộng và đào sâu các kiến thức về nhân quyền cũng như tăng cường hiểu biết về nhân quyền của sinh viên, giảng viên cũng như các xã hội trong khu vực. Thông qua hợp tác khu vực, các thành viên của Mạng lưới tin tưởng rằng việc giáo dục và các hoạt động thúc đẩy nhân quyền sẽ đóng góp nhiều hơn cho việc thúc đẩy, bảo vệ các quyền và tự do của người dân trong khu vực. Hiện nay, điều phối viên của SEAHRN là Trung tâm Nghiên cứu nhân quyền và phát triển xã hội (CHRSD) tại Đại học Mahidol, Thái Lan.

Mạng lưới SEAHRN hướng đến mục tiêu của mình thông qua các hình thức hoạt động như triển khai những chương trình nghiên cứu chung, tổ chức các hội nghị, hội thảo, biên soạn các chương trình giáo dục, xuất bản các ấn phẩm... Những thành viên của SEAHRN bên cạnh các nghiên cứu học thuật còn tích cực tham gia các hoạt động vận động, đào tạo những người hoạt động nhân quyền, những người thực thi pháp luật...

Các thành viên của SEAHRN đã đề ra các mục tiêu cụ thể, chữ cái đầu tiên của các mục tiêu hợp thành tên gọi viết tắt của mạng lưới, đó là:

- Hỗ trợ (S - Support) các tổ chức thành viên, các cá nhân và các trường đại học khác trong khu vực ASEAN trong việc phát triển, củng cố chương trình về nhân quyền.
- Tăng cường (E - Enhance) năng lực của các giáo viên và giảng viên dạy về nhân quyền thông qua hoạt động đào tạo.
- Giải quyết (A - Address) các vấn đề nhân quyền trong khu vực thông qua các chiến dịch vận động công chúng.

- Đẩy mạnh (H - Harness) hợp tác giữa giới học thuật, xã hội dân sự với các cơ quan ASEAN nhằm thúc đẩy nhân quyền trong khu vực Đông Nam Á.
- Hiện thực hoá (R - Realize) việc trao đổi thường xuyên giữa các thành viên với những cá nhân và cơ quan có quan tâm.
- Bồi đắp (N - Nurture) giáo dục nhân quyền hiệu quả thông qua các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên, qua các dự án nghiên cứu chung.⁷⁵

Cũng cần nhắc lại rằng, chính Hợp tác Kênh 2, hợp tác giữa giới học giả đã đóng góp đáng kể cho việc ra đời cơ chế nhân quyền khu vực. Từ năm 1992, mạng lưới các viện nghiên cứu chiến lược và quốc tế của ASEAN (ASEAN - ISIS, được hình thành năm 1988) đã tổ chức các tọa đàm và đưa ra các kiến nghị liên quan đến vấn đề quyền con người. Từ năm 1993, Tọa đàm ASEAN - ISIS về nhân quyền (AICOHR) được hình thành và có nhiều nỗ lực, đóng góp cho việc tăng cường hiểu biết của khu vực, trao đổi thông tin, khảo sát khả năng thiết lập cơ chế chung về quyền con người. Năm 2005, AICOHR đã mạnh dạn đưa ra đề xuất xây dựng Hiến chương ASEAN về nhân quyền⁷⁶. AICOHR vẫn đang tiếp tục đưa ra các đóng góp, kiến nghị trong lĩnh vực quyền con người đối với ASEAN.

⁷⁵ Xem trang tin điện tử: www.seahrn.org.

⁷⁶ Luận Thùy Dương, Kênh đối thoại không chính thức về an ninh và chính trị: Kênh 2 của ASEAN, NXB Chính trị quốc gia, 2010, tr.153 – 159.

Phần V

SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN

5.1. Hợp tác liên chính phủ

5.1.1. Khái quát

Kể từ khi gia nhập ASEAN năm 1996, Việt Nam ngày càng chủ động, tích cực tham gia các hoạt động của khối, trong đó có những hoạt động hướng tới bảo đảm sự phát triển bền vững, hoà bình, tôn trọng quyền và tự do của người dân.

Một số đóng góp của Việt Nam vào quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN đã được các nhà nghiên cứu nhắc đến đó là:

Thứ nhất, Việt Nam có vai trò quan trọng đưa hai nhóm nước ASEAN xích lại gần nhau nhờ vị trí địa - chính trị và quá trình lịch sử của mình. Việt Nam đã đóng góp lớn trong việc xây dựng Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và thúc đẩy sớm xây dựng Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

Thứ hai, Việt Nam đã giúp ASEAN duy trì đoàn kết, hợp tác và củng cố vị thế quốc tế của Hiệp hội ở những thời điểm khó

khẩn do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính năm 1997 và cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008⁷⁷...

Gần đây, trong năm 2010, Việt Nam đã thực hiện tương đối tốt vai trò Chủ tịch của mình khi tham gia các diễn đàn quốc tế quan trọng như Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN - EU, Hội nghị ASEAN - Hội đồng hợp tác vùng Vịnh, Diễn đàn kinh tế thế giới Đông Á. Việt Nam đã góp phần nâng cao tầm ảnh hưởng và uy tín của đất nước mình cũng như cả khối ASEAN trên trường quốc tế.

5.1.2. Một số hoạt động hợp tác liên chính phủ về nhân quyền của Việt Nam trong khuôn khổ ASEAN

Với tư cách một thành viên, Việt Nam có những đóng góp nhất định đối với ASEAN trong việc hình thành các cơ chế khu vực và đã tham gia các hoạt động hợp tác khu vực hướng đến việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Đặc biệt, năm 2010, với tư cách Chủ tịch ASEAN, Việt Nam góp phần quan trọng trong việc hình thành Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ, trẻ em ASEAN (ACWC). Nhiều cơ quan nhà nước của Việt Nam (Bộ Lao động, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chính phủ...) đã nỗ lực trong việc hình thành Quy chế hoạt động của Ủy ban thúc đẩy, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC). Trong các ngày 18 và 19/5/2010, Hội nghị lần thứ ba của Ủy ban ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di

⁷⁷ Phạm Thị Thanh Bình, *Triển vọng hình thành cộng đồng ASEAN và vai trò của Việt Nam*, Trang tin Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế: <http://www.nciec.gov.vn/print.nciec,2291>.

trú (ACMW) đã họp phiên thứ ba tại Hà Nội. Trước đó, trong cuộc họp lần thứ hai tại Chiang Mai (Thái Lan) đã thông qua Điều khoản tham chiếu của Nhóm soạn thảo ACMW. Mục đích của cuộc họp lần thứ 3 là điểm lại các hoạt động đã hoàn thành cũng như các hoạt động đang triển khai theo kế hoạch hành động của ACMW, đồng thời thảo luận các vấn đề sẽ thực hiện trong tương lai. Bốn chủ đề chính đã được tập trung thảo luận gồm tăng cường bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú, chống bóc lột, ngược đãi; đẩy mạnh bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú thông qua tăng cường quản lý lao động di trú của các nước thành viên ASEAN; hợp tác khu vực ASEAN chống lại nạn buôn bán người; phát triển văn kiện ASEAN về bảo vệ; và thúc đẩy quyền cả người lao động di trú. Việt Nam cũng đã sớm cử đại diện của mình tham gia các cơ quan thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của khu vực (AICHR, ACWC và ACMW)⁷⁸.

Trong việc tăng cường việc bảo vệ quyền của người lao động di trú, Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội (trực tiếp là Vụ quản lý lao động ngoài nước), Bộ Ngoại giao... đã có nhiều nỗ lực trong việc hợp tác với các quốc gia trong khu vực, đặc biệt những nước có nhiều người Việt Nam đến lao động. Với cơ sở pháp lý là Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú (2007) và thông qua Ủy ban ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú

⁷⁸ Gần đây, Đại sứ Nguyễn Duy Hưng thay thế cho Đại sứ Đỗ Ngọc Sơn giữ vị trí Đại diện Việt Nam tại AICHR.

(ACMW), cũng như thông qua các Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN (ALMM), Việt Nam góp phần thúc đẩy việc bảo vệ quyền lợi của nhóm yếu thế này. Sự đồng thuận giữa các thành viên ASEAN góp phần tạo nên những bước tiến trong hợp tác về vấn đề lao động di trú, hướng tới lộ trình xây dựng một Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, mà tại thời điểm đó người lao động được trang bị kỹ năng nghề nghiệp có thể di chuyển tự do để tìm kiếm việc làm.

Về hợp tác thúc đẩy an sinh xã hội, Việt Nam tích cực tham gia Hiệp hội An sinh xã hội ASEAN (ASSA). Sau hơn một thập kỷ hình thành và phát triển, ASSA đã trở thành một diễn đàn hợp tác đa phương về an sinh xã hội hàng đầu khu vực, với 21 tổ chức thành viên chính thức đến từ tám quốc gia Đông Nam Á và hai tổ chức quan sát viên. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASSA tại Hội nghị Ban chấp hành ASSA lần thứ hai (1998). Với mục tiêu vừa đảm bảo phát triển bền vững, vừa đảm bảo an sinh xã hội, Hiệp hội An sinh xã hội ASEAN đóng góp vào việc đảm bảo an sinh xã hội cho các công dân trong khu vực.

Liên quan đến phòng chống buôn bán người, đại diện của Bộ Công an Việt Nam thường xuyên tham dự các Hội nghị cấp Bộ trưởng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC) chia sẻ với lãnh đạo ngành cảnh sát, cơ quan phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc kinh nghiệm, thông tin trong các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ AMMTC nâng cao hiệu quả hợp tác trong phòng, chống buôn bán người tại Đông Nam Á, bên cạnh việc phòng chống các loại tội phạm

khác. Ngoài ra, Việt Nam cũng tích cực tham gia Hội nghị quan chức cao cấp ASEAN về tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC). Những Hội nghị gần đây, các quốc gia ASEAN đặc biệt quan tâm đến vấn nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, nhiều giải pháp đã được nghiên cứu, đề xuất (cần thiết hoàn thiện hệ thống pháp lý đối với các tội phạm xuyên biên giới, tăng cường hợp tác trong khu vực; nâng cao hiệu quả thẩm định, truy tố, xét xử, kết án những kẻ buôn bán người và bảo vệ, giúp đỡ các nạn nhân...). Lãnh đạo các quốc gia đều mong muốn ASEAN phải là “một cộng đồng không có nạn buôn bán người”.

Việt Nam cũng tích cực tham gia hợp tác khu vực trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên, bảo tồn môi trường sống trong lành. Cho đến gần đây, đại diện của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam giữ vị trí Chủ tịch Nhóm công tác ASEAN về môi trường biển và đới bờ (AWGCME). Gần đây, Việt Nam cũng cam kết sẽ ưu tiên cao và đầu tư thích đáng cho hợp tác khu vực trong việc quản lý thiên tai, ứng phó hiệu quả với các thách thức đang nổi lên, trong đó có triển khai hiệu quả Hiệp định ASEAN về Quản lý thiên tai và Cứu trợ khẩn cấp (AADMER), cũng như cùng với các quốc gia khác bảo đảm Trung tâm Điều phối Trợ giúp nhân đạo về Quản lý thiên tai, sau khi được thành lập, sẽ hoạt động tích cực và hiệu quả.

Về hợp tác Nghị viện, Quốc hội Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động đối ngoại với các nước ASEAN và Hội đồng liên Nghị viện các nước Đông Nam Á (AIPA) (trước năm 2006 là AIPO). Các hoạt động hợp tác trên nhiều lĩnh vực như lập pháp, an ninh - chính trị, tăng cường hòa bình, xây dựng pháp quyền và dân chủ. Năm 2009, với tư cách nước giữ chức Chủ tịch

AIPA nhiệm kỳ 2009 - 2010, Việt Nam đã đề xuất với Đại hội đồng AIPA lần thứ 30 ba nội dung liên quan đến vai trò của AIPA trong việc thực hiện Hiến chương ASEAN, vai trò của AIPA đối với cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, các mục tiêu Thiên niên kỷ vì an ninh con người bền vững.

5.2. Hợp tác giữa các tổ chức xã hội dân sự và giới học thuật

Hợp tác trong khối ASEAN, bên cạnh hợp tác giữa các nhà nước (thường được gọi là Kênh 1), hợp tác giới học thuật (Kênh 2) và xã hội dân sự (Kênh 3) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối và hợp tác trong khu vực.

Xã hội dân sự của Việt Nam ngày càng tích cực và chủ động tham gia vào những hoạt động giao lưu, kết nối với xã hội dân sự của các nước trong khu vực. Những tổ chức xã hội dân sự Việt Nam đều cử đại diện tham dự các cuộc họp của Diễn đàn Nhân dân ASEAN (APF). Trong thời gian từ ngày 23 - 26 tháng 9 năm 2010, Diễn đàn Nhân dân ASEAN lần thứ sáu (APF 6) được tổ chức tại Hà Nội với chủ đề “Đoàn kết và hành động vì một ASEAN hướng về nhân dân” với các mục tiêu chung là tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các phong trào xã hội, tổ chức nhân dân các nước ASEAN; trao đổi về những biện pháp phối hợp hành động của các tổ chức nhân dân ASEAN trong thời gian tới; đề xuất các khuyến nghị với lãnh đạo ASEAN nhằm góp phần xây dựng một cộng đồng ASEAN hướng về nhân dân. Ban Tổ chức Việt Nam của Diễn đàn đã triệu tập Hội nghị Các tổ chức nhân dân Việt Nam để chuẩn bị cho Diễn đàn⁷⁹.

⁷⁹ Trang tin điện tử của Diễn đàn: <http://apfvietsnam2010.org.vn>.

Các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam đang tham gia ngày càng tích cực vào những diễn đàn khu vực tổ chức tại Việt Nam hay tại các nước láng giềng. Trong lĩnh vực pháp luật, tháng 10 năm 2009, Hội nghị của ALA (Hiệp hội Luật Đông Nam Á) được tổ chức tại Hà Nội do Hội Luật gia Việt Nam (VLA) làm điều phối. Hội Luật gia Việt Nam (VLA) và tổ chức phi chính phủ FORUM - ASIA đã phối hợp tổ chức Hội thảo Cơ quan nhân quyền ASEAN (ngày 9/2/2009), Hội thảo Tham vấn quốc gia về Ủy ban liên chính phủ Asean về nhân quyền (AICHR) (ngày 12/8/2010)... Nhiều NGOs Việt Nam hoạt động trên các lĩnh vực bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, phát triển bền vững, phát triển nông thôn... cũng đã bước đầu có những đóng góp tại các diễn đàn khu vực. Các kiến thức, kinh nghiệm học tập được từ những nước trong khu vực được các NGO Việt Nam học hỏi và vận dụng.

Trong lĩnh vực học thuật, nhiều cơ quan giáo dục và viện nghiên cứu của Việt Nam đã bước đầu tham gia các mạng lưới trong khu vực. Một số đơn vị của Việt Nam (các trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội và thuộc Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh) đã tham gia các hoạt động của Mạng lưới nghiên cứu quyền con người ASEAN (SEAHRN), Trung tâm Thông tin Nhân quyền ASEAN (ASEAN HRRC)... Năm 2011, SEAHRN đã tổ chức cuộc họp tại Hà Nội, các thành viên có điều kiện hiểu biết thêm về Việt Nam. Các đơn vị nghiên cứu trong nước cũng đã tổ chức một số hội thảo về nhân quyền tại ASEAN, chẳng hạn như Hội thảo Cơ quan nhân quyền ASEAN (tổ chức bởi Khoa Luật, ĐHQGHN tháng 2 năm 2009), Hội thảo Cơ quan phụ nữ và trẻ em ASEAN (tổ chức bởi Viện nghiên cứu quyền con người, Học viện CTQG Hồ Chí Minh phối hợp với UNIFEM tháng 12 năm 2010)...

Phụ lục

I. MỘT SỐ VĂN KIỆN NHÂN QUYỀN CỦA KHU VỰC ASEAN

HIẾN CHƯƠNG CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

(THE ASEAN CHARTER)

LỜI MỞ ĐẦU

Chúng tôi, nhân dân các quốc gia thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), với đại diện là những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ các nước: Vương quốc Brunei Darussalam, Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Indonesia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Malaysia, Liên bang Myanmar, Cộng hòa Philippin, Cộng hòa Singapore, Vương quốc Thái Lan, và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam:

GHI NHẬN với sự hài lòng những thành tựu quan trọng đã đạt được và việc mở rộng thành viên của ASEAN kể từ khi ASEAN được thành lập tại Bangkok thông qua việc ra Tuyên bố ASEAN.

NHẮC LẠI các quyết định về xây dựng Hiến chương ASEAN trong Chương trình Hành động Vientina, Tuyên bố Kuala Lumpur về Xây dựng Hiến chương ASEAN và Tuyên bố Cebu về Đề cương Hiến chương ASEAN.

LƯU TÂM đến sự hiện hữu của các lợi ích chung và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa nhân dân và các quốc gia thành viên ASEAN, gắn bó với nhau bởi vị trí địa lý, các mục tiêu và vận mệnh chung.

ĐƯỢC KHÍCH LỆ và đoàn kết với nhau bởi Một Tâm nhìn, Một Bản sắc, Một Cộng đồng Đùm bọc và Chia sẻ.

GẮN KẾT với nhau bởi một khát vọng chung và ý chí tập thể được sống trong một khu vực hòa bình, an ninh và ổn định lâu dài, kinh tế tăng trưởng bền vững, tiến bộ xã hội và thịnh vượng chung, và nhằm thúc đẩy các lợi ích, nguyện vọng và lý tưởng quan trọng.

TÔN TRỌNG ý nghĩa lớn lao của sự thân thiện và hợp tác, và các nguyên tắc về chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp, đồng thuận và thống nhất trong đa dạng.

TUÂN THỦ các nguyên tắc về dân chủ, pháp quyền và quản trị tốt, tôn trọng và bảo vệ nhân quyền, các quyền tự do cơ bản.

QUYẾT TÂM đảm bảo sự phát triển bền vững vì lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai, đặt hạnh phúc, đời sống và phúc lợi của nhân dân ở vị trí trung tâm của tiến trình xây dựng cộng đồng ASEAN.

TIN TƯỞNG vào sự cần thiết phải thắt chặt các mối quan hệ đoàn kết khu vực hiện có nhằm xây dựng một Cộng đồng ASEAN gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế và cùng chia sẻ trách nhiệm xã hội để ứng phó có hiệu quả các thách thức, cơ hội hiện tại và trong tương lai.

CAM KẾT thúc đẩy việc xây dựng cộng đồng thông qua tăng cường hợp tác và liên kết khu vực, đặc biệt thông qua việc hình thành Cộng đồng ASEAN bao gồm Cộng đồng An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN, như được nêu trong Tuyên bố Bali về Hòa hợp ASEAN II.

DƯỚI ĐÂY QUYẾT ĐỊNH thông qua Hiến chương này, thiết lập khuôn khổ thể chế và pháp lý cho ASEAN.

VÀ NHĂM MỤC TIÊU ĐÓ, những Người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ các quốc gia thành viên ASEAN, hiện diện ở Singapore nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập ASEAN mang tính lịch sử này, đã nhất trí với bản Hiến chương dưới đây:

Chương I

CÁC MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC

Điều 1. Các mục tiêu

Các mục tiêu của ASEAN:

1. Duy trì và thúc đẩy hòa bình, an ninh; ổn định và tăng cường hơn nữa các giá trị hướng tới hòa bình trong khu vực.
2. Nâng cao khả năng tự cường khu vực thông qua đẩy mạnh hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội.
3. Duy trì Đông Nam Á là một khu vực không có vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt khác.
4. Đảm bảo rằng nhân dân các quốc gia thành viên ASEAN được sống hoà bình với toàn thế giới nói chung trong một môi trường công bằng, dân chủ và hoà hợp.
5. Xây dựng một thị trường và cơ sở sản xuất duy nhất với sự ổn định, thịnh vượng, khả năng cạnh tranh và liên kết kinh tế cao, tạo thuận lợi cho thương mại, đầu tư, bao gồm sự chu chuyển tự do hàng hóa, dịch vụ và dòng đầu tư; di chuyển thuận lợi của các doanh nhân, những người có chuyên môn cao, những người có tài năng và lực lượng lao động, kết hợp với sự chu chuyển tự do hơn các dòng vốn.

6. Giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau.
7. Tăng cường dân chủ, thúc đẩy quản trị tốt và pháp quyền, thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, với sự tôn trọng thích đáng quyền và trách nhiệm của các quốc gia thành viên ASEAN.
8. Đối phó hữu hiệu với tất cả các mối đe dọa, các loại tội phạm xuyên quốc gia và các thách thức xuyên biên giới, phù hợp với nguyên tắc an ninh toàn diện.
9. Thúc đẩy phát triển bền vững nhằm bảo vệ môi trường khu vực, tính bền vững của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn di sản văn hóa và chất lượng cuộc sống cao của người dân khu vực.
10. Phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo lâu dài, trong khoa học và công nghệ, để tăng cường quyền năng cho người dân ASEAN, thúc đẩy Cộng đồng ASEAN.
11. Nâng cao phúc lợi và đời sống của người dân ASEAN thông qua việc tạo điều kiện để họ tiếp cận bình đẳng các cơ hội về phát triển con người, phúc lợi và công bằng xã hội.
12. Tăng cường hợp tác trong việc xây dựng cho người dân ASEAN một môi trường an toàn, an ninh và không ma túy.
13. Thúc đẩy hình thành một ASEAN hướng về nhân dân, trong đó khuyến khích mọi thành phần xã hội tham gia và hưởng lợi từ tiến trình liên kết, xây dựng cộng đồng ASEAN.

14. Đề cao bản sắc ASEAN thông qua việc nâng cao hơn nữa nhận thức về sự đa dạng văn hóa và các di sản của khu vực.
15. Duy trì vai trò trung tâm, chủ động của ASEAN như là động lực chủ chốt trong quan hệ và hợp tác với các đối tác bên ngoài trong một cấu trúc khu vực mở, minh bạch và thu nạp.

Điều 2. Các nguyên tắc

1. Để đạt được các Mục tiêu nêu tại Điều 1, ASEAN và các quốc gia thành viên tái khẳng định, tuân thủ những nguyên tắc cơ bản đã được nêu trong các tuyên bố, hiệp định, điều ước, thỏa ước, hiệp ước và các văn kiện khác của ASEAN.
 2. ASEAN và các quốc gia thành viên sẽ hoạt động theo nguyên tắc dưới đây:
 - a. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các quốc gia thành viên.
 - b. Cùng cam kết và chia sẻ trách nhiệm tập thể trong việc thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở khu vực.
 - c. Không xâm lược, sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hay các hành động khác dưới bất kỳ hình thức nào trái với luật pháp quốc tế.
 - d. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
 - e. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia thành viên ASEAN.

- f. Tôn trọng quyền của các quốc gia thành viên được quyết định vận mệnh của mình mà không có sự can thiệp, lật đổ và áp đặt từ bên ngoài.
- g. Tăng cường tham vấn về các vấn đề có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của ASEAN.
- h. Tuân thủ pháp quyền, quản trị tốt, các nguyên tắc của nền dân chủ và chính phủ hợp hiến.
- i. Tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, công bằng xã hội.
- j. Đề cao Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế bao gồm cả luật nhân đạo quốc tế mà các quốc gia thành viên đã tham gia.
- k. Không tham gia vào bất kỳ một chính sách hay hoạt động nào, kể cả việc sử dụng lãnh thổ của một nước, do bất kỳ một quốc gia thành viên ASEAN hay ngoài ASEAN hoặc đối tượng không phải là quốc gia tiến hành, đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hay sự ổn định chính trị và kinh tế của các quốc gia thành viên ASEAN.
- l. Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo của người dân ASEAN, đồng thời nhấn mạnh những giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng.
- m. Giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong các quan hệ về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội với bên ngoài, đồng thời vẫn duy trì tính chủ động, hướng ra bên ngoài, thu nạp và không phân biệt đối xử.

- n. Tuân thủ các nguyên tắc thương mại đa biên và các cơ chế dựa trên luật lệ của ASEAN nhằm triển khai có hiệu quả các cam kết kinh tế, và giảm dần, tiến tới loại bỏ hoàn toàn các rào cản đối với liên kết kinh tế khu vực, trong một nền kinh tế do thị trường thúc đẩy.

Chương II TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Điều 3. Tư cách pháp nhân của asean

ASEAN, với tư cách là một tổ chức liên chính phủ, từ nay có tư cách pháp nhân.

Chương III THÀNH VIÊN

Điều 4. Các quốc gia thành viên

Các quốc gia thành viên ASEAN gồm: Vương quốc Brunei Darussalam, Vương quốc Campuchia, Cộng hoà Indonesia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Liên bang Malaysia, Liên bang Myanmar, Cộng hoà Philippin, Cộng hoà Singapore, Vương quốc Thái Lan và Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ

1. Các quốc gia thành viên có quyền và nghĩa vụ bình đẳng theo Hiến chương này.
2. Các quốc gia thành viên sẽ tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết, bao gồm cả việc ban hành nội luật thích hợp để thực hiện hữu hiệu những điều khoản trong Hiến chương này và tuân thủ tất cả các nghĩa vụ thành viên.

3. Trong trường hợp có sự vi phạm nghiêm trọng Hiến chương hoặc không tuân thủ Hiến chương, vấn đề này sẽ được xem xét chiếu theo Điều 20.

Điều 6. Kết nạp thành viên mới

1. Thủ tục xin gia nhập và kết nạp vào ASEAN sẽ được Hội đồng Điều phối SEAN quy định.
2. Việc kết nạp dựa trên các tiêu chí sau đây:
 - a. Có vị trí nằm trong khu vực địa lý Đông Nam Á.
 - b. Được tất cả các quốc gia thành viên ASEAN công nhận.
 - c. Chấp nhận sự ràng buộc và tuân thủ Hiến chương.
 - d. Có khả năng và sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ Thành viên.
3. Việc kết nạp sẽ do Cấp cao ASEAN quyết định theo đồng thuận, dựa trên khuyến nghị của Hội đồng Điều phối ASEAN.
4. Một quốc gia xin gia nhập sẽ được kết nạp vào ASEAN sau khi quốc gia đó ký Văn kiện tham gia Hiến chương.

Chương IV CÁC CƠ QUAN

Điều 7. Cấp cao ASEAN

1. Cấp cao ASEAN gồm những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ của các quốc gia thành viên.
2. Cấp cao ASEAN:
 - a. Là cơ quan hoạch định chính sách tối cao của ASEAN.

- b. Xem xét, đưa ra các chỉ đạo về chính sách và quyết định những vấn đề then chốt liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu của ASEAN, các vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của quốc gia thành viên và tất cả các vấn đề do Hội đồng Điều phối ASEAN, các Hội đồng Cộng đồng ASEAN và các Cơ quan cấp Bộ trưởng chuyên ngành đệ trình.
 - c. Chỉ đạo các Bộ trưởng liên quan thuộc từng Hội đồng tiến hành các Hội nghị liên Bộ trưởng đặc biệt, giải quyết những vấn đề quan trọng của ASEAN có liên quan đến các Hội đồng Cộng đồng. Các quy định về thủ tục tiến hành những hội nghị này sẽ do Hội đồng Điều phối ASEAN thông qua.
 - d. Tiến hành những biện pháp thích hợp để xử lý các tình huống khẩn cấp tác động tới ASEAN.
 - e. Quyết định các vấn đề liên quan được trình lên Cấp cao theo Chương VII và Chương VIII.
 - f. Cho phép thành lập và giải tán các Cơ quan cấp Bộ trưởng chuyên ngành và những thể chế khác của ASEAN.
 - g. Bổ nhiệm Tổng thư ký ASEAN, với hàm và quy chế Bộ trưởng, Tổng thư ký ASEAN sẽ phục vụ với sự tin tưởng và hài lòng của những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ, dựa trên khuyến nghị của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN.
3. Hội nghị Cấp cao ASEAN:
 - a. Tiến hành hai lần một năm, và do quốc gia thành viên giữ chức Chủ tịch ASEAN chủ trì tổ chức.

- b. Sẽ được nhóm họp khi cần thiết như là các cuộc họp đặc biệt hoặc bất thường do quốc gia thành viên giữ chức Chủ tịch ASEAN chủ trì tại địa điểm được các quốc gia thành viên ASEAN nhất trí.

Điều 8. Hội đồng điều phối ASEAN

1. Hội đồng Điều phối ASEAN bao gồm các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và họp ít nhất hai lần một năm.
2. Hội đồng Điều phối ASEAN:
 - a. Chuẩn bị cho các cuộc họp Cấp cao ASEAN.
 - b. Điều phối việc thực hiện các thỏa thuận và quyết định của Cấp cao ASEAN.
 - c. Phối hợp với các Hội đồng Cộng đồng ASEAN nhằm tăng cường sự nhất quán về chính sách, hiệu quả và hợp tác giữa các cơ quan này.
 - d. Phối hợp những báo cáo của các Hội đồng Cộng đồng ASEAN để trình lên Cấp cao ASEAN.
 - e. Xem xét báo cáo hàng năm của Tổng thư ký về các hoạt động của ASEAN.
 - f. Xem xét báo cáo của Tổng thư ký ASEAN về chức năng và hoạt động của Ban thư ký ASEAN cũng như các cơ quan liên quan.
 - g. Thông qua việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các Phó Tổng thư ký ASEAN theo khuyến nghị của Tổng thư ký.

- h. Thực hiện các nhiệm vụ khác được nêu trong Hiến chương này, hoặc các chức năng khác do Cấp cao ASEAN trao cho.
3. Hội đồng Điều phối ASEAN sẽ được các quan chức cao cấp liên quan hỗ trợ.

Điều 9. Các hội đồng cộng đồng ASEAN

1. Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN bao gồm Hội đồng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Hội đồng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN.
2. Trực thuộc mỗi Hội đồng Cộng đồng ASEAN sẽ có các Cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng.
3. Các quốc gia thành viên sẽ cử đại diện quốc gia tham dự những cuộc họp của Hội đồng Cộng đồng ASEAN.
4. Để thực hiện các mục tiêu của từng trụ cột trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN, mỗi Hội đồng Cộng đồng ASEAN sẽ:
 - a. Đảm bảo việc thực hiện các quyết định có liên quan của Cấp cao ASEAN.
 - b. Điều phối công việc trong các lĩnh vực phụ trách, và những vấn đề có liên quan đến các Hội đồng Cộng đồng khác.
 - c. Đề trình các báo cáo và khuyến nghị về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm lên Cấp cao ASEAN.
5. Mỗi Hội đồng Cộng đồng ASEAN sẽ họp ít nhất hai lần một năm và do Bộ trưởng có liên quan của quốc gia thành viên đang giữ cương vị Chủ tịch ASEAN chủ trì.

6. Mỗi Hội đồng Cộng đồng ASEAN sẽ được các quan chức cao cấp có liên quan hỗ trợ.

Điều 10. Các cơ quan chuyên ngành cấp bộ trưởng ASEAN

1. Các Cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN:
 - a. Hoạt động theo chức năng, quyền hạn đã được xác định.
 - b. Thực hiện các thỏa thuận và quyết định của Cấp cao ASEAN trong phạm vi phụ trách.
 - c. Tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức trách của mình để hỗ trợ liên kết và xây dựng Cộng đồng ASEAN.
 - d. Đề trình báo cáo và khuyến nghị lên các Hội đồng Cộng đồng liên quan.
2. Mỗi Cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN, trong phạm vi chức trách của mình, có thể giao cho các quan chức cao cấp và các cơ quan trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ như nêu trong Phụ lục 1. Phụ lục này có thể được Tổng thư ký ASEAN cập nhật theo khuyến nghị của Ủy ban các Đại diện Thường trực mà không phải viện dẫn Điều khoản sửa đổi trong Hiến chương này.

Điều 11. Tổng thư ký ASEAN và ban thư ký ASEAN

1. Tổng thư ký ASEAN sẽ được Cấp cao ASEAN bổ nhiệm với nhiệm kỳ năm năm, không gia hạn, được lựa chọn trong số những công dân các quốc gia thành viên ASEAN, luân phiên theo thứ tự tên nước bằng chữ cái tiếng Anh,

có tính đến sự liêm khiết, năng lực, kinh nghiệm chuyên môn và bình đẳng giới.

2. Tổng thư ký ASEAN sẽ:

- a. Thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo các quy định trong Hiến chương và những văn kiện, nghị định thư liên quan, và các tập quán đã có của ASEAN.
 - b. Tạo điều kiện thuận lợi và theo dõi tiến độ thực hiện các thỏa thuận và quyết định của ASEAN, đệ trình báo cáo hàng năm về các hoạt động của ASEAN lên Cấp cao ASEAN.
 - c. Tham gia các cuộc họp Cấp cao ASEAN, các Hội đồng Cộng đồng ASEAN, Hội đồng Điều phối ASEAN và các Cơ quan chuyên ngành ASEAN cấp Bộ trưởng và những cuộc họp liên quan khác của ASEAN.
 - d. Thể hiện quan điểm của ASEAN và tham gia các cuộc họp với những đối tác bên ngoài phù hợp với đường lối chính sách đã được thông qua và quyền hạn của Tổng thư ký.
 - e. Khuyến nghị lên Hội đồng Điều phối ASEAN để phê duyệt việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các Phó Tổng thư ký.
3. Tổng thư ký cũng sẽ là Quan chức Hành chính cao cấp nhất của ASEAN.
4. Tổng thư ký sẽ được bốn Phó Tổng thư ký với hàm và quy chế cấp Thứ trưởng giúp việc. Các Phó Tổng thư ký sẽ chịu trách nhiệm trước Tổng thư ký trong việc thực thi chức trách của mình.

5. Bốn Phó Tổng thư ký sẽ không cùng quốc tịch với Tổng thư ký và đến từ bốn quốc gia thành viên ASEAN khác nhau.

6. Bốn Phó Tổng thư ký sẽ bao gồm:

- a. Hai Phó Tổng thư ký có nhiệm kỳ ba năm, không gia hạn, và được lựa chọn trong số những công dân của các quốc gia thành viên ASEAN trên cơ sở luân phiên theo vần chữ cái tiếng Anh, có tính đến sự liêm khiết, phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm và bình đẳng giới.
 - b. Hai Phó Tổng thư ký có nhiệm kỳ ba năm, có thể gia hạn nhiệm kỳ thêm 3 năm nữa. Hai Phó Tổng thư ký này sẽ được tuyển chọn công khai dựa trên năng lực.
7. Ban thư ký ASEAN sẽ bao gồm Tổng thư ký và các nhân viên khác tùy theo yêu cầu đặt ra.
8. Tổng thư ký và các nhân viên sẽ:
- a. Giữ vững các chuẩn mực cao nhất về sự liêm khiết, hiệu quả và năng lực trong khi thi hành nhiệm vụ.
 - b. Không tìm kiếm hoặc nhận chỉ đạo từ bất kỳ chính phủ hoặc đối tượng nào ngoài ASEAN.
 - c. Không tham gia bất kỳ hành động nào có thể ảnh hưởng đến vị thế quan chức Ban thư ký ASEAN của mình và chỉ chịu trách nhiệm trước ASEAN.
9. Các quốc gia thành viên ASEAN cam kết tôn trọng tính chất đặc thù trách nhiệm của Tổng thư ký và các nhân viên Ban thư ký, không tìm cách gây ảnh hưởng đến họ trong quá trình họ thực thi nhiệm vụ.

Điều 12. Ủy ban các đại diện thường trực bên cạnh ASEAN

- a. Các quốc gia thành viên ASEAN sẽ bổ nhiệm một Đại diện thường trực có hàm Đại sứ bên cạnh ASEAN đặt tại Jakarta.
- b. Các Đại diện thường trực tạo thành Ủy ban các Đại diện Thường trực, sẽ:
 1. Hỗ trợ công việc của các Hội đồng Cộng đồng ASEAN và các Cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN.
 2. Phối hợp với Ban thư ký ASEAN Quốc gia và các Cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng khác của ASEAN.
 3. Liên hệ với Tổng thư ký ASEAN và Ban thư ký ASEAN về tất cả các vấn đề liên quan đến công việc của mình.
 4. Hỗ trợ hợp tác giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài.
 5. Thực thi các nhiệm vụ khác do Hội đồng Điều phối ASEAN quyết định.

Điều 13. Ban thư ký ASEAN quốc gia

Mỗi quốc gia thành viên ASEAN sẽ lập một Ban thư ký ASEAN Quốc gia với nhiệm vụ:

1. Đóng vai trò là đầu mối quốc gia.
2. Là nơi lưu trữ thông tin về tất cả các vấn đề liên quan đến ASEAN ở cấp độ quốc gia.
3. Điều phối việc triển khai các quyết định của ASEAN ở cấp độ quốc gia.

4. Điều phối và hỗ trợ công tác chuẩn bị của quốc gia cho các cuộc họp ASEAN.
5. Thúc đẩy xây dựng bản sắc và nâng cao nhận thức về ASEAN ở cấp độ quốc gia.
6. Đóng góp vào việc xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Điều 14. Cơ quan nhân quyền ASEAN

1. Phù hợp với các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương ASEAN về thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, ASEAN sẽ lập một cơ quan nhân quyền ASEAN.
2. Cơ quan nhân quyền ASEAN này sẽ hoạt động theo Quy chế do Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN quyết định.

Điều 15. Quỹ ASEAN

1. Quỹ ASEAN sẽ hỗ trợ Tổng thư ký ASEAN và hợp tác với các cơ quan liên quan của ASEAN để phục vụ xây dựng cộng đồng ASEAN, thông qua việc nâng cao nhận thức về bản sắc ASEAN, quan hệ tương tác giữa người dân với người dân, sự hợp tác chặt chẽ trong giới doanh nghiệp, xã hội dân sự, các nhà nghiên cứu và các nhóm đối tượng khác trong ASEAN.
2. Quỹ ASEAN sẽ chịu trách nhiệm trước Tổng thư ký ASEAN, và Tổng thư ký ASEAN sẽ trình báo cáo về Quỹ lên Cấp cao ASEAN thông qua Hội đồng điều phối ASEAN.

Chương V

CÁC THỰC THỂ CÓ LIÊN QUAN VỚI ASEAN

Điều 16. Các thực thể có liên quan với ASEAN

1. ASEAN có thể lập quan hệ với các thực thể có những hoạt động hỗ trợ Hiến chương ASEAN, đặc biệt là hỗ trợ các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương. Những thực thể có liên quan này được liệt kê trong Phụ lục 2.
2. Quy chế và tiêu chí cho việc xây dựng quan hệ này sẽ được Ủy ban các Đại diện thường trực quyết định theo khuyến nghị của Tổng thư ký ASEAN.
3. Phụ lục 2 có thể được Tổng thư ký ASEAN cập nhật theo khuyến nghị của Ủy ban các Đại diện thường trực mà không cần viện dẫn đến Điều khoản Sửa đổi trong Hiến chương.

Chương VI

CÁC ƯU ĐÃI VÀ MIỄN TRỪ

Điều 17. Các ưu đãi và miễn trừ của ASEAN

1. ASEAN sẽ được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ cần thiết trên lãnh thổ các quốc gia thành viên để thực hiện mục tiêu của Hiệp hội.
2. Các ưu đãi và miễn trừ sẽ được quy định trong các thỏa thuận riêng giữa ASEAN và nước chủ nhà.

Điều 18. Các ưu đãi và miễn trừ dành cho tổng thư ký ASEAN và các nhân viên của ban thư ký ASEAN

1. Tổng thư ký ASEAN và các nhân viên của Ban thư ký ASEAN tham gia các hoạt động chính thức hoặc đại diện

cho ASEAN tại những quốc gia thành viên sẽ được hưởng các ưu đãi và miễn trừ cần thiết nhằm thực thi một cách độc lập chức năng của họ.

2. Các điều kiện về ưu đãi và miễn trừ của Điều này sẽ được quy định trong một thỏa thuận riêng của ASEAN.

Điều 19. Các ưu đãi và miễn trừ của các đại diện thường trực và các quan chức đang thực thi nhiệm vụ của ASEAN

1. Các Đại diện thường trực của các quốc gia thành viên bên cạnh ASEAN, quan chức của các quốc gia thành viên tham gia những hoạt động chính thức hoặc đại diện cho ASEAN tại các quốc gia thành viên, sẽ được hưởng các ưu đãi và miễn trừ cần thiết để có thể thực thi một cách độc lập chức năng của họ.
2. Các ưu đãi, miễn trừ của những Đại diện thường trực và các quan chức đang làm nhiệm vụ của ASEAN sẽ tuân theo quy định trong Công ước Vienna năm 1961 về Quan hệ Ngoại giao hoặc tuân theo luật quốc gia của quốc gia thành viên ASEAN liên quan.

Chương VII

RA QUYẾT ĐỊNH

Điều 20. Tham vấn và đồng thuận

1. Việc ra quyết định dựa trên tham vấn và đồng thuận là một nguyên tắc cơ bản của ASEAN.
2. Khi không có đồng thuận, Cấp cao ASEAN có thể xem xét việc đưa ra quyết định cụ thể.

3. Khoản 1 và 2 trong Điều này sẽ không ảnh hưởng tới các phương thức ra quyết định đã được nêu trong những văn kiện pháp lý liên quan khác của ASEAN.
4. Trong trường hợp có sự vi phạm nghiêm trọng hoặc không tuân thủ, vấn đề này sẽ được trình lên Cấp cao ASEAN để quyết định.

Điều 21. Thực hiện và thủ tục

1. Mỗi Hội đồng Cộng đồng ASEAN sẽ quy định quy chế hoạt động riêng của mình.
2. Trong khi thực hiện các cam kết kinh tế, có thể áp dụng công thức tham gia linh hoạt, trong đó có công thức ASEAN - X trong trường hợp có sự đồng thuận như vậy.

Chương VIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 22. Các nguyên tắc chung

1. Các quốc gia thành viên sẽ nỗ lực giải quyết một cách hòa bình, kịp thời tất cả tranh chấp thông qua đối thoại, tham vấn và thương lượng.
2. ASEAN sẽ duy trì và thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp trong tất cả các lĩnh vực hợp tác của ASEAN.

Điều 23. Bên thứ ba, hòa giải và trung gian

1. Các quốc gia thành viên có tranh chấp, vào bất kỳ thời điểm nào có thể sử dụng các phương thức như đề nghị bên thứ ba, hòa giải hoặc trung gian để giải quyết tranh chấp trong khoảng thời gian thỏa thuận.

2. Các bên tranh chấp có thể yêu cầu Chủ tịch ASEAN hoặc Tổng thư ký ASEAN trong quyền hạn mặc nhiên của mình, làm bên thứ ba, hòa giải hoặc trung gian.

Điều 24. Các cơ chế giải quyết tranh chấp trong các văn kiện cụ thể

1. Các tranh chấp liên quan đến những văn kiện cụ thể của ASEAN sẽ được giải quyết thông qua các cơ chế và thủ tục đã được quy định trong những văn kiện đó.
2. Các tranh chấp không liên quan đến việc áp dụng hoặc giải thích bất kỳ một văn kiện nào của ASEAN sẽ được giải quyết một cách hòa bình, phù hợp với Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC) và các quy định thủ tục của Hiệp ước này.
3. Nếu không có quy định cụ thể khác, các tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng các hiệp định kinh tế ASEAN sẽ được giải quyết theo Nghị định thư ASEAN về Tăng cường Cơ chế Giải quyết Tranh chấp.

Điều 25. Thiết lập các cơ chế giải quyết tranh chấp

Nếu không có quy định cụ thể khác, sẽ thiết lập các cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp, bao gồm cả hình thức trọng tài, để giải quyết những tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiến chương này hoặc các văn kiện khác của ASEAN.

Điều 26. Các tranh chấp chưa được giải quyết

Nếu có một tranh chấp chưa giải quyết được, sau khi đã áp dụng những điều khoản trên đây của Chương, tranh chấp đó sẽ được trình lên Cấp cao ASEAN để quyết định.

Điều 27. Tuân thủ

1. Tổng thư ký ASEAN, với sự trợ giúp của Ban thư ký ASEAN hoặc một cơ quan khác được chỉ định của ASEAN, sẽ theo dõi việc tuân thủ các kết luận, khuyến nghị hoặc quyết định do một cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN đưa ra và trình báo cáo lên Cấp cao ASEAN.
2. Bất cứ quốc gia thành viên nào bị ảnh hưởng bởi kết luận về việc không tuân thủ, hoặc bởi các khuyến nghị hoặc quyết định do một cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN đưa ra, có thể đưa vấn đề này lên Cấp cao ASEAN quyết định.

Điều 28. Các điều khoản trong hiến chương Liên Hợp Quốc và các thủ tục quốc tế liên quan khác

Trừ phi có quy định khác trong Hiến chương này, các quốc gia thành viên có quyền viện dẫn những hình thức giải quyết tranh chấp hòa bình được quy định tại Điều 33(1) của Hiến chương Liên Hợp Quốc hoặc các văn bản luật quốc tế khác mà những quốc gia thành viên ASEAN là bên tranh chấp đã tham gia.

Chương IX NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH

Điều 29. Các nguyên tắc chung

1. ASEAN sẽ xây dựng các quy tắc và thủ tục tài chính phù hợp với những tiêu chuẩn quốc tế.
2. ASEAN sẽ tuân thủ các chính sách và thông lệ quản lý tài chính và nguyên tắc quản lý ngân sách.
3. Các tài khoản sẽ được những cơ quan kiểm toán nội bộ và bên ngoài kiểm tra .

Điều 30. Ngân sách hoạt động và tài chính của ban thư ký ASEAN

1. Ban thư ký ASEAN sẽ được cung cấp các nguồn tài chính cần thiết để thực hiện hiệu quả chức năng của mình.
2. Ngân sách hoạt động của Ban thư ký ASEAN sẽ do các quốc gia thành viên ASEAN đóng góp đồng đều hàng năm theo đúng kỳ hạn.
3. Tổng thư ký ASEAN sẽ lập dự toán ngân sách hoạt động hàng năm của Ban thư ký ASEAN để trình Hội đồng Điều phối ASEAN phê duyệt theo khuyến nghị của Ủy ban các Đại diện Thường trực.
4. Hoạt động của Ban thư ký ASEAN sẽ tuân thủ những nguyên tắc và thủ tục tài chính do Hội đồng Điều phối ASEAN quy định theo khuyến nghị của Ủy ban các Đại diện Thường trực.

Chương X **HÀNH CHÍNH VÀ THỦ TỤC**

Điều 31. Chủ tịch ASEAN

1. Chức Chủ tịch ASEAN sẽ được luân phiên hàng năm theo thứ tự chữ cái tên tiếng Anh của các quốc gia thành viên.
2. ASEAN sẽ áp dụng quy chế Chủ tịch thống nhất trong một năm dương lịch, theo đó quốc gia thành viên đảm nhiệm chức Chủ tịch sẽ chủ trì:
 - a. Hội nghị Cấp cao ASEAN và các Cấp cao liên quan.
 - b. Các cuộc họp của Hội đồng Điều phối ASEAN.
 - c. Ba Hội đồng Cộng đồng ASEAN.
 - d. Nếu phù hợp, các cuộc họp của Cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng và quan chức cao cấp.
 - e. Ủy ban các Đại diện Thường trực ASEAN.

Điều 32. Vai trò của chủ tịch ASEAN

Quốc gia thành viên giữ chức Chủ tịch ASEAN sẽ:

1. Tích cực thúc đẩy và đề cao lợi ích cũng như quyền lợi của ASEAN, gồm cả các nỗ lực xây dựng Cộng đồng ASEAN thông qua các sáng kiến về chính sách, điều phối, đồng thuận và hợp tác.
2. Đảm bảo vai trò trung tâm của ASEAN.
3. Đảm bảo việc ứng phó một cách hiệu quả và kịp thời các vấn đề cấp bách hoặc những tình huống khủng hoảng tác

động đến ASEAN, trong đó có việc sử dụng phương thức bên thứ ba và các dàn xếp khác nhằm nhanh chóng giải quyết những mối quan ngại trên.

4. Đại diện cho ASEAN trong việc tăng cường và thúc đẩy các mối quan hệ chặt chẽ hơn với những đối tác bên ngoài.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và chức năng khác được giao.

Điều 33. Lễ tân và các thông lệ ngoại giao

ASEAN và các quốc gia thành viên sẽ tuân thủ nghi thức lễ tân và những thông lệ ngoại giao hiện có trong quá trình triển khai các hoạt động liên quan đến ASEAN. Bất cứ sự thay đổi nào phải được Hội đồng Điều phối ASEAN thông qua theo khuyến nghị của Ủy ban các Đại diện Thường trực.

Điều 34. Ngôn ngữ làm việc của ASEAN

Ngôn ngữ làm việc của ASEAN là tiếng Anh.

Chương XI **BẢN SẮC VÀ BIỂU TƯỢNG**

Điều 35. Bản sắc ASEAN

ASEAN sẽ thúc đẩy xây dựng bản sắc chung của ASEAN và ý thức gắn bó với nhau của người dân trong khu vực để hình thành một vận mệnh, những giá trị và mục tiêu chung.

Điều 36. Khẩu hiệu của ASEAN

Khẩu hiệu của ASEAN là “Một Tâm nhìn, Một Bản sắc, Một Cộng đồng”.

Điều 37. Cờ ASEAN

Lá cờ ASEAN được thể hiện trong Phụ lục 3.

Điều 38. Biểu tượng của ASEAN

Biểu tượng của ASEAN được mô tả trong Phụ lục 4.

Điều 39. Ngày ASEAN

Ngày 8 tháng 8 được kỷ niệm là Ngày ASEAN.

Điều 40. Bài ca ASEAN

ASEAN sẽ có một bài ca chung.

Chương XII QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Điều 41. Triển khai quan hệ đối ngoại

1. ASEAN sẽ phát triển quan hệ hữu nghị, đối thoại, hợp tác và đối tác cùng có lợi với các quốc gia, các tổ chức và thể chế tiểu khu vực, khu vực cũng như quốc tế.
2. Quan hệ đối ngoại của ASEAN sẽ tuân thủ các mục tiêu và nguyên tắc đề ra trong Hiến chương.
3. ASEAN sẽ là động lực chính trong các thỏa thuận khu vực do ASEAN khởi xướng và duy trì vai trò trung tâm trong hợp tác khu vực và xây dựng cộng đồng.
4. Trong triển khai quan hệ đối ngoại của ASEAN, các quốc gia thành viên sẽ phối hợp và nỗ lực xây dựng lập trường chung cũng như tiến hành các hoạt động chung trên cơ sở thống nhất và đoàn kết.

5. Cấp cao ASEAN sẽ định hướng chính sách chiến lược cho quan hệ đối ngoại của ASEAN theo khuyến nghị của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN.
6. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN sẽ đảm bảo sự nhất quán và đồng bộ trong triển khai quan hệ đối ngoại của ASEAN.
7. ASEAN có thể ký kết hiệp định với các nước, những tổ chức, thể chế tiểu khu vực, khu vực và quốc tế. Thủ tục ký kết những hiệp định này sẽ do Hội đồng Điều phối ASEAN quy định thông qua tham vấn với các Hội đồng Cộng đồng ASEAN.

Điều 42. Nước điều phối đối thoại

1. Các quốc gia thành viên, với vai trò là Nước Điều phối, sẽ luân phiên chịu trách nhiệm điều phối và thúc đẩy lợi ích của ASEAN trong quan hệ với các bên Đối thoại, các tổ chức và thể chế khu vực và quốc tế liên quan.
2. Trong quan hệ với những đối tác bên ngoài, Nước Điều phối sẽ tiến hành các hoạt động, trong đó:
 - a. Đại diện cho ASEAN và thúc đẩy quan hệ trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, phù hợp với các nguyên tắc của ASEAN.
 - b. Đồng chủ trì những cuộc họp liên quan giữa ASEAN và các đối tác bên ngoài.
 - c. Được các Ủy ban của ASEAN tại những Nước thứ ba và bên cạnh các Tổ chức quốc tế có liên quan hỗ trợ.

Điều 43. Ủy ban ASEAN ở nước thứ ba và bên cạnh các tổ chức quốc tế

1. Ủy ban ASEAN ở những Nước thứ ba có thể được thành lập tại các nước ngoài khu vực ASEAN, bao gồm người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của các quốc gia thành viên ASEAN. Các Ủy ban tương tự có thể được lập ra bên cạnh những tổ chức quốc tế. Những Ủy ban này sẽ thúc đẩy lợi ích và bản sắc ASEAN tại nước chủ nhà và các tổ chức quốc tế.
2. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN sẽ quy định thủ tục hoạt động của các Ủy ban này.

Điều 44. Quy chế đối với các đối tác của ASEAN

1. Trong quá trình triển khai quan hệ đối ngoại của ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN có thể trao cho các đối tác bên ngoài quy chế Đối thoại chính thức, Đối thoại theo lĩnh vực, Đối tác phát triển, Quan sát viên đặc biệt, Khách mời hoặc các quy chế khác có thể được lập ra.
2. Các đối tác bên ngoài có thể được mời tham gia các cuộc họp hoặc những hoạt động hợp tác mà không cần phải có quy chế chính thức theo như quy định.

Điều 45. Quan hệ với hệ thống Liên Hợp Quốc, các tổ chức và thể chế quốc tế khác

1. ASEAN có thể tìm kiếm một quy chế thích hợp với hệ thống Liên Hợp Quốc cũng như các tổ chức, thể chế tiêu khu vực, khu vực và quốc tế khác.

2. Hội đồng Điều phối ASEAN sẽ quyết định việc tham gia của ASEAN vào các tổ chức, thể chế tiêu khu vực, khu vực và quốc tế khác.

Điều 46. Bổ nhiệm đại diện của các quốc gia ngoài ASEAN bên cạnh ASEAN

Các quốc gia ngoài ASEAN và các tổ chức liên chính phủ liên quan có thể bổ nhiệm và cử Đại sứ bên cạnh ASEAN. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN sẽ quyết định về việc bổ nhiệm này.

Chương XIII CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG VÀ CUỐI CÙNG

Điều 47. Ký kết, phê chuẩn, lưu chiếu và hiệu lực

1. Bản Hiến Chương này phải được tất cả các quốc gia thành viên ASEAN ký kết.
2. Bản Hiến chương này sẽ được tất cả các quốc gia thành viên ASEAN phê chuẩn, phù hợp với thủ tục nội bộ của mỗi nước.
3. Các văn kiện phê chuẩn sẽ được Tổng thư ký ASEAN lưu chiếu, sau đó sẽ thông báo ngay cho tất cả các quốc gia thành viên về việc lưu chiếu của từng nước.
4. Bản Hiến Chương này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày văn kiện phê chuẩn thứ 10 được Tổng thư ký ASEAN lưu chiếu.

Điều 48. Sửa đổi

1. Bất kỳ một quốc gia thành viên nào cũng có thể đề nghị sửa đổi Hiến chương.
2. Các đề nghị sửa đổi Hiến chương này sẽ được Hội đồng Điều phối ASEAN, trên cơ sở đồng thuận, trình lên Cấp cao ASEAN để quyết định.
3. Các sửa đổi đối với Hiến chương được Cấp cao ASEAN nhất trí thông qua trên cơ sở đồng thuận phải được tất cả các quốc gia thành viên phê chuẩn phù hợp với Điều 47.
4. Các sửa đổi đối với Hiến chương sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày văn kiện phê chuẩn cuối cùng được Tổng thư ký ASEAN lưu chiếu.

Điều 49. Quy chế và trình tự thủ tục

Nếu không có quy định khác trong Hiến chương, Hội đồng Điều phối ASEAN sẽ quyết định các quy định về trình tự, thủ tục và đảm bảo tính nhất quán của những quy định này.

Điều 50. Xem xét lại

Bản Hiến chương này có thể được xem xét lại sau khi có hiệu lực 5 năm hoặc do Cấp cao ASEAN quyết định.

Điều 51. Giải thích hiến chương

1. Nếu có đề nghị của bất kỳ quốc gia thành viên nào, Ban thư ký ASEAN sẽ có trách nhiệm giải thích Hiến chương phù hợp với các quy định về thủ tục mà Hội đồng Điều phối ASEAN quy định.

2. Bất đồng liên quan đến việc giải thích Hiến chương sẽ được giải quyết dựa trên các điều khoản liên quan trong Chương VIII của Hiến chương.
3. Các tiêu đề và đề mục được sử dụng trong Hiến chương sẽ chỉ được dùng với mục đích tham khảo.

Điều 52. Tính liên tục về pháp lý

1. Tất cả các hiệp ước, hiệp định, thỏa ước, tuyên bố, nghị định thư và các văn kiện khác của ASEAN đã có hiệu lực từ trước khi Hiến chương có hiệu lực, vẫn sẽ tiếp tục có giá trị.
2. Trong trường hợp không có sự nhất quán giữa quyền và nghĩa vụ của những quốc gia thành viên ASEAN theo các văn kiện nói trên và Hiến chương, Hiến chương sẽ là văn bản mang tính quyết định.

Điều 53. Bản gốc

Bản gốc của Hiến chương bằng tiếng Anh đã được ký sẽ được Tổng thư ký ASEAN lưu chiếu, sau đó Tổng thư ký sẽ cung cấp một bản sao có chứng thực cho các quốc gia thành viên.

Điều 54. Đăng ký hiến chương ASEAN

Hiến chương sẽ được Tổng thư ký ASEAN đăng ký với Ban thư ký Liên Hợp Quốc theo Điều 102, Đoạn 1 Hiến chương Liên Hợp Quốc.

Điều 55. Tài sản của ASEAN

Tài sản và quỹ của Tổ chức sẽ được đăng ký dưới tên ASEAN.

Làm tại Singapore vào ngày 20 tháng 11 năm 2007 với một bản gốc duy nhất bằng tiếng Anh.

Vương quốc Brunei Darussalam

HAJI HASSANAL BOLKIAH

Quốc vương

Vương quốc Campuchia:

SAMDECH HUN SEN

Thủ tướng

Cộng hoà Indonesia:

DR. SUSILO BAMBANG YUDHOYONO

Tổng thống

Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào:

BOUASONE BOUPHAVANH

Thủ tướng

Liên bang Malaysia:

DATO' SERI ABDULLAH AHMAD BADAWI

Thủ tướng

Liên bang Myanmar:

GENERAL THEIN SEIN

Thủ tướng

Cộng hoà Philippin:

GLORIA MACAPAGAL - ARROYO

Tổng thống

Cộng hoà Singapore:

LEE HSIEN LOONG

Thủ tướng

Vương quốc Thái Lan:

GENERAL SURAYUD CHULANONT (RET.)

Thủ tướng

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam:

NGUYỄN TẤN DŨNG

Thủ tướng

Phụ lục 1

CÁC CƠ QUAN THEO LĨNH VỰC CẤP BỘ TRƯỞNG ASEAN

CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN

1. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN (ASEAN SOM)
 - Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về quy hoạch phát triển (SOMDP)
2. Ủy ban về Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ)
 - Ban chấp hành SEANWFZ (SEANWFZ Ex - Com)
3. Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM)
 - Hội nghị Các Quan chức cao cấp Quốc phòng ASEAN (ADSOM)
4. Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước ASEAN (ALAWMM)
 - Hội nghị Quan chức Tư pháp cao cấp ASEAN (ASLOM)
5. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC)

- Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về Ma túy (ASOD)
 - Hội nghị những Người đứng đầu Cơ quan Xuất nhập cảnh và Cục trưởng Lãnh sự Bộ Ngoại giao (DGICM)
6. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF SOM)

II. CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN:

1. Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM)
 - Nhóm Đặc trách cao cấp về Liên kết kinh tế ASEAN (HLTF - EI)
 - Hội nghị quan chức Kinh tế cao cấp ASEAN (SEOM)
2. Hội đồng Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA)
3. Hội đồng Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA)
4. Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN (AFMM)
 - Hội nghị Thứ trưởng Tài chính và Phó Thống đốc Ngân hàng Trung ương ASEAN (AFDM)
 - Hội nghị Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN (Customs DG)
5. Hội nghị Bộ trưởng Nông - Lâm nghiệp ASEAN (AMAF)
 - Hội nghị quan chức cao cấp ASEAN về Nông - Lâm nghiệp (SOM - AMAF)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về lâm nghiệp (ASOF)

6. Hội nghị Bộ trưởng Năng lượng ASEAN (AMEM)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Năng lượng (SOME)
7. Hội nghị cấp Bộ trưởng về Khoáng sản ASEAN (AMMin)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về Khoáng sản (ASOMM)
8. Hội nghị Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ ASEAN (AMMST)
 - Ủy ban về Khoa học và Công nghệ (COST)
9. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Viễn thông và Công nghệ thông tin (TELMIN)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Viễn thông và Công nghệ thông tin (TELSOM)
 - Hội đồng Điều hành Viễn thông ASEAN (ATRC)
10. Hội nghị Bộ trưởng Giao thông vận tải ASEAN (ATM)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Giao thông vận tải (STOM)
11. Hội nghị Bộ trưởng Du lịch ASEAN (M - ATM)
 - Hội nghị các tổ chức du lịch quốc gia các nước ASEAN (ASEAN NTOs)
12. Hợp tác phát triển lưu vực sông Mekong của ASEAN (AMBDC)
 - Ủy ban Thường trực Hợp tác phát triển lưu vực sông Mekong (AMBDC SC)

- Ủy ban Tài chính cấp cao (HLFC)
13. Trung tâm Năng lượng ASEAN
 14. Trung tâm ASEAN - Nhật Bản tại Tokyo

III. CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI ASEAN:

1. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN phụ trách Thông tin (AMRI)
 1. Hội nghị Quan chức cao cấp phụ trách Thông tin (SOMRI)
 2. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Văn hóa - Nghệ thuật (AMCA)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Văn hóa và nghệ thuật (SOMCA)
 3. Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục ASEAN (ASED)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Giáo dục (SOM - ED)
 4. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Quản lý thiên tai (AMMDM)
 - Ủy ban ASEAN về Quản lý thiên tai (ACDM)
 5. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Môi trường (AMME)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về Môi trường (ASOEN)
 6. Hội thảo các bên tiến tới Hiệp định ASEAN về chống ô nhiễm khói bụi xuyên biên giới (COP)
 - Ủy ban dưới COP tiến tới Hiệp định ASEAN về ô nhiễm khói bụi xuyên biên giới

7. Hội nghị Bộ trưởng Y tế ASEAN (AHMM)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Phát triển Y tế (AHMM)
8. Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN (ALMM)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Lao động (SLOM)
 - Ủy ban ASEAN triển khai Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền lợi của người lao động nhập cư.
9. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo (AMRDPE)
 - Hội nghị quan chức cao cấp về Phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo (SOMRDPE)
10. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phúc lợi xã hội và Phát triển (SOMRDPE)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Phúc lợi xã hội và Phát triển (SOMSVD)
11. Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN về Thanh niên (AMMY)
 - Hội nghị Quan chức cao cấp về Thanh niên (SOMY)
12. Hội nghị ASEAN về các vấn đề Công vụ (ACCSM)
13. Trung tâm ASEAN về đa dạng sinh học (ACB)
14. Trung tâm điều phối ASEAN Hỗ trợ nhân đạo trong quản lý thiên tai (AHA Centre)
15. Trung tâm Thông tin động đất ASEAN
16. Trung tâm Khí tượng ASEAN (ASMC)
17. Mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN)

Phụ lục 2

CÁC THỂ CHẾ LIÊN KẾT VỚI ASEAN

I. LIÊN NGHỊ VIỆN

- Hội đồng Liên Nghị viện ASEAN (AIPA)

II. CÁC TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

- Hội nghị Hàng không ASEAN
- Hiệp hội liên kết hỗ trợ y tế ASEAN (AAHSA)
- ASEAN Hiệp hội Ô-tô (AAF)
- Hiệp hội Ngân hàng ASEAN (ABA)
- Hội đồng tư vấn doanh nghiệp ASEAN (ASEAN - BAC)
- Diễn đàn doanh nghiệp ASEAN (ABF)
- Phòng Thương mại và Công nghiệp ASEAN (ASEAN -CCI)
- Hội đồng công nghiệp hóa chất ASEAN
- Liên đoàn công nghiệp dệt may ASEAN (AFTEX)
- Hội đồng công nghiệp nội thất ASEAN (AFIC)
- Hội đồng ngành Bảo hiểm ASEAN (AIC)
- Hiệp hội Sở hữu trí tuệ ASEAN (ASEAN IPA)
- Hiệp hội Sân bay quốc tế (AAA)
- Liên đoàn công nghiệp sắt thép ASEAN
- Câu lạc bộ Dược ASEAN

- Hiệp hội Du lịch ASEAN (ASEANTA)
- Liên đoàn các Hiệp hội kinh tế ASEAN (FAEA)
- Liên đoàn Hội đồng vận tải biển ASEAN
- Hội đồng thương mại Mỹ - ASEAN

III. CÁC CHUYÊN GIA CỐ VẤN VÀ VIỆN NGHIÊN CỨU

- Mạng lưới ASEAN - ISIS

IV. CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ ĐƯỢC THỪA NHẬN

- Các Viện Khoa học, Công trình và Công nghệ ASEAN (ASEAN CASE)
- Viện Cơ khí và Công nghệ ASEAN (AAET)
- Hiệp hội Khoa học thí nghiệm Y học ASEAN (AACLS)
- Hiệp hội Quy hoạch và Nhà ở ASEAN (AAPH)
- Hiệp hội các chuyên gia ngành X - quang (AAR)
- Liên đoàn Cờ ASEAN (ACC)
- Hội liên hiệp các nhà tuyển dụng ASEAN (ACE)
- Hội liên hiệp các tổ chức Phụ nữ ASEAN (ACWO)
- Liên đoàn Xây dựng ASEAN (ACF)
- Hiệp hội Mỹ phẩm ASEAN (ACA)
- Hội đồng ASEAN của Cựu học sinh tại Nhật Bản (ASCOJA)
- Hội đồng Giáo viên ASEAN (ACT)

- Liên đoàn Sức khỏe tâm thần ASEAN (AFPMH)
- Liên đoàn Kế toán ASEAN (AFA)
- Liên đoàn các nhà thầu Cơ - điện ASEAN (AFEEC)
- Liên đoàn các tổ chức kỹ sư ASEAN (AFEO)
- Liên đoàn các Câu lạc bộ Bay ASEAN (AFFC)
- Liên đoàn giao nhận vận tải ASEAN (AFFA)
- Liên minh Quỹ tim mạch ASEAN (AFHF)
- Liên đoàn Thăm dò đất và địa hình ASEAN (ASEAN FLAG)
- Liên đoàn hiệp hội Khai khoáng ASEAN (AFMA)
- Liên đoàn Ngư nghiệp ASEAN (AFF)
- Liên đoàn Bóng đá ASEAN (AFF)
- Câu lạc bộ Công nghiệp khai thác lâm sản ASEAN (AFPIC)
- Hội Sinh viên ngành Lâm nghiệp ASEAN (AFSA)
- Hiệp hội thúc đẩy phát triển ngành thủ công (AHPADA)
- Hội đồng Thả điều ASEAN (AKC)
- Hiệp hội Luật ASEAN (ALA)
- Hội Sinh viên ngành Luật ASEAN (ALSA)
- Hiệp hội Âm nhạc ASEAN (AMIA)
- Xã hội giải phẫu thần kinh ASEAN (ANS)
- Liên hiệp ASEAN các tổ chức phi chính phủ về người cao tuổi

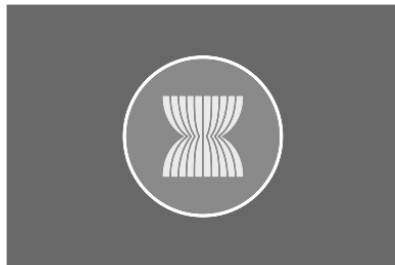
- Các tổ chức phi chính phủ ASEAN về ngăn chặn sử dụng và lạm dụng các chất ma túy.
- Nhóm sản xuất hóa dầu ASEAN (AOMG)
- Hiệp hội Chính hình ASEAN (AOA)
- Liên đoàn Nhi khoa ASEAN (APF)
- Liên đoàn Thể thao người khuyết tật ASEAN (APSF)
- Hiệp hội Cảng ASEAN (APA)
- Hội Thalassaemia ASEAN (ATS)
- Hiệp hội các nhà định giá ASEAN (AVA)
- Câu lạc bộ Dầu thực vật ASEAN (AVOC)
- Đối tác châu Á về phát triển nguồn lực ở nông thôn châu Á (AsiaDHRRA)
- Ủy ban về Hợp tác thanh niên ASEAN (CAYC)
- Liên đoàn Kỹ sư tư vấn ASEAN (FACE)
- Liên đoàn các tổ chức quan hệ quần chúng ASEAN (FAPRO)
- Liên đoàn các hiệp hội chủ tàu ASEAN (FASA)
- Hiệp hội Y khoa của Ủy ban các nước Đông Nam Á (MASEAN)
- Hiệp hội Bệnh thấp khớp của ASEAN (RAA)
- Viện Cộng đồng và Giáo dục khu vực Đông Nam Á (SEARICE)

- Quỹ chương trình trao đổi khu vực về Đông Nam Á học (SEASREP)
- Liên hiệp Cựu chiến binh các nước ASEAN (VECONAC)

V. CÁC THỂ CHẾ KHÁC TRONG ASEAN

- Tổ chức Hợp tác Cảnh sát ASEAN (ASEANAPOL)
- Liên đoàn các Viện Khoa học công nghệ thực phẩm các nước ASEAN (FIFSTA)
- Trung tâm phát triển Ngư nghiệp Đông Nam Á (SEAFDEC)
- Nhóm công tác về Cơ chế nhân quyền ASEAN.

Phụ lục 3 LÁ CỜ CỦA ASEAN



Lá cờ ASEAN có ý nghĩa biểu trưng cho một cộng đồng ASEAN ổn định, hòa bình, thống nhất và năng động. Bốn màu xanh da trời, đỏ, trắng, vàng trên lá cờ ASEAN thể hiện bốn màu chủ đạo trên quốc kỳ của các nước thành viên ASEAN.

Màu xanh da trời biểu hiện cho hòa bình và ổn định. Màu đỏ thể hiện dũng khí và sự năng động. Màu trắng cho thấy sự thuần khiết và màu vàng biểu trưng cho sự thịnh vượng.

Bó lúa tượng trưng cho ước mơ của những thành viên sáng lập ASEAN về một ASEAN bao gồm tất cả các nước ở Đông Nam Á quây quần trong tình hữu nghị và đoàn kết. Vòng tròn biểu tượng cho sự thống nhất của ASEAN.

Các chỉ số kỹ thuật của màu sắc trên lá cờ ASEAN đã được phê chuẩn là:

Xanh da trời: Pantone 19 - 4053 TC

Đỏ: Pantone 18 - 1655 TC

Trắng: Pantone 11 - 4202 TC

Vàng: Pantone 13 - 0758 TC

Đối với bản in, chỉ số kỹ thuật của màu sắc (trừ màu trắng) sẽ tuân theo các chỉ số màu sắc trong biểu tượng ASEAN, chẳng hạn:

Xanh da trời: Pantone 286 hoặc Process Colour 100C 60M 0Y 6K

Đỏ: Pantone Red 032 hoặc Process Colour 0C 91M 87Y 0K

Vàng: Pantone Process Yellow hoặc Process Colour 0C 0M 100Y 0K

Tỷ lệ chiều rộng so với chiều dài của lá cờ là 2:3, và các chỉ số kích thước cụ thể như sau:

Cờ để bàn: 10cm x 15cm

Cờ để trong phòng: 100cm x 150cm

Cờ cắm ở xe: 10cm x 30cm

Cờ treo ở sân: 200cm x 300cm

Phụ lục 4 BIỂU TƯỢNG ASEAN



Biểu tượng ASEAN tượng trưng cho một cộng đồng ASEAN ổn định, hòa bình, thống nhất và năng động. Bốn màu xanh da trời, đỏ, trắng và vàng trên biểu tượng thể hiện bốn màu chủ đạo trên quốc kỳ của các nước thành viên ASEAN.

Màu xanh da trời biểu hiện cho hòa bình và ổn định. Màu đỏ thể hiện dũng khí và sự năng động. Màu trắng cho thấy sự thuần khiết và màu vàng biểu trưng cho sự thịnh vượng.

Bó lúa tượng trưng cho ước mơ của những thành viên sáng lập ASEAN về một ASEAN bao gồm tất cả các nước ở Đông Nam Á quây quần trong tình hữu nghị và đoàn kết. Vòng tròn biểu tượng cho sự thống nhất của ASEAN.

Các chỉ số kỹ thuật của màu sắc trên biểu tượng ASEAN đã được phê chuẩn là:

Xanh da trời: Pantone 286

Đỏ: Pantone Red 032

Vàng: Pantone Process Yellow

Đối với phương pháp in bốn màu, chỉ số kỹ thuật của các màu sắc trên biểu tượng ASEAN là:

Xanh da trời: 100C 60M 0Y 6K (100C 60M 0Y 10K)

Đỏ: 0C 91M 87Y 0K (0C 90M 90Y 0K)

Vàng: 0C 0M 100Y 0K

Chỉ số ghi trong dấu ngoặc đơn thường được sử dụng khi bất kỳ một chỉ số nào dùng được.

Trong hệ mô phỏng màu, các chỉ số tương ứng là:

Xanh da trời: Pantone 204 - 1

Đỏ: Pantone 60 - 1

Vàng: Pantone 1 - 3

Kiểu chữ sử dụng cho từ ASEAN trong biểu tượng trên là kiểu Helvetica chữ thường, in đậm.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ ASEAN VỀ NHÂN QUYỀN

(TERMS OF REFERENCE OF ASEAN INTERGOVERNMENTAL
COMMISSION ON HUMAN RIGHTS)

Tuân thủ Điều 14 của Hiến chương ASEAN, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) sẽ hoạt động theo các Quy chế hoạt động (TOR) như sau:

1. Các mục đích

Các mục đích của AICHR:

- 1.1. Thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản của nhân dân các nước ASEAN.
- 1.2. Bảo vệ quyền của người dân ASEAN được sống trong hòa bình, tôn trọng và thịnh vượng.
- 1.3. Góp phần hiện thực hóa các mục tiêu của ASEAN như đã nêu trong Hiến chương ASEAN nhằm thúc đẩy ổn định và hòa hợp trong khu vực, tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN cũng như bảo đảm hạnh phúc, sinh kế, phúc lợi và sự tham gia của người dân ASEAN vào quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN.
- 1.4. Thúc đẩy nhân quyền trên cơ sở bối cảnh khu vực, ghi nhớ tính đặc thù của từng nước và của khu vực, tôn trọng sự khác biệt về lịch sử, văn hóa và tôn giáo, có tính đến sự cân bằng giữa quyền lợi và trách nhiệm.

- 1.5. Tăng cường hợp tác khu vực với mong muốn hỗ trợ cho nỗ lực của các quốc gia và quốc tế trong việc thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền.
- 1.6. Duy trì các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế được quy định trong Tuyên bố chung về nhân quyền, Tuyên bố và chương trình hành động Vienna, các văn kiện quốc tế về nhân quyền mà những nước thành viên ASEAN tham gia.

2. Các nguyên tắc

AICHR sẽ tuân theo các nguyên tắc sau:

- 2.1. Tôn trọng các nguyên tắc của ASEAN như đã nêu trong Điều 2 Hiến chương ASEAN, đặc biệt là:
 - a. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các nước thành viên ASEAN.
 - b. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước thành viên ASEAN.
 - c. Tôn trọng quyền của mỗi nước thành viên bảo vệ đất nước mình tránh khỏi sự can thiệp, lật đổ hay áp đặt từ bên ngoài.
 - d. Tuân thủ luật pháp, sự quản lý tốt, các nguyên tắc dân chủ và chính phủ hợp hiến.
 - e. Tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, thúc đẩy công bằng xã hội.

- f. Tôn trọng Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bao gồm luật nhân đạo quốc tế được các nước thành viên ASEAN tán thành.
 - g. Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo giữa các nước ASEAN, đồng thời nhấn mạnh các giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng.
- 2.2. Tôn trọng các nguyên tắc nhân quyền quốc tế, bao gồm tính toàn thể, không tách rời nhau, phụ thuộc lẫn nhau và tính tương quan của tất cả quyền con người và các quyền tự do cơ bản, cũng như không thiên vị, khách quan, không chọn lọc, không phân biệt và tránh tình trạng tiêu chuẩn kép, chính trị hóa.
- 2.3. Nhận thức được trách nhiệm chính trong việc thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản thuộc về mỗi nước thành viên.
- 2.4. Theo đuổi cách tiếp cận, hợp tác xây dựng, không đối đầu nhằm tăng cường thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.
- 2.5. Áp dụng cách tiếp cận tiệm tiến giúp phát triển các tiêu chuẩn và chuẩn mực nhân quyền trong ASEAN.

3. Cơ quan tư vấn liên chính phủ

AICHR là một cơ quan liên chính phủ và là bộ phận cấu thành của cơ cấu tổ chức ASEAN. Nó cũng là một cơ quan tư vấn.

4. Chức năng và nhiệm vụ

- 4.1. Phát triển các chiến lược thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản hỗ trợ xây dựng cộng đồng ASEAN.

- 4.2. Phát triển một Tuyên bố nhân quyền ASEAN với mong muốn thiết lập khuôn khổ cho hợp tác nhân quyền thông qua các hiệp định khác nhau của ASEAN và những văn kiện khác về nhân quyền.
- 4.3. Tăng cường nhận thức cho người dân ASEAN về nhân quyền thông qua giáo dục, nghiên cứu và phổ biến thông tin.
- 4.4. Thúc đẩy xây dựng khả năng triển khai hiệu quả các nghĩa vụ trong những hiệp ước nhân quyền quốc tế mà các nước thành viên ASEAN tham gia.
- 4.5. Khuyến khích các nước thành viên ASEAN xem xét gia nhập và thông qua những văn kiện nhân quyền quốc tế.
- 4.6. Thúc đẩy triển khai đầy đủ các văn kiện ASEAN liên quan đến nhân quyền.
- 4.7. Cung cấp dịch vụ tư vấn và trợ giúp kỹ thuật về các vấn đề nhân quyền theo yêu cầu của các cơ quan chuyên ngành ASEAN.
- 4.8. Khuyến khích đối thoại và tham vấn với các cơ quan ASEAN khác và những thực thể phối hợp với ASEAN, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự và các nhóm lợi ích, như đã nêu trong chương V Hiến chương ASEAN.
- 4.9. Tham vấn khi thích hợp với các thể chế, cơ quan quốc gia, khu vực và quốc tế có liên quan tới thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền.

- 4.10. Thu thập thông tin từ các nước thành viên ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.
- 4.11. Phát triển các cách tiếp cận và quan điểm chung về những vấn đề nhân quyền thuộc lợi ích của ASEAN.
- 4.12. Chuẩn bị nghiên cứu về các chuyên đề nói đến nhân quyền trong ASEAN.
- 4.13. Đề trình một báo cáo thường niên về các hoạt động của Ủy ban, hoặc các báo cáo khác nếu cần thiết tới Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN.
- 4.14. Thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào khác mà Hội nghị Bộ trưởng ASEAN có thể giao phó.

5. Cơ cấu

Thành viên

- 5.1. AICHR sẽ bao gồm các nước thành viên ASEAN.
- 5.2. Mỗi nước thành viên ASEAN sẽ bổ nhiệm một Đại diện tới AICHR, người này sẽ chịu trách nhiệm trước chính phủ cử đại diện.

Các tiêu chí

- 5.3. Khi bổ nhiệm các Đại diện tới AICHR, các nước thành viên sẽ có sự xem xét hợp lý dựa trên cơ sở bình đẳng giới, khả năng và mức độ tham gia trong lĩnh vực nhân quyền.
- 5.4. Các nước thành viên nên tham khảo, nếu tiến trình nội bộ đòi hỏi các chủ thể liên quan trong việc bổ nhiệm Đại diện tới AICHR.

Nhiệm kỳ

- 5.5. Mỗi Đại diện có nhiệm kỳ ba năm và có thể được tái bổ nhiệm tiếp thêm chỉ một nhiệm kỳ.
- 5.6. Bất kể đoạn 5.5, chính phủ bổ nhiệm vẫn có thể quyết định thay thế đại diện của mình theo ý muốn.

Trách nhiệm

- 5.7. Mỗi Đại diện, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, sẽ hành động một cách công bằng, tuân theo Hiến chương ASEAN và Quy chế hoạt động này.
- 5.8. Các Đại diện sẽ có nghĩa vụ tham dự những cuộc họp AICHR. Nếu một đại diện không thể tham dự cuộc họp vì một tình huống ngoại lệ, Chính phủ liên quan sẽ thông báo chính thức tới Chủ tịch AICHR việc bổ nhiệm đại diện lâm thời với đầy đủ quyền đại diện cho nước thành viên nói trên.

Chủ tịch AICHR

- 5.9. Chủ tịch AICHR sẽ là Đại diện của nước thành viên giữ chức Chủ tịch ASEAN.
- 5.10. Chủ tịch AICHR sẽ thực hiện vai trò của mình phù hợp với Quy chế hoạt động này, bao gồm:
 - a. Chỉ đạo việc chuẩn bị các báo cáo của AICHR và trình bày những văn bản này tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN.
 - b. Phối hợp với các Đại diện AICHR trong những cuộc họp của AICHR và với các cơ quan ASEAN liên quan.

- c. Đại diện AICHR tại các sự kiện khu vực và quốc tế liên quan đến việc thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền mà AICHR có trách nhiệm.
- d. Đảm nhận các chức năng đặc thù khác của AICHR phù hợp với Quy chế hoạt động này.

Miễn trừ và ưu đãi

- 5.11. Tuân thủ Điều 19 Hiến chương ASEAN, các Đại diện tham gia những hoạt động chính thức của AICHR sẽ được hưởng quyền miễn trừ và ưu đãi cần thiết cho việc thực hiện các chức năng của họ.

6. Các phương thức hoạt động

Ra quyết định

- 6.1. Việc ra quyết định ở AICHR sẽ căn cứ trên tham vấn và đồng thuận tuân thủ Điều 20 Hiến chương ASEAN.

Số lượng các cuộc họp

- 6.2. AICHR sẽ triệu tập hai cuộc họp định kỳ mỗi năm. Thông thường mỗi cuộc họp sẽ kéo dài không quá năm ngày.
- 6.3. Các cuộc họp thường niên của AICHR sẽ được tổ chức luân phiên tại Ban thư ký ASEAN và nước thành viên giữ chức Chủ tịch ASEAN.
- 6.4. Khi thích hợp, AICHR có thể tổ chức các cuộc họp bổ sung tại Ban thư ký ASEAN hoặc tại địa điểm được các Đại diện tán thành.

- 6.5. Khi cần thiết, các Ngoại trưởng ASEAN có thể chỉ đạo AICHR tiến hành họp.

Phương thức báo cáo

- 6.6. AICHR sẽ trình một báo cáo thường niên và các báo cáo khác tới Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN để xem xét.

Thông tin công bố

- 6.7. AICHR sẽ công khai định kỳ công việc và các hoạt động của mình thông qua những phương tiện thông tin công cộng thích hợp của AICHR.

Quan hệ với các cơ quan nhân quyền khác trong khuôn khổ ASEAN

- 6.8. AICHR là một thể chế nhân quyền bao quát trong ASEAN, chịu trách nhiệm tổng thể về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong ASEAN.
- 6.9. AICHR sẽ làm việc với tất cả các cơ quan chuyên trách ASEAN về nhân quyền để quyết định phương thức liên kết cuối cùng của họ với AICHR. Để đạt được điều này, AICHR sẽ tham vấn, phối hợp và cộng tác chặt chẽ với các cơ quan nói trên để tăng cường tính bổ trợ, gắn kết trong quá trình thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền.

7. Vai trò của Tổng thư ký ASEAN và Ban thư ký ASEAN

- 7.1. Tổng thư ký ASEAN có thể đưa các vấn đề liên quan ra AICHR xem xét tuân thủ Điều 11.2 (a) và (b) Hiến chương ASEAN. Với việc này, Tổng thư ký ASEAN sẽ đồng thời thông báo tới các Ngoại trưởng ASEAN.

7.2. Ban thư ký ASEAN sẽ cung cấp các hỗ trợ về hành chính cho AICHR nhằm bảo đảm hiệu quả công việc. Để tạo điều kiện thuận lợi cho sự hỗ trợ của Ban thư ký cho AICHR, các nước thành viên ASEAN có thể cử nhân viên tới Ban thư ký ASEAN với sự đồng tình của Tổng thư ký ASEAN.

8. Kế hoạch làm việc và tài chính

8.1. AICHR sẽ chuẩn bị và trình một Kế hoạch làm việc gồm các chương trình và hành động với ngân sách dự toán trong vòng năm năm để Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN xét duyệt, dựa trên đề xuất của Ủy ban các Đại diện Thường trực tại ASEAN.

8.2. AICHR cũng sẽ chuẩn bị và trình một ngân sách hàng năm để hỗ trợ các chương trình và hoạt động ưu tiên cao, ngân sách này sẽ được thông qua tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN dựa trên đề xuất của Ủy ban các Đại diện Thường trực tại ASEAN.

8.3. Ngân sách hàng năm sẽ được đóng góp trên cơ sở chia đều cho các nước thành viên ASEAN.

8.4. AICHR cũng có thể nhận các nguồn hỗ trợ từ bất cứ thành viên ASEAN nào cho các chương trình riêng ngoài ngân sách trong kế hoạch làm việc.

8.5. AICHR cũng sẽ thành lập một quỹ ủng hộ bao gồm các khoản đóng góp tự nguyện từ những nước thành viên ASEAN và các nguồn khác.

8.6. Cung cấp tài chính và các nguồn khác từ những nước không phải là thành viên ASEAN sẽ chỉ dành cho thúc đẩy nhân quyền, xây dựng khả năng và giáo dục.

8.7. Tất cả các nguồn tài chính AICHR sử dụng sẽ được quản lý và giải ngân theo các nguyên tắc tài chính chung của ASEAN.

8.8. Hỗ trợ về hành chính cho AICHR sẽ được cung cấp từ ngân sách hoạt động hàng năm của Ban thư ký ASEAN.

9. Các điều khoản chung cuối cùng

9.1. Quy chế hoạt động này sẽ có hiệu lực khi có sự chấp thuận của Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN.

Sửa đổi bổ sung

9.2. Bất cứ quốc gia thành viên nào cũng có thể trình yêu cầu chính thức sửa đổi Quy chế hoạt động này.

9.3. Yêu cầu sửa đổi sẽ được xem xét bởi Ủy ban các Đại diện Thường trực tại ASEAN có tham vấn AICHR và trình lên Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN xét duyệt.

9.4. Các sửa đổi nói trên sẽ có hiệu lực khi được sự chấp thuận của Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN.

9.5. Các sửa đổi nói trên sẽ không làm tổn hại đến quyền và nghĩa vụ phát sinh hoặc căn cứ từ Quy chế hoạt động này trước hoặc cho đến khi có sửa đổi đó.

Kiểm điểm

- 9.6. Quy chế hoạt động này sẽ bắt đầu được kiểm điểm năm năm sau khi có hiệu lực. Bản kiểm điểm này và các kiểm điểm tiếp theo sẽ được đảm nhận bởi Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN, với mong muốn tăng cường hơn nữa việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong ASEAN.
- 9.7. Về vấn đề này, AICHR sẽ đánh giá công việc của mình và trình các đề xuất lên Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN xem xét về những nỗ lực có thể thực hiện trong tương lai để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong ASEAN, nhất quán với các nguyên tắc, mục đích của Hiến chương ASEAN và Quy chế hoạt động này.

Diễn giải

- 9.8. Bất cứ diễn giải nào khác của Quy chế hoạt động này mà không thể giải quyết sẽ được đưa ra Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN quyết định.

TUYÊN BỐ CHA - AM HUA HIN VỀ ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ ASEAN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Chúng tôi, những người đứng đầu Nhà nước/ Chính phủ của các nước thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), nhân dịp Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 15 tại Thái Lan.

Nhắc lại Điều 14 của Hiến chương ASEAN thành lập một cơ quan nhân quyền ASEAN và cam kết của ASEAN thúc đẩy, bảo vệ các quyền và tự do cơ bản.

Chào đón việc có hiệu lực của Quy chế hoạt động (TOR) mà dựa vào đó Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) hoạt động.

Chúng tôi:

1. *Hoan nghênh* việc đi vào hoạt động của AICHR thể hiện hành động thực hiện chắc chắn Điều 14 của Hiến chương ASEAN và cam kết của ASEAN theo đuổi các chiến lược hướng tới tương lai tăng cường hợp tác khu vực về nhân quyền.
2. *Xác nhận* việc thực thi Quy chế hoạt động của AICHR đã được chuẩn bị bởi Hội đồng cấp cao và được thông qua chính thức bởi các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN.
3. *Chúc mừng* những đại diện tại AICHR đã được các nước thành viên ASEAN bổ nhiệm.
4. *Nhấn mạnh* tầm quan trọng của AICHR như là một mốc

lịch sử quan trọng trong quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN, và như một phương tiện để phát triển tiến bộ xã hội và công bằng, thực thi đầy đủ của phẩm giá con người, đạt được chất lượng cuộc sống cao hơn cho nhân dân ASEAN.

5. *Bảo đảm* việc hỗ trợ đầy đủ cho AICHR và cung cấp nguồn lực đầy đủ bởi các quốc gia thành viên ASEAN.
6. *Thừa nhận* sự đóng góp của các bên liên quan trong thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong khu vực ASEAN, khuyến khích tham gia và đối thoại của họ với AICHR;
7. *Nhận thấy* rằng các điều khoản tham chiếu của AICHR phải được xem xét năm năm một lần sau khi có hiệu lực nhằm củng cố các nhiệm vụ và chức năng của AICHR để phát triển hơn nữa cơ chế về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Việc xem xét và đánh giá tiếp theo này sẽ được thực hiện bởi Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN.
8. *Bày tỏ* niềm tin rằng hợp tác ASEAN về nhân quyền sẽ tiếp tục tiến triển và phát triển để AICHR sẽ trở thành một tổ chức chịu trách nhiệm bao quát về chương trình thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền trong khu vực ASEAN.

Thông qua tại Cha - am Hua Hin, Thái Lan, ngày 23 tháng 10 năm 2009.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ASEAN VỀ THỨC ĐẨY VÀ BẢO VỆ CÁC QUYỀN CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM (ACWC)

1. Cơ sở

- 1.1. Tất cả các quốc gia thành viên ASEAN đều đã phê chuẩn và là thành viên của Công ước về chống phân biệt đối xử với phụ nữ và Công ước về quyền trẻ em.
- 1.2. Tại cuộc họp cấp cao ASEAN lần thứ 10 năm 2004, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua Chương trình Hành động Vientiane 2004 - 2010 trong việc thành lập Ủy ban ASEAN về thúc đẩy, bảo vệ các quyền của phụ nữ và trẻ em (Biện pháp 1.1.4.7 của Chương trình Hành động Vientiane 2004 - 2010).
- 1.3. Hiến chương ASEAN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2008 theo Điều 14 về việc ASEAN thành lập một cơ quan quyền con người với mục đích và nguyên tắc thúc đẩy, bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản.
- 1.4. Tại cuộc họp cấp cao ASEAN lần thứ 14 từ ngày 28 tháng 2 đến ngày 1 tháng 3 năm 2009, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua Tuyên bố Cha - am Hua Hin về lộ trình xây dựng Cộng đồng An ninh - Chính trị ASEAN và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN nhằm thiết lập Ủy ban ASEAN về thúc đẩy, bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em như một biện pháp quan trọng để đảm bảo sự phát triển công bằng cho phụ nữ, trẻ em.

2. Mục đích

- 2.1. Thúc đẩy, bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản của phụ nữ và trẻ em ở ASEAN, chú trọng đến bối cảnh khác biệt trong khu vực về lịch sử, chính trị, văn hoá - xã hội, tôn giáo, sự cân bằng giữa quyền - nghĩa vụ.
- 2.2. Nêu cao, thúc đẩy, bảo vệ, tôn trọng, hoàn thành các quyền của phụ nữ và trẻ em ở ASEAN được sống trong hòa bình, bình đẳng, công lý và thịnh vượng.
- 2.3. Thúc đẩy phúc lợi, sự phát triển, tăng quyền năng và sự tham gia của phụ nữ cũng như trẻ em trong tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN đóng góp cho việc thực hiện mục đích của ASEAN như đã đề ra trong Hiến chương ASEAN.
- 2.4. Tăng cường hợp tác khu vực, quốc tế nhằm hỗ trợ những nỗ lực trong nước, quốc tế về thúc đẩy cũng như bảo vệ các quyền của phụ nữ và trẻ em.
- 2.5. Nêu cao các quyền con người như đã quy định bởi Tuyên bố thế giới về quyền con người, Tuyên bố Vienna và Chương trình hành động, Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt chống lại phụ nữ, Công ước về quyền trẻ em, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, Một thế giới phù hợp với trẻ em, Luật nhân đạo quốc tế và những văn kiện quốc tế về quyền con người khác, các tuyên bố khu vực liên quan đến quyền phụ nữ và trẻ em mà những quốc gia nằm trong ASEAN là thành viên.

- 2.6. Thúc đẩy sự ổn định và hài hòa trong khu vực, tình hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN.

3. Nguyên tắc

- 3.1. Tôn trọng các nguyên tắc của ASEAN thể hiện trong Điều 2 của Hiến chương ASEAN.
- 3.2. Tôn trọng những nguyên tắc về quyền con người, bao gồm tính phổ quát, sự không chia cắt, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan với nhau của tất cả các quyền tự do cơ bản cùng với những quyền của phụ nữ và trẻ em, các nguyên tắc định hướng của Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt chống lại phụ nữ và Công ước về quyền trẻ em.
- 3.3. Tôn trọng nguyên tắc công bằng, khách quan, không lựa chọn, không phân biệt, tránh tổn chuẩn mực kép và chính trị hoá.
- 3.4. Bổ sung nhưng không trùng lặp chức năng của Ủy ban về xóa bỏ phân biệt, đối xử chống lại phụ nữ và Ủy ban về quyền trẻ em.
- 3.5. Công nhận trách nhiệm hàng đầu về thúc đẩy, bảo vệ sự tự do cơ bản, những quyền của phụ nữ và trẻ em thuộc về các quốc gia thành viên.
- 3.6. Tiến hành phương pháp xây dựng không đối đầu và hợp tác để nâng cao sự thúc đẩy, bảo vệ các quyền của phụ nữ và trẻ em.
- 3.7. Đảm bảo sự cân bằng giữa những chức năng về thúc đẩy, bảo vệ các quyền của phụ nữ và trẻ em.

- 3.8. Thông qua cách tiếp cận tiến triển góp phần vào thực hiện các quyền của phụ nữ và trẻ em trong ASEAN.
- 3.9. Thông qua cách tiếp cận cộng tác và tham vấn với những quốc gia thành viên ASEAN, giới nghiên cứu và xã hội dân sự liên quan đến quyền của phụ nữ, trẻ em.

4. Vị thế

Ủy ban ASEAN về thúc đẩy, bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em là một cơ quan liên chính phủ và là một phần hợp thành của cơ cấu tổ chức ASEAN. Ủy ban là một cơ quan tham vấn.

5. Nhiệm vụ và chức năng

- 5.1. Tăng cường việc thực hiện các điều ước quốc tế, những điều khoản của ASEAN liên quan đến quyền của phụ nữ và trẻ em.
- 5.2. Xây dựng chính sách, chương trình và các chiến lược để củng cố, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em trong quá trình xây dựng cộng đồng chung ASEAN.
- 5.3. Nâng cao nhận thức công chúng và giáo dục về quyền phụ nữ, trẻ em ở ASEAN.
- 5.4. Khuyến khích các quốc gia thành viên ASEAN củng cố tình trạng cho phụ nữ và trẻ em, đặc biệt những nhóm dễ bị tổn thương và nằm ngoài lề xã hội.
- 5.5. Xây dựng năng lực cho các bên liên quan ở các cấp, hành chính, lập pháp, tư pháp, xã hội dân sự, cộng đồng, các cơ quan về phụ nữ và trẻ em thông qua các hỗ

- trợ kỹ thuật, đào tạo, hội thảo hướng tới việc công nhận quyền của phụ nữ và trẻ em.
- 5.6. Hỗ trợ các quốc gia thành viên theo yêu cầu chuẩn bị những báo cáo định kỳ về việc thực hiện Công ước xóa bỏ mọi hình thức chống phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước quyền trẻ em (CRC) và Báo cáo định kỳ cho Ủy ban Nhân quyền (UPR) cũng như các báo cáo cho Cơ quan Công ước về quyền phụ nữ và trẻ em.
- 5.7. Hỗ trợ những quốc gia thành viên theo yêu cầu chuẩn bị các báo cáo định kỳ về việc thực hiện những khuyến nghị của CEDAW, CRC và các cơ quan Công ước khác.
- 5.8. Khuyến khích các quốc gia thành viên thu thập và phân tích những số liệu về giới tính, tuổi liên quan đến việc thúc đẩy, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em.
- 5.9. Đẩy mạnh nghiên cứu tình hình, tình trạng của phụ nữ và trẻ em để có thể thực hiện tốt hơn quyền của phụ nữ và trẻ em trong khu vực.
- 5.10. Khuyến khích các quốc gia thành viên thực hiện những đánh giá định kỳ về pháp luật, quy định, chính sách, thực tiễn liên quan đến quyền của phụ nữ và trẻ em.
- 5.11. Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, hoạt động bao gồm những vấn đề giữa các nước thành viên về tình hình và tình trạng của phụ nữ và trẻ em để thực hiện hiệu quả CEDAW và CRC thông qua trao đổi, chuyển thăm, hội thảo, hội nghị.

- 5.12. Đề xuất và thúc đẩy các biện pháp, cơ chế, chiến lược cho việc ngăn cản và xóa bỏ mọi vi phạm quyền phụ nữ, trẻ em, bảo vệ nạn nhân.
- 5.13. Khuyến khích các quốc gia thành viên ASEAN xem xét gia nhập và thông qua những công ước quốc tế về nhân quyền liên quan đến phụ nữ và trẻ em.
- 5.14. Hỗ trợ sự tham gia của phụ nữ và trẻ em trong khối ASEAN tại các đối thoại và quá trình tham vấn trong việc thúc đẩy, bảo vệ quyền của họ.
- 5.15. Đưa ra những dịch vụ tư vấn cho các cơ quan của ASEAN về những vấn đề thúc đẩy, bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em.
- 5.16. Thực hiện những nhiệm vụ khác liên quan đến quyền của phụ nữ và trẻ em do các lãnh đạo cấp cao, các Bộ trưởng ASEAN giao phó.

6. Thành phần

Thành viên

- 6.1. Ủy ban sẽ bao gồm các quốc gia thành viên ASEAN.
- 6.2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ cử 2 đại diện - một đại diện về quyền phụ nữ và một đại diện về quyền trẻ em tham gia Ủy ban.

Tiêu chuẩn

- 6.3. Khi cử đại diện tham gia, Ủy ban các quốc gia thành viên sẽ xem xét cẩn thận về năng lực trong lĩnh vực quyền phụ nữ và trẻ em, sự liêm chính và bình đẳng giới.

Quá trình tuyển chọn

- 6.4. Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện quá trình tuyển chọn đại diện tham gia vào Ủy ban của mình một cách minh bạch, công khai và không loại trừ của nhiều thành phần với những quy trình nội bộ quốc gia.

Nhiệm kỳ

- 6.5. Mỗi đại diện tham gia một nhiệm kỳ ba năm và có thể được tái cử thêm một nhiệm kỳ.
- 6.6. Để đảm bảo tính liên tục cho công việc của Ủy ban, nhiệm kỳ của đại diện được đặt so le. Mỗi quốc gia thành viên ASEAN cử một hoặc hai đại diện tham gia nhiệm kỳ đầu tiên là 4,5 năm.
- 6.7. Trong trường hợp bỏ trống chỗ do triệu hồi, từ chức, không đủ năng lực của người đại diện thì chính phủ nước phái cử sẽ cử người đại diện thay thế cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó. Người đại diện thay thế phải có cùng năng lực trong cùng một lĩnh vực (quyền phụ nữ hay quyền trẻ em) như người đại diện đã được thay thế.
- 6.8. Mặc dù Mục 6.5 có nêu, chính phủ phái cử có thể quyết định thay đại diện nếu cần thiết. Khi thích hợp, chính phủ phái cử sẽ thông báo cho Ủy ban lý do thay thế.

Trách nhiệm của quốc gia thành viên

- 6.9. Trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình, mỗi đại diện sẽ thực hiện một cách vô tư, không thiên vị theo Hiến

chương ASEAN và Quy chế hoạt động này và sẽ thể hiện tư cách đạo đức ở mức cao nhất.

6.10. Người đại diện bắt buộc phải tham dự các cuộc họp của Ủy ban.

Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban.

6.11. Chủ tịch và Phó Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban sẽ do các đại diện được cử bầu ra. Sau đó, các quốc gia thành viên ASEAN sẽ luân phiên làm Chủ tịch và Phó Chủ tịch trên cơ sở thứ tự bảng chữ cái. Khi hết vòng thì sẽ luân phiên chức Chủ tịch và Phó Chủ tịch theo chiều ngược lại. Trường hợp thành viên đến lượt nhưng không sẵn sàng đảm nhiệm chức Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch sẽ bị mất lượt. Chủ tịch và Phó Chủ tịch không phải là đại diện của cùng quốc gia thành viên và cùng lĩnh vực chuyên môn (quyền phụ nữ hoặc quyền trẻ em).

6.12. Chủ tịch và Phó Chủ tịch phục vụ với nhiệm kỳ ba năm.

6.13. Chủ tịch Ủy ban thực hiện vai trò của mình theo Quy chế hoạt động này sẽ gồm:

- a. Chuẩn bị chương trình nghị sự và chủ trì các cuộc họp của Ủy ban.
- b. Chủ đạo trong việc chuẩn bị báo cáo cho các cơ quan ASEAN khác như đã nêu cụ thể trong Đoạn 7.5.
- c. Điều phối cùng với những đại diện khác của Ủy ban giữa các kỳ họp của Ủy ban, thúc đẩy sự tham gia của Ủy ban với những cơ quan liên quan khác của ASEAN.

d. Đại diện cho Ủy ban trong các sự kiện khu vực cũng như quốc tế có liên quan đến việc thúc đẩy bảo vệ những quyền của phụ nữ và trẻ em mà Ủy ban giao phó.

e. Thực hiện các chức năng cụ thể khác do Ủy ban giao theo quy chế hoạt động này.

6.14. Phó Chủ tịch sẽ chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ của Chủ tịch khi Chủ tịch vắng mặt hoặc được Chủ tịch ủy quyền.

Miễn trừ thủ tục và đặc quyền

6.15. Theo Điều 19 Hiến chương ASEAN, các đại diện tham gia những hoạt động chính thức của Ủy ban sẽ được hưởng miễn trừ và hưởng những đặc quyền cần thiết cho các hoạt động theo chức năng của họ.

7. Phương thức hoạt động

Ra quyết định

7.1. Việc ra quyết định của Ủy ban sẽ dựa trên sự tham vấn và đồng thuận trên Hiến chương ASEAN.

Các cuộc họp

7.2. Ủy ban sẽ tiến hành họp định kỳ hai lần trong một năm và mỗi cuộc họp thường không qua 5 ngày.

7.3. Những cuộc họp định kỳ của Ủy ban sẽ được tổ chức luân phiên tại địa điểm của Ban thư ký ASEAN và/ hoặc tại các quốc gia thành viên.

7.4. Khi cần thiết, Ủy ban có thể tổ chức những cuộc họp đặc biệt tại địa điểm do các đại diện quyết định.

Đường lối báo cáo

7.5. Ủy ban sẽ trình báo cáo năm bao gồm các công việc đã hoàn thành, những thách thức và khuyến nghị liên quan đến thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, các báo cáo thích hợp khác như báo cáo tiến độ gửi Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN, đồng kính gửi Ủy ban Phụ nữ ASEAN và những cơ quan ASEAN chuyên ngành có liên quan.

Thông tin cho công chúng

7.6. Ủy ban sẽ thông tin cho công chúng thường xuyên về công việc và hoạt động của mình qua các tài liệu thông tin khác do Ủy ban biên soạn.

Điều phối và quan hệ ngang hàng

7.7. Ủy ban sẽ phối hợp với Ủy ban liên chính phủ ASEAN về quyền con người và những cơ quan ASEAN chuyên ngành có liên quan của ASEAN để giải quyết các vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em, kể cả tham vấn về mối quan hệ giữa Ủy ban này với Ủy ban liên chính phủ ASEAN về quyền con người là cơ quan phụ trách chung về quyền con người trong ASEAN.

7.8. Ủy ban sẽ tham gia vào đối thoại và tham vấn với những thiết chế, tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế khi thích hợp về thúc đẩy các quyền của phụ nữ, trẻ em.

8. Kế hoạch hoạt động và nguồn ngân sách

8.1. Ủy ban sẽ chuẩn bị và trình Kế hoạch hoạt động với những chương trình và hoạt động, ngân sách dự kiến trong vòng năm năm để Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN phê duyệt. Khi thích hợp, Ủy ban có thể tham vấn với các cơ quan liên quan của ASEAN trong việc chuẩn bị Kế hoạch hoạt động của mình.

8.2. Ủy ban cũng sẽ chuẩn bị và trình dự kiến ngân sách năm để thực hiện Kế hoạch hoạt động năm ra Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN để phê duyệt theo khuyến nghị của Ủy ban các Đại diện Thường trực tại ASEAN khi có yêu cầu.

8.3. Ngân sách cho những chương trình và hoạt động của Ủy ban sẽ do các quốc gia thành viên đóng góp trên cơ sở cùng chia sẻ chi phí và tự nguyện đóng góp của các quốc gia thành viên ASEAN.

8.4. Ủy ban có thể nhận kinh phí từ các nguồn khác tùy thuộc sự phê duyệt của Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN và ý kiến tán thành của Ủy ban các đại diện thường trực tại ASEAN, để hỗ trợ việc thực hiện hiệu quả công việc của Ủy ban vì lợi ích chung cho phụ nữ và trẻ em ở tất cả các quốc gia thành viên ASEAN.

8.5. Ủy ban có thể thành lập quỹ riêng với những điều kiện, quy định do Ủy ban quyết định và Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN phê duyệt theo khuyến nghị của Ủy ban các Đại diện Thường trực tại ASEAN.

8.6. Tất cả các nguồn quỹ do Ủy ban sử dụng sẽ được quản lý và giải ngân theo những quy định tài chính chung của ASEAN.

8.7. Hỗ trợ thư ký cho Ủy ban sẽ do ngân sách hoạt động của Ban thư ký Ủy ban chi trả.

9. Vai trò của Tổng thư ký ASEAN và Ban thư ký ASEAN

9.1. Tổng thư ký ASEAN có thể đưa ra các vấn đề liên quan để Ủy ban xem xét.

9.2. Ban thư ký ASEAN sẽ hỗ trợ thư ký cần thiết cho Ủy ban.

10. Các điều khoản chung cuối cùng

10.1. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN phê duyệt.

Sửa đổi, bổ sung

10.2. Bất cứ quốc gia thành viên nào cũng có thể gửi trình qua Chủ tịch Ủy ban chính thức đề nghị sửa đổi Quy chế hoạt động này để Ủy ban xem xét.

10.3. Ủy ban sẽ trình đề nghị này ra Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN để phê duyệt.

10.4. Những sửa đổi này sẽ có hiệu lực sau khi Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN phê duyệt.

Đánh giá

10.5. Ủy ban sẽ tiến hành các đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ về kế hoạch hoạt động năm năm của mình. Kết

quả của những đánh giá này sẽ được trình ra Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN.

10.6. Ủy ban sẽ đánh giá Quy chế hoạt động này sau năm năm Quy chế có hiệu lực. Các kết quả đánh giá này và những đánh giá tiếp theo sẽ được trình ra Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN.

Diễn giải

10.7. Bất cứ khác nhau nào liên quan đến việc diễn giải Quy chế hoạt động mà không giải quyết được sẽ chuyển tới Hội nghị Bộ trưởng phúc lợi xã hội ASEAN quyết định.

TUYÊN BỐ ASEAN VỀ BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI TRÚ (ACWC) (2007)

CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Cả những nước đi và đến lao động cần tăng cường các trụ cột chính trị, kinh tế và xã hội của Cộng đồng ASEAN qua việc thúc đẩy nhân phẩm và tiềm năng đầy đủ của người lao động di trú trong bối cảnh tự do, công bằng và ổn định theo pháp luật, quy định và chính sách của các quốc gia thành viên ASEAN.
2. Cả các nước đi và đến lao động vì những lý do nhân đạo cần hợp tác chặt chẽ để giải quyết các vụ việc của người lao động di trú khi họ trở thành không có giấy tờ do những nguyên nhân không phải do lỗi của họ.
3. Cả các nước đi và đến lao động cần tính đến những quyền cơ bản và nhân phẩm của người lao động di trú và những thành viên gia đình đã cư trú cùng với họ mà không làm tổn hại đến việc áp dụng pháp luật, chính sách và quy định của các nước đến lao động.
4. Không quy định nào trong Tuyên bố này có thể được giải thích như là việc luật hóa tình trạng người lao động di trú không có giấy tờ.

NGHĨA VỤ CỦA CÁC NƯỚC NHẬN LAO ĐỘNG

1. Tăng cường những nỗ lực nhằm bảo vệ các quyền con người cơ bản, thúc đẩy hạnh phúc và bảo vệ nhân phẩm người lao động di trú.
2. Phấn đấu để đạt sự hài hòa và khoan dung giữa các nước nhận lao động và người lao động di trú.
3. Hỗ trợ tiếp cận với các nguồn lực và đền bù thông qua việc thông tin, tập huấn, giáo dục, tiếp cận công lý và những dịch vụ phúc lợi xã hội nếu thích hợp theo với pháp luật của các nước nhận lao động, miễn là họ hoàn thành những yêu cầu theo quy định của pháp luật, quy định và chính sách đang áp dụng tại các nước đó hoặc theo quy định trong những hiệp định song phương hay đa phương có liên quan.
4. Thúc đẩy một cách thích đáng và công bằng sự bảo vệ việc làm, trả công và tiếp cận bình đẳng với công việc và điều kiện sống đàng hoàng cho lao động di trú.
5. Hỗ trợ người lao động di trú là nạn nhân của phân biệt đối xử, làm dưng, bóc lột và bạo lực được tiếp cận hệ thống pháp luật và tư pháp của nước nhận lao động.
6. Hỗ trợ các nhà chức trách ngoại giao và lãnh sự của nước đi thực hiện chức năng lãnh sự khi người lao động di trú bị bắt, bị giam giữ trong bất kỳ vấn đề gì nào theo pháp luật và quy định của nước đến lao động và theo Công ước Vienna về quan hệ lãnh sự.

NGHĨA VỤ CỦA NƯỚC ĐI LAO ĐỘNG

1. Tăng cường các biện pháp liên quan đến thúc đẩy và bảo vệ các quyền của người lao động di trú.
2. Bảo đảm sự tiếp cận việc làm và cơ hội kiếm sống cho công dân nước họ như những sự lựa chọn vững chắc cho sự di cư của người lao động.
3. Xây dựng những chính sách và thủ tục nhằm hỗ trợ các mặt di cư của người lao động, bao gồm việc tuyển dụng, chuẩn bị ra nước ngoài làm việc và bảo vệ họ khi làm việc tại nước ngoài cũng như hồi hương, tái hòa nhập họ về cộng đồng là nơi họ ra đi.
4. Xây dựng, thúc đẩy các quy tắc pháp lý để điều chỉnh việc tuyển dụng lao động di trú và thông qua cơ chế để xóa bỏ những hành vi lừa đảo tuyển dụng lao động qua các hợp đồng được pháp luật cho phép và có hiệu lực, quy định và được chứng nhận của các cơ sở tuyển dụng lao động và người sử dụng lao động, theo dõi, lập danh sách những cơ sở làm trái hay bất hợp pháp.

CAM KẾT CỦA ASEAN

Vì mục đích bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú, các quốc gia thành viên ASEAN theo với pháp luật, quy định và chính sách của nước mình sẽ:

1. Thúc đẩy việc làm đàng hoàng, nhân bản, sinh lợi và tôn trọng nhân phẩm cho người lao động di trú.

2. Thiết lập, thực hiện các chương trình phát triển nguồn nhân lực và những chương trình tái hòa nhập cho người lao động di trú ở nước họ.
3. Thực hiện các biện pháp cụ thể để ngăn chặn, chấm dứt tình trạng đưa lậu và buôn bán người, trong đó bao gồm việc đưa ra các chế tài nghiêm khắc hơn cho những kẻ thực hiện những hoạt động này.
4. Hỗ trợ việc chia sẻ dữ liệu về các vấn đề liên quan đến lao động di trú nhằm mục đích tăng cường chính sách, chương trình liên quan đến lao động di trú ở cả nước đi lao động và nước đến lao động.
5. Thúc đẩy việc xây dựng năng lực bằng cách chia sẻ thông tin, các bài học kinh nghiệm tốt cũng như những cơ hội và thách thức mà các nước thành viên ASEAN đang phải đối mặt trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động di trú.
6. Mở rộng sự trợ giúp người lao động di trú của các quốc gia thành viên ASEAN bị kẹt trong các tình hình xung đột hoặc khủng hoảng ngoài ASEAN dựa trên năng lực và nguồn lực của những đại sứ quán và cơ quan lãnh sự của các nước ASEAN liên quan, trên cơ sở kết quả tư vấn và các thỏa thuận song phương.
7. Khuyến khích các tổ chức quốc tế, những đối tác của ASEAN và các quốc gia khác tôn trọng những nguyên tắc, cung cấp sự trợ giúp, hỗ trợ cho việc thực hiện các biện pháp nêu trong Tuyên bố này.

8. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan của ASEAN tiếp tục thực hiện Tuyên bố và để xây dựng một văn kiện ASEAN về bảo vệ, thúc đẩy những quyền của người lao động di trú, phù hợp với tầm nhìn ASEAN về một cộng đồng chia sẻ và quan tâm, yêu cầu Tổng thư ký ASEAN báo cáo hàng năm về việc thực hiện Tuyên bố lên Hội nghị Cấp cao ASEAN thông qua Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN.

TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP ỦY BAN ASEAN THỰC HIỆN TUYÊN BỐ ASEAN VỀ BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI TRÚ (ACWC)

(Thông qua tại Hội nghị Ngoại trưởng tại Manila,
Philippin ngày 30 tháng 7 năm 2007)

Chúng tôi, các Bộ trưởng Ngoại giao của Chính phủ Vương quốc Brunei Darussalam, Vương quốc Campuchia, Cộng hoà Indonesia, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Liên bang Malaysia, Liên bang Myanmar, Cộng hoà Philippin, Cộng hoà Singapore, Vương quốc Thái Lan và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), sau đây gọi tắt theo từng nước là “quốc gia thành viên” và theo tập thể là “các quốc gia thành viên”.

Nhắc lại những mục đích và cam kết có trong Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú (Tuyên bố) đã được những người đứng đầu các nước/chính phủ ASEAN ký tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 12 tại Cebu (Philippin), đặc biệt chức năng giao nhiệm vụ cho những cơ quan ASEAN liên quan thực hiện tuyên bố và xây dựng một văn kiện ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú với một tầm nhìn của ASEAN, của một cộng đồng chia sẻ và quan tâm lẫn nhau.

Cũng nhắc lại các văn kiện quốc tế có liên quan đến bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú mà có thể làm cơ sở cho việc tăng cường sự hợp tác quốc tế trên lĩnh vực này.

Nhân đây tuyên bố như sau:

Thành lập Ủy ban ASEAN thực hiện Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú (ACMW), sau đây gọi là Ủy ban.

Mục đích của Ủy ban

Phù hợp với pháp luật, quy định và chính sách của các quốc gia thành viên, Ủy ban sẽ làm đầu mối trong ASEAN nhằm điều phối những vấn đề sau:

1. Bảo đảm sự thực hiện hiệu quả các cam kết đưa ra trong Tuyên bố.
2. Hỗ trợ việc xây dựng một văn kiện ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú.

Cơ cấu của Ủy ban

Ủy ban sẽ:

1. Bao gồm một đại diện cấp cao của mỗi quốc gia thành viên cũng như một đại diện của Ban thư ký ASEAN.
2. Được đại diện các cơ quan chính phủ có liên quan của những quốc gia thành viên giúp đỡ.
3. Báo cáo lên Hội nghị các quan chức lao động cấp cao.
4. Do đại diện quốc gia đang giữ chức Chủ tịch luân phiên của Ủy ban Thường trực ASEAN chủ trì.
5. Được Ban thư ký ASEAN hỗ trợ về mặt thư ký.

Các chức năng của Ủy ban

Theo pháp luật, quy định và chính sách của các quốc gia thành viên, những chức năng của Ủy ban như sau:

1. Khai thác tất cả các cách để đạt được những mục tiêu của Tuyên bố.
2. Hỗ trợ, chia sẻ những việc làm tốt nhất trong khu vực ASEAN về các vấn đề liên quan đến bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú.
3. Thúc đẩy hợp tác song phương và khu vực, giúp đỡ trong các vấn đề liên quan đến quyền của người lao động di trú.
4. Hỗ trợ, chia sẻ dữ liệu về các vấn đề liên quan đến người lao động di trú nhằm mục đích tăng cường chính sách và chương trình để bảo vệ, thúc đẩy các quyền của người lao động di trú ở cả nước gửi và nhận lao động.
5. Khuyến khích các tổ chức quốc tế, những đối tác đối thoại của ASEAN và các quốc gia khác trong việc tôn trọng những nguyên tắc và cung cấp sự hỗ trợ, ủng hộ việc thực hiện các biện pháp đề ra trong Tuyên bố.
6. Thúc đẩy sự hài hòa của các cơ chế giữa những nước gửi và các nhận lao động mà có tác dụng bảo vệ, thúc đẩy những quyền của người lao động di trú để thực hiện các cam kết của ASEAN được nêu ở Đoạn 17 của Tuyên bố.
7. Phối hợp chặt chẽ với Ban thư ký ASEAN trong việc chuẩn bị báo cáo của Tổng thư ký ASEAN trình lên Hội nghị cấp cao ASEAN.

8. Hoạt động hướng tới việc xây dựng một văn kiện ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú.

Thông qua tại Manila (Philippin) ngày 30 tháng 7 năm 2007.

**TUYÊN BỐ CỦA HỘI NGHỊ CẤP CAO ASEAN LẦN THỨ 17:
“HƯỚNG TỚI CỘNG ĐỒNG ASEAN:
TỪ TÂM NHÌN TỚI HÀNH ĐỘNG”**

(Tuyên bố tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 17 họp ngày 28 tháng 10 năm 2010 tại Hà Nội, Việt Nam)

1. Chúng tôi, những người đứng đầu Nhà nước/ Chính phủ của các quốc gia thành viên ASEAN, cùng có mặt tại Hà Nội tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 17 vào ngày 28 tháng 10 năm 2010. Chúng tôi đã có những cuộc thảo luận sâu rộng, cởi mở và hiệu quả về nhiều vấn đề theo chủ đề "Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ Tâm nhìn tới Hành động".
2. Chúng tôi hài lòng nhận thấy rằng trong năm 2010, ASEAN với quyết tâm biến tầm nhìn ASEAN thành hành động, đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc triển khai Hiến chương ASEAN và Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, gồm các Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC), Kế hoạch Công tác lần 2 về Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) giai đoạn 2009 - 2015. Chúng tôi cũng nhận thấy tiến triển đáng kể trong việc triển khai các quyết định quan trọng của Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 16 tại Hà Nội tháng 4 năm 2010 trong đó có vấn đề Kết nối ASEAN, vai trò trung tâm của ASEAN trong một cấu trúc khu vực đang định hình và những Tuyên bố các nhà lãnh

đạo ASEAN về phục hồi, phát triển bền vững và về hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Chúng tôi hài lòng ghi nhận những tiến triển đáng kể trong việc thực hiện Hiến chương ASEAN đã tạo khuôn khổ pháp lý và thể chế cho việc xây dựng cộng đồng ASEAN. Chúng tôi vui mừng ghi nhận những tiến bộ mới trong việc xây dựng các văn bản pháp lý cần thiết để triển khai Hiến chương, trong đó đáng kể là việc thông qua Quy tắc trình các tranh chấp không giải quyết được lên Cấp cao và các Quy tắc ủy quyền giao dịch pháp lý theo nội luật. Chúng tôi đã giao nhiệm vụ cho các cơ quan có liên quan của ASEAN khẩn trương hoàn tất hướng dẫn, điều khoản tham chiếu (TORs) và thủ tục hoạt động (ROPs) còn thiếu để thực hiện đầy đủ Hiến chương.
4. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện một cách có hiệu quả, đúng tiến độ các chương trình/ kế hoạch trong quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN. Theo đó, chúng tôi đã giao nhiệm vụ cho các cơ quan có liên quan của ASEAN tiếp tục đề xuất các biện pháp đồng bộ và khả thi, nhất là tăng cường cơ chế giám sát và thẩm định việc thực hiện và tuân thủ quy định của Hiến chương ASEAN.

Xây dựng Cộng đồng ASEAN tự cường, năng động và chăm lo cho nhân dân

Một ASEAN hướng tới người dân

5. Với cam kết mạnh mẽ xây dựng Cộng đồng ASEAN hướng tới người dân và chăm lo cho nhân dân, chúng tôi đánh

giá cao sự tham gia của nhân dân trong quá trình xây dựng cộng đồng.

Chúng tôi hài lòng với hoạt động hiện nay của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) và việc thành lập Ủy ban Thúc đẩy và Bảo vệ quyền Phụ nữ và Trẻ em ASEAN (ACWC). Chúng tôi trông đợi thực hiện chương trình hoạt động ưu tiên của AICHR giai đoạn 2010 - 2011 và việc hoàn thành chương trình hoạt động năm năm của cơ quan này trong năm 2011.

Ghi nhận tầm quan trọng của việc nâng cao phúc lợi của người dân ASEAN nói chung, của phụ nữ và trẻ em nói riêng, chúng tôi đã thông qua Tuyên bố Hà Nội về Nâng cao Phúc lợi và Phát triển cho Phụ nữ, Trẻ em ASEAN. Chúng tôi đã giao các cơ quan chuyên ngành liên quan tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin, kinh nghiệm giữa các quốc gia thành viên ASEAN trong việc xây dựng, thực thi luật pháp, chính sách nhằm nâng cao phúc lợi xã hội và cơ hội phát triển cho phụ nữ, trẻ em.

6. Khẳng định lại tầm quan trọng to lớn của giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong việc xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN năng động, tự cường và phát triển bền vững, chúng tôi đã thông qua Tuyên bố của các nhà lãnh đạo ASEAN về Phát triển nguồn lực và kỹ năng con người để phục hồi kinh tế và tăng trưởng bền vững. Chúng tôi quyết tâm tăng cường hợp tác giáo dục, đào tạo nghề và kỹ thuật, học tập suốt đời. Chúng tôi nhấn mạnh cần có các biện pháp trung và dài hạn nhằm nâng cao chất lượng

lực lượng lao động và xây dựng một lực lượng lao động đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động.

7. Chúng tôi hoan nghênh việc các Ngoại trưởng ASEAN thông qua Tuyên bố về Hợp tác Tìm kiếm cứu nạn người và tàu thuyền gặp nạn trên biển. Tuyên bố thể hiện ý chí chính trị của ASEAN mong muốn tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong việc hỗ trợ lẫn nhau khi có người và tàu thuyền gặp nạn trên biển.

Một ASEAN kết nối chặt chẽ

8. Nhấn mạnh tầm quan trọng của một ASEAN hội nhập đầy đủ và kết nối chặt chẽ trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, chúng tôi đã thông qua Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN. Theo đó, chúng tôi biểu dương Nhóm Đặc trách Cao cấp đã nỗ lực hoàn tất bản Kế hoạch Tổng thể toàn diện, bao gồm kết nối phần cứng, kết nối thể chế và kết nối con người phục vụ tăng cường kết nối trong ASEAN và thúc đẩy kết nối giữa ASEAN với khu vực rộng lớn hơn của Đông Á về lâu dài. Chúng tôi cũng đánh giá cao đóng góp tri thức của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế ASEAN và Đông Á (ERIA) cũng như Ngân hàng Phát triển châu Á, Ngân hàng Thế giới và UNESCAP trong việc hỗ trợ hoàn thành Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN. Nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả các chiến lược và chính sách nêu trong Kế hoạch Tổng thể, Ủy ban Điều phối Kết nối ASEAN sẽ được thành lập để điều phối và giám sát việc triển khai Kế hoạch Tổng thể.

9. Chúng tôi hoan nghênh tiến bộ trong việc thành lập Quỹ Hạ tầng ASEAN (AIF) như một minh chứng về quyết tâm và tính tự cường của ASEAN, nhằm huy động nguồn tài chính bên trong ASEAN để hỗ trợ phát triển hạ tầng khu vực. Để khóa lấp nhu cầu to lớn về nguồn lực cho việc thực hiện sáng kiến Kết nối ASEAN, chúng tôi kêu gọi các đối tác bên ngoài, các ngân hàng phát triển đa biên, các quỹ khu vực và toàn cầu, các bên khác có quan tâm, và đặc biệt là khu vực tư nhân trực tiếp tham gia triển khai Kế hoạch Tổng thể. Theo đó, chúng tôi hoan nghênh cuộc Hội thảo sẽ được tổ chức vào ngày 7 tháng 12 năm 2010 tại Việt Nam nhằm giới thiệu Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN cho công chúng và khuyến khích sự tham gia tích cực của tất cả các bên quan tâm nêu trên vào sự kiện này.

Một Cộng đồng hòa bình và ổn định hơn

10. Chúng tôi hài lòng với tiến bộ rõ ràng trong việc thực hiện Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), đặc biệt trong 14 lĩnh vực ưu tiên. Chúng tôi nhấn mạnh thêm tầm quan trọng của việc phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan chuyên ngành trong phạm vi của APSC và việc cần một cách tiếp cận toàn diện có tầm chiến lược trong việc triển khai các Kế hoạch Tổng thể và Kế hoạch Truyền thông của APSC.
11. Chúng tôi hài lòng nhận thấy Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), văn kiện được coi là quy tắc ứng xử chủ đạo điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia

trong khu vực, tiếp tục được củng cố. Theo đó, chúng tôi hoan nghênh Canada và Thổ Nhĩ Kỳ đã trở thành các bên ký kết mới nhất của TAC trong dịp Hội nghị Bộ trưởng ASEAN lần thứ 43 (AMM 43) và các hội nghị liên quan diễn ra tại Hà Nội từ ngày 20 - 23 tháng 07 năm 2010. Chúng tôi cũng vui mừng trước việc ký kết Nghị định thư thứ ba sửa đổi TAC ngày 23 tháng 7 năm 2010 tại Hà Nội, cho phép không chỉ các quốc gia mà cả các tổ chức khu vực có thành viên là các quốc gia có chủ quyền như EU/EC tham gia TAC trong tương lai không xa. Chúng tôi cũng ghi nhận những tiến triển mới trong việc thực hiện Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), trong đó có các nỗ lực tham vấn từ các nước sử dụng vũ khí hạt nhân liên quan tới Nghị định thư của Hiệp ước SEANWFZ.

12. Chúng tôi khẳng định tầm quan trọng của Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) được ký kết giữa ASEAN và Trung Quốc, phản ánh cam kết chung thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực thông qua đối thoại, hợp tác và giải quyết hòa bình các tranh chấp phù hợp với những nguyên tắc đã được thừa nhận rộng rãi của luật pháp quốc tế trong đó có Công ước của Liên Hợp Quốc về luật biển (UNCLOS) năm 1982 và các luật hàng hải quốc tế liên quan khác. Chúng tôi nhấn mạnh cần tăng cường các nỗ lực bảo đảm thực hiện có hiệu quả DOC tiến tới hoàn tất Bộ quy tắc ứng xử khu vực ở biển Đông (COC). Trên tinh thần đó, chúng tôi khuyến khích tiếp tục tham vấn giữa ASEAN và Trung Quốc, trong đó

có việc sớm triệu tập lại Cuộc họp Các Quan chức Cao cấp ASEAN - Trung Quốc về DOC.

13. Chúng tôi hoan nghênh việc thành lập cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN cộng (ADMM+) với tám Đối tác Đối thoại cùng với việc tổ chức Hội nghị lần thứ nhất tại Hà Nội từ ngày 11 - 12 tháng 10 năm 2010 như một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của cơ chế hợp tác quốc phòng khu vực. Chúng tôi cho rằng ADMM+ là diễn đàn quan trọng, hữu ích, có hiệu quả để ASEAN và các đối tác an ninh chính thức đẩy đối thoại, xây dựng lòng tin cũng như tăng cường hơn nữa hợp tác nhằm ứng phó với các thách thức an ninh chung trong khu vực phù hợp với tính chất mở, linh hoạt và hướng ra bên ngoài của ADMM.
14. Chúng tôi hoan nghênh các kết quả tích cực của Hội nghị lần thứ nhất Những Người đứng đầu cơ quan an ninh (MACCOSA) vào ngày 28 - 30 tháng 9 năm 2010 tại Hà Nội. Chúng tôi tin rằng, cơ chế mới này sẽ giúp tăng cường xây dựng lòng tin, hợp tác nội khối ASEAN và phối hợp giữa các cơ quan an ninh của ASEAN với các cơ quan liên quan khác nhằm đảm bảo an ninh quốc gia của từng quốc gia thành viên ASEAN, và theo đó, đóng góp cho hoà bình, ổn định và an ninh của khu vực.
15. Chúng tôi hoan nghênh việc tổ chức Diễn đàn Hàng hải ASEAN (AMF) lần thứ nhất ngày 28 - 29 tháng 7 năm 2010 tại Xurabaia, Indonesia và tin rằng AMF sẽ góp phần thúc đẩy hiểu biết chung và các biện pháp giải quyết

những vấn đề liên ngành liên quan tới hàng hải một cách toàn diện, đầy đủ và tổng thể.

16. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy minh bạch hóa hơn nữa cũng như việc hiểu rõ các chính sách quốc phòng và quan niệm về an ninh trong khu vực. Chúng tôi trông đợi sẽ hoàn tất Tài liệu Viễn cảnh An ninh ASEAN như đã được đề cập trong Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.
17. Chúng tôi vui mừng trước việc thông qua Kế hoạch Hành động Hà Nội và triển khai Tuyên bố Tâm nhìn ARF tại Hội nghị ARF lần thứ 17 tháng 7 năm 2010. Chúng tôi tin rằng, việc triển khai hiệu quả Kế hoạch Hành động Hà Nội sẽ đóng góp cho quá trình xây dựng lòng tin, hòa bình và ổn định ở khu vực.
18. Chúng tôi nhấn mạnh cần hành động để Công ước ASEAN về Chống Khủng bố (ACCT) sớm có hiệu lực. Chúng tôi cũng nỗ lực gia nhập và phê chuẩn các văn kiện quốc tế liên quan về chống khủng bố. Chúng tôi khuyến khích tiếp tục hợp tác với các Đối tác Đối thoại về chống khủng bố, bao gồm cả việc tăng cường năng lực cũng như trao đổi thông tin trong xử lý khủng bố.

Một ASEAN hội nhập hơn với kinh tế phát triển bền vững

19. Chúng tôi hài lòng trước những kết quả đáng khích lệ hướng tới Cộng đồng Kinh tế (AEC) vào năm 2015. Chúng tôi hoan nghênh, bên cạnh các thành tựu khác, việc Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) bắt đầu có

hiệu lực từ ngày 17 tháng 5 năm 2010; việc hoàn tất Nghị định thư thứ bảy của Hiệp định Khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh (AFAFGIT) về Hệ thống Quá cảnh Hải quan ASEAN tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 17; và việc ký Nghị định thư thứ tám của Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS) ngày 28 tháng 10 năm 2010.

20. Chúng tôi hoan nghênh việc các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN công bố “Hướng dẫn về Chính sách Cạnh tranh Khu vực ASEAN” và “Sổ tay Chính sách và Luật Cạnh tranh tại ASEAN dành cho Doanh nghiệp” ngày 24 tháng 8 năm 2010 tại Đà Nẵng, Việt Nam. Chúng tôi tin rằng hai tài liệu này sẽ giúp cải thiện môi trường kinh doanh khu vực cho các doanh nghiệp trong khu vực và những công ty xuyên quốc gia hoạt động tại ASEAN.
21. Chúng tôi hài lòng ghi nhận việc thông qua Khung hợp tác ASEAN về Số liệu Thống kê (AFCS) giai đoạn 2010 - 2015 thông qua Hội nghị của Những người đứng đầu Các Văn phòng Thống kê (AHSOM), Hội nghị sẽ tạo thuận lợi cho Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN nhằm xây dựng, phổ biến và thông tin các số liệu thống kê khu vực hỗ trợ cho Cộng đồng ASEAN.
22. Chúng tôi hoan nghênh việc hoàn tất Hiệp định Đa phương ASEAN về Tự do hóa đầy đủ các Dịch vụ Hành khách Hàng không (MAFPLAS) và Kế hoạch Vận tải Chiến lược (ASTP) giai đoạn 2011 - 2015 dự kiến sẽ lần lượt được các Bộ trưởng Giao thông ASEAN ký kết, thông

qua tại Cuộc Họp các Bộ trưởng Giao thông ASEAN lần thứ 16 (ATM 16) tháng 11 năm 2010. Hiệp định MAFLPAS cùng với Hiệp định Đa phương về Dịch vụ Hàng không (MAAS) và Hiệp định Đa phương về Tự do hóa đầy đủ các Dịch vụ Vận chuyển hàng hóa Hàng không (MAFLAFS) sẽ thực hiện Chính sách Bầu trời Mở của ASEAN. Chúng tôi bày tỏ tin tưởng rằng các Hiệp định này và Kế hoạch ASTP giai đoạn 2011 - 2015 sẽ đẩy nhanh kết nối hạ tầng giao thông ASEAN, tạo thuận lợi cho giao thông, thiết lập Thị trường Hàng không Đơn nhất ASEAN (ASAM) và Thị trường Vận tải biển Đơn nhất (ASSM) cũng như tăng cường kết nối giao thông với các Đối tác Đối thoại, đặc biệt các đối tác ở Đông Á.

23. Chúng tôi vui mừng nhận thấy Kế hoạch Tổng thể của ASEAN về Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) giai đoạn 2011 - 2015, trong đó có những sáng kiến chủ chốt như Hành lang Băng thông rộng ASEAN, Chứng nhận Kỹ năng ICT và việc hài hòa các quy định về ICT, sẽ được các Bộ trưởng Công nghệ Thông tin và Viễn thông đưa ra. Chúng tôi tin rằng, Kế hoạch Tổng thể sẽ giúp đẩy mạnh hợp tác ICT trong khu vực một cách nhịp nhàng hơn, biến ICT trở thành một động lực lớn cho cải thiện đời sống kinh tế, văn hóa, thu hẹp khoảng cách về công nghệ, và nâng cao tính cạnh tranh của ASEAN.
24. Chúng tôi vui mừng ghi nhận tiến độ thực hiện Kế hoạch Hành động ASEAN về Hợp tác Năng lượng (APAEC) giai đoạn 2010 - 2015; việc phát triển Hợp tác ASEAN về Tìm kiếm và Giám định Bảng Sáng chế (ASPEC) và thư mục

DIRECT về Sở hữu trí tuệ ASEAN; Kế hoạch Du lịch Chiến lược ASEAN giai đoạn 2011 -2015, bước tiếp theo của Lộ trình Hội nhập Ngành Du lịch giai đoạn 2005 - 2010, và Kế hoạch Hành động Chiến lược cho Phát triển các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ ASEAN giai đoạn 2010 - 2015.

25. Chúng tôi thừa nhận tầm quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với những nền kinh tế ASEAN và giao cho các cơ quan liên quan đẩy mạnh các nỗ lực nhằm xây dựng một khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ vững mạnh, năng động và hiệu quả cho phép bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững, toàn diện và rộng rãi. Chúng tôi cũng kêu gọi các Đối tác Đối thoại và Đối tác Phát triển tiếp tục ủng hộ, hỗ trợ những nỗ lực thúc đẩy phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ASEAN.
26. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện Chương trình khung về An ninh Lương thực tổng hợp ASEAN và Kế hoạch Hành động Chiến lược về An ninh Lương thực trong Khu vực ASEAN. Theo đó, chúng tôi hoan nghênh việc ký kết Quỹ Dự trữ Gạo Khẩn cấp ASEAN +3 tại Hội nghị Bộ trưởng Nông - Lâm nghiệp ASEAN +3 lần thứ 10 tại Phnom Penh vào ngày 24 tháng 10 năm 2010, cơ chế góp phần ổn định nguồn lương thực cho người dân.
27. Mặc dù đã có những tiến triển tốt, chúng tôi nhận thấy vẫn còn một số mục tiêu thuộc Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) giai đoạn 2008 - 2009 chưa được thực hiện theo Bảng điểm của AEC. Do đó, chúng tôi yêu cầu các Bộ trưởng liên quan:

Tiếp tục nỗ lực tối đa và tìm ra các giải pháp sáng tạo, hiệu quả nhằm bảo đảm thực hiện kịp thời các biện pháp thuộc Kế hoạch tổng thể của AEC và xử lý những hạn chế về pháp chế, luật lệ, quy định có thể cản trở việc thực hiện các cam kết nội, ngoại khối ASEAN.

Củng cố Cơ quan Điều phối Quốc gia của mỗi nước thành viên ASEAN trong việc điều phối thực hiện Kế hoạch Tổng thể của AEC ở cấp quốc gia do hiệu quả thực hiện phụ thuộc nhiều vào khả năng của các quốc gia thành viên có thể điều phối một cách có hiệu quả hoạt động giữa các Bộ và ban, ngành.

Một ASEAN phát triển bền vững và quan tâm tới người dân

28. Chúng tôi hài lòng ghi nhận tiến bộ thực hiện Kế hoạch Tổng thể của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC) ASEAN, đặc biệt trong việc tăng cường phúc lợi xã hội và các cơ hội phát triển cho phụ nữ, trẻ em; ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai; phát triển nguồn nhân lực nhằm bảo đảm phục hồi kinh tế; đối phó với các thách thức toàn cầu; tăng cường hợp tác văn hóa nhằm nâng nhận thức về ASEAN và xây dựng Cộng đồng ASEAN.
29. Chúng tôi hoan nghênh kết quả của Hội nghị Cộng đồng ASCC lần thứ tư được tổ chức vào ngày 16 tháng 8 năm 2010 tại Đà Nẵng, Việt Nam và đã giao Hội đồng ASCC xây dựng các cơ chế, biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm thực hiện kịp thời, có hiệu quả các kế hoạch và hành động của Kế hoạch Tổng thể ASCC.

30. Chúng tôi hoan nghênh các nỗ lực nhằm xây dựng một Kế hoạch Hành động ASEAN thực hiện Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo ASEAN về Hợp tác Ứng phó với Biến đổi Khí hậu được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 16 tại Hà Nội tháng 4 vừa qua. Chúng tôi đã giao các Bộ trưởng liên quan nỗ lực hơn nữa để sớm đưa ra được một Kế hoạch Hành động khả thi phù hợp với các thành tố quan trọng trong Kế hoạch Tổng thể xây dựng ASCC về đảm bảo môi trường bền vững, nhằm xây dựng thành công một Cộng đồng ASEAN phát triển bền vững và đóng góp vào nỗ lực toàn cầu về bảo vệ môi trường.
31. Chúng tôi hoan nghênh Hội nghị các Bộ trưởng Lao động ASEAN (ALMM) tại Hà Nội vào ngày 24 tháng 5 năm 2010 đã thảo luận nhiều vấn đề chiến lược và các chính sách mới nổi về phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, bảo trợ xã hội, quan hệ lao động, giám sát lao động, người lao động di trú và thông qua hai văn kiện cột mốc về hợp tác khu vực là các hướng dẫn của ASEAN về thực hành quan hệ chủ thợ tốt, và Chương trình Hành động của các Bộ trưởng Lao động ASEAN giai đoạn 2010 - 2015. Chúng tôi hài lòng ghi nhận rằng một số hoạt động đã được thực hiện và đáng được khen ngợi, bao gồm Hội nghị Phát triển Nguồn nhân lực lần thứ hai, Diễn đàn Lao động di trú lần thứ ba và Hội nghị Thanh tra Lao động ASEAN. Chúng tôi mong muốn sớm hoàn tất Tài liệu của ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi của lao động di trú.
32. Chúng tôi hài lòng ghi nhận nỗ lực đang thực hiện nhằm xây dựng Kế hoạch Công tác năm năm về Giáo dục giai

đoạn 2011 - 2015 nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện các hành động liên quan trong Kế hoạch Tổng thể xây dựng ASCC và Tuyên bố Cha - Am HuaHin về Tăng cường Hợp tác trong Giáo dục tiến tới một Cộng đồng ASEAN quan tâm và chia sẻ.

33. Chúng tôi mong đợi Trung tâm điều phối ASEAN về hỗ trợ nhân đạo và quản lý thiên tai (AHA) tại Jakarta, Indonesia sẽ đi vào hoạt động, phù hợp với Hiệp định ASEAN về Quản lý thiên tai và Ứng phó với tình trạng khẩn cấp, coi đó như là một cơ chế hiệu quả để giảm nhẹ các thiệt hại về người và tài sản xã hội, kinh tế và môi trường do thiên tai gây ra và để cùng ứng phó với thiên tai ở cấp độ quốc gia và khu vực.
34. Chúng tôi nhấn mạnh cần tiếp tục các nỗ lực tăng cường hợp tác trong lĩnh vực Y tế. Theo đó, chúng tôi nhiệt liệt đánh giá cao việc thông qua Khung Chiến lược của ASEAN về Phát triển y tế (2010 - 2015) tại Hội nghị Bộ trưởng Y tế ASEAN lần thứ 10 tháng 7 năm 2010, tập trung vào bốn lĩnh vực chính là an toàn thực phẩm, tiếp cận các dịch vụ y tế và thúc đẩy phong cách sống lành mạnh; các bệnh dịch truyền nhiễm; và chuẩn bị, ứng phó với đại dịch.
35. Chúng tôi hoan nghênh đề xuất tích hợp các khía cạnh văn hóa về nhận thức ASEAN nhằm thúc đẩy kết nối nhân dân nhằm hỗ trợ cho kết nối về phần cứng và thể chế của ASEAN và chúng tôi đã giao nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan của ASEAN nghiên cứu vấn đề và đưa ra những biện pháp cụ thể.

Thu hẹp khoảng cách phát triển vì một ASEAN hài hòa

36. Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên để đẩy nhanh tiến trình hội nhập ASEAN nhằm hoàn thành mục tiêu xây dựng một Cộng đồng ASEAN phát triển cân bằng, dung nạp và bền vững, chúng tôi cam kết sẽ tăng cường các nỗ lực nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua việc thực hiện hiệu quả các sáng kiến như IAI hay AMBDC.
37. Chúng tôi đã giao nhiệm vụ cho các Bộ trưởng chuyên ngành liên quan, Nhóm Đặc trách IAI và Ban thư ký ASEAN tăng cường phối hợp và đẩy nhanh việc thực hiện Kế hoạch Làm việc giai đoạn hai của IAI. Chúng tôi kêu gọi các Đối tác Đối thoại và Đối tác Phát triển tiếp tục hỗ trợ và ủng hộ ASEAN trong các nỗ lực nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển. Theo đó, chúng tôi hoan nghênh những kết quả thành công tốt đẹp của Diễn đàn Hợp tác Phát triển IAI lần thứ ba (ICDF 3) vào ngày 19 tháng 10 năm 2010 vừa qua tại Jakarta.

Tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực

38. Theo quyết định của cấp cao ASEAN lần thứ 16, chúng tôi khẳng định lại quyết tâm duy trì vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình thông qua cách tiếp cận theo hai chân kiềng vừa ưu tiên đẩy nhanh hội nhập ASEAN vừa tăng cường quan hệ đối ngoại của ASEAN. Chúng tôi nhất trí tiếp tục nỗ lực làm sâu sắc hơn

quan hệ của ASEAN với các đối tác thông qua những khuôn khổ của ASEAN +1 cũng như tăng cường thúc đẩy các diễn đàn khu vực do ASEAN làm động lực như ASEAN +3, EAS, ARF và ADMM +.

39. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng một cấu trúc khu vực dựa trên các khuôn khổ hợp tác khu vực nhiều tầng nấc hiện hữu có tính bổ trợ lẫn nhau với ASEAN là động lực chính. Chúng tôi nhất trí tiếp tục những nỗ lực khuyến khích sự tham gia sâu hơn và mang tính xây dựng của các đối tác lớn thuộc ASEAN trong một cấu trúc khu vực đang định hình thông qua các tiến trình khu vực hiện hữu thích hợp để thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng trong khu vực.
40. Chúng tôi đã quyết định chính thức mời Tổng thống Nga và Hoa Kỳ tham gia EAS bắt đầu từ năm 2011 sau khi tham khảo với nước ngoài ASEAN tham gia EAS. Theo đó, chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì vai trò trung tâm của ASEAN, các mục tiêu, nguyên tắc, mô thức đã được thiết lập của EAS cũng như chương trình nghị sự và các ưu tiên hiện nay của EAS. Chúng tôi chia sẻ quan điểm rằng EAS cũng cần tập trung củng cố sau sự gia nhập của Hoa Kỳ và Liên bang Nga. Sự tham gia của hai nước này vào EAS sẽ tạo thêm động lực cho sự phát triển tự nhiên của cấu trúc khu vực.

Mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ đối ngoại của ASEAN

41. Chúng tôi hài lòng ghi nhận những tiến bộ đáng kể trong quan hệ hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài

trong khuôn khổ ASEAN +1, ASEAN +3, EAS và ASEAN - Liên Hợp Quốc. Chúng tôi khẳng định lại quyết tâm của ASEAN tăng cường hợp tác với các đối tác bên ngoài nhằm duy trì hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực và ủng hộ các nỗ lực của ASEAN trong xây dựng cộng đồng, hội nhập khu vực.

42. Chúng tôi nhấn mạnh vai trò động lực của ASEAN, phối hợp chặt chẽ với các đối tác FTA, nhằm củng cố các khu vực mậu dịch tự do với những đối tác +1 của ASEAN và đóng góp hướng tới một sự hội nhập kinh tế khu vực rộng lớn hơn.
43. Chúng tôi hài lòng ghi nhận 44 quốc gia ngoài ASEAN và các tổ chức đã cử Đại sứ bên cạnh ASEAN tại Jakarta. Số lượng lớn các quốc gia ngoài ASEAN cử đại sứ bên cạnh ASEAN không chỉ cho thấy vị thế của ASEAN mà còn phản ánh thành công của ASEAN trong chính sách gắn kết với các đối tác bên ngoài.
44. Chúng tôi mong đợi Hội nghị Cấp cao ASEAN - Australia vào ngày 30 tháng 10 năm 2010 để cùng nhau kiểm điểm hợp tác trong thời gian qua và làm sâu sắc thêm hợp tác trong các lĩnh vực cùng quan tâm. Chúng tôi hoan nghênh đóng góp của Australia trong việc thông qua Chương trình Hợp tác Phát triển ASEAN - Australia giai đoạn II (AADCP II) về việc hỗ trợ ASEAN triển khai các chính sách và ưu tiên hội nhập kinh tế.
45. Chúng tôi hài lòng thấy rằng quan hệ ASEAN - Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực.

Chúng tôi ghi nhận Kế hoạch Hành động triển khai Tuyên bố chung về quan hệ đối tác Chiến lược ASEAN - Trung Quốc vì Hòa bình và Thịnh vượng giai đoạn 2005 - 2010 đã được thực hiện thành công, và hy vọng Kế hoạch Hành động mới cho giai đoạn 2011 - 2015 được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Trung Quốc ngày 29 tháng 10 năm 2010 sẽ giúp tăng cường hơn nữa quan hệ nhiều mặt giữa ASEAN và Trung Quốc. ASEAN sẽ hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc nhằm triển khai nhiều hoạt động ý nghĩa kỷ niệm 20 năm Quan hệ Đối thoại ASEAN - Trung Quốc trong năm 2011.

46. Chúng tôi mong rằng việc thông qua Kế hoạch Hành động ASEAN - Ấn Độ nhằm triển khai Quan hệ Đối tác ASEAN - Ấn Độ vì Hòa bình, Tiến bộ và Thịnh vượng chung (2010 - 2015) sẽ đóng vai trò như một công cụ quan trọng giúp tăng tính hành động trong quan hệ hợp tác ASEAN - Ấn Độ. Chúng tôi đã giao cho các quan chức ASEAN phối hợp chặt chẽ với đối tác Ấn Độ thành lập Nhóm các Nhân sỹ (EPG) nhằm tổng kết 20 năm hợp tác của ASEAN - Ấn Độ và đưa ra định hướng cho quan hệ đối thoại ASEAN - Ấn Độ trong tương lai.
47. Chúng tôi hài lòng với những kết quả quan trọng trong việc triển khai Kế hoạch Hành động thực hiện Tuyên bố Tokyo vì mối quan hệ đối tác ASEAN - Nhật Bản năng động và bền vững trong Thiên Niên Kỳ mới. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ của Nhật Bản trong việc thu hẹp khoảng cách phát triển và đẩy mạnh sự hội nhập khu vực dựa trên Quan hệ Đối tác Chiến lược ASEAN - Nhật Bản

(Hội nghị Cấp cao Mekong - Nhật Bản, BIMP - EAGA, IMT - GT và "Sáng kiến tăng trưởng hướng tới tăng gấp đôi quy mô nền kinh tế châu Á"). Chúng tôi mong đợi sẽ đạt được những kết quả thiết thực tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Nhật Bản lần thứ 13 và Hội nghị Cấp cao Mekong - Nhật Bản lần thứ hai vào ngày 29 Tháng 10 năm 2010.

48. Chúng tôi mong đợi Hội nghị Cấp cao kỷ niệm ASEAN - New Zealand ngày 30 tháng 10 năm 2010 sẽ tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác. Chúng tôi chờ đợi thông qua ba văn kiện quan trọng là Tuyên bố chung về Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN - New Zealand (2010 - 2015), Kế hoạch hành động thực hiện Tuyên bố (2010 - 2015) và Tuyên bố chung của Cấp cao kỷ niệm ASEAN - New Zealand.
49. Chúng tôi chia sẻ quan điểm rằng quan hệ ASEAN - Hàn Quốc cần được nâng lên thành quan hệ đối tác chiến lược để phản ánh sự trưởng thành và mức độ tăng trưởng của mối quan hệ đối tác giữa ASEAN và Hàn Quốc. Chúng tôi trông chờ Hội nghị cấp cao ASEAN - Hàn Quốc lần thứ 13 ngày 30 tháng 10 năm 2010 sẽ thông qua Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình, thịnh vượng và Kế hoạch hành động thực hiện Tuyên bố chung.
50. Chúng tôi mong đợi Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Liên bang Nga lần thứ hai ngày 30 tháng 10, trong Hội nghị đó chúng tôi sẽ thông qua Tuyên bố Chung của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Nga lần thứ hai. Chúng tôi hoan

nghe việc ký kết Tuyên bố ASEAN - Nga về Hợp tác Văn hoá. Văn kiện này sẽ thúc đẩy và làm sâu sắc hơn hợp tác văn hoá giữa hai bên. Chúng tôi đã giao cho các Bộ trưởng và quan chức phối hợp với những đồng nghiệp Nga thực hiện các hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm 15 năm Quan hệ Đối thoại ASEAN - Liên bang Nga vào năm 2011.

51. Chúng tôi hoan nghênh kết quả của Hội nghị Các nhà Lãnh đạo ASEAN và Hoa Kỳ lần thứ hai ngày 24 tháng 9 năm 2010 tại New York, đặc biệt là thỏa thuận nâng quan hệ đối tác ASEAN - Mỹ lên tầm chiến lược. Chúng tôi bày tỏ sự ủng hộ đối với quyết định của các nhà lãnh đạo nhằm thành lập Nhóm những nhân vật nổi tiếng ASEAN - Mỹ để đưa ra những khuyến nghị tăng cường mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ ASEAN - Hoa Kỳ, trình lên Hội nghị các Nhà Lãnh đạo ASEAN - Hoa Kỳ lần thứ ba năm 2011 để xem xét quyết định.
52. Chúng tôi hài lòng với các tiến bộ trong hợp tác ASEAN +3, triển khai Tuyên bố chung về Hợp tác Đông Á lần thứ hai và Kế hoạch Công tác ASEAN +3 (2007 - 2017). Chúng tôi khẳng định rằng tiến trình ASEAN +3 sẽ tiếp tục là một phương tiện chính hướng tới thực hiện mục tiêu lâu dài là xây dựng một Cộng đồng Đông Á do ASEAN là người cầm lái. Đồng thời, chúng tôi ủng hộ vai trò tăng cường và bổ trợ lẫn nhau của tiến trình ASEAN +3 và các diễn đàn khu vực như EAS, ARF, ADMM +, APEC, ASEM nhằm thúc đẩy xây dựng cộng đồng Đông Á.

53. Chúng tôi hài lòng với sự phát triển năng động của hợp tác Đông Á nhất là việc tăng cường đối thoại cấp cao nhất về các vấn đề chiến lược liên quan tới hòa bình, an ninh và thịnh vượng cũng như những tiến bộ quan trọng trong hợp tác EAS trong năm năm qua trên 5 lĩnh vực ưu tiên là giáo dục, tài chính, năng lượng, quản lý thiên tai và phòng chống cúm gia cầm. Nhân dịp EAS tròn năm năm tuổi, chúng tôi nhấn mạnh cần tăng cường hơn nữa tiến trình EAS thông qua việc kiểm điểm, tái khẳng định các nguyên tắc cơ bản của EAS và đưa ra định hướng tương lai cho EAS.
54. Chúng tôi mong đợi Hội nghị Cấp cao ASEAN - Liên Hợp Quốc sẽ tăng cường hợp tác trên các vấn đề cùng quan tâm, đặc biệt trong việc triển khai Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, đối phó với các thách thức toàn cầu, thúc đẩy hòa bình, an ninh khu vực và quốc tế, xây dựng cộng đồng ASEAN.
55. Chúng tôi hoan nghênh quan hệ hợp tác được tăng cường nhiều mặt giữa ASEAN và EU như đã được thể hiện trong Hội nghị Bộ trưởng ASEAN - EU tại Mandrit, Tây Ban Nha vào ngày 26 tháng 5 năm 2010. Chúng tôi khuyến khích thực hiện Kế hoạch Hành động thực hiện Tuyên bố Nuremberg về Quan hệ Đối tác Tăng cường ASEAN - EU nhằm hỗ trợ cho sự hội nhập của ASEAN.

Các vấn đề khu vực và quốc tế

56. Chúng tôi đã trao đổi sâu rộng và hiệu quả về một số vấn đề toàn cầu quan trọng có tác động trực tiếp đến khu vực.

Trong bối cảnh sự phục hồi từ cuộc khủng hoảng tài chính vẫn còn mong manh, chúng tôi đã nhất trí rằng Hội nghị thượng đỉnh G - 20 tại Seoul sắp tới cần tập trung vào, bên cạnh những vấn đề khác, các vấn đề đảm bảo mạng lưới tài chính an toàn, cải cách các tổ chức tài chính quốc tế, cam kết thương mại tự do và công bằng, chống bảo hộ. Chúng tôi hoan nghênh những nỗ lực của Hàn Quốc trong việc đưa vấn đề phát triển thành một nội dung quan trọng trong chương trình nghị sự của Hội nghị Thượng đỉnh Seoul. Chúng tôi đánh giá cao lời mời của Hàn Quốc đối với Việt Nam, Chủ tịch hiện tại của ASEAN, tham dự Hội nghị Thượng đỉnh G - 20 sắp tới tại Seoul và để chia sẻ tầm nhìn, quan điểm của ASEAN về các vấn đề kinh tế, tài chính toàn cầu. Theo đó, chúng tôi bày tỏ tin tưởng vững chắc rằng các Chủ tịch ASEAN sẽ tiếp tục được mời tham dự các Hội nghị Thượng đỉnh G - 20 trong tương lai một cách thường xuyên.

57. Chúng tôi khẳng định lại quyết tâm sớm kết thúc vòng đàm phán Doha với một kết quả toàn diện, cân bằng, phù hợp với mục tiêu đặt ra, dựa trên cơ sở các tiến bộ đã đạt được. Chúng tôi nhất trí rằng các biện pháp bảo hộ mậu dịch cần được xóa bỏ để thị trường của chúng tôi tiếp tục mở và các biện pháp bóp méo thương mại được đưa ra trong thời gian cuộc khủng hoảng được dỡ bỏ, đồng thời tính đến các điều khoản đãi ngộ đặc biệt và khác biệt cho những nước đang phát triển. Chúng tôi cũng khẳng định lại sự ủng hộ đối với việc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào gia nhập WTO vào thời gian sớm nhất có thể.

58. Chúng tôi khẳng định lại sự ủng hộ của mình đối với các kết quả được thông qua tại Phiên họp toàn thể Cấp cao của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc về Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) từ ngày 20 - 22 tháng 9 năm 2010 tại New York. Để đạt được các MDGs vào năm 2015, chúng tôi quyết tâm cùng nhau tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển, bao gồm cả việc triển khai những hành động, chính sách, chiến lược đã cam kết nhằm hỗ trợ cho các nước đang phát triển.
59. Chúng tôi khẳng định lại những cam kết trong các văn kiện trước đây của ASEAN, trong đó có Tuyên bố của các nhà lãnh đạo ASEAN về hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 16 tại Hà Nội vào tháng 4 năm 2010 nhằm góp phần tích cực cho sự thành công của COP16/ CMP6 sẽ được tổ chức tại Cancun, Mexico tháng 12 năm 2010 và phối hợp với nhau trên tinh thần xây dựng nhằm bảo đảm rằng kết quả đó sẽ gắn kết chặt chẽ với các biện pháp hợp tác dài hạn nhằm giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu phù hợp với những nguyên tắc và điều khoản của Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu và Kế hoạch Hành động Bali và Lộ trình Bali, đặc biệt trong việc giảm thiểu, thích ứng, cấp vốn, chuyển giao công nghệ, xây dựng năng lực, và có tính tới hoàn cảnh của từng quốc gia cụ thể của các Bên tham gia Công ước cũng như một thỏa thuận trong tương lai của Giai đoạn Cam kết Thứ Hai của Nghị định thư Kyoto.

60. Chúng tôi hoan nghênh mọi nỗ lực ở phạm vi khu vực và quốc tế nhằm thúc đẩy việc không phổ biến vũ khí hạt nhân, giải trừ quân bị hạt nhân và sử dụng hòa bình năng lượng hạt nhân. Chúng tôi hoan nghênh các kết quả Hội nghị Kiểm điểm 2010 của những bên tham gia Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT), Hội nghị lần thứ hai của các Quốc gia Thành viên và Các bên Ký kết Hiệp ước thành lập NWFZ và Mông Cổ ở New York trong năm nay, việc thông qua Nghị quyết của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc khóa 64 về SEANWFZ. Theo đó, chúng tôi hoan nghênh Philippin - Chủ tịch của Hội nghị Kiểm điểm và Việt Nam - Chủ tịch ASEAN vì đã góp phần nâng cao vị thế của ASEAN tại các diễn đàn đa phương.
61. ASEAN hoan nghênh quyết định của Chính phủ Liên bang Myanmar tổ chức Tổng tuyển cử tại Myanmar vào ngày 07 tháng 11 năm 2010. Theo đó, ASEAN khuyến khích Myanmar tiếp tục đẩy nhanh quá trình triển khai Lộ trình hòa giải dân tộc và dân chủ, bao gồm việc chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử sắp tới để thành lập một chính phủ hợp hiến tại Myanmar. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hòa giải dân tộc tại Myanmar và việc tổ chức các cuộc tổng tuyển cử tự do, công bằng, có sự tham gia của những đảng phái, qua đó đóng góp cho sự ổn định và phát triển lâu dài của Myanmar. Chúng tôi cũng nhấn mạnh rằng quốc gia này cần tiếp tục phối hợp với ASEAN và Liên Hợp Quốc trong quá trình ổn định đất nước. ASEAN luôn sẵn sàng hỗ trợ Myanmar với những biện pháp và cách thức mà Myanmar cho là thích hợp và phù hợp với Hiến chương ASEAN.

62. Nhận thức được hòa bình và an ninh trên bán đảo Triều Tiên sẽ đem lại lợi to lớn cho khu vực, chúng tôi tái khẳng định sự ủng hộ của mình đối với một bán đảo Triều Tiên không có vũ khí hạt nhân. Chúng tôi khuyến khích các bên nối lại Đàm phán 6 bên vào thời gian phù hợp và giải quyết tất cả tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
63. Chúng tôi khẳng định lại sự ủng hộ đối với việc nối lại đàm phán trực tiếp giữa Israen và Palestine nhằm tìm ra các giải pháp cuối cùng, thúc đẩy hoà bình và ổn định ở Trung Đông.

Các vấn đề khác

64. Chúng tôi chúc mừng Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị của Hội đồng liên nghị viện ASEAN lần thứ 31 tại Hà Nội từ ngày 21 - 23 tháng 9 năm 2010. Bên cạnh những vấn đề khác, Hội nghị này nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường phối hợp giữa những cơ quan hành pháp và lập pháp trong các quốc gia thành viên ASEAN để xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.
65. Chúng tôi đánh giá cao Hội đồng Tư vấn doanh nghiệp ASEAN đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao doanh nghiệp ASEAN tại Hà Nội ngày 27 tháng 10 năm 2010 và hài lòng với cuộc gặp gỡ hữu ích giữa các Nhà lãnh đạo ASEAN với đại diện Cộng đồng doanh nghiệp ASEAN vào ngày 28 tháng 10 năm 2010.
66. Chúng tôi cũng đánh giá cao Việt Nam đã tổ chức thành công Diễn đàn Nhân dân ASEAN lần thứ sáu (APF 6) và

ghi nhận những đề xuất, kiến nghị quý báu từ các tầng lớp xã hội ASEAN trong quá trình xây dựng một Cộng đồng ASEAN

67. Chúng tôi hoan nghênh Indonesia tiếp nhận vai trò Chủ tịch ASEAN tiếp theo vào năm 2011, và trông đợi tiếp tục các nỗ lực nhằm xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.⁸⁰

⁸⁰ Nguồn: <http://www.nciec.gov.vn/index.nciec?2275>

TUYÊN BỐ BANGKOK 1993⁸¹

(BANGKOK DECLARATION - FINAL DECLARATION OF THE REGIONAL MEETING FOR ASIA OF THE WORLD CONFERENCE ON HUMAN RIGHTS)

Các Bộ trưởng và đại diện của những quốc gia châu Á họp tại Bangkok từ ngày 29 tháng 3 đến ngày 2 tháng 4 năm 1993, theo Nghị quyết của Đại hội đồng số 46/116 ngày 17 tháng 12 năm 1991 trong bối cảnh chuẩn bị cho Hội nghị Thế giới về Nhân quyền,

Thông qua Tuyên bố này, được gọi là “Tuyên bố Bangkok”, trong đó nêu lên các nguyện vọng và cam kết của khu vực châu Á:

TUYÊN BỐ BANGKOK

Nhấn mạnh tầm quan trọng của Hội nghị Thế giới về Nhân quyền, mang lại một cơ hội vô giá để xem xét tất cả các khía cạnh của quyền con người, đảm bảo một cách tiếp cận công bằng và cân bằng.

Thừa nhận sự đóng góp có thể được thực hiện cho Hội nghị Thế giới của các nước châu Á bằng những nền văn hóa và truyền thống đa dạng, phong phú của mình.

Hoan nghênh sự quan tâm gia tăng đối với các quyền con người trong cộng đồng quốc tế.

⁸¹ Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị khu vực châu Á chuẩn bị cho Hội nghị thế giới về Quyền con người lần thứ hai

Tái khẳng định cam kết của mình về các nguyên tắc chứa đựng trong Hiến chương Liên Hợp Quốc và Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền.

Nhắc lại rằng trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, vấn đề thực hiện và thúc đẩy quyền con người và tự do cơ bản phổ quát đã được nêu một cách đúng đắn đặt trong bối cảnh hợp tác quốc tế.

Ghi nhận những tiến bộ đạt được trong pháp điển hoá các quyền con người và trong việc thành lập cơ chế nhân quyền quốc tế, trong khi thể hiện mối quan tâm rằng những cơ chế liên quan chủ yếu đến một loại quyền.

Nhấn mạnh rằng sự phê chuẩn các văn kiện quốc tế về quyền con người, đặc biệt là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bởi tất cả các quốc gia cần được tiếp tục khuyến khích.

Tái khẳng định nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.

Nhấn mạnh tính phổ quát, khách quan, không chọn lọc của tất cả các quyền con người và sự cần thiết tránh việc áp dụng tiêu chuẩn kép trong việc thực hiện quyền con người và chính trị hóa quyền con người,

Nhận thức rằng việc thúc đẩy các quyền con người cần thông qua sự hợp tác và đồng thuận, không phải thông qua đối đầu và áp đặt các giá trị không tương thích.

Nhắc lại sự phụ thuộc lẫn nhau và không thể chia rẽ giữa các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và chính trị, mối tương

quan vốn có giữa phát triển, dân chủ, việc thụ hưởng tất cả các nhân quyền phổ quát và công bằng xã hội, đều cần được giải quyết một cách tích hợp, cân bằng.

Nhắc lại rằng theo Tuyên bố về quyền phát triển đã được thừa nhận, quyền phát triển là một quyền phổ quát, bất khả xâm phạm và một phần không thể tách rời các quyền cơ bản của con người.

Nhấn mạnh rằng những nỗ lực hướng tới việc hình thành các quy phạm quốc tế thống nhất về quyền con người phải đi đôi với nỗ lực hướng tới một trật tự kinh tế thế giới công bằng và bình đẳng.

Tin tưởng rằng tiến bộ kinh tế và xã hội tạo điều kiện cho xu hướng phát triển theo hướng dân chủ, thúc đẩy, bảo vệ quyền con người.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo về nhân quyền ở cấp quốc gia, khu vực, quốc tế cùng với nhu cầu hợp tác quốc tế nhằm khắc phục sự thiếu hiểu biết về các quyền con người.

1. *Tái khẳng định* cam kết của mình về các nguyên tắc trong Hiến chương Liên Hợp Quốc và Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, cũng như về việc thực thi đầy đủ tất cả các quyền con người trên toàn thế giới.

2. *Củng cố* các nhu cầu cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hưởng thụ các quyền con người một cách hiệu quả ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế.

3. *Nhấn mạnh* nhu cầu cấp thiết dân chủ hóa Hệ thống Liên Hợp Quốc, loại bỏ sự lựa chọn phiến diện, cải tiến thủ tục và cơ

chế nhằm tăng cường hợp tác quốc tế, dựa trên các nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, đảm bảo một cách tiếp cận, tích cực, cân bằng, không đối đầu trong việc giải quyết và thực hiện tất cả các lĩnh vực quyền con người.

4. *Phản đối* việc cố gắng sử dụng các quyền con người như một điều kiện để mở rộng hỗ trợ phát triển.

5. *Nhấn mạnh* các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, không sử dụng quyền con người như một công cụ gây áp lực chính trị.

6. *Nhắc lại* rằng tất cả các nước lớn và nhỏ đều có quyền xác định hệ thống chính trị của mình, kiểm soát và sử dụng tự do tài nguyên, tự do theo đuổi sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của mình.

7. *Nhấn mạnh* tính phổ quát, khách quan và không chọn lọc của tất cả các quyền con người, cần tránh việc áp dụng tiêu chuẩn kép trong việc thực hiện quyền con người và chính trị hóa quyền con người, không có hành vi vi phạm quyền con người nào có thể được hợp lý hóa.

8. *Thừa nhận* rằng trong khi các quyền con người có bản chất phổ quát, chúng phải được xem xét trong bối cảnh của một quá trình biến động thiết lập nên các tiêu chuẩn quốc tế, với sự quan tâm đến tầm quan trọng của đặc thù quốc gia và khu vực, các hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, tôn giáo khác nhau.

9. *Công nhận* thêm rằng các quốc gia có trách nhiệm chính cho việc thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền thông qua cơ sở hạ tầng

và các cơ chế thích hợp, cũng thừa nhận rằng các cơ chế khắc phục phải sẵn có trong các cơ chế và thủ tục đó.

10. *Khẳng định* lại sự phụ thuộc lẫn nhau, không thể chia tách giữa các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và chính trị, cần quan tâm bình đẳng đối với tất cả các loại quyền con người.

11. *Nhấn mạnh* tầm quan trọng việc bảo đảm các quyền con người và tự do cơ bản của những nhóm dễ bị tổn thương như các dân tộc thiểu số, các nhóm chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ thiểu số, người lao động di trú, người khuyết tật, người bản địa, người tị nạn và người di cư.

12. *Nhắc lại* rằng tự quyết là một nguyên tắc của luật pháp quốc tế và một quyền phổ quát được thừa nhận bởi Liên Hợp Quốc đối với các dân tộc dưới sự thống trị của ngoại bang hoặc chịu sự chiếm đóng của nước ngoài, theo đó họ có thể tự do xác định địa vị chính trị của mình, tự do theo đuổi sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa, việc chối bỏ quyền này tạo thành một sự vi phạm nghiêm trọng các quyền con người.

13. *Nhấn mạnh* rằng quyền tự quyết được áp dụng đối với các dân tộc dưới sự thống trị của ngoại bang hoặc sự chiếm đóng của nước ngoài, không được sử dụng để phá hoại sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia và độc lập chính trị của các quốc gia.

14. *Bày tỏ lo ngại* về tất cả các hình thức vi phạm nhân quyền, trong đó có các biểu hiện phân biệt chủng tộc, kỳ thị, chủ nghĩa thực dân, sự xâm lược và chiếm đóng của nước ngoài, việc thành lập các khu định cư bất hợp pháp trên lãnh thổ bị

chiếm đóng, cũng như sự hồi sinh gần đây của chủ nghĩa tân phát xít, bài ngoại và thanh lọc sắc tộc.

15. *Nhấn mạnh* sự cần thiết thực hiện những biện pháp quốc tế hiệu quả để bảo đảm và giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn nhân quyền, việc bảo vệ pháp lý và hiệu quả đối với những người dân chịu sự chiếm đóng của ngoại bang.

16. *Mạnh mẽ khẳng định* sự hỗ trợ cho cuộc đấu tranh chính đáng của nhân dân Palestine nhằm khôi phục quyền dân tộc tự quyết, bất khả xâm phạm và độc lập của họ, yêu cầu chấm dứt ngay lập tức các hành vi vi phạm nghiêm trọng nhân quyền tại Palestine, Golan Syria và việc chiếm vùng lãnh thổ Ả Rập bao gồm Jerusalem.

17. *Tái khẳng định* quyền phát triển, như đã được xác lập trong Tuyên bố về quyền phát triển, là một quyền phổ quát và bất khả xâm phạm, một phần không thể tách rời các quyền cơ bản của con người, quyền này phải được hiện thực hóa thông qua hợp tác quốc tế, tôn trọng các quyền cơ bản của con người, tạo lập một cơ chế giám sát và tạo ra các điều kiện quốc tế cần thiết cho việc hiện thực hóa các quyền đó.

18. *Nhận thức* rằng chính những trở ngại cho việc thực hiện quyền phát triển nằm ở cấp độ kinh tế vĩ mô quốc tế, như phản ánh trong khoảng cách ngày càng lớn giữa các nước phương Bắc và phương Nam, giữa những người giàu và người nghèo.

19. *Khẳng định* rằng nghèo đói là một trong những trở ngại chính cản trở việc hưởng thụ đầy đủ các quyền con người.

20. *Cũng khẳng định* sự cần thiết thúc đẩy quyền của nhân loại có một môi trường sạch, an toàn và lành mạnh.

21. *Lưu ý* rằng chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện, phân biệt với những cuộc đấu tranh chính đáng của các dân tộc dưới sự thống trị của thực dân hay ngoại bang và chiếm đóng của ngoại quốc, đã nổi lên như một trong những mối đe dọa nguy hiểm nhất đối với việc hưởng thụ các quyền con người và dân chủ, đe dọa toàn vẹn lãnh thổ, an ninh của các quốc gia và làm mất ổn định những chính quyền được thành lập hợp pháp, rằng chủ nghĩa khủng bố phải được rõ ràng lên án bởi cộng đồng quốc tế.

22. *Tái khẳng định* cam kết mạnh mẽ về thúc đẩy, bảo vệ quyền của phụ nữ thông qua việc đảm bảo sự tham gia bình đẳng vào các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa trong xã hội, xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử, bạo lực đối với phụ nữ.

23. *Thừa nhận* các quyền của trẻ em được hưởng sự bảo hộ đặc biệt và được hưởng các cơ hội, phương tiện để phát triển thể chất, tinh thần, đạo đức, tâm hồn, xã hội một cách lành mạnh, bình thường trong điều kiện tự do và nhân phẩm.

24. *Hoan nghênh* vai trò quan trọng của các thể chế quốc gia trong việc thúc đẩy các quyền con người một cách thực chất và xây dựng, tin tưởng rằng việc nhận thức và đi đến thiết lập những tổ chức như vậy để cho các quốc gia quyết định là tốt nhất.

25. *Thừa nhận* tầm quan trọng của hợp tác, đối thoại giữa các chính phủ và tổ chức phi chính phủ trên cơ sở các giá trị

chia sẻ, cũng như tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau trong việc thúc đẩy các quyền con người, khuyến khích các tổ chức phi chính phủ có địa vị tham vấn với Hội đồng Kinh tế và Xã hội đóng góp tích cực vào quá trình này theo quy định của Nghị quyết của Hội đồng số 1296 (XLIV).

26. *Nhắc lại* sự cần thiết nghiên cứu khả năng thiết lập các thỏa thuận khu vực nhằm thúc đẩy, bảo vệ quyền con người ở châu Á.

27. *Nhắc lại thêm* việc cần xem xét các phương thức hợp tác quốc tế và hỗ trợ tài chính cho giáo dục - đào tạo trong lĩnh vực nhân quyền ở cấp quốc gia và việc thiết lập cơ sở hạ tầng quốc gia để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền nếu các quốc gia đề nghị.

28. *Nhấn mạnh* sự cần thiết phải hợp lý hoá cơ chế của Liên Hợp Quốc về quyền con người để nâng cao hiệu quả, hiệu lực của nó và sự cần thiết đảm bảo tránh trùng lặp công việc giữa các cơ quan điều ước, Tiểu ban Phòng, chống phân biệt đối xử và bảo vệ các nhóm thiểu số và Ủy ban Nhân quyền, cũng như sự cần thiết tránh sự trùng lặp của các cơ chế song song.

29. *Nhấn mạnh* tầm quan trọng của việc củng cố Trung tâm Liên Hợp Quốc về nhân quyền với các nguồn lực cần thiết để có thể cung cấp một loạt các dịch vụ tư vấn và những chương trình hỗ trợ kỹ thuật trong việc thúc đẩy quyền con người cho các quốc gia có yêu cầu một cách kịp thời và hiệu quả, cũng như để Trung tâm có thể tài trợ đầy đủ các hoạt động khác trong lĩnh vực quyền con người được ủy quyền của cơ quan thẩm quyền.

30. *Kêu gọi* mở rộng số đại diện cho các nước đang phát triển tại Trung tâm Nhân quyền.

Phụ lục

II.

HIẾN PHÁP VÀ ĐẠO LUẬT QUAN TRỌNG
VỀ NHÂN QUYỀN
CỦA MỘT SỐ NƯỚC ASEAN

HIẾN PHÁP CỘNG HÒA INDONESIA, 1945

(Trích)

(Đã được sửa đổi, bổ sung lần đầu tiên vào năm 1999, lần thứ hai năm 2000, lần thứ ba năm 2001 và lần thứ tư năm 2002)

Chương I

Hình thức của Nhà nước và chủ quyền

Điều 1

1. Nhà nước Indonesia sẽ là một nhà nước đơn nhất theo hình thức một nước cộng hòa.
2. Chủ quyền nằm trong tay nhân dân và được thực hiện theo Hiến pháp này.
3. Nhà nước Indonesia sẽ là một nhà nước pháp quyền.

...

Chương X

Công dân và cư dân

Điều 26

1. Công dân bao gồm người dân bản địa Indonesia và những người nguồn gốc nước ngoài đã được nhập quốc tịch thành công dân theo quy định của pháp luật.
2. Cư dân bao gồm các công dân Indonesia và người nước ngoài sinh sống tại Indonesia.
3. Các vấn đề liên quan đến công dân và cư dân được quy định bởi pháp luật.

Điều 27

1. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và chính quyền, có nghĩa vụ tôn trọng luật pháp và chính quyền, không có trường hợp ngoại lệ.
2. Mọi công dân có quyền làm việc và kiếm sống.
3. Mỗi công dân có quyền và nghĩa vụ tham gia các nỗ lực bảo vệ quốc gia.

Chương XA

Các quyền con người

Điều 28

Tự do lập hội và hội họp, bày tỏ ý kiến bằng văn bản và bằng miệng,... sẽ được quy định bởi pháp luật.

Điều 28A

Mọi người đều có quyền sống và quyền bảo vệ cuộc sống cũng như sự tồn tại mình.

Điều 28B

1. Mọi người đều có quyền lập gia đình và sinh đẻ sau khi kết hôn hợp pháp.
2. Mọi trẻ em đều có quyền sống, trưởng thành, phát triển, có quyền được bảo vệ khỏi bạo lực và phân biệt đối xử.

Điều 28C

1. Mọi người đều có quyền phát triển bản thân thông qua thực hiện các nhu cầu cơ bản của mình, quyền được giáo

dục và được hưởng lợi từ khoa học công nghệ, nghệ thuật, văn hóa, với mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống của mình và vì lợi ích của nhân loại.

2. Mọi người đều có quyền thăng tiến bản thân thông qua cuộc tranh đấu tập thể vì các quyền của mình để phát triển xã hội, dân tộc và quốc gia của mình.

Điều 28D

1. Mọi người đều có quyền công nhận, bảo đảm, bảo vệ và an toàn chắc chắn trước một đạo luật công bằng và được đối xử bình đẳng trước pháp luật.
2. Mọi người đều có quyền làm việc, nhận thù lao và đối xử công bằng, thích hợp trong công việc.
3. Mọi công dân có quyền có được cơ hội bình đẳng từ chính quyền.
4. Mọi người đều có quyền nhập tịch.

Điều 28E

1. Mọi người đều được tự do lựa chọn và thực hành tôn giáo theo sự lựa chọn của mình, lựa chọn giáo dục, lựa chọn nghề nghiệp, lựa chọn quốc tịch, lựa chọn địa điểm cư trú trong lãnh thổ quốc gia mình, có quyền rời lãnh thổ đó và sau đó quay trở lại.
2. Mọi người đều có quyền tự do về đức tin và tự do bày tỏ quan điểm và suy nghĩ theo lương tâm mình.
3. Mọi người đều có quyền tự do lập hội, hội họp và bày tỏ quan điểm.

Điều 28F

Mọi người đều có quyền giao tiếp và thu nhận thông tin vì mục đích phát triển bản thân mình hay môi trường xã hội, có quyền tìm kiếm, có được, có, lưu trữ, xử lý và truyền tải thông tin bằng cách sử dụng tất cả các kênh sẵn có.

Điều 28G

1. Mọi người đều có quyền bảo vệ danh dự, nhân phẩm và tài sản của bản thân, có quyền cảm thấy an toàn chống lại và nhận bảo vệ khỏi các mối đe dọa của sự sợ hãi để làm hoặc không làm một cái gì đó là một quyền con người.
2. Mọi người đều có quyền được tự do không bị tra tấn hoặc đối xử vô nhân đạo và hạ nhục, có quyền được tị nạn chính trị ở một quốc gia khác.

Điều 28H

1. Mọi người đều có quyền sống trong sự thịnh vượng về vật chất và tinh thần, có một ngôi nhà để ở, được tận hưởng một môi trường tốt và lành mạnh, có quyền được chăm sóc y tế.
2. Mọi người đều có quyền được tạo điều kiện và đối xử đặc biệt để có cơ hội, lợi ích như nhau để đạt được sự bình đẳng và sự công bằng.
3. Mọi người đều có quyền hưởng an sinh xã hội để phát triển bản thân đầy đủ như là một con người có phẩm giá.
4. Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản cá nhân, và tài sản đó không thể bị tịch thu một cách bất công bởi bất kỳ ai.

Điều 28I

1. Quyền được sống, quyền tự do không bị tra tấn, tự do tư tưởng và lương tâm, tự do tôn giáo, tự do không bị làm nô lệ, được công nhận là con người trước luật pháp, quyền không bị xét xử theo luật hồi tố là các nhân quyền không thể bị giới hạn trong bất kỳ trường hợp nào.
2. Mọi người đều có quyền không bị đối xử phân biệt dựa trên bất kỳ cơ sở nào và có các quyền được bảo vệ khỏi các phân biệt đối xử như vậy.
3. Các bản sắc văn hóa và quyền lợi của cộng đồng truyền thống được tôn trọng phù hợp với sự phát triển của thời đại và văn minh.
4. Việc bảo vệ, tiến bộ, phát huy và thực hiện quyền con người là trách nhiệm của Nhà nước, đặc biệt là Chính phủ.
5. Với mục đích phát huy và bảo vệ quyền con người theo nguyên tắc của nhà nước dân chủ và pháp quyền, thực thi các quyền của con người được bảo đảm, được quy định trong các luật và quy định.

Điều 28J

1. Mọi người đều có nghĩa vụ tôn trọng các quyền con người của những người khác trong trật tự đời sống của dân tộc, cộng đồng và quốc gia.
2. Khi thực hiện quyền và tự do của mình, mọi người sẽ có nhiệm vụ chấp nhận những giới hạn do luật định cho các

mục đích duy nhất của bảo lãnh công nhận và tôn trọng các quyền và tự do của người khác và đáp ứng chỉ yêu cầu dựa trên những cân nhắc về đạo đức, các giá trị tôn giáo, an ninh và trật tự công cộng trong một xã hội dân chủ.

...

HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ PHILIPPINES, 1987

(Trích)

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi, nhân dân Philippin có chủ quyền, cầu xin sự hỗ trợ của Thiên chúa Toàn năng, nhằm xây dựng một xã hội công bằng và nhân đạo, thiết lập một chính quyền thể hiện những lý tưởng và khát vọng của chúng tôi, thúc đẩy lợi ích chung, bảo tồn và phát triển di sản chung, bảo đảm cho bản thân và con cháu của chúng tôi các phước lành của độc lập và dân chủ tuân thủ pháp quyền, một chế độ của sự thật, công lý, tự do, tình yêu, bình đẳng và hòa bình, đã soạn và ban hành Hiến pháp này.

Điều 1. LÃNH THỔ QUỐC GIA

Lãnh thổ quốc gia bao gồm các quần đảo Philippin, với tất cả các hải đảo và vùng biển bao bọc chúng, và tất cả các vùng lãnh thổ khác mà Philippin có chủ quyền hoặc quyền tài phán, bao gồm các khu vực trên mặt đất, sông ngòi và trên không, kể cả lãnh hải, đáy biển, lòng đất, các hải đảo và các khu vực ngầm khác.

Các vùng nước xung quanh, giữa và kết nối các hòn đảo của quần đảo, bất kể chiều rộng của chúng, tạo thành một phần của vùng nội thủy của Philippin.

Điều 11. TUYÊN BỐ CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NHỮNG CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1. Philippin là một nhà nước cộng hòa và dân chủ. Chủ quyền thuộc về nhân dân và mọi thẩm quyền của chính quyền đều phát xuất từ nhân dân.

Mục 2. Philippin từ bỏ chiến tranh như một công cụ của chính sách quốc gia, thừa nhận các nguyên tắc chung đã được chấp nhận của luật pháp quốc tế như là một phần của pháp luật quốc gia và tuân thủ các chính sách hoà bình, bình đẳng, công bằng, tự do, hợp tác và hữu nghị với tất cả các quốc gia.

Mục 3. Sự cai trị của dân sự, tại mọi thời điểm, luôn là tối cao đối với quân đội. Các lực lượng vũ trang của Philippin là người bảo vệ nhân dân và Nhà nước. Mục tiêu của nó là để bảo đảm chủ quyền của Nhà nước và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Mục 4. Nhiệm vụ chủ yếu của Chính quyền là để phục vụ và bảo vệ người dân. Chính quyền có thể kêu gọi người dân bảo vệ Nhà nước, và khi thực hiện nhiệm vụ này, tất cả các công dân có thể được yêu cầu, theo các điều kiện quy định của pháp luật, để làm nghĩa vụ cá nhân, quân sự hay dân sự.

Mục 5. Việc duy trì hòa bình, trật tự, bảo vệ cuộc sống, tự do, tài sản và phát huy lợi ích chung là rất cần thiết cho việc thụ hưởng các phước lành của dân chủ bởi tất cả mọi người.

Mục 6. Việc tách biệt Giáo hội và Nhà nước là bất khả xâm phạm.

CÁC CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 7. Nhà nước sẽ theo đuổi một chính sách đối ngoại độc lập. Trong quan hệ với các quốc gia khác, việc xem xét tối cao

được chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, và quyền tự quyết.

Mục 8. Philippin, phù hợp với lợi ích quốc gia, thông qua và theo đuổi một chính sách không có vũ khí hạt nhân trong lãnh thổ của mình.

Mục 9. Nhà nước phát triển một trật tự xã hội công bằng và năng động nhằm đảm bảo sự thịnh vượng, độc lập của đất nước và làm cho con người thoát khỏi đói nghèo thông qua những chính sách cung cấp các dịch vụ xã hội phù hợp, thúc đẩy việc làm đầy đủ, tăng mức sống và cải thiện chất lượng cuộc sống cho mọi người.

Mục 10. Nhà nước sẽ thúc đẩy công bằng xã hội trong mọi giai đoạn phát triển quốc gia.

Mục 11. Nhà nước tôn trọng giá trị của phẩm giá của mọi con người và đảm bảo tôn trọng đầy đủ các quyền con người.

Mục 12. Nhà nước công nhận sự thiêng liêng của đời sống gia đình và sẽ bảo vệ, củng cố các gia đình như một thể chế xã hội tự trị cơ bản. Nhà nước bảo vệ cuộc sống của người mẹ và của thai nhi từ lúc thụ thai. Các quyền, nghĩa vụ tự nhiên và căn bản của cha mẹ trong việc nuôi dưỡng thanh thiếu niên về ý thức công dân và sự phát triển đạo đức sẽ được sự hỗ trợ của Chính phủ.

Mục 13. Nhà nước thừa nhận vai trò quan trọng của thanh niên trong xây dựng đất nước và sẽ thúc đẩy, bảo vệ thể chất, đạo đức, tinh thần trí tuệ và sự lành mạnh của họ. Nhà nước giáo dục thanh niên tinh thần yêu nước và chủ nghĩa dân tộc,

khuyến khích sự tham gia của họ vào các hoạt động công cộng và dân sự.

Mục 14. Nhà nước thừa nhận vai trò của phụ nữ trong xây dựng đất nước, và phải đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật cơ bản của phụ nữ và nam giới.

Mục 15. Nhà nước bảo vệ và thúc đẩy quyền về sức khỏe của người dân và thẩm quyền ý thức về sức khỏe trong nhân dân.

Mục 16. Nhà nước bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người dân với một hệ sinh thái cân bằng, lành mạnh phù hợp với nhịp điệu và sự hài hòa của thiên nhiên.

Mục 17. Nhà nước ưu tiên cho khoa học, giáo dục và công nghệ, nghệ thuật, văn hóa và thể thao để thúc đẩy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa dân tộc, thúc đẩy tiến bộ xã hội, thúc đẩy sự giải phóng, phát triển toàn diện con người.

Mục 18. Nhà nước khẳng định lao động như một lực lượng kinh tế xã hội chính. Nhà nước sẽ bảo vệ các quyền của người lao động và thúc đẩy phúc lợi của họ.

Mục 19. Nhà nước sẽ xây dựng một nền kinh tế quốc gia tự lực và độc lập một cách hiệu quả được kiểm soát bởi người dân Philippin.

Mục 20. Nhà nước thừa nhận vai trò không thể thiếu của khu vực tư nhân, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân và cung cấp ưu đãi đầu tư.

Mục 21. Nhà nước thúc đẩy phát triển nông thôn và cải cách ruộng đất toàn diện.

Mục 22. Nhà nước công nhận và thúc đẩy những quyền của các cộng đồng văn hóa bản địa trong khuôn khổ của sự thống nhất và phát triển quốc gia.

Mục 23. Nhà nước khuyến khích các tổ chức phi chính phủ, tổ chức dựa vào cộng đồng hoặc các tổ chức ngành thúc đẩy phúc lợi quốc gia.

Mục 24. Nhà nước thừa nhận vai trò quan trọng của truyền thông và thông tin trong xây dựng đất nước.

Mục 25. Nhà nước bảo đảm quyền tự chủ của chính quyền địa phương.

Mục 26. Nhà nước bảo đảm tiếp cận bình đẳng các cơ hội trong hệ thống công quyền và cấm thao túng chính trị mà pháp luật có thể xác định.

Mục 27. Nhà nước duy trì sự trung thực và liêm chính trong hệ thống công quyền, thực thi các biện pháp tích cực và hiệu quả chống lạm quyền và tham nhũng.

Mục 28. Theo các điều kiện hợp lý theo luật định, Nhà nước thông qua và thực thi một chính sách công bố công khai đầy đủ tất cả các giao dịch liên quan đến lợi ích công cộng.

Điều III. LUẬT VỀ CÁC QUYỀN

Mục 1. Không ai bị tước đoạt sinh mạng, tự do hoặc tài sản mà không theo thủ tục luật định, cũng không có bất kỳ người nào không được bảo vệ bình đẳng bởi pháp luật.

Mục 2. Các quyền của người dân được đảm bảo về thân thể, nhà ở, giấy tờ, và được bảo vệ chống lại việc khám xét, thu giữ

tùy tiện với bất cứ tính chất hay mục đích nào, không có lệnh khám hoặc lệnh bắt nào được ban hành trừ phi có căn cứ đầy đủ được xác định bởi cá nhân thẩm phán sau khi kiểm tra lời tuyên thệ hoặc xác nhận của người khiếu nại và người làm chứng, mô tả cụ thể địa điểm khám và người hoặc vật được thu giữ.

Mục 3.

1. Bí mật liên lạc và thư tín là bất khả xâm phạm trừ phi có lệnh hợp pháp của tòa án, hoặc do an toàn, trật tự công cộng yêu cầu khác, theo quy định của pháp luật.
2. Bất kỳ bằng chứng thu được vi phạm điều này hoặc các mục trước không thể được chấp nhận cho bất kỳ mục đích vụ kiện nào.

Mục 4. Không có luật nào được thông qua để hạn chế tự do ngôn luận, phát biểu, hoặc của báo chí, hoặc quyền của người dân hội họp hòa bình và kiến nghị chính phủ khắc phục những bất bình.

Mục 5. Không luật nào được ban hành để thiết lập một tôn giáo, hoặc cấm việc thực hành tôn giáo tự do. Việc thực hành, thụ hưởng các nghiệp vụ tôn giáo và thờ cúng, không có sự phân biệt đối xử hay ưu tiên, mãi mãi là được phép. Kiểm tra tôn giáo là không cần thiết cho việc thực thi các quyền dân sự hoặc chính trị.

Mục 6. Các quyền tự do cư trú và thay đổi tương tự trong giới hạn theo quy định của pháp luật thì không bị ảnh hưởng trừ phi có lệnh hợp pháp của tòa án. Không phải quyền đi du lịch bị ảnh hưởng trừ vì lợi ích của an ninh quốc gia, an toàn

công cộng, hoặc y tế công cộng, như có thể được cung cấp bởi pháp luật.

Mục 7. Các quyền của người dân được thông tin về các vấn đề dư luận quan tâm được thừa nhận. Công dân có quyền truy cập, với những giới hạn theo luật định, các hồ sơ chính thức, các văn bản, giấy tờ liên quan đến hành vi chính thức, giao dịch, hoặc các quyết định, cũng như dữ liệu nghiên cứu của Chính phủ sử dụng làm cơ sở để phát triển chính sách.

Mục 8. Các quyền của dân, bao gồm cả những người làm việc trong khu vực công và tư nhân, thành lập công đoàn, hiệp hội hay hội cho các mục đích không trái pháp luật, không bị giới hạn.

Mục 9. Sở hữu tư nhân không bị lấy để sử dụng cho mục đích công cộng mà không có bồi thường đầy đủ.

Mục 10. Không luật nào làm suy yếu các nghĩa vụ theo hợp đồng được thông qua.

Mục 11. Không được từ chối việc tiếp cận miễn phí các tòa án, các cơ quan bán tư pháp và trợ giúp pháp lý đầy đủ đối với bất kỳ người nào vì lý do họ nghèo.

Mục 12.

1. Bất kỳ người nào bị điều tra về tội phạm đều có quyền được thông báo về quyền giữ im lặng, có luật sư đủ năng lực và độc lập tốt nhất theo lựa chọn của riêng mình. Nếu một người không có khả năng trả phí cho luật sư, người đó được cung cấp một luật sư. Những quyền này không thể được từ chối trừ phi bằng văn bản và với sự hiện diện của luật sư.

2. Không ai bị tra tấn, vũ lực, bạo lực, đe dọa, hăm dọa, hoặc bất kỳ phương tiện khác làm hủy hoại ý chí tự do được sử dụng chống lại anh ta. Các nơi giam giữ bí mật, biệt giam, giam đơn độc, hoặc các hình thức giam giữ tương tự khác đều bị cấm.
3. Bất kỳ lời thú tội hoặc nhận tội nào vi phạm điều này hoặc Mục 17 đều không được chấp nhận làm bằng chứng chống lại anh ta.
4. Luật pháp sẽ quy định các chế tài hình sự và dân sự đối với hành vi vi phạm mục này cũng như bồi thường cho việc phục hồi của các nạn nhân của hành vi tra tấn hoặc hành vi tương tự và gia đình họ.

Mục 13. Tất cả mọi người, ngoại trừ những tội phạm bị phạt nghiêm trọng khi bằng chứng của tội phạm là rõ ràng, thì trước khi kết án, có thể được bảo lãnh khi được bảo đảm đầy đủ, hoặc được tạm trả tự do sau khi được bảo chứng như luật định. Quyền được bảo lãnh không giới hạn ngay cả khi các đặc quyền bảo thân bị đình chỉ. Bảo lãnh không được quá mức cần thiết.

Mục 14.

1. Không ai bị buộc trả lời về một tội hình sự mà không theo thủ tục luật định.
2. Trong mọi trường hợp truy tố hình sự, bị cáo sẽ được coi là vô tội cho đến khi bị chứng minh ngược lại, được xem xét ý kiến của bản thân và của luật sư, được thông báo về tính chất và nguyên nhân của những lời buộc tội chống lại mình, được xét xử một cách nhanh chóng, khách quan,

công khai, được đối diện các nhân chứng, có quyền đưa ra các nhân chứng cũng như bằng chứng cho mình. Tuy nhiên, sau khi buộc tội, việc xét xử có thể tiến hành bất chấp sự vắng mặt của bị cáo: Với điều kiện người đó đã được thông báo hợp lệ và việc không xuất hiện là vô lý.

Mục 15. Các đặc quyền của lệnh bảo thân sẽ không bị ngưng trừ các trường hợp xâm lược hay nổi loạn, khi sự an toàn công cộng đòi hỏi điều đó.

Mục 16. Tất cả những người có quyền được giải quyết nhanh chóng các vụ việc của mình tại cả các cơ quan tư pháp, bán tư pháp, hoặc các cơ quan hành chính.

Mục 17. Không ai bị bắt buộc làm nhân chứng chống lại bản thân mình.

Mục 18.

1. Không ai bị giam giữ chỉ vì lý do của niềm tin và ước vọng chính trị của mình.
2. Không tồn tại tình trạng nô lệ dưới mọi hình thức ngoại trừ như là một hình phạt cho một tội phạm mà đã bị kết án hợp lệ.

Mục 19.

1. Tiền phạt quá mức sẽ không được áp đặt, cũng không được trừng phạt tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc hạ nhục. Không áp dụng hình phạt tử hình, trừ phi vì lý do thuyết phục liên quan đến tội phạm ghê tởm, Quốc hội sẽ quy định cụ thể. Bất cứ hình phạt tử hình đã được áp dụng sẽ được giảm xuống giam cứu.

2. Việc sử dụng hình phạt về thể chất, tâm lý, hoặc hạ nhục đối với bất kỳ tù nhân hay người bị giam, việc sử dụng cơ sở kém chất lượng hoặc không đủ điều kiện sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Mục 20. Không ai bị bỏ tù vì nợ hoặc không thanh toán thuế bầu cử.

Mục 21. Không ai bị trừng phạt hai lần về cùng một hành vi phạm tội. Nếu một hành động bị trừng phạt bởi một đạo luật và một pháp lệnh, việc kết án hoặc xóa án theo một trong hai loại văn bản sẽ ngăn chặn việc bị truy tố lần nữa đối với cùng hành vi.

Mục 22. Không có luật hoặc dự luật nào có hiệu lực hồi tố được ban hành.

...

Điều XIII. CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ NHÂN QUYỀN

Mục 1. Quốc hội sẽ dành ưu tiên cao nhất cho việc ban hành các biện pháp bảo vệ và nâng cao quyền của tất cả mọi người đến phẩm giá con người, làm giảm sự bất bình đẳng xã hội, kinh tế và chính trị, loại bỏ sự bất bình đẳng văn hóa một cách công bằng, mở rộng sự thịnh vượng và quyền lực chính trị vì lợi ích chung.

Nhằm mục đích này, Nhà nước sẽ quy định việc mua, sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản và việc gia tăng của nó.

Mục 2. Việc thúc đẩy công bằng xã hội bao gồm các cam kết để tạo ra những cơ hội kinh tế dựa trên quyền tự do sáng kiến và tự chủ.

...

NHÂN QUYỀN

Mục 17.

1. Thành lập một cơ quan độc lập gọi là Ủy ban Nhân quyền.
2. Ủy ban sẽ gồm một Chủ tịch và bốn thành viên là công dân sinh ra tại Philippin và đa số họ là thành viên của đoàn luật sư. Nhiệm kỳ công tác, bằng cấp và việc miễn nhiệm các thành viên của Ủy ban được pháp luật quy định.
3. Cho đến khi Ủy ban này được thành lập, Ủy ban của Tổng thống về Nhân quyền sẽ tiếp tục thực hiện các chức năng và quyền hạn hiện tại của mình.
4. Phân bổ ngân sách hàng năm được phê duyệt của Ủy ban sẽ được chuyển tự động và thường xuyên.

Mục 18. Ủy ban Nhân quyền có các quyền hạn và chức năng sau đây:

1. Điều tra, tự mình khởi động hoặc theo khiếu nại bởi bất kỳ chủ thể nào, tất cả các hình thức vi phạm nhân quyền liên quan đến các quyền dân sự và chính trị.
2. Thông qua các hướng dẫn hoạt động và quy tắc thủ tục của mình, và chế tài đối với những vi phạm chung phù hợp với các quy tắc của Tòa án.
3. Đưa ra các biện pháp pháp lý phù hợp để bảo vệ các quyền con người của tất cả mọi người trong lãnh thổ Philippin, cũng như người Philippin ở nước ngoài, đưa ra các biện pháp phòng chống và những dịch vụ trợ giúp pháp lý cho các đối tượng thiệt thòi mà nhân quyền bị vi phạm hoặc cần được bảo vệ.

4. Thực thi quyền thanh tra các nhà tù, trại giam, hoặc các cơ sở giam giữ.
5. Thành lập một chương trình liên tục nghiên cứu, giáo dục, thông tin để nâng cao sự tôn trọng quyền con người.
6. Khuyến nghị Quốc hội đưa ra các biện pháp hiệu quả để thúc đẩy quyền con người và cung cấp bồi thường cho nạn nhân của hành vi vi phạm các quyền con người, hoặc gia đình họ.
7. Giám sát sự tuân thủ của Chính phủ Philippin về các nghĩa vụ theo những điều ước quốc tế về quyền con người.
8. Quyết định miễn tố cho bất kỳ người nào có lời khai hoặc sở hữu các tài liệu hoặc chứng cứ khác cần thiết hoặc thuận tiện để xác định sự thật trong bất kỳ điều tra được tiến hành hoặc thuộc thẩm quyền Ủy ban.
9. Yêu cầu sự trợ giúp của bất kỳ Bộ, ban, văn phòng, hoặc cơ quan nào khi thực hiện chức năng của mình.
10. Bổ nhiệm cán bộ, viên chức của mình theo quy định của pháp luật.
11. Thực hiện các nhiệm vụ và chức năng khi được pháp luật quy định.

Mục 19. Quốc hội có thể quy định các vụ việc vi phạm quyền con người khác nên thuộc thẩm quyền của Ủy ban, có sự xem xét khuyến nghị của Ủy ban.

...

HIẾN PHÁP THÁI LAN, 2007

(Trích)

Chương 11 CÁC CƠ QUAN HIẾN ĐỊNH

Phần 2. Các cơ quan hiến định khác

2. Ủy ban Nhân quyền Quốc gia

Mục 256.

Ủy ban Nhân quyền Quốc gia bao gồm Chủ tịch và sáu thành viên khác được bổ nhiệm bởi Nhà vua với sự cố vấn của Thượng viện, từ những người có kiến thức và kinh nghiệm trong việc bảo vệ các quyền và tự do của người dân, có sự quan tâm đến sự tham gia của đại diện các tổ chức tư nhân trong lĩnh vực quyền con người. Chủ tịch Thượng viện sẽ ký tiếp Sắc lệnh Hoàng gia bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Ủy ban Nhân quyền Quốc gia.

Các tiêu chí, điều cấm, luân chuyển và lương cho các thành viên Ủy ban Nhân quyền Quốc gia sẽ được luật định.

Thành viên Ủy ban Nhân quyền Quốc gia có nhiệm kỳ sáu năm từ ngày được bổ nhiệm bởi Nhà vua và chỉ làm việc một nhiệm kỳ.

Các quy định của Đoạn 3 Mục 204, Mục 206, Mục 207 và Mục 209 (2) sẽ áp dụng với những thay đổi tương ứng (*mutatis*

mutandis), với điều kiện thành phần Ủy ban Tuyển chọn sẽ phù hợp với Mục 243.

Văn phòng Ủy ban Nhân quyền Quốc gia có quyền tự chủ về nhân sự, ngân sách và các lĩnh vực khác theo luật định.

Mục 257.

Ủy ban Nhân quyền Quốc gia sẽ có các quyền và trách nhiệm như sau:

1. Giám sát, báo cáo về hành vi hành động và không hành động vi phạm các quyền con người hoặc không phù hợp với nghĩa vụ theo những điều ước quốc tế mà Thái Lan là thành viên, và các biện pháp đền bù thích hợp bởi những người hoặc cơ quan đã hành động hoặc không hành động. Trong vụ việc mà không có hành động nào được đề xuất thực hiện, Ủy ban sẽ báo cáo đến Quốc hội để thực hiện các bước tiếp theo.
2. Chuyển các vụ việc, cùng với quan điểm của mình, đến Tòa án Hiến pháp khi thấy đồng tình với khiếu nại của một nguyên đơn rằng bất kỳ điều khoản luật nào ảnh hưởng đến nhân quyền và xin phán quyết về tính hợp hiến, phù hợp với Luật tổ chức về tố tụng Tòa án Hiến pháp.
3. Chuyển vụ việc, cùng với quan điểm của mình, đến Tòa án Hành chính khi thấy đồng tình với khiếu nại của một nguyên đơn rằng một quyết định hoặc hành vi hành chính nào ảnh hưởng đến nhân quyền và xin phán quyết về tính hợp hiến hoặc sự phù hợp với luật, phù hợp với

Luật thiết lập các tòa án hành chính và tổ tụng tòa án hành chính.

4. Khởi kiện tại Tòa án Tư pháp đại diện cho người bị tổn thương khi người bị tổn thương có yêu cầu và thấy là phù hợp để tìm một giải pháp cho vi phạm nhân quyền đối với công chúng nói chung, theo như luật định.
5. Đề xuất các chính sách và khuyến nghị đến Quốc hội hoặc Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi luật và pháp lệnh nhằm thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người.
6. Thúc đẩy hợp tác và điều phối giữa các cơ quan chính quyền, tổ chức tư nhân và những tổ chức khác trong lĩnh vực các quyền con người.
7. Soạn thảo một báo cáo hàng năm để đánh giá tình hình lĩnh vực các quyền con người trong nước và nộp cho Quốc hội.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo luật định.

Khi thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Nhân quyền Quốc gia cần quan tâm cả đến lợi ích của quốc gia và công chúng.

Ủy ban Nhân quyền Quốc gia có quyền yêu cầu cung cấp tài liệu hoặc chứng cứ từ bất kỳ người nào, triệu tập bất kỳ người nào đến để trình bày thông tin và có các quyền khác để thực thi nhiệm vụ theo luật định.

LUẬT VỀ ỦY BAN NHÂN QUYỀN MALAYSIA, 1999

Đạo luật này quy định việc thành lập Ủy ban Nhân quyền Malaysia; xác định các quyền hạn và chức năng của Ủy ban đó nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Malaysia, quy định các vấn đề liên quan hoặc phát sinh.

[Ngày 20/4/200, P.U. (B) 122/2000]

Ban hành bởi Quốc hội Malaysia như sau:

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CƠ BẢN

Tiêu đề rút gọn và hiệu lực

1.
 - 1) Đạo luật này có thể được trích dẫn là Luật về Ủy ban Nhân quyền của Malaysia, năm 1999.
 - 2) Đạo luật này có hiệu lực vào ngày được xác định bởi Bộ trưởng bằng một thông báo được công bố trên Công báo.

Giải thích

2. Trong Đạo Luật này, trừ phi quy định khác:

“Chính phủ” có nghĩa là Chính phủ Malaysia.

“Quyền con người” đề cập đến các quyền tự do cơ bản được ghi trong Phần II của Hiến pháp Liên bang.

“Bộ trưởng” có nghĩa là Bộ trưởng Bộ chịu trách nhiệm về lĩnh vực quyền con người.

PHẦN II. THÀNH LẬP ỦY BAN NHÂN QUYỀN MALAYSIA

Thành lập Ủy ban

3.

- 1) Theo đây, thành lập một Ủy ban được gọi là Ủy ban Nhân quyền Malaysia (“Ủy ban”).
- 2) Ủy ban là một cơ quan có tư cách pháp nhân và con dấu thông thường, có thể nhân danh mình khởi kiện cũng như bị kiện, theo và vì các mục đích nêu trong luật này, có thể giao kết hợp đồng và có thể sở hữu, mua, nhận, giữ, hưởng các động sản và bất động tài sản dưới mọi hình thức và có thể chuyển nhượng, giao nộp, thế chấp, tái phân bổ, chuyển nhượng bất kỳ động sản hoặc bất động sản cũng như các lợi ích kèm theo nào được trao cho Ủy ban khi nó xét thấy phù hợp.
- 3) Ủy ban có con dấu chung và sử dụng theo như Ủy ban phê duyệt, con dấu đó có thể bị hủy, thay đổi hoặc làm mới khi Ủy ban cho rằng phù hợp.
- 4) Con dấu chung sẽ được giữ bởi Thư ký Ủy ban hoặc người khác được Ủy ban ủy quyền, và sẽ được chứng thực bởi Thư ký hoặc người được ủy quyền hoặc bởi bất kỳ nhân viên nào được Thư ký hoặc người được ủy quyền đó ủy quyền bằng văn bản.
- 5) Tất cả hoạt động, tài liệu và các văn kiện khác cần được niêm phong bằng con dấu chung, được chứng thực theo quy định tại mục (4) trừ phi có quy định khác được coi là có giá trị.

- 6) Con dấu chung của Ủy ban sẽ được thừa nhận chính thức về mặt Tư pháp.

Chức năng và quyền hạn của Ủy ban

4.

- 1) Để bảo vệ và thúc đẩy các con quyền con người ở Malaysia, Ủy ban có các chức năng như sau:
 - a. Thúc đẩy nhận thức và giáo dục liên quan đến quyền con người.
 - b. Tham mưu và hỗ trợ Chính phủ xây dựng pháp luật, chỉ thị hành chính và các thủ tục, đề xuất những biện pháp cần được thực hiện.
 - c. Đề xuất với Chính phủ về việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế và những văn kiện quốc tế khác trong lĩnh vực nhân quyền.
 - d. Điều tra các khiếu nại liên quan đến hành vi xâm phạm nhân quyền nêu tại Mục 12.
- 2) Để thực thi các chức năng của mình, Ủy ban có thể thực thi bất kỳ hoặc tất cả các quyền hạn sau đây:
 - a. Thúc đẩy nhận thức về quyền con người và thực hiện nghiên cứu bằng việc tiến hành các chương trình, hội thảo, tọa đàm và phổ biến những kết quả nghiên cứu đó.
 - b. Tư vấn cho Chính phủ và /hoặc các cơ quan có liên quan về các khiếu nại chống lại các cơ quan đó và đề nghị Chính phủ và /hoặc các cơ quan đó thực hiện các biện pháp thích hợp.

- c. Tìm hiểu và xác minh bất kỳ hành vi xâm phạm các quyền con người nào phù hợp với quy định của Luật này.
 - d. Đến thăm những nơi giam giữ theo thủ tục luật định liên quan đến nơi giam giữ và đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
 - e. Ra tuyên bố công khai về quyền con người khi cần thiết.
 - f. Thực hiện bất kỳ hoạt động thích hợp nào khác nếu cần thiết phù hợp với pháp luật hiện hành, nếu có, trong liên quan đến hoạt động này.
- 3) Việc Ủy ban đến thăm bất kỳ nơi giam nào theo Đoạn 2(d) không thể bị từ chối bởi người phụ trách nơi giam giữ nếu việc thăm tuân thủ các thủ tục luật định về nơi giam giữ.
- 4) Nhằm thực thi Luật này, cần quan tâm tối đa đến Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 tới mức độ mà nó không trái với Hiến pháp Liên bang.

Các thành viên của Ủy ban và nhiệm kỳ

- 5.
- 1) Ủy ban sẽ bao gồm không quá hai mươi thành viên.
 - 2) Thành viên của Ủy ban sẽ được chỉ định bởi Yang di - Pertuan Agong, theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.
 - 3) Thành viên của Ủy ban sẽ được bổ nhiệm trong số các cá nhân nổi bật, bao gồm những người từ tôn giáo và chủng tộc khác nhau.

- 4) Mọi thành viên giữ nhiệm kỳ trong thời hạn hai năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Chủ tịch và Phó Chủ tịch

- 6.
- 1) Yang di - Pertuan Agong sẽ chỉ định một trong các thành viên đã được chỉ định theo Mục 5 làm Chủ tịch Ủy ban.
 - 2) Nhiệm kỳ của Chủ tịch sẽ theo nhiệm kỳ thành viên trong Ủy ban của người đó.
 - 3) Một Phó Chủ tịch sẽ được bầu bởi các thành viên của Ủy ban từ trong số họ.
 - 4) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban vì lý do nào đó không thể thực hiện chức năng của Chủ tịch hoặc trong bất kỳ khi nào vắng Chủ tịch, Phó Chủ tịch sẽ thực hiện các chức năng của Chủ tịch.

Các cuộc họp của Ủy ban

- 7.
- 1) Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm chủ tọa tất cả các cuộc họp của Ủy ban.
 - 2) Nếu Chủ tịch vắng mặt khỏi bất kỳ cuộc họp nào, Phó Chủ tịch Ủy ban sẽ chủ trì cuộc họp đó.
 - 3) Số đại biểu cần thiết ở tất cả các cuộc họp phải ít nhất là hai phần ba số thành viên của Ủy ban.

- 4) Các thành viên của Ủy ban có trách nhiệm sử dụng các nỗ lực tối đa để đi đến đồng thuận khi ra quyết định, nếu không cần đạt đa số hai phần ba thành viên có mặt.
- 5) Ủy ban sẽ xác định thủ tục tố tụng cho mình.

Thù lao

8.

- 1) Chủ tịch của Ủy ban sẽ được trả thù lao và các khoản phụ cấp như Yang di - Pertuan Agong quyết định.
- 2) Mỗi thành viên của Ủy ban được phụ cấp theo mức mà Yang di - Pertuan Agong quyết định.

Trống ghế

9. Vị trí của một thành viên Ủy ban bị trống khi:
 - a. Khi thành viên chết.
 - b. Khi thành viên từ chức bằng một thư gửi đến Yang di - Pertuan Agong.
 - c. Khi kết thúc nhiệm kỳ.
 - d. Khi thành viên bị khai trừ theo bất kỳ căn cứ nào quy định trong Điều 10.

Miễn nhiệm

10. Một thành viên của Ủy ban có thể bị khai trừ bởi Yang di -Pertuan Agong nếu:
 - 1) Thành viên bị một tòa án có thẩm quyền tuyên là lâm vào tình trạng phá sản.

- 2) Yang di - Pertuan Agong, sau khi tham khảo ý kiến một viên chức y tế viên hoặc một chuyên gia y tế, có ý kiến rằng thành viên đó là không đủ khả năng về thể chất hoặc tinh thần để tiếp tục nhiệm vụ.
- 3) Thành viên vắng mặt trong ba cuộc họp liên tiếp của Ủy ban mà không được sự cho phép nghỉ của Ủy ban hoặc, trong trường hợp Chủ tịch, không có sự cho phép nghỉ của Bộ trưởng.
- 4) Yang di - Pertuan Agong, căn cứ vào những khuyến nghị của Thủ tướng Chính phủ, có ý kiến về việc thành viên đã:
 - a. tham gia vào bất kỳ công việc hoặc việc làm được trả lương nào có xung đột với nhiệm vụ của mình với tư cách thành viên của Ủy ban.
 - b. có hành vi sai lệch hoặc đã hành xử gây tiếng xấu cho Ủy ban.
 - c. có hành động trái với Luật này và trái với nhiệm vụ của mình với tư cách thành viên của Ủy ban.

Từ chức

11. Một thành viên của Ủy ban tại bất kỳ thời điểm nào có thể từ chức bằng một lá thư gửi đến Yang di - Pertuan Agong.

PHẦN III. QUYỀN HẠN ĐIỀU TRA CỦA ỦY BAN

Ủy ban có thể chủ động điều tra hoặc căn cứ vào khiếu nại

12.

- 1) Ủy ban có thể tự mình chủ động hoặc căn cứ vào đơn khiếu nại của một người hoặc nhóm người bị thiệt hại

hoặc người đại diện cho cá nhân hoặc một nhóm người bị thiệt hại, điều tra một lời cáo buộc xâm phạm quyền con người của các nhân hoặc một nhóm người đó.

- 2) Ủy ban không điều tra về bất kỳ khiếu nại liên quan đến cáo buộc về hành vi xâm phạm quyền con người nào mà:
 - a. Là đối tượng của bất kỳ thủ tục tố tụng đang chờ xem xét tại bất kỳ tòa án nào, bao gồm các kháng cáo.
 - b. Đã được kết luận cuối bởi bất kỳ tòa án nào.
- 3) Nếu Ủy Ban điều tra một cáo buộc theo Khoản 12(1) và trong khi điều tra như vậy cáo buộc trở thành đối tượng của bất kỳ thủ tục tố tụng tại bất kỳ tòa án nào, Ủy ban sẽ ngay lập tức chấm dứt cuộc điều tra.

Thủ tục khi phát hiện hoặc không phát hiện vi phạm

13.

- 1) Trong trường hợp một cuộc điều tra được tiến hành bởi Ủy ban theo Điều 12 không tìm thấy hành vi xâm phạm nhân quyền, Ủy ban sẽ ghi lại kết luận và ngay lập tức thông báo cho người khiếu nại.
- 2) Trong trường hợp một cuộc điều tra được tiến hành bởi Ủy ban theo Điều 12 cho thấy có hành vi xâm phạm nhân quyền, Ủy ban có quyền chuyển vụ việc khi thích hợp đến cơ quan có thẩm quyền hoặc người có liên quan với các khuyến nghị cần thiết.

Quyền hạn khi điều tra

14.

- 1) Ủy ban, nhằm thực hiện điều tra theo Luật này, có quyền:
 - a. Thu thập và nhận được tất cả các bằng chứng, bằng văn bản hoặc bằng miệng, và kiểm tra tất cả những người là nhân chứng, khi Ủy ban cho rằng là cần thiết hoặc mong muốn thu thập hoặc kiểm tra.
 - b. Yêu cầu bằng chứng, cho dù bằng văn bản hoặc bằng miệng, của bất kỳ nhân chứng nào cần được đưa ra với lời tuyên thệ hoặc khẳng định, lời tuyên thệ hoặc khẳng định như thể là lời người đó làm chứng tại một Tòa án Tư pháp, một viên chức được ủy quyền thay mặt cho Ủy ban sẽ hướng dẫn việc tuyên thệ hoặc khẳng định như vậy đối với tất cả các nhân chứng.
 - c. Triệu tập bất kỳ ai cư trú tại Malaysia tham dự bất kỳ cuộc họp nào của Ủy ban để đưa ra bằng chứng hoặc đệ trình bất kỳ tài liệu hoặc đồ vật thuộc sở hữu của mình, và xem xét lời chứng của người đó hoặc yêu cầu người đó đệ trình tài liệu hoặc đồ vật thuộc sở hữu của mình.
 - d. Xác định sự không phù hợp với các quy định của Đạo luật Bằng chứng 1950 [*Luật 56*] bất cứ bằng chứng nào, cho dù bằng văn bản hoặc bằng miệng, có thể không được chấp nhận trong thủ tục tố tụng dân sự hoặc hình sự.
 - e. Cho phép hoặc không cho phép công chúng tham gia vào cuộc điều tra hoặc trình tự tố tụng.

- 2) Không phụ thuộc vào Khoản 1c, khi một người được triệu tập lại là người đang bị giam giữ theo các luật khác, lệnh triệu tập sẽ ban hành theo quy định của pháp luật được áp dụng liên quan đến nơi giam giữ.

Bằng chứng tại Ủy ban

15.

- 1) Một người đưa ra bằng chứng tại Ủy ban, liên quan đến các bằng chứng như vậy, được tất cả các đặc quyền như một nhân chứng đưa ra bằng chứng trước một tòa án được hưởng liên quan đến bằng chứng đưa trước tòa án như thế.
- 2) Không ai, liên quan đến bằng chứng bằng văn bản hoặc bằng miệng được đưa ra bởi người đó đến hoặc tại Ủy ban, phải chịu trách nhiệm dân sự hoặc hình sự trước bất kỳ tòa án nào, trừ trường hợp người đó tạo dựng hoặc đưa ra bằng chứng giả.

PHẦN IV. NHÂN VIÊN CỦA ỦY BAN

Bổ nhiệm Tổng thư ký và các nhân viên

16.

- 1) Ủy ban sẽ chỉ định một Thư ký cho Ủy ban.
- 2) Ủy Ban có thể cử công chức hay nhân viên khác khi cần thiết để hỗ trợ Ủy ban trong việc thực hiện các chức năng của mình theo Đạo Luật này.

Ủy quyền

17. Ủy ban có thể ủy quyền cho bất kỳ công chức được đề cập trong Khoản 16 (2) bất kỳ quyền hạn nào của mình, và công chức được ủy quyền thực hiện những quyền hạn dưới sự chỉ đạo của Ủy ban.

Bảo vệ của các thành viên, công chức và nhân viên của Ủy ban

18.

- 1) Không có việc khởi kiện, cáo buộc, truy tố hoặc trình tự tố tụng nào được khởi động tại bất kỳ tòa án nào chống lại Ủy ban hoặc chống lại bất kỳ thành viên, công chức hoặc nhân viên của Ủy ban liên quan của bất kỳ hành động, không hành động hoặc đã thực hiện bởi người với tư cách như vậy với điều kiện vào thời điểm đó thực hiện chức năng của mình với thiện chí.
- 2) Các thành viên, công chức hay nhân viên của Ủy ban không thể bị yêu cầu bởi bất kỳ tòa án nào đưa ra bất kỳ tài liệu nào đã nhận được, hoặc tiết lộ cho bất kỳ tòa án nào bất cứ vấn đề hoặc điều gì mà Ủy ban đã lưu ý trong quá trình điều tra được thực hiện bởi Ủy ban theo Luật này.
- 3) Không có việc khởi kiện, cáo buộc dân sự hoặc hình sự nào được khởi động tại bất kỳ tòa án nào chống lại thành viên Ủy ban liên quan đến bất kỳ báo cáo nào của Ủy ban theo Luật này hoặc chống lại bất kỳ người nào khác do người đó công bố đúng nội dung báo cáo.

- 4) Chương IX và X của Bộ luật hình sự [Luật 574] được áp dụng cho các thành viên, công chức và nhân viên của Ủy ban, như thể cụ từ “công chức nhà nước” được thay thế bằng “thành viên, công chức hoặc nhân viên của Ủy ban”.

PHẦN V. QUY ĐỊNH CHUNG

Kinh phí

19.

- 1) Chính phủ cung cấp cho Ủy ban đầy đủ kinh phí hàng năm để Ủy ban có thể thực hiện chức năng của mình theo Luật này.
- 2) Ủy Ban không được nhận bất kỳ khoản viện trợ nước ngoài nào.
- 3) Mặc dù có Khoản 2, Ủy ban có thể nhận được kinh phí, không kèm theo bất kỳ điều kiện nào, từ bất cứ cá nhân, tổ chức nào với mục đích nâng cao nhận thức và giáo dục liên quan đến quyền con người có thể được phê duyệt bởi Ủy ban.
- 4) Ủy ban sẽ được kiểm toán thích hợp đối với những khoản thu nhập, chi tiêu, các tài sản và trách nhiệm tài chính.
- 5) Năm tài chính của Ủy ban sẽ là niên lịch.
- 6) Bất kỳ chi phí phát sinh bởi Ủy ban trong bất kỳ vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng, dân sự hoặc hình sự, đưa ra bởi hoặc chống lại Ủy ban trước tòa án nào sẽ được thanh toán bởi các quỹ của Ủy ban và bất kỳ chi phí hoặc khoản nhận

được bởi Ủy ban trong bất kỳ vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng, dân sự hoặc hình sự, như vậy được khấu trừ vào kinh phí của Ủy ban .

- 7) Mọi chi phí phát sinh bởi bất kỳ thành viên, công chức hoặc nhân viên Ủy ban, trong bất kỳ vụ kiện hoặc thủ tục dân sự chống lại người đó tại bất kỳ tòa án nào đối với bất kỳ hành động được thực hiện hoặc dự định được thực hiện bởi người đó theo Luật này hoặc theo sự chỉ đạo của Ủy ban được thanh toán bởi các quỹ của Ủy ban, trừ phi chi phí được anh ta nhận lại trong vụ kiện dân sự.

Áp dụng Luật 240

20. Luật về các cơ quan theo luật định (Tài khoản và Báo cáo thường niên) 1980 [Luật 240] được áp dụng đối với Ủy ban.

Báo cáo thường niên

21.

- 1) Ủy ban, không chậm hơn cuộc họp đầu tiên Quốc hội của năm sau, đệ trình báo cáo hàng năm đến Quốc hội về tất cả các hoạt động của mình trong năm báo cáo liên quan.
- 2) Các báo cáo phải có một danh sách tất cả các vấn đề được đề cập đến và những hành động liên quan đến chúng cùng các kiến nghị của Ủy ban đối với từng vấn đề.
- 3) Ủy ban có thể, bất cứ khi nào xét thấy cần thiết, gửi báo cáo đặc biệt đến Quốc hội liên quan đến bất kỳ vấn đề hoặc các vấn đề đặc biệt nào và hành động thực hiện liên quan đến chúng.

Quy định

22. Bộ trưởng có thể ban hành những quy định nhằm thực thi các điều khoản của Luật này, bao gồm quy định các thủ tục phải tuân thủ khi thực hiện những cuộc điều tra theo Luật này.

Thẩm quyền quy định kỷ luật

23.

- 1) Ủy Ban có thể, với sự chấp thuận của Bộ trưởng, đưa ra các quy định như vậy khi thấy cần thiết hoặc thiết thực ban hành kỷ luật đối với công chức và nhân viên của Ủy ban.
- 2) Trường hợp có bất kỳ quy định kỷ luật nào được thực hiện theo mục này, Ủy ban sẽ đưa ra thông báo về tác động của những quy định được ban hành theo phương thức để tất cả công chức và nhân viên của Ủy ban, những người bị ảnh hưởng bởi các quy định đó được biết, các quy định đó có hiệu lực ngay sau khi thông báo được ban hành mà không cần công bố trên Công báo, cho dù có các Mục 19 và 20 của các Luật Giải thích 1948 và 1967 [Luật 388].

HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM NĂM 1992

(Sửa đổi, bổ sung năm 2001 - Trích)

....

Điều 5

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

Nhà nước thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 6

Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Điều 7

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Đại biểu Quốc hội bị cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm và đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Điều 8

Các cơ quan Nhà nước, cán bộ, viên chức Nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng.

Điều 9

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước.

Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả.

Điều 10

Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động cùng với cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội chăm lo và bảo vệ quyền lợi của cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác; tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế; giáo dục cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 11

Công dân thực hiện quyền làm chủ của mình ở cơ sở bằng cách tham gia công việc của Nhà nước và xã hội, có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, tổ chức đời sống công cộng.

Điều 12

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, vi phạm Hiến pháp và pháp luật.

Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật.

....

Điều 17

Đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa, vùng trời, phần vốn và tài sản do Nhà nước đầu tư vào các xí nghiệp, công trình thuộc các ngành và lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, kỹ thuật, ngoại giao, quốc phòng, an ninh cùng các tài sản khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước, đều thuộc sở hữu toàn dân.

Điều 18

Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

Nhà nước giao đất cho các tổ chức và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài.

Tổ chức và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ, bồi bổ, khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm đất, được chuyển quyền sử dụng đất được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

....

Điều 22

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp được Nhà nước bảo hộ.

Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 23

Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức không bị quốc hữu hoá.

Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của cá nhân hoặc tổ chức theo thời giá thị trường.

Thể thức trưng mua, trưng dụng do luật định.

....

CHƯƠNG V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Điều 49

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

Điều 50

Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật.

Điều 51

Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội.

Quyền, nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định.

Điều 52

Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

Điều 53

Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan Nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

Điều 54

Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 55

Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động.

Điều 56

Nhà nước ban hành chính sách, chế độ bảo hộ lao động.

Nhà nước quy định thời gian lao động, chế độ tiền lương, chế độ nghỉ ngơi và chế độ bảo hiểm xã hội đối với viên chức Nhà nước và những người làm công ăn lương; khuyến khích phát triển các hình thức bảo hiểm xã hội khác đối với người lao động.

Điều 57

Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 58

Công dân có quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, vốn và tài sản khác trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; đối với đất được Nhà nước giao sử dụng thì theo quy định tại Điều 17 và Điều 18.

Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp và quyền thừa kế của công dân.

Điều 59

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí.

Công dân có quyền học văn hoá và học nghề bằng nhiều hình thức.

Học sinh có năng khiếu được Nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập để phát triển tài năng.

Nhà nước có chính sách học phí, học bổng.

Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho trẻ em tàn tật được học văn hoá và học nghề phù hợp.

Điều 60

Công dân có quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất,

sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp.

Điều 61

Công dân có quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khoẻ.

Nhà nước quy định chế độ viện phí, chế độ miễn, giảm viện phí.

Công dân có nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng.

Nghiêm cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc phiện và các chất ma tuý khác. Nhà nước quy định chế độ bắt buộc cai nghiện và chữa các bệnh xã hội nguy hiểm.

Điều 62

Công dân có quyền xây dựng nhà ở theo quy hoạch và pháp luật. Quyền lợi của người thuê nhà và người có nhà cho thuê được bảo hộ theo pháp luật.

Điều 63

Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.

Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức Nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ

trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật.

Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội; chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận của người mẹ.

Điều 64

Gia đình là tế bào của xã hội.

Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình.

Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt. Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ.

Nhà nước và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con.

Điều 65

Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.

Điều 66

Thanh niên được gia đình, Nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động và giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi

duỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 67

Thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Thương binh được tạo điều kiện phục hồi chức năng lao động, có việc làm phù hợp với sức khoẻ và có đời sống ổn định.

Những người và gia đình có công với nước được khen thưởng, chăm sóc.

Người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội giúp đỡ.

Điều 68

Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật.

Điều 69

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.

Điều 70

Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Điều 71

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.

Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân.

Điều 72

Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh.

Điều 73

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 74

Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào.

Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan Nhà nước xem xét và giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định.

Mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, công dân phải được kịp thời xử lý nghiêm minh. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất và phục hồi danh dự.

Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.

Điều 75

Nhà nước bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Nhà nước tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Điều 76

Công dân phải trung thành với Tổ quốc.

Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

Điều 77

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân.

Điều 78

Công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng.

Điều 79

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Điều 80

Công dân có nghĩa vụ đóng thuế và lao động công ích theo quy định của pháp luật.

Điều 81

Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, được Nhà nước bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền lợi chính đáng theo pháp luật Việt Nam.

Điều 82

Người nước ngoài đấu tranh vì tự do và độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, dân chủ và hoà bình, hoặc vì sự nghiệp khoa học mà bị bức hại thì được Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét việc cho cư trú.

....

Điều 126

Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong phạm vi chức năng của mình, có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

...

Điều 130

Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 131

Toà án nhân dân xét xử công khai, trừ trường hợp do luật định.

Toà án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 132

Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình.

Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Điều 133

Toà án nhân dân bảo đảm cho công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc các dân tộc quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Toà án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Lương Ninh và Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Tri thức Đông Nam Á*, NXB Chính trị quốc gia, 2008.
2. Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier và Nguyễn Văn Hồng, *Đông Nam Á tháng Tám năm 1945 (Đấu tranh giành độc lập và dựng xây đất nước)*, NXB Thế giới, 2005.
3. Vũ Dương Ninh, Việt Nam - ASEAN: *Mối quan hệ hợp tác đa phương, trong Việt Nam - ASEAN: Quan hệ Đa phương và Song phương*, Vũ Dương Ninh (chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.14.
4. Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2008.
5. Luận Thùy Dương, *Kênh đối thoại không chính thức về an ninh và chính trị: Kênh 2 của ASEAN*, NXB Chính trị quốc gia, 2010.
6. Đề tài nghiên cứu cấp bộ, *Xây dựng văn kiện nhân quyền chung của ASEAN – Các nguyên tắc chỉ đạo và đề xuất dự thảo*, Học viện Quan hệ Quốc tế, 2010.
7. Phạm Thị Thanh Bình, *Triển vọng hình thành cộng đồng ASEAN và vai trò của Việt Nam*, Trang tin Ủy ban quốc

- gia về Hợp tác kinh tế quốc tế:
<http://www.nciec.gov.vn/print.nciec?2291>
8. Philip Kotler, H.Kartajaya và H.D. Huan, *Tư duy ASEAN*, NXB Thanh niên, 2010.
 9. *Human Rights in the Asia - Pacific Region. Towards Institution Building*. Hitoshi Nasu and Ben Saul (ed) Routledge Research in Human Rights Law, New York, First Published 2011.
 10. *The Politics of Human Rights in South East Asia*. Philip J Eldridge, Routledge, 2002.
 11. *Asia Pacific and Human Rights, A Global Political Economy Perspective*. Paul Close and David Askew. Ashgate Publishing Company, England, Reprinted 2006.
 12. *National Human Rights Institutions in the Asia - Pacific Region*. Brian Burdekin. The Raul Wallenberg Institute Human Right Library vol 27, Martinus Nijhoff Publishers, 2007.
 13. Manfred Nowak, *U.N Covenant on Civil and Political Rights – ICCPR Commentary*, N.P. Engel Publisher, 2005.
 14. Văn phòng Cao Ủy Nhân quyền Liên hợp quốc:
<http://www.ohchr.org/>
 15. Trang web của ASEAN (<http://www.aseansec.org/>)
 16. ASEAN Human Rights Resource Centre, *Rule of Law for Human Rights in the Asean Region: A Base - line Study*, 2011.

17. Muthiah Alagappa (1998), *Asian Security Practice: Material and Ideational Influences*, Stanford University Press (US). ISBN 0-8047-3347-3.
18. *Human Rights in Asia. A Re-Asseesment of the Asian Values Debate* Leena Avonius and Damien Kingsburry (ed.) Asian Values – Singapore Exceptionalism.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – XÃ HỘI
Ngõ Hòa Bình 4 – Minh Khai – Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: (84-4) 36.246.921 – Fax: (84-4) 36.246.915

**BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KHU VỰC ASEAN**

**BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KHU VỰC ASEAN**

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN HOÀNG CẦM
Chịu trách nhiệm nội dung: VŨ ANH TUẤN

Biên tập: ĐINH THANH HÒA
Trình bày: NGUYỄN THỊ HÀ
Bìa: LÊ HUY TRỌNG
Sửa bản in: TIỂU KHÊ

In 1.500 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm tại Công ty Cổ phần In & Thương mại PRIMA.
Giấy đăng ký KHXB số: 44-2012/CXB/263-318/LĐXH.
Quyết định xuất bản của Giám đốc NXB Lao động số 02/QĐLK-LĐXH.
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2012.